

The cover features a dark, textured background with a central illustration of a person sitting in a wooden chair, viewed from behind, looking out of a large, arched Gothic window. The person is holding an open book. Light streams through the window, illuminating the scene. The overall mood is contemplative and historical.

máu thời gian

Doãn Hoàng Lan dịch

MAXIME
CHATTAM



MÁU THỜI GIAN

Nguyên tác: The Cairo Diary

-★-

Tác giả: Maxime Chattam

Người dịch: Doãn Hoàng Lan

Nhã Nam phát hành

NXB Hội Nhà Văn 2017

epub©vctvegroup

22-03-2018

‘Chỉ người mang gánh nặng mới biết nó nặng bao nhiêu.’

• **Tục ngữ Ả Rập.**

‘Con người có lúc vấp ngã trước sự thật, nhưng phần lớn trong số họ lại đứng lên và nhanh chóng đi hết con đường của mình như chưa từng có chuyện gì xảy ra.’

• **Winston Churchill**

LỜI NGỎ

Đọc là một trải nghiệm hoàn toàn cá nhân. Một niềm hứng khởi mạnh mẽ sinh ra từ một cuộc gặp gỡ. Cuộc gặp gỡ của những vết mực đen trên những mẩu gỗ được chế thành giấy và một tâm hồn. Một trí não đến nắm bắt những ngôn từ rồi diễn giải chúng. Tùy theo độ nhạy cảm của trí não đó. Trí tuệ của người đọc là động cơ của mọi chuyện kể, trí tưởng tượng của người đọc là chất đốt làm động cơ chạy. Tác giả chỉ làm một việc là miêu tả một khung cảnh ít nhiều dễ hình dung, rồi chuyên chú vào việc đọc giả sẽ đi theo một đường ray an toàn.

Nhưng toàn bộ vấn đề nằm ở các giác quan. Và tôi muốn chia sẻ với các bạn kinh nghiệm đọc giả của mình, trước khi để các bạn mặt đối mặt với những trang sách này.

Từ lâu tôi vẫn yêu mến sự yên lặng để đọc sách. Sự tĩnh mịch của một cõi hư không nào đó, không thuộc riêng ai, để có thể thưởng thức một cách trọn vẹn những đảo lộn vang giòn của ngôn từ.

Rồi tôi cố gắng làm một việc. Đó là nghe nhạc khi đọc sách. Nhạc giao hưởng. Mới đầu, tôi cũng không thực hứng thú lắm. Rồi ý nghĩ đó hấp dẫn tôi. Cảm nhận khi đọc sách là một vấn đề giác quan. Và âm nhạc đến mang thêm biết bao hơi thở mới. Đọc một cuốn tiểu thuyết tại nhà, với âm nhạc bồng bềnh quanh ta, hay trên một đoàn tàu, máy nghe nhạc gắn chặt vào tai, hay ngay cả ở nơi làm việc, trong giờ nghỉ trưa, cho một đĩa nhạc vào máy tính, cắm tai nghe, thế rồi chính sự thần diệu của trí tưởng tượng sẽ vận hành. Tin tôi đi, nếu bạn chưa phải là tín đồ thì đây là một trải nghiệm nên thử. Với một nền nhạc mê hồn, sức mạnh phi thường của việc đọc sách lại được nhân lên gấp bội. Nhưng không phải là nhạc nào cũng được. Lựa

chọn đúng dẫn nhạc nền cũng khó như lựa chọn đúng dẫn cuốn sách ta sắp mở ra đọc.

Thông thường, khi viết, tôi tự nghiêm cấm mình khỏi mọi hình thức phân tán tư tưởng, mọi yếu tố có thể làm tính khách quan của tôi (vốn đã rất mong manh) đi lệch hướng. Đối với cuốn tiểu thuyết này, tôi làm khác đi... Vì tính tò mò, để biết xem điều đó sẽ có tác dụng như thế nào với tôi.

Tôi gặp may, tôi đã tìm thấy ngay *Nhạc Nền* cho cuốn sách. Hoặc có thể cuốn sách đã được lấy cảm hứng từ những thanh âm của bản nhạc đó cũng nên.

Tôi làm việc cùng các bản nhạc phim. Chúng thật hoàn hảo. Được tạo ra để mang lại thanh âm cho hình ảnh mà không soán ngôi nó. Những bản nhạc phim được sáng tác là để chia sẻ, chúng không bao giờ tự khẳng định một mình, một người bạn đường lý tưởng cho việc đọc sách.

Và sau đây là vài đĩa nhạc mà tôi khuyên bạn nên nghe, nếu như bạn có tình cờ quyết định sẽ nghe theo tôi trong việc đọc cuốn sách đang chờ đón bạn này. Việc này đòi hỏi phải có một chút chuẩn bị, tuy vậy tôi chắc chắn là về mặt xúc cảm, bạn sẽ được bù đắp xứng đáng.

Nếu bạn đã có hứng, ngay trước khi đọc chương đầu tiên, hãy thử tìm nhạc phim *The Village* do James Newton Howard sáng tác. Chú ý nhé, đừng lẫn lộn, ta không nói đến bộ phim ở đây, dù ta thích hay ghét bộ phim cũng không sao. Nhưng phần nhạc nền thì thật là ngây ngất.

Đĩa nhạc có lẽ sẽ là người bạn đường lý tưởng cho cuốn tiểu thuyết này. Tôi từng nghe nó liên tục, hết ngày này qua ngày khác, trong suốt thời gian viết phần *Mont-Saint-Michel*. Nghe không biết mệt.

Nếu như bạn muốn đẩy sự tò mò và phấn khích đi xa hơn nữa, vậy thì phải tìm đĩa nhạc thứ hai cho toàn bộ phần về *Ai Cập*. Về việc này, tôi có hai đề nghị: hoặc là *Passion* của Peter Gabriel, một thứ *must**. Hoặc là *La Passion du Christ* do John Debney sáng tác, những thanh âm thần bí và mang màu sắc Ả Rập của bản nhạc có lẽ sẽ đưa các bạn đi xa, rất xa trên miền đất lạ kỳ mà ta gọi là trí tưởng tượng.

Tôi đã kể hết cho bạn rồi đấy. Bí mật đọc sách của tôi giờ là của bạn.

Về phần tôi, âm nhạc đã làm thay đổi cái nhìn độc giả của tôi. Những câu chuyện tăng thêm độ dày xúc cảm - điều trước đây tôi vẫn tin chắc là không thể. Tôi thấy mình như một thợ làm bánh nghiệp dư vừa phát hiện ra sự tồn tại của bột nở.

Tất nhiên, đó chỉ là những lời khuyên, nhưng cũng như những nhà hàng ngon, giữa bạn bè, ta thích rỉ tai nhau về chúng, thì thầm, như một bí mật êm dịu. Với nụ cười mỉm nơi khóe miệng, cùng với mong muốn được có mặt ở đó, khi lần đầu tiên người bạn ấy bước vào nhà hàng, cái nhìn ngưỡng mộ. Dù thế nào thì tôi cũng sẽ luôn có mặt khi bạn đọc sách, tôi chỉ có mong muốn đơn giản là ‘được nhìn thấy nụ cười mỉm đó trên môi các bạn’.

Để kết thúc, trong thời buổi đầy ngờ vực này, tôi xin phép được nhắc các bạn rằng cỗ máy du hành xuyên thời gian là có thật. Đó là ma lực. Mà ma lực thì có thật.

Trong những ngôn từ.

Đó là chìa khóa của câu chuyện này.

Chúc bạn đọc sách thú vị...

Maxime Chattam

Edgecombe, ngày 12 tháng Mười năm 2004.

MỞ ĐẦU

KHU LÃNG MỘ CÁC VUA THỔ NHĨ KỲ
PHÍA ĐÔNG CAIRO, THÁNG BA NĂM 1928

Ánh hoàng hôn lợt qua một ngôi mộ cổ, xuyên qua khối kiến trúc khổng lồ ấy từ cửa sổ này sang cửa sổ khác, như một con mắt màu đỏ, phủ lên đá một màu máu chóng phai. Khu mộ cổ có dáng vẻ hết một thành phố bị ma ám: những con phố vắng ngắt, những công trình chỉ có cát và gió lùa, và những cái bóng ngày càng thẫm lại.

Những công trình hoang phế nằm rải rác giữa những lăng tẩm khiêm tốn hơn, những công trình này có kích thước quá khổ, gồm nhiều tầng với những mái vòm cao chóng mặt ngửa bên trên, hai bên sườn là những tháp giáo đường Hồi giáo cắm lạng, với những khoảng sân, những đài phun nước từ nay mãi khát kiệt, những *loggia** rộng lớn và khắp nơi là những khung cửa tối tăm, những ô cửa sổ trang trí hình ngoặc nhọn hoặc những lỗ hồng đùa giỡn với ánh sáng.

Cát trên những con phố bất chợt tung lên, cuốn theo gió hoàng hôn. Những mảnh đá vỡ trời lên từ mặt đất, những bia đá thô kệch đổ ngã qua nhiều thế kỷ.

Hàng héc ta mộ rộng và uy nghiêm, tựa như những cung điện, chờ đợi trước những cửa ngõ Cairo, như niềm hy vọng cuối cùng trước hoang mạc. Một hy vọng cạn kiệt và bị quên lãng.

Không xa về hướng Đông, những ngọn đồi nhảy múa dưới các bờ thành của thành phố, như một con sóng lừng bị hóa đá một cách kỳ quặc. Không phải đồi đất hay đồi cát, mà là đồi rác. Tám thế kỷ rác vụn bị những người

dân thành thị ngăn nắp bỏ lại nơi đây. Hàng đồng vôi gạch vụn, mảnh gốm vỡ, mảnh đá được đẽo gọt, tạo thành một biển tàn tích đẹp như tranh.

Những bóng dáng cuối cùng vừa ngồi xổm làm việc ở đó đang tản ra đi về hướng Bab Darb el-Mahrug, một cổng vào khu El-Azhar. Một nhóm ba đứa trẻ đang cãi nhau âm ỉ, chuyện vẫn thường xảy ra, vì một mẫu sứ tráng men có thể dễ dàng bán lại được. Vấn đề là phải biết xem đứa nào nhìn thấy mẫu sứ đầu tiên trong đám vôi vữa vụn. Đứa lớn nhất mười hai tuổi.

Bọn trẻ con ngày nào cũng đến đào bới đồng rác, tìm kiếm từng mẫu vụn nhỏ nhất có vẻ có giá trị lịch sử có thể mang lại cho chúng chút tiền nếu được bán cho đám khách du lịch giàu có đang rải bước khắp Cairo. Lần này cuộc tranh cãi không biến thành ẩu đả, đứa lớn nhất để hai đứa kia đi cùng với chiến lợi phẩm, đổi lại là mấy lời đe dọa về số phận lần tới của chúng nếu nó còn thấy chúng đến bới móc quanh khu này.

Seleem, vẫn quan sát cảnh tượng từ bậc thềm một ngôi mộ, cuối cùng cũng đứng lên. Nó đợi từ hơn một tiếng đồng hồ nay để lũ trẻ đi hết. Nó không muốn mạo hiểm để bị phát hiện. Sự có mặt của nó trong khu mộ quan trọng hơn chuyện này nhiều.

Và bí mật.

Giờ thì mặt trời đang lặn, Cairo dần sáng lên, thành phố màu đất son từ từ nhuộm mình trong thứ ánh sáng hiện đại của những tòa nhà xây kiểu châu Âu. Một rừng tháp giáo đường Hồi giáo trời qua bức tường cũ của thành phố.

Seleem cảm nhận về thành phố của mình như một đứa trẻ mười tuổi chưa bao giờ vượt qua sông Nile có thể cảm nhận. Rằng trung tâm của thế giới nằm giữa những ngõ phố Cairo.

Không gì đẹp và quan trọng hơn Cairo.

Có lẽ chỉ trừ tối nay, cuộc hẹn này.

Nó mê mẩn những truyền thuyết. Và nó đang sắp sửa được trải nghiệm một trong những truyền thuyết đó. Người ta đã hứa với nó như thế.

Nó phải có mặt đúng giờ.

Seleem bước xuống các bậc thang và men theo một bức tường dài bất tận. Nó đi qua lăng mộ của Bars Bey cho đến khi tìm được địa điểm người ta bảo nó đến.

Một lối đi hẹp mất hút giữa hai lăng mộ cao vút. Nhiều mảnh gỗ vương vãi trên cát.

Seleem nhìn kỹ nơi nó đang đặt chân rồi bước vào.

Trời tối đen, những ngôi sao mới mọc không đủ để chiếu sáng cái hẻm.

Seleem bước đến cuối con đường nơi hóa ra là một cái ngõ cụt, và nó đợi.

Màn đêm ập xuống, giờ thì những ngôi sao đang chiếu sáng lấp lánh phía trên lăng mộ của các vua Thổ Nhĩ Kỳ.

Seleem hét lên tiếng thứ nhất. Âm vọng của tiếng hét dội lại trong những ngôi nhà trống bao quanh. Không chút lý trí, hoàn toàn bản năng, nó vừa tạo ra một thứ ngôn ngữ mà tiếng hét kia là định nghĩa gốc rễ nhất trong mọi định nghĩa.

Nó vừa cụ thể hóa nỗi khiếp sợ.

Trước khi những ngọn tóc của nó hoàn toàn bạc trắng, nó còn kịp hét lên tiếng thứ hai.

Lần này, nó nói bằng ngôn ngữ của sự đau đớn.

Một con chó hoang thả rơi miếng vải vụn nó vừa tìm thấy, quay đầu về cái hẻm cụt. Những tiếng hét vừa dứt.

Con chó há mồm, thè cái lưỡi ẩm ra. Nó đi về hướng hẻm. Nó dừng lại ở đầu hẻm, dưới những cái bóng đen đặc. Trước khi lần đến ngọn nguồn của những tiếng hét.

Thói tò mò của loài chó tan biến sau vài mét, khi nó đánh hơi được thứ đang ám ảnh bầu không khí ở cuối hẻm cụt. Mắt nó nhìn xuyên qua màn đêm, đến tận cái hình thù ục ịch đang cử động trên xác đũa trẻ.

Hình thù đó vươn lên, to lớn. Mùi xông đến tận mồm con chó. Và con vật này bắt đầu lùi lại. Khi hình thù này tiến đến gần nó, nó vãi đá. Nó đá ngay vào chân mình.

Gió cuốn món đồ lễ bằng cát lên và mang nó theo, đi xa, vào những huyền bí của hoang mạc.

PARIS, THÁNG 11, NĂM 2005

Paris gầm gừ. Cơn bão phần nộ lay chuyển toàn bộ thành phố. Tiếng ầm ầm của từng nhóm người đập vào những mặt tiền xây theo kiến trúc *Haussman* vang động khắp các hang cùng ngõ hẻm của khu đại lộ đến tận Nội các.

Bầu trời nặng như chì đè lên những mái nhà ngay từ khi vụ tai tiếng bắt đầu, bóp nghẹt thủ đô tựa cái khăn quàng siết quá chặt.

Chưa bao giờ nước Pháp trải qua một tháng Mười một như thế này. Thật lạnh lẽo mà cũng thật nảy lửa. Báo chí kiếm ăn nhờ vụ việc này từ ba tuần nay, một số phóng viên không hề e sợ khi khẳng định rằng tháng Mười một năm 2005 sẽ khiến sự kiện *Tháng Năm năm 68* chỉ là một cuộc đụng độ nhỏ mang tính giai thoại nếu mọi việc cứ diễn biến theo chiều hướng này.

Từng quây báo xếp hàng dài như những cọc cây số phía bên ngoài tấm kính hậu của chiếc xe sedan công suất lớn, đều đặn nhỏ ra từng giọt thông tin, thứ thông tin cốt yếu để sống sót được trong một thế giới văn minh hóa. Mỗi trang nhất lại miêu tả vụ việc theo một phiên bản, tùy phóng viên báo mình mai phục rình mò được tới đâu, không hề còn chỗ cho các tin tức thời sự khác.

Chiếc sedan chạy song song với một chiếc xe tải đồ sộ. Đột nhiên, hình ảnh phản chiếu của một khuôn mặt hiện ra trên kính hậu.

Marion khẽ lùi lại khi phải đối diện với chính mình một cách tàn nhẫn như vậy. Khuôn mặt cô là khuôn mặt của một bóng ma. Những đường nét dịu dàng giờ đây không còn đủ để khiến cô ưa nhìn, cô đã trở nên nhợt

nhật, đôi môi bầm giập nằm chắn ngang miệng như dấu phẩy trong một câu nói bị bỏ lửng không biết đến bao giờ, mái tóc màu cát của cô để lộ vài lọn tóc bạc, và nhất là, đôi mắt cô đã mất hết ánh long lanh, ánh ngọc thạch soi mói và sáng ngời giờ nhường chỗ cho hai đốm than đỏ sấp tàn. Cô sắp bước sang tuổi bốn mươi, và cuộc đời vừa tặng cho cô một món quà chết tiệt.

Lớp da phủ ghế ngồi trên xe kêu lạo xạo khi người đàn ông ngồi bên cạnh cô cúi về phía trước để bảo người lái xe rẽ sang phải. Marion chớp mắt để quên đi hình ảnh khuôn mặt mình.

Ba người đàn ông vừa nam tính vừa bí ẩn ngồi quanh cô trong cái xe lạng lẽ này. Người của UBGS LT - Ủy ban Giám sát Lãnh thổ.

Sáu chữ cái đầu viết tắt vang lên nặng nề và có phần đáng sợ. Nhất là đối với Marion, người chưa bao giờ có vấn đề gì vướng đến pháp luật, người trong đời có duy nhất một lần bị cảnh sát chặn lại chỉ để kiểm tra chứng minh thư, người mà công việc làm thư ký tại Viện Pháp y Paris có thể được coi là nét độc đáo duy nhất - nếu như nó thật sự độc đáo đến thế.

Cô luôn cảm thấy mình giống hết hàng triệu người mà cô từng lướt qua trên đất nước này, bị guồng quay công việc nuốt chửng, đầu ngẩng mỗi ngày một cao theo năm tháng để đứng vững trước mọi khó khăn và để có thể hít thở.

Không có gì nơi cô định sẵn rằng một ngày cô sẽ phải ngồi trong chiếc xe này, đi về nơi xa lạ.

Cho đến khi cô đi nghỉ về, hồi đầu tháng Mười.

Cho đến sáng hôm đó, rất sớm, khi cô bước vào căn phòng khám nghiệm tử thi lạnh lẽo. Từng chi tiết còn in đậm trong tâm trí cô. Ngay cả ánh đèn nê ông nhấp nhòe khi cô nhấn tay lên công tắc. Cô lại nhìn thấy những vệt sáng trắng trên nền gạch lát, trên bề mặt inox không tì vết của bàn phẫu tích. Gót giày cô vang lên dưới mỗi bước chân. Mùi thuốc sát trùng không át được hết thứ mùi khó chịu hơn của thịt lạnh. Cô có mặt ở đó, thật sớm vào sáng đó, không có gì khác hơn là để gặp bác sĩ Mendes, ông không có mặt cả trong phòng lẫn trong kho dự trữ bên cạnh.

Marion liền quay người lại, đi trở ra.

Mắt cô tình cờ nhìn lên nó, như thể bị hút vào.

Nó không nổi bật lắm, chỉ vừa bằng một cuốn truyện tranh.

Nhưng nó làm thay đổi toàn bộ cuộc đời cô.

Cho đến lúc UBGSLT đến tìm cô để thông báo rằng cô sắp chết.

Rất có thể như thế.

Trừ phi cô chấp nhận biến đi, ít ra là một thời gian, để mọi việc lắng xuống, để họ tìm cho cô một vị trí, để họ toan tính cho cô, để một hệ thống kịp khởi động.

Mọi sự diễn ra quá nhanh.

Chứng cuồng ám là một loại vi rút chỉ cần được thả vào những hoàn cảnh thích hợp là sẽ tự phát triển. Kể từ đó, Marion nhìn thấy những bóng đen theo bước cô, những kẻ lạ đứng canh hăng đêm trước nhà cô, trong những cái ô tô tầm tối, điện thoại nhà cô có những âm thanh lạ, như thể đường dây bị nghe trộm.

Thế rồi xảy ra vụ hành hung đó.

Cô nuốt nước bọt, thè lưỡi liếm môi. Vết cắt vẫn còn đó.

Một lời cảnh báo.

Marion đã chấp nhận biến mất. Trước khi báo chí kịp phát hiện danh tính của người phụ nữ làm nổ ra vụ tai tiếng lớn nhất nền Cộng hòa Thứ Năm*, trước khi những kẻ khác, lần này sẽ nguy hiểm theo một cách khác, quay trở lại tấn công.

Người đàn ông thuộc UBGSLT chịu trách nhiệm về cô chỉ bảo cô mang theo quần áo ấm và những đồ đạc riêng tư nhất, vì cô sẽ không quay về nhà trong một thời gian dài, có thể là một tháng, có thể là một năm. Cô hoàn toàn không biết mình sẽ đi đâu.

Chiếc xe kính đen đi qua đường hầm khu La Défense*, theo hướng quốc lộ A13 và biến mất về hướng Tây trong vài phút, bốc hơi trong cơn giận dữ và chân trời xám trắng bao bọc quanh Paris.

Mùi iốt mang lại chỉ dẫn đầu tiên cho Marion, nhưng đêm xuống quá nhanh khiến cô không kịp nhận ra những điểm mốc của khung cảnh. Cô ngã đầu vào miếng đệm ghế phía sau, kéo kính xe lên và tạm hài lòng với việc dõi theo vài điểm sáng thưa thớt. Tương lai của cô lúc này chỉ còn là một tiếng gầm trong đêm đen, một mối ngờ vực đang di chuyển với tốc độ một trăm ba mươi ki lô mét một giờ, lao đến một nơi xa lạ.

Cô mở mắt ra khi chiếc xe leo lên một con đường heo hút, hai bên không có gì khác ngoài cỏi hư không. Marion chợt nhận ra họ sắp đến nơi nên cô áp mình vào cửa kính, như một đứa trẻ sốt ruột và không mấy yên tâm. Chiếc xe đi chậm lại và rẽ trái trước khi dừng lại sát một bức tường cao bằng đá.

Vị khách ngồi ghế trước ra khỏi xe ngay lập tức và đến mở cửa cho cô bước ra. Đờ người sau chuyển đi, Marion khó nhọc đuổi đôi chân dài. Cô từ từ đứng dậy, đờ đẫn vì buồn ngủ. Họ đang ở dưới chân một ngọn đồi dốc đứng. Những công trình cổ trời ra khỏi bờ dốc tạo nên một quần thể pháo đài và nhà ở xứng đáng với một bộ phim thời Trung cổ.

Rồi mặt trăng xuyên qua những đám mây thấp, chĩa cái đèn chiếu màu bạc lên đỉnh đồi. Và từ trong đêm tối nổi lên một cái tháp khổng lồ, chế ngự toàn vịnh, móng của nó đè nghiêng mọi tham vọng kiến trúc trải dài suốt nhiều cây số quanh đó.

Marion nhắm mắt lại, thở dài. Sau lưng cô, một trong số những người đàn ông vừa đặt hai cái va li của cô xuống đất.

Cô đã đến nơi sẽ là chỗ tạm lánh của cô trong nhiều tuần tới, có thể là trong nhiều tháng tới - Mont-Saint-Michel.

Cũng chớp nhoáng như khi nó hiện ra, đỉnh núi chìm vào bóng tối khi mặt trăng cuộn mình trong tấm lưới đêm, tựa một con côn trùng trườn đi để trốn con vật săn mồi.

Gió đột nhiên nổi lên thổi thốc vào Marion, quần áo cô bay phần phật trong đêm. Một trong số những người đàn ông hộ tống quay đầu lại nhìn cô. Cái nhìn lạnh lùng, ‘lạnh như chuyển đi này, lạnh như trong những bộ phim tội tặc’, Marion nghĩ. Anh ta nhìn cô chăm chăm rồi nháy mắt. Trong một giây cô nhìn ra con người phía sau kẻ chuyên nghiệp, lòng nhân từ phía sau vẻ khắc nghiệt. Đoán rằng sự thương cảm đó dành cho mình, cô thấy tổn thương, tim cô chùng xuống.

Dưới một cái tháp gần cổng chính, những bản lề kim loại vang lên kêu kẹt. Một cánh cửa ngầm hẹp mở ra, như thể nó vừa đào một hố trên bức tường.

Một bóng người mảnh khảnh tách ra khỏi bức tường đi về phía nhóm người. Cái bóng giơ ra một chiếc đèn lồng lập lòe phía trước như thể chính nó vừa dẫn đường vừa kéo bóng người ấy bước đi trong đêm tối, bóng người ấy khoác một cái áo trùm méo mó dưới những đợt cuồng phong ngày càng dữ dội. Bóng người vội đưa một tay lên giữ cái mũ trùm đang che khuôn mặt. Người lái chiếc sedan tiến lại gần bóng người và họ trao đổi với nhau vài lời, nhưng khoảng cách và gió khiến những người khác gần như chẳng nghe được gì. Rồi anh ta quay trở lại phía Marion.

Đó là người duy nhất cô nghe được giọng nói. Anh ta vừa nói với cô vừa cúi xuống, để tránh phải nói to mặc dù gió đang thốc mạnh. Đôi mắt anh ta không nhìn vào Marion, hoặc chỉ rất hiếm hoi, chúng trôi nổi phía trên cô, hướng về cõi xa xăm, chùng như đã bận bịu với một nơi khác.

“Anne sẽ dẫn cô đến nơi ở mới, cứ tin ở bà, bà từng giúp chúng tôi những việc thế này rồi. Bà biết cần phải làm gì, cứ nghe theo bà. Xin lỗi vì

không thể lịch thiệp xách hộ cô va li lên trên đó, chúng tôi nên lưu lại càng ít thời gian càng tốt.”

Marion mở miệng để phản đối nhưng không có âm thanh nào thoát ra.

“Cô sẽ nhận được tin của chúng tôi thông qua Anne ngay khi mọi việc tiến triển.”

“Nhưng... các anh không... xem hoặc, tôi không biết nữa, khám xét phòng tôi hay là làm...”

Một nụ cười nửa miệng hiện ra trên môi người đang đứng đối diện cô. Cô đọc thấy trên đó ít nhiều dấu dàng trước sự ngây thơ của cô.

“Điều này không cần thiết,” anh ta đáp lại, dứt khoát. “Ở đây cô không phải e ngại gì cả. Cô hãy tin tôi, ít ra là về điểm này.”

Cô cảm thấy anh ta chuẩn bị quay bước đi nên níu tay anh ta lại.

“Làm sao... làm sao tôi có thể liên lạc với các anh nếu...”

“Số điện thoại di động tôi đưa cho cô lần đầu tiên, cứ gọi tôi theo số đó nếu cần. Giờ tôi phải đi.”

Anh ta theo dõi phản ứng của cô một lúc rồi mím môi lại và nhẹ nhàng gật đầu.

“Cố gắng lên,” anh ta nói thêm, giọng tử tế hơn.

Rồi anh ta bỏ đi, ra hiệu cho hai người đi theo lên xe.

Vài giây sau, chiếc xe biến mất trên đê, để lại phía sau hai cái chấm đỏ nhỏ xíu trong lòng đêm.

“Đi thôi, ta không nên ở lại đây,” có người nói sau lưng cô.

Giọng nói dịu dàng khiến người nghe yên lòng. Marion quay người để đối diện với nó. Giữa những cơn gió táp phần phật, Anne có vẻ dễ tổn thương và mong manh hơn cả một chồi non giữa cơn bão. Gió thốc vào hăng hà sa số những nếp nhăn hằn sâu làm các đường nét trên khuôn mặt bà hõm xuống.

“Vào nhà thôi,” bà giục giã. “Tôi sẽ dẫn cô về tận nhà cô, nơi cô có thể nghỉ ngơi.”

Về tận nhà cô.

Marion nuốt nước bọt khó khăn hơn.

Mọi việc xảy ra quá nhanh, cô không còn kiểm soát được gì nữa; cô chịu đựng với một thái độ trung dung đến bối rối.

Anne đã bước đến chỗ cửa ngàm, tay nhắc một trong hai cái va li.

Phần tiếp theo giống như mộng thức hơn là tự do ý chí. Sau này Marion nhớ lại mình đã ngược một con hẻm hẹp, nhà cửa hai bên có mặt tiền cổ kính làm bằng đá và gỗ. Nhiều bậc thang và một con hẻm ngoằn ngoèo dưới nhiều khối nhà nhỏ xíu, bên rìa một nghĩa trang âm đạm.

Cánh cửa khép lại và Anne ngược mắt nhìn cô. Đôi mắt màu xanh da trời trơn mượt và quyết đoán, ngược hẳn với phần còn lại của khuôn mặt.

“Đây là nhà mới của cô...,” bà nói.

Những từ đó và những từ khác nữa, xa vời. Những từ trống trơn vô nghĩa, phi logic, thiếu sức sống.

Những từ ngữ du ngoạn thoáng chốc giữa hai người phụ nữ, rồi khi biến mất trong nỗi mệt mỏi. Đền ở lối vào đã được bật, chao đảo như trên một con tàu. Ánh sáng càng lúc càng mạnh. Chói lòa.

Marion nhắm mắt lại.

Hai chân run rẩy sau khi cố đi lên dốc. Hơi thở thều thào.

Những gì xảy ra sau đó, cô hoàn toàn không nhớ.

Trừ luồng gió lùa khi cánh cửa mở ra.

Và tiếng trầm ro ro rung lên trong giọng một người đàn ông.

Một tàn tích của tháp Babel.

Đó chính là lâu đài Mont-Saint-Michel. Một ngón tay tự phụ chỉ lên trời. Marion không thấy ở đó sự kỳ diệu của lòng sùng đạo mà đúng hơn là một toan tính kiêu ngạo nhằm đến gần Thượng đế. Một con mòng biển vừa kêu quang quác vừa lượn sát cái vách nghiêng đến chóng mặt đổ xuống từ độ cao hơn bảy mươi mét. Marion giữ người cúi về phía trước, tay chống lên bức tường con bằng đá, nhìn xuống toàn bộ khu vịnh đang chìm trong sương mù. Một ngọn thủy triều trắng như sữa đang rút dần, nó liếm lên bờ thành, thổi ra vài bụm khói. Làn sương trắng bao trùm tất thảy, không gì có thể thoát khỏi, không một cột buồm lạc, không một vách đá xa xăm, thậm chí cả con đê là điểm nối với đất liền.

Đỉnh* nổi lên trên mặt biển đó, khổng lồ, như lưỡi đá lửa được chạm khắc một cách kiên nhẫn rồi đặt lên chiếc hộp nữ trang bằng xà cừ cũng khổng lồ như thế.

Marion quay lưng lại khung cảnh này để đối diện với cái sân trước tu viện trải rộng đến tận chân cô.

“Ta đang ở sân hiên phía Tây,” xơ Anne giải thích. “Ngoài cầu thang nhỏ dẫn lên tháp chuông nằm trên đỉnh nhà thờ ra, không nơi nào có tầm nhìn đẹp hơn đâu.”

Trước mỗi lời bình luận của xơ, Marion chỉ khẽ gật đầu. Hai người đã cùng leo lên Phố Lớn rồi trèo lên hai ‘bậc lớn’ - hai chuỗi bậc thang dài dẫn lên nóc nhà thế giới - xơ Anne nhân thế đóng luôn vai trò người hướng dẫn.

“Tôi sẽ giới thiệu với cô dòng tu của chúng tôi. Họ sốt ruột được làm quen với cô cũng ngang với việc họ biết phải tỏ ra kín đáo về chuyện cô ở cùng chúng tôi.”

Marion liếc nhìn quang cảnh lần cuối. Sương mù chảy trên mặt đất như thể hòn đảo và cư dân của nó đều cùng trôi dạt ra khơi.

Cô nhắm mắt một lúc. Trôi dạt. Đó là từ diễn tả cô đúng nhất từ mấy ngày nay.

Tình dậy trên chiếc giường xa lạ đã ngay lập tức khiến cô buồn nôn. Nỗi bồn chồn căm lặng siết chặt lấy lồng ngực khi tình cảnh của cô dường như đang hoàn toàn mất ổn định, vượt xa mọi sự kiểm soát.

Anne tiến lại gần cô. Bà nở một nụ cười trấn an. CƠn gió lạnh giá thổi xoáy vào sắc trắng trên khuôn mặt bà. Những nếp nhăn hằn sâu giữa những phần da hoàn toàn nhẵn mịn. Marion nghĩ đến một cái mặt nạ có xếp nếp, như lớp váng trên cốc sữa nóng.

“Tôi biết cô đang cảm thấy thế nào,” vị tu sĩ nhỏ nhẹ nói, lúc này bà đang ở sát bên cô.

Bà đưa tay choàng ngang lưng Marion.

“Sự lộn xộn đang gào thét trong này, đúng không?” bà vừa nói thêm vừa chỉ một ngón trỏ vào thái dương cô. “Sau một thời gian ngắn mọi việc sẽ qua thôi. Cứ tin tôi đi.”

Marion nhìn chăm chăm vào người đàn bà nhỏ bé.

“Bà quen với những việc thế này ư?”

Vừa được thốt ra, câu nói đã biến mất, bị gió cuốn đi. Marion tự giận mình. Toàn bộ sự hỗn loạn trong cô toát ra qua thanh điệu, qua giọng nói yếu ớt của cô. Cô vẫn luôn căm ghét việc biểu lộ những điểm yếu, đau khổ hay lo lắng của mình.

“Không như cô nghĩ đâu,” xơ Anne trả lời. “Quả thật tôi đã giúp những việc như thế này. Nhưng chúng không phải chuyện... thường ngày.”

Marion vẫn nhìn chăm chăm vào mặt bà.

“Tôi nói với cô ngay đây, như vậy mọi việc sẽ rõ ràng: tôi không hề biết lý do khiến cô đến đây, và tôi cũng không quan tâm. Tôi chỉ muốn giúp cô, sao cho cô cảm thấy thật dễ chịu khi ở với chúng tôi.”

Bà chịu đựng cái nhìn của Marion, không ngờ vực cũng không khắc nghiệt.

“Cho tất cả mọi người,” bà nói tiếp. “Dễ chịu nhưng bí mật. Sẽ không có kẻ khó ưa nào đến tìm cô ở Đình cả, đừng lo. Đây là nơi lý tưởng cho vài tuần tới, hoặc vài tháng tới. Nó hẻo lánh nhưng lại được cả thế giới biết đến. Cô sẽ hòa lẫn trong cảnh trí nơi đây.”

Bà xoa lưng Marion.

“Trong thời gian cô làm quen với cuộc sống mới này, tôi sẽ ở bên cô, mọi việc sẽ tốt thôi. Rồi cô sẽ thấy.”

Marion mở miệng định nói, nhưng không thể đẩy hơi ra được. Hẳn trông cô phải đáng sợ lắm, cô nghĩ. Với mái tóc cuốn xoáy theo những đợt gió giật, đôi môi giập nát và đôi mắt nhớn nhác. *Một con quạ già, mày trông giống thế đấy... Một con quạ già nua vì những biến cố. Bị ngợp trong các sự kiện. Thậm chí là chết chìm.*

“Đừng chần chừ nữa, ở đây ai cũng đang hồi hả, họ không có nhiều thời gian dành cho chúng ta đâu, vì cơn bão sắp đến.”

“Cơn bão ư?” Marion thì thầm nhắc lại.

“Ừ, cô không nghe tin... Mấy ngày nay họ đưa tin về một cơn bão mà bờ biển này chưa từng biết đến từ nhiều thế kỷ nay, một cơn bão vô cùng mạnh, thậm chí quân đội cũng đã được huy động trong các chiến dịch chuẩn bị chỗ ở và tĩa cành cây khẩn cấp. Mọi người ở đây đang hết sức khẩn trương để biến hòn đảo này thành nơi càng kín gió càng tốt, đồng thời bảo vệ những gì cần bảo vệ.”

Xơ Anne nhìn chăm chú đường chân trời hướng Tây.

“Ta có thể tưởng rằng trời sẽ đẹp, rằng tấm thảm sương mù này sẽ biến mất cả ngày nhờ có ánh nắng. Nhưng tối nay, sẽ như chiến tranh đấy.”

Bà cười rúc rích, để lộ hàm răng, đôi mắt long lanh phấn khích.

“Thôi nào, lại đây, cô có việc phải làm đấy. Cả một danh sách những cái tên phải học, cùng những khuôn mặt đi kèm, tất nhiên rồi.”

Marion cho tay vào túi áo choàng len. Cô theo gót xơ Anne, đi vào tu viện.

Mặt trời hướng Đông tan thành một vũng màu xám khổng lồ chói mắt chảy tràn qua các cửa sổ trên cao của điện thờ. Một dãy dài những cây cột đồ sộ chạy dọc hai bên lối đi chính đến tận cánh ngang. Kể từ cửa vào, cả khối kiến trúc quy tụ về phía điện thờ rục rờ giống như trong một bức tranh nổi, như thể gian giữa chỉ là phần kéo dài của lòng đất, về phía nơi cao nhất nằm tận cuối gian phòng, dưới những cánh cửa sổ cao vút, bên chân bệ thờ.

Cảm giác thư thái chỉ kéo dài vài giây, nhưng cũng đủ cho Marion được giải phóng khỏi một gánh nặng trong lồng ngực, như một phần không khí dư thừa tồn tại quá lâu trong hai lá phổi, giờ chợt bị đánh bật đi bằng một cái thở hắt ra tự nhiên. Kể từ khi đến đây - *không! kể từ nhiều tuần nay...* - Marion không thể rũ sạch tâm trí, không thể không cảm thấy đang bị tình thế đè nát. Mỗi lời nói, mỗi hành động của cô đều bắt nguồn từ - hoặc là hệ quả của cuộc trốn chạy này. Và đây là lần đầu tiên, cô mở mắt ra và chiêm ngưỡng, không có một suy nghĩ nào dính dáng tới việc đi đây của mình.

Vẻ uy nghi chốn này trong thoáng chốc đã gột rửa những nỗi đau trong cô. Một nụ cười mỉm thoáng hiện ra trên môi cô. Marion ngẩng đầu nhìn lên trần. Với chiều cao vừa phải, những vòm cung phía trên hành lang quanh chính điện tạo thành những vệt bóng đen đặc. Những vệt bóng đó không hoàn toàn cố định, chúng tự xoay quanh mình và kéo dài ra như thể có những tấm ga trải giường lớn bằng lụa đen đang chuyển động quanh mỗi vòm cung.

Marion ngược mắt dõi theo, lơ đãng.

Gió lùa vào lưng cô qua cánh cửa để mở.

Lửa thắp trên vài ngọn nến nhảy múa rồi lung lay một cách nguy hiểm trước cơn gió biển ngày càng mạnh.

Marion nghe tiếng chân xơ Anne đi xa dần về phía gian thờ giữa, hoàn toàn không để ý đến cô.

Cô cảm thấy có người đang quan sát mình.

Tóc gáy cô dựng đứng.

Đến khi cô nhận ra, thì cảm giác đó đã lan tỏa càng lúc càng rõ rệt. Miệng cô khô đắng. Cô biết cái cảm giác cuồng ám chớp nhoáng đó. Những tuần vừa qua đã đẩy cô và nó lại gần nhau để tạo ra hai đối thủ thực sự trong một cuộc đua tranh kịch liệt mà tiền cược là sự thanh thản trong tâm hồn. Một cuộc đua gần như hằng ngày. Và để bung ra, cơn cuồng ám ấy chỉ cần một chút lo lắng, tiếp đó nó sẽ lan nhanh như một lớp dầu bén lửa trên mặt vũng nước.

Marion nuốt nước bọt, tự ép mình chấm dứt mọi suy đoán, mọi liên tưởng, giải thoát mình khỏi nỗi kinh hoàng bằng cách từ chối cung cấp nhiên liệu cho nó.

Cảm giác đó tan biến dần.

Xơ Anne rẽ về hướng Bắc của cánh ngang rồi biến mất.

Marion tiếp tục đi, dọc theo những hàng ghế băng lạnh lẽo. Tuy vậy cô vẫn liếc nhanh về phía các vòm cung tẩm tối trước khi chuyển hướng.

Hành lang quanh chính điện trải dài phía sau những cái miệng bí hiểm vẫn vô hình như trước. Và những cái bóng vẫn chuyển động. Xơ Anne đợi cô trước một cái cầu thang dẫn sâu vào lòng nhà thờ. Mắt bà theo sát Marion để chắc rằng mọi việc đều ổn rồi bà già nhỏ bé bước xuống thang trước. Họ xuống tầng sâu hơn, nơi có một nhà thờ nhỏ, với chừa đầy mười cái ghế báng nhỏ xíu, một ít nến chiếu sáng và khoảng trần tròn rất thấp càng làm tăng cảm giác ấm cúng và thân thiết. Một bức họa vẽ theo kỹ thuật sáng-tối màu hồ phách rung rinh trên tường của hầm mộ Đức-Bà-Ba-Mười-Ngọn-Nến.

Ở đó, trong ánh tranh tối tranh sáng từ phía chiếc ghế báng cuối cùng, có bảy dáng người bất động đang chờ đợi, đầu cúi xuống dưới một cái mặt nạ bằng vải. Bảy bức tượng mộ đạo bất di dịch tựa đá tảng. Cả bảy người đều mặc đồ tu.

Tất cả bọn họ đều mang những bộ mặt thô kệch, vô nhân tính, với những đường nét thiếu cân đối, vụng về, những cái miệng méo mó, những đôi mắt

to quái dị như những ống máng chĩa vào bệ thờ của hăm mộ.

Rồi ma thuật của hòn đảo rung lên.

Và đá chuyển mình.

Một tấm vải len thô nhẹ nhàng gập lại.

Và đột nhiên một bàn tay hiện ra. Nó giơ lên làm dấu thánh và tấm mặt nạ bằng vải đỏ sụp về phía sau trong khi vị thầy tu bỏ mũ choàng xuống.

Họ gồm bốn đàn ông và ba phụ nữ.

Điều gây ấn tượng mạnh nhất là sự đồng nhất về thể hình tạo nên mối liên hệ giữa họ. Ngoài một thầy dòng cao hơn hẳn, sáu người còn lại cao như nhau, đều có dáng vóc khá mảnh dẻ, như thể được đúc ra từ một khuôn.

‘Bệnh nghề nghiệp,’ Marion tự nhủ. ‘Khi có quá nhiều báo cáo khám nghiệm tử thi phải viết lại cho rõ ràng và đưa vào kho lưu trữ, mà tập trung vào bề ngoài của mọi người: những thông tin về cơ thể họ!’ Quả đúng là thế, cô không thể phủ nhận. Nghề nghiệp đã ảnh hưởng đến óc phán đoán của cô. Khi gặp những khuôn mặt mới, thường thì trước tiên cô nhìn thấy những con số thống kê đáng buồn liên quan đến vẻ bề ngoài của họ. Một người đàn ông bụng phệ, da nhão và rõ ràng rất hay hội hè tiệc tùng ở tuổi ngũ tuần gợi cô nghĩ đến cơn đau tim, còn cái cổ cồng trắng và những đường gân vĩnh viễn nổi lên dưới họng do căng thẳng thần kinh làm lộ ra mối đe dọa phình vỡ động mạch.

Trong khi những người khác có xu hướng xếp loại con người theo thứ hạng xã hội-nghề nghiệp hoặc theo kiến thức văn hóa chung, thì cô xếp hạng mọi người theo những tình huống có khả năng dẫn tới cái chết của họ.

Xơ Anne vừa xoa tay vừa quay sang phía Marion.

“Đây là một phần dòng tu của chúng tôi,” bà nói. “Marion, tôi xin giới thiệu thầy Damien.”

Người được nhắc tên bước ra khỏi hàng để chào người mới đến. Ông ta trạc tứ tuần, cái mũ trùm hạ xuống để lộ mái tóc xám cắt ngắn và một

khuôn mặt mồm mỉm cười đối lập với vóc dáng mảnh khảnh. Một niềm vui sống rõ rệt khiến ông ta tràn đầy sinh khí. Ông ta nghiêng cằm chào Marion, ánh mắt chuyển động không ngừng.

Tăng động thái quá, hay thường gọi là luôn vui vẻ hồn nhiên, kiểu người ăn quá nhanh, nuốt mà không nhai. Rất có thể sẽ chết vì nhâm đường.

Cô mê mẩn cách diễn đạt này. *Chết vì nhâm đường*. Để không phải nói là ‘Chết vì ngạt hơi do sự hiện diện của một dị vật trong đường hô hấp’. Màn kinh điển khiến một chiều Chủ nhật biến thành ác mộng. Một bữa ăn trưa với đông đủ mọi người, ta uống rõ nhiều, ta ăn rất ngon miệng, và rồi, một miếng ăn thêm, nuốt quá vội, không may nghĩ ngợi. Miếng ăn kẹt trong họng. Và cơn hoảng sợ choán lấy kẻ ham ăn nóng vội. Ta gặp lại họ vào tối Chủ nhật, nằm xếp hàng dưới khu tầng hầm của Viện Pháp y, người này nằm sau người kia trên cái bàn đẩy bằng nhôm, trong khi người thân của họ gào thét đầu đó rằng không thể thể được, rằng người ta không thể chết, không phải vào một ngày Chủ nhật yên bình đến thế, không phải chết như thế này.

Marion từng chứng kiến nhiều lắm rồi, những ‘cái chết bất khả’ kiểu đó, suốt mười năm làm nghề.

Vậy là quyết định xong, thầy Damien sẽ là ‘thầy tu lạc đường’.

Để mặc cái trò chơi ngốc nghếch này được bay nhảy tự do khiến cô có cảm giác thoải mái hơi quá mức. Cô thấy thư giãn, cô tìm lại chính mình.

Tiếp theo là thầy Gaël, một chàng trai trẻ chừng hai mươi tuổi, mang nét em bé, kiểu con trai một gia đình tử tế - *con trai thứ hai một gia đình quý tộc của Chế Độ Cũ, vốn thường hay được giao phó cho giới tăng lữ* - quá trẻ để có thể tạo cảm hứng cho trò bói toán giải trí của Marion.

Các xơ Gabriela và Agathe không tạo ra nhiều ấn tượng hơn đối với Marion, cả hai đều trẻ trung - chừng ba mươi tuổi - và thoát nhìn thì trơn láng như một tảng cẩm thạch nhẵn nhụi.*

Cao nhất trong số bảy người là một người đàn ông trạc ngũ tuần, chậm rãi trong điệu bộ và lời nói, xanh xao và rõ ràng là sắp hết hơi sau khi chào

mừng cô. Marion chọn ‘thầy tu thiếu máu’ thay cho tên thật của ông: thầy Christophe.

Hai thành viên cuối cùng là thầy Gilles và vợ Luce, hai người cùng ở một độ tuổi đáng kính hơn hẳn, ánh mắt sắc sảo trong khi dáng dấp lại hết sức trầm mặc; hai khuôn mặt đại bàng, mũi gồ lên, và đôi môi mỏng, đến mức ta hoàn toàn có thể tưởng họ thuộc cùng một dòng máu. Marion không muốn đùa giỡn với họ. Việc đó không còn thú vị nữa.

Thầy Gilles nhìn cô chăm chú một lúc lâu không nói năng gì. Ông ta chỉ đan những ngón tay dài nhéo như làm bằng giấy da trước bụng.

“Tôi nghĩ thế là cô biết hết mọi người rồi đấy,” vợ Anne bình luận.

Thầy Gilles ho một tiếng kiểu cách để bày tỏ sự không đồng ý.

“À, phải rồi! Gần như tất cả mọi người! Còn thầy Serge, thầy quản lý của dòng tu chúng tôi. Ông ấy không đến được, cô sẽ gặp ông ấy sau.”

Một sự im lặng khó chịu. Thầy Damien nghiêng người về phía Marion.

“Nếu cô cần bất cứ điều gì, đừng ngại nhé.”

Lòng tử tế của ông ta không quá nghiêm nghị cũng chẳng quá hiền hòa, sự chân thành của ông ta thậm chí còn khiến người khác cảm động, Marion nghĩ.

“Cảm ơn...,” cô thì thào quá nhẹ so với bình thường.

Vợ Gabriela, với khuôn mặt búp bê sứ, đặt tay lên cánh tay cô. Vợ không bỏ chiếc khăn che mái tóc xuống nên trông càng có dáng vẻ của một thiên thần.

“Chị sẽ nhanh quen nơi này thôi, rồi chị sẽ thấy,” cô thổ lộ bằng giọng thánh thót.

“Nhân tiện đây,” vợ Anne nói tiếp, “chúng tôi nghĩ nên ít nhiều sắp xếp một thời gian biểu cho những ngày sắp tới thì hơn. Hôm nay sẽ là tham quan đảo, để cô có thể quen với môi trường mới. Tiếp đó, thứ Sáu và hai ngày cuối tuần sẽ hơi đặc biệt, vì có cơn bão này... Và tuần sau, thầy Damien dự định dẫn cô đến Avranches, để sắp xếp vài thứ trong kho thư mục, nếu cô thấy hứng thú...”

Marion gật đầu không mấy hào hứng. Cô nhận thấy mọi ánh mắt đổ dồn vào mình.

“Cô đừng lo,” xơ Anne cuối cùng cũng nói. “Tại đây, giữa những bức tường này, cô sẽ trải qua một mùa đông... không như những mùa đông khác.”

Marion chờ người. Không, cô sẽ không qua mùa đông ở đây. Có thể là vài tuần, tệ lắm là một hoặc hai tháng, nhưng không phải là cả một mùa. Cô sẽ ở nhà vào dịp Noel, cô đã thề với chính mình như vậy.

“Gương mặt chúng tôi rồi sẽ sớm trở nên thân quen với cô,” nữ tu sĩ tiếp tục. “Những căn phòng này sẽ như những phòng khách cho tâm hồn cô, cô có thể dạo chơi thoải mái bên trong; hãy tự cho mình một chút thời gian. Đó là tất cả những gì Đỉnh yêu cầu nơi cô: một chút thời gian. Nó sẽ làm phần việc còn lại.”

“Nói rất hay,” thầy Gilles ngắt lời bằng giọng khàn khàn.

Marion quan sát ông ta. Những sợi lông dày đen xám đâm ra từ làn da nhẵn nhéo. Khuôn mặt ông ta nổi lên vô số những vân máu nhỏ và những nếp nhăn trắng, như một cái áo nhàu. Ông ta nhìn Marion chăm chú, không hề chớp mắt, ánh nhìn xuyên thấu thể hiện sự ngoan cố dữ dằn.

“Chúng tôi để bà lại với người bà che chở, xơ Anne ạ,” ông ta tiếp tục. “Chúng ta có thừa thời gian để hiểu rõ nhau hơn, còn giờ thì toàn bộ chú ý của chúng tôi hướng về cơn bão.”

Marion không rời mắt khỏi ông ta.

Ông ta không ưa cô. Cô hoặc việc cô sống cùng họ, rõ ràng là thế. Trong những tình thế khác, hẳn cô đã cho phép mình nhận xét sắc lém rằng ông ta không cần phải tiếp đón cô nếu cho đó là việc khổ sai, nhưng cô không còn tâm trí đâu nữa. Và lại cô chỉ vừa mới đến, họ có thể bắt đầu việc giới thiệu một cách tốt hơn. Cô dần dần lấy lại tự chủ. Tính cách cứng rắn trong cô đang thức tỉnh, cô nhận thấy thế.

Mọi người lần lượt đi ra bằng cái cửa nhỏ cuối phòng, ai cũng ra hiệu nhanh chào cô. Đa phần có vẻ có thiện cảm, thậm chí hài lòng khi cô đến.

Khi chỉ còn lại hai người, xơ Anne quay sang cô.

“Tôi xin lỗi nếu cô thấy thầy Gilles có vẻ hơi...”

“Không quan trọng đâu,” Marion ngắt lời bà. “Dù sao thì tôi cũng tin rằng chúng ta sẽ phải chung sống với nhau trong nhiều tuần tới. (Marion nở một nụ cười dễ thương) Chúng ta sẽ quen nhau thôi, phải không?”

Xơ Anne đồng tình, có phần phấn khởi.

“Tôi lấy làm vui khi cuối cùng cô cũng mỉm cười.”

Tôi cũng vậy, Marion suýt nữa buột miệng. Cô chợt nhận thấy mình đã buông xuôi được một lúc, đón nhận mọi việc xảy ra bằng thái độ hiển nhiên đầy khoan dung.

“Một chuyến tham quan dài có hướng dẫn đang chờ đợi ta, cô sẵn sàng chưa?”

“Tôi theo bà...”

Xơ Anne cũng đi ra ngoài bằng cánh cửa như các đồng môn của bà và họ bước vào vùng rìa của Đình.

Họ đi qua Ngục quý, một gian phòng nhỏ nối với nhà thờ bằng một cầu thang, và cũng là nơi từ đó ta có thể đi đến chỗ Kỳ Quan.

Một hành lang dài rải rác những cột tròn kéo dài về phía Tây, hành lang đi dạo. Phía cuối hành lang, trong bóng tối mờ mờ, thầy Gilles đang nói chuyện thì thầm với một thầy tu khác, không thể nhận diện vì ông này quay lưng về phía Marion.

Thầy Gilles nhận thấy cô từ xa và bàn tay thô ráp của ông ta đột nhiên vung lên từ bên dưới áo choàng để tóm lấy người đối diện rồi kéo người đó cùng biến mất trong bóng tối.

Marion khẽ thở dài.

Cô ở đây chưa đầy hai mươi tư tiếng đồng hồ thế mà những tranh cãi nội bộ đã nảy sinh. Thời gian trên cái đảo đá granit này sẽ rất dài đây.

Phía sau cô, xơ Anne xoay một cái chìa khóa nặng bằng sắt trong một ổ khóa cũ kỹ, nó nghiêng kèn kẹt rồi nhả cái then.

Cánh cửa kẻo kẹt mở ra.

Họ ở đó suốt buổi sáng.

Xơ Anne di chuyển giữa những hành lang nhanh nhẹn một cách đáng kinh ngạc. Trong mắt Marion, mọi việc giống như thể xơ Anne đã lớn lên tại nơi này.

Hai người thực hiện chuyến tham quan giữa tiếng búa nện đóng gỗ dán vào những chỗ hở mong manh nhất. Nhiều lần họ bắt gặp một thầy tu hoặc một xơ đang bít một cái cửa sổ hẹp bằng những mảnh bìa các tông âm. Công cuộc chuẩn bị đang hồi náo nhiệt. Cơn bão đang di chuyển về phía họ hẳn phải là một con quái vật nên mới làm dấy lên nhiều lo ngại đến vậy.

Ngoài cảm giác chung rằng cầu thang ở khắp nơi, phòng ốc ở mọi góc ngách và hành lang thì phức tạp ngoằn ngoèo, Marion đã có thể phác họa được những nét chính.

Trước tiên, có thể chia cấu trúc tu viện thành ba tầng, dù hăng hà sa số phòng ốc và những hành lang trung gian có thể khiến cột mốc này bị xé lẻ. Tầng cao nhất là nhà thờ của tu viện rộng mênh mông. Tầng trung gian với hầm mộ Đức-Bà-Ba- Mười-Ngọn-Nến cùng hàng loạt những nhà nguyện nhỏ. Rồi tầng thấp nhất, tầng của những ngục tối, Marion thích thú ghi nhận điều này, đặc biệt đây là tầng cho phép ta dễ dàng đi ra ngoài về phía Bắc, qua những khu vườn của tu viện. Bên cạnh đó là Kỳ Quan. Khối kiến trúc kỳ vĩ nằm trên sườn đảo phía Bắc, gắn liền với phần còn lại, và cũng có thể được chia làm ba phần: kho thực phẩm rộng lớn và nhà tế bần ở dưới, phòng Hiệp sĩ tuyệt vời với những cây cột đồ sộ tiếp giáp với Phòng Khách ở giữa, trên cùng là phòng ăn tập thể và sân tu viện từng khiến Marion sửng sờ.

Bao quanh khu vườn treo và màu xanh êm dịu của nó là những hành lang có mái che đã được phù phép thành những cột con xếp theo hình nanh sấu, những vòm cuốn và hình móc trang trí được chạm trổ, tạo thành một lan can bất tận cho việc tham thiên và nhập định. Dốc mái phía Tây mở ra ba cửa sổ lắp kính như muốn nhấn mạnh rằng nơi đây hòa trộn ba yếu tố: đất làm nền tảng, biển cho sự sống, và không khí cho tinh thần.

Xơ Anne giải thích rằng khi sương mù lên cao và dày đặc, khu vườn trong sân tu viện phản chiếu lên đó, tạo thành ảo ảnh về một chốn bồng lai có thể chạm đến nhờ hơi thở của các thiên thần mà tới được với mắt người trần.

Marion nhận thấy phần lớn các phòng họ đi qua đều được đóng lại bằng những cánh cửa nặng nề và xơ Anne giữ một chùm chìa khóa vạn năng khá nực cười với chừng hai chục chìa to sụ kêu xúng xoảng nặng nề. Mỗi khi xơ lôi chùm chìa khóa oai vệ đó ra khỏi túi áo choàng, Marion lại có cảm giác nó quá nặng đối với đôi cổ tay bề ngoài có vẻ thanh mảnh. Nhưng dường như xơ Anne được tạo nên từ một loại da thô, co dãn và vô cùng dẻo dai. Và đôi đồng tử màu xanh da trời trong vạt của bà xuyên thấu mọi vật bà nhìn.

Toàn bộ Đỉnh chia ra làm hai phần. Một phần là làng, lơ lửng trên sườn đảo phía Đông Nam tính từ con đê phía Nam, và tu viện, nằm trên đỉnh đảo, với Kỳ Quan ở phía Bắc. Sau khi ngược lên Phố Lớn và hàng loạt những bậc thang, được gọi là Bạc Lớn bên ngoài, rốt cuộc ta cũng đến được Lỗ Châu Mai, ranh giới giữa ngôi làng và tu viện, cổng phía Nam của tu viện khổng lồ được một tòa nhà rất cao bảo vệ: đó là khu nhà ở của tu viện; còn Bạc Lớn bên trong chạy dọc từ móng nhà thờ tu viện đến tận sân trước: chính là sân hiên phía Tây.

* * *

Bữa trưa được phục vụ trong phòng sinh hoạt chung thuộc khu nhà ở của tu viện. Marion ngạc nhiên trước sự đơn giản của căn phòng này, ở đây không có món đồ nào mang dấu ấn lịch sử, chỉ có tường bằng đá lộ và những cái bàn dài bằng phoóc mi ca. Cô nén cái cười nhếch mép khi cầm con dao inox lên, chẳng khác gì ở căng tin trường học; hình ảnh thần bí mà cô còn lưu lại sau chuyến tham quan buổi sáng giờ đã lùi quá xa.

Trừ xơ Agathe, thầy Gilles và thầy Gaël, những thành viên của dòng tu vừa được giới thiệu với cô sáng nay đều có mặt tại bàn ăn.

“Đến lượt tôi phục vụ,” thầy Christophe tuyên bố.

Ông nói với sự chậm rãi đáng kinh ngạc, không ai có thể giành giật với ông biệt danh ‘thầy tu thiếu máu’, Marion thầm nghĩ.

Bánh nhân pho mát được đựng trong một cái nồi lớn.

“Như cô sẽ thấy, có những ngày chúng ta có nhiều thời gian cho việc nấu ăn và có những ngày chúng ta... rộng lòng hơn.”

Marion, đầu cúi xuống đĩa thức ăn, nhận ra giọng nói nhẹ nhàng, du dương của xơ Gabriela không chút khó khăn. Nữ tu trẻ nhìn cô ít nhiều lo lắng, với ý nghĩ rằng người phụ nữ mới đến sẽ chán nản vì bữa ăn trưa của họ.

“Điều này hoàn toàn phù hợp với tôi,” Marion trấn an cô. “bản thân tôi cũng không phải là người nội trợ giỏi, mà tôi còn thường xuyên không có thời gian nữa.”

Thầy lạc đường nắm lấy cơ hội:

“Thế cô làm nghề gì, nếu như tôi không vô ý quá?”

Marion chưa kịp mở miệng, xơ Anne đã xãng giọng để kiềm chế thói tò mò vui tính của đạo hữu:

“Thầy Damien! Câu hỏi của thầy thật không đúng chỗ...”

“Không sao, xơ cứ để mặc thầy ấy,” Marion ngắt lời bà. “Không việc gì cả đâu. (Cô quay về phía người đàn ông tứ tuần vừa mất hết vẻ vui tươi.) Tôi làm... hoặc đã từng làm (cô thở dài), thư ký tại Viện Pháp y Paris.”

Cô thích thú ngắm nhìn những khuôn mặt trong lúc ý tưởng về những gì có thể là công việc hằng ngày của cô đang hình thành trong đầu mỗi người họ.

“Viện Pháp...,” xơ Gabriela bắt đầu.

“Đúng vậy, đó chính là nơi lưu trữ các xác chết trước khi chúng được khám nghiệm.”

Xơ Luce nướng mày trên khuôn mặt đại bàng. Bà già nhìn chăm chăm vào đĩa thức ăn mà bà đang ăn chậm rãi.

“Mọi người cứ yên tâm, thư ký không phải làm việc trong phòng phẫu tích, và cho dù có lúc tôi phải làm việc ở đó, thì công việc của tôi dĩ nhiên là cũng ít... gay cấn hơn nhiều, nếu tôi có thể nói vậy.”

“Nhưng cô tiếp xúc tương đối trực tiếp với cái chết,” xơ Gabriela nhấn mạnh.

“Trong chừng mực nào đó thì đúng là như vậy.”

“Điều đó không nặng nề quá chứ?”

“Điều đó... hồi đầu, tôi phải thú nhận là rất khó khăn. Rồi theo thời gian ta quen dần. Tôi tin rằng sự tích tụ qua tháng năm khiến ta bớt khủng hoảng hơn.”

“Khái niệm về một con người cá biệt ngập chìm giữa cái chết của giống loài nòi, ít riêng tư hơn, xa cách hơn, phải không?” xơ Gabriela gợi ý.

“Phải rồi, điều đó làm tôi nghĩ đến câu này...,” thầy Damien chen vào, đặt cái đĩa xuống rồi giơ ngón trỏ dưới mắt. ““Nếu giết một người, ta là kẻ giết người, nhưng nếu giết nhiều người, ta là kẻ chinh phục.””

Marion chớp mắt. Cô biết một đoạn tiếp theo của câu châm ngôn này. *Và nếu giết tất cả mọi người, ta là Thượng đế.* Địa điểm và những người xung quanh có lẽ không được lý tưởng để nói nốt đoạn này cho lắm.

“Trong chừng mực nào đó,” cuối cùng cô thừa nhận.

“Dù sao thì cũng hơi điên rồ,” ông thầy thêm thắt. “Ta lại có xu hướng cảm động trước cái chết của một người nhiều hơn trước nạn diệt chủng! Nếu các bạn để ý, chúng ta sẽ thấy trang nhất các báo thường nhắc đến một

vụ giết người ở gần nhà ta nhưng lại im lặng về những gì xảy ra ở châu Phi, chẳng hạn thế...”

Xơ Luce vội vàng đặt cốc xuống bàn, suýt thì làm nó vỡ.

“Tôi không tin rằng định ra thang bậc tình cảm cho cái chết là một thái độ thành kính, thầy Damien ạ,” bà ngắt lời với giọng sắc như dao quăm.

“Không, tất nhiên rồi, tôi chỉ đơn giản nói là cái chết không cần nhiều mức độ cảm nhận khác nhau, nó luôn là một bi kịch, không cần phân biệt, nó...”

“Như vậy đủ rồi.”

Miệng thầy Damien há ra một lát, ông thất vọng vì không thể cải chính được sự hiểu nhầm này. Mắt ông ta liếc về phía Marion.

Chẳng mấy chốc chỉ còn tiếng dao đĩa chạm nhau khuấy động bầu không khí. Marion ăn hết đĩa thức ăn và hỏi xơ Luce:

“Một ngày ở đây thường như thế nào?”

“Cũng tùy từng ngày. Hiện giờ thì phải chuẩn bị sao cho Đình chịu đựng nổi cơn bão sắp đến. Hơn nữa, xin cô thứ lỗi cho, còn nhiều việc phải làm lắm.”

Xơ Luce thu gọn dao đĩa và đĩa thức ăn của mình, đứng dậy đặt chúng vào một cái khay và rời khỏi phòng.

Marion bồn chồn gõ ngón trỏ vào cốc.

“Mọi việc khởi đầu tốt đây... cô thì thăm.”

Xơ Anne nhìn sang cô bằng ánh mắt xuyên thấu nỗi khó chịu của cô.

“Marion này...,” xơ bắt chuyện,. “cô cho phép tôi gọi cô là Marion chứ? Chiều nay, tôi sẽ dẫn cô đi thăm làng và rồi...”

“Tôi nghĩ có những việc khẩn cấp hơn,” cô ngắt lời bà. “Nếu cơn bão này dữ dội đến vậy và có nhiều việc phải làm để chống chọi nó, thì có thể chúng ta giúp được một tay chẳng?”

Marion hăm hở thêm vào một chút ranh ma:

“Tôi tin rằng xơ Luce sẽ đánh giá cao việc này. Và tôi phải thú nhận là hoạt động một chút cũng tốt cho tôi.”

Xơ Anne há miệng mắt một lúc rồi gật đầu. Phía xa, xơ Agathe vừa vội lấy tay bịt miệng vừa phì cười.

Marion quan sát bầu trời qua cửa sổ. Trời xám xịt, một màu xám đồng nhất, không gợn.

Nếu cơn bão đang đến, thì hẳn nó đến rất từ từ, rón rén, như một con thú săn mồi chuẩn bị trước khi nhảy tới vồ con mồi.

* * *

Suốt ba giờ đồng hồ, họ xúc đất trong khu vườn phía Bắc để đào cây hoặc những bụi cây nhỏ rồi bỏ chúng vào những cái bình bằng đất nung trước khi chuyển vào kho hầm lớn của Kỳ Quan, trong vài ngày. Marion buộc tóc bằng một sợi dây chun cũ rách và không tiếc sức làm được càng nhiều việc càng tốt. Khi ánh sáng yếu dần thì cũng là lúc ngón tay cô không còn cảm giác gì nữa.

Đôi lúc cô ngẩng đầu lên, nhìn dọc theo thành lũy tu viện, kiếm tìm một chút dấu hiệu của sự sống, nhưng không thấy gì khác ngoài một hình bóng thoảng qua. Mont-Saint-Michel có dáng vẻ của một *derelict**. Không còn bóng người nào trên đảo. Một *derelict* ngạo nghễ nhưng đẹp thần thánh.

Dấu hiệu duy nhất của cơn bão đang đến gần là gió đang thổi mạnh hơn. Thứ gió bướng bỉnh, sau cùng cũng làm cóng da cắt thịt.

Marion bước vào, đặt cái bình cuối cùng vào hàng rồi ngồi phịch xuống một cái ghế băng, đối diện với lối vào căn hầm.

Phía bên ngoài ánh sáng như phủ tro, làm mờ xỉn những màu sắc cuối cùng của khu vườn. Xơ Anne đi về phía cô, tay cầm dụng cụ, và ngồi xuống cạnh cô.

“Ít ra cũng có chừng này thứ được an toàn,” cuối cùng bà nói.

“Đúng như bà nói vậy.”

Xơ Anne hất đầu chỉ ra bên ngoài.

“Tôi cứ ngại kể cho cô khi ta ở bên ngoài nhưng giờ thì... Cô có biết rằng chúng ta vừa đào bới đất của ‘vườn trên biển’ và trước khi nó được đặt tên như vậy, người ta gọi nó là ‘nghĩa địa những thầy tu’ không?”

“Nghe vui đấy...”

“Các giáo sĩ bướng bỉnh được chôn cất ở đây trong giai đoạn Cách mạng. Họ vẫn còn ở đây,” vị tu sĩ vừa nói thêm vừa bụm miệng cười ý tứ. “Và người quản lý Đình muốn tổ chức các buổi tiệc chiêu đãi và tiệc cưới ở đây, cô tưởng tượng được không?”

“Thế là có gu nhất đấy.”

“Đúng thế không nào?”

Marion suy nghĩ thì đưa ra nhận xét về sức sống của cây cỏ mọc trên đó, kèm theo một lời đùa giỡn đen tối về gốc rễ của chúng, nhưng cô chọn cách im lặng; rõ ràng có một thứ gì đó đang quanh quẩn đâu đây trong không khí.

Cô ngắm nghía những dãy bình cây xếp dọc suốt nhiều mét.

“Xơ Luce sẽ hài lòng đây...,” cô buột miệng. “Chúng ta đã bớt cho bà ấy một việc.”

Những nếp nhăn mới hiện ra bên khóe môi xơ Anne, đang vui vẻ.

“Cô đừng giận bà ấy vì thái độ hơi xa cách,” bà nói,. “bà ấy không có ý làm cô tổn thương đâu. Ở đây chúng tôi là một dòng tu nhỏ, chúng tôi có những thói quen riêng, và việc cô đến khiến sự nhìn nhận của mỗi người phải thay đổi đôi chút, như một kẻ độc thân già cả giờ bỗng phải làm quen với cuộc sống lứa đôi. Điều này rất có ích cho tất cả mọi người. Xơ Luce tỏ ra hơi... quàu quạu lúc mới đầu vậy thôi chứ trong sâu thẳm bà ấy là một người phụ nữ lỗi lạc, rồi cô sẽ thấy.”

“Nếu chuyện này đòi hỏi mọi người phải cố gắng thì tại sao lại nhận tiếp đón tôi?”

Nụ cười mỉm của xơ Anne hẹp lại nhưng vẫn không mất đi.

“Điều này hơi đặc biệt... Chúng tôi là người thuê nhà tại đây, Đình thuộc về Chính phủ, do một người quản lý điều hành, chúng tôi trả tiền trọ, đổi lại

vài sự giúp đỡ. Như hôm nay ta chạy khắp nơi để chuẩn bị đón bão...”

“Hoặc như chấp nhận che giấu những người do Chính phủ giao phó. Họ buộc dòng tu...”

Xơ Anne nhẹ nhàng lắc đầu.

“Họ không ép buộc chúng tôi phải tiếp ai cả. Vấn đề được đặt ra cách đây bốn năm, rồi sau khi bàn bạc, chúng tôi chấp nhận giúp đỡ những việc như thế này. Đình là nơi ở ẩn, không phải là lảng tẩm của chúng tôi.”

Marion cup mắt nhìn xuống đôi bàn tay. Chúng bám đầy đất và trầy xước.

“Đi thôi, tôi dẫn cô về nhà cô, ở đó cô có thể sưởi ấm và tắm rửa. Tối tôi sẽ qua để cùng đi ăn...”

“Tối nay tôi muốn được ở một mình hơn, nếu bà không thấy có gì bất tiện. Để... làm quen. Tôi chỉ vừa mới đến.”

Xơ Anne gật đầu.

“Tất nhiên rồi, tôi hiểu chứ. Chúng tôi đã bỏ đầy đồ vào tủ lạnh, cô sẽ tìm được cái gì đó để ăn thôi. Và nếu cần, số điện thoại của chúng tôi ở ngay trên cái bàn ngoài cửa.”

Họ vòng qua phía Bắc và phía Đông, Marion không nhớ đường lắm, rồi họ đi xuống Phố Lớn cho đến tận nhà thờ nhỏ của giáo khu với một cái cầu thang phía sau dùng để đi dọc theo nghĩa địa. Đối diện với những bia mộ là một hàng những ngôi nhà nhỏ hai tầng. Xơ Anne âu yếm vòng tay qua lưng Marion thay cho lời tạm biệt rồi đi ngược lại con đường, để người được bà che chở đi vào ‘cái hang’ mới của mình.

Marion đẩy cửa rồi đứng dựa vào đó. Cô thở một hơi dài trước khi mở mắt. Phòng ngoài hẹp, có một cầu thang dốc dẫn lên phòng ngủ. Nhà cô là đây.

Phải làm quen với điều này thôi, ít nhất là trong vòng vài tuần. Cô còn chưa có thời gian đi thăm thú một cách thực sự, để thích nghi với chỗ này, chương trình tối nay của cô sẽ là thế.

Cô đặt chìa khóa lên cái bàn một chân bên cửa vào, đi dọc tường bếp và bước vào không gian sinh hoạt, phòng khách, phòng khách của cô.

Một cửa sổ dài và cao chạy gần hết chiều rộng căn phòng, đến tận cuối phòng, rồi bị cắt dọc bởi những cây cột mảnh mang lại cho nó vẻ gì đó Trung cổ. Một chiếc xô pha góc trải dài phía dưới, đối diện với tủ gỗ đựng ti vi và dàn hi-fi. Người ta đã bài trí với sự kết hợp không phải lúc nào cũng thành công giữa một ngôi nhà cổ và những tiện nghi hiện đại. Nhưng khung cảnh thì rất dễ chịu. Những mái nhà nhọn hoắt bằng đá đen và những ống khói bằng gạch đỏ nối tiếp nhau nghiêng dần về phía mực nước biển, hướng về phía Nam và lối vào Đình, về phía con đê kéo dài ở đằng xa, xe ô tô một miền mênh mông màu xám và đến chung cuộc thì nối vào với đất liền.

Những căn phòng áp mái và những cái cửa sổ nhà kho hẹp và dài thảy đều tối om. Chỉ duy nhất một dải khói trắng bay lên từ một ống khói thấp phía dưới làng, nhưng lại nhanh chóng bị gió thổi tan.

Marion để áo khoác lên xô pha rồi ngồi xuống bên cạnh, tay đan sau đầu. Chợt nhận ra mình lấm đất, cô đứng phắt dậy, tặc lưỡi về tức tối.

Hắn là đã mười tám giờ. Cô không đói, chỉ muốn được sưởi ấm. Trên gác có một cái bồn tắm, có cái để thư giãn thì sao lại không dành thời gian tự chăm sóc mình nhỉ. Từ bao lâu rồi cô không làm vậy? Dành hai tiếng đồng hồ, vào một buổi tối, cho bản thân, cho cơ thể, tẩy đi những khiếm khuyết bằng kem, tẩy da chết bằng gel, rút những gì thừa ra bằng xi, quết, cọ, dò xét, cải thiện về bên ngoài để cảm thấy dễ chịu. Tự tạo cho mình một làn da mới.

Phải rồi, đó chính là điều cô cần, để tìm lại chính mình. Marion đứng bật dậy rồi leo lên những bậc thang kéo kẹt dưới tấm thảm phủ cầu thang. Cầu thang dẫn thẳng vào phòng ngủ, không có cửa; một cái giường lớn, một ghế xô pha và một cái bàn thấp, một cái tủ, vài giá gỗ và một bàn trang điểm là tất cả những gì có trong phòng. Ba cửa sổ nghiêng đang để mở, hai cửa sổ nhìn về hướng Nam, cùng hướng với cửa kính lớn dưới tầng trệt và cửa sổ còn lại nhìn về hướng Bắc, ra khu nghĩa địa nhỏ.

Hai chiếc va li nằm dài trên sàn nhà, dưới những giá xếp đồ, chờ đợi được lấy hết đồ ra. Marion quỳ xuống lấy ra một cái quần lót sạch và áo choàng tắm rồi bước về phía phòng tắm.

Cô ngoái cổ lại và đứng thẳng người lên, đưa mắt lướt thật nhanh qua căn phòng. Từ phải sang trái, liên kết các thông tin trong trạng thái mơ hồ.

Xô pha... bàn thấp... đèn... chõng tạp chí (do xơ Anne để vào)... thảm trải sàn màu be... bàn đầu giường, đèn ngủ... giường... tờ giấy... một cái bàn đầu giường khác... một cái tủ khác... thảm trải sàn... và: cửa vào phòng tắm.

Marion bước hai bước rồi dừng lại.

Tờ giấy?

Lần này cô tập trung chú ý vào tấm ga giường.

Đó không phải một tờ giấy mà là một cái phong bì bằng loại giấy trắng mịn với duy nhất một từ: 'Cô...'

Tim cô bắt đầu đập thành thịch trong ngực, cô há miệng để thở. Nội dung bên trong là gì được nhỉ?

Cô nhắm mắt lại và tự trấn an mình ngay tức khắc. Những kẻ muốn hại cô ở Paris không thuộc dạng sẽ để lại một cái phong bì, chúng thẳng tay hơn. Marion đưa đầu ngón tay lên cái môi sứt. Nếu chúng tìm ra cô, thì có lẽ cô không còn đứng ở đây nữa.

Chính Xơ Anne hoặc một trong những đạo hữu của bà đã để lại cái phong bì này cho cô. Không thể nào khác.

Marion bồn chồn vén một lọn tóc ra sau tai. Cô không ưa được quan tâm cho lắm. Cái phong bì không có ở đó lúc cô thức dậy, cô đã dọn giường trước khi ra khỏi nhà và cô có thể thề điều này. Những tuần tới, nếu cô ở đây, thì phải làm rõ một việc: họ tiếp đón cô, được thôi, nhưng cô phải đòi hỏi một sự riêng tư tối thiểu, bắt đầu từ nơi cô ở, cô không muốn ai đó có thể vào được đây sau lưng cô.

Cô cầm phong bì và mở ra. Cô thấy bên trong có một tấm bìa, trên mặt có ghi một nét chữ rất đẹp bằng mực đen:

‘Cô có ham chơi không?’

45 35 51 43 22 11 12 43 24 15 32/41 24 15 43 43 15 25 11 51 34 15

Để giúp cô, tôi chỉ nói một điều: chúng gồm 25, dù ta có thể thêm một thứ khác là gấp đôi của cái đứng trước nó, xếp hàng trong một hình vuông, 12345 và 12345 theo hoành độ và tung độ.

Chúc cô vui.’

Marion chớp mắt trước khi đọc lại bức thư lần nữa.

“Trò xuân ngọc này là cái quái gì vậy? cô thì thăm.”

Phản xạ đầu tiên của cô là ngẩng đầu lên và quan sát qua rèm cửa xem có ai đang theo dõi mình từ nghĩa trang trước mặt không. Nghĩa trang đó được xây trên một khoảng đất nhô lên khiến nó ở cùng độ cao với tầng nhà này. Ngôi nhà chỉ cách nó một con ngõ hẹp giữa những ngôi nhà và bức tường của nghĩa địa.

Không có ai.

Trời rất tối.

Marion bật cái đèn bên cạnh xô pha trong phòng ngủ rồi ngồi lên mấy cái gối tựa lưng.

Điều này có nghĩa là gì? Những con số đó...

“Thôi, được rồi... các người muốn chơi ư... Đây là cái gì vậy? Một kiểu nghi thức dành cho người mới đến chăng? Lễ thu nạp người mới hả?” Marion nói to.

Tim cô bắt đầu đập đều trở lại.

Cô để tấm bìa lên chiếc bàn thấp.

Thế bây giờ thế nào?

Đôi mắt cô nhìn kỹ dãy số.

Đây là một trò đố chết tiệt. Một câu đố mã hóa...

Và cô thì vẫn luôn yêu thích cái kiểu bí mật này, từ hồi còn nhỏ xíu. Ngay cả những trò chơi ô chữ cũng khiến cô mê mẩn, trong chừng mực nào đó thì đối với cô chúng là những câu đố nho nhỏ.

Vậy nên những con số này...

Ừ thì, cô đành phải tự thú nhận: chúng khiến cô tò mò.

Thế thì sao?

Vẫn còn kích động, cô không thể ngăn mình đưa mắt dò xét từng chi tiết của căn phòng.

“Thế thì, mẹ kiếp! Nếu nó đã làm mình hứng thú...,” cô buông một câu rồi đứng lên lấy trong túi xách ra một tập giấy ghi và một cái bút chì.

Dù đây là ý tưởng của vợ Anne hay của một trong những thầy tu thì thật ra cũng không có gì quan trọng.

“Xem nào...”

Chúng không giống những tọa độ mà giống một thông điệp mã hóa hơn. Những con số đều được ghép theo cặp. Một cặp có thể là một chữ cái hơn là một từ, như thế có vẻ hợp lý nhất.

Marion khép mí mắt lại để nhớ đến một từ cô học hồi thiếu niên... Nó từng ám ảnh tâm trí cô hàng năm trời... Một từ có âm ‘O’... Trời ạ, xưa như trái đất này...

“*ESARINTULO!*,” cô kêu lên.

Thứ tự những chữ cái được dùng nhiều nhất trong tiếng Pháp. Trước tiên là chữ ‘E’, sau đó là chữ ‘S’, chữ ‘A’, rồi cứ thế tiếp tục. Cô có thể thử thay những con số hay được dùng nhất bằng chữ cái hay được dùng nhất.

“Vậy thì ta có...”

Marion đếm. Số 43 và 15 xuất hiện nhiều nhất, mỗi số bốn lần. Rất có thể là ‘E’ và ‘S’. Số 15 xuất hiện ở giữa và cuối thông điệp, trong khi đó hai con số 43 đứng liền nhau ở giữa.

Hai chữ ‘E’ đứng giữa trong một từ? Ít có khả năng lắm. Ngược lại hai chữ ‘S’ thì hoàn toàn có thể. Marion chọn chữ ‘S’ cho số 43 và chữ ‘E’ cho số 15.

Tiếp đó số 11 và số 24 xuất hiện hai lần. Một chữ ‘A’ và một chữ ‘R’?

Marion chép lên tập giấy ghi những suy luận đầu tiên, thay thế những chữ chưa biết bằng một dấu nhân: $xxxSxAxSREx/xRESSExAxxE$.

Chẳng có gì rõ ràng cả. Mười một chữ cái cho một trong hai từ, cô nhận thấy thế. Như vậy rất ngắn. Có thể là quá ngắn để *ESARINTULO* có thể áp dụng được một cách đúng đắn.

Thoạt đầu câu được coi như lời chỉ dẫn có vẻ quá khó hiểu với cô và cô đã để nó sang một bên trong lúc suy luận; giờ thì đã đến lúc đưa nó vào phương trình.

‘Chúng gồm 25 dù ta có thể thêm một thứ khác là gấp đôi của cái đứng trước nó, xếp hàng trong một hình vuông, 12345 và 12345 theo hoành độ và tung độ.’

25 cái gì?

Marion đưa lưỡi liếm môi.

Cô vẽ một hình vuông lên tập giấy ghi. Từ góc trên bên trái, cô viết 1,2,3,4 và 5 cách một khoảng đều nhau theo đường ngang, như một hoành độ. Cô lặp lại y hệt đối với đường dọc, như một tung độ.

	1	2	3	4	5
1					
2					
3					
4					
5					

“Thế giờ thì sao?”

Có 25 ô phải điền, nhưng điền cái gì?

‘Chúng gồm 25, dù ta có thể thêm một thứ khác là gấp đôi của cái đứng trước nó.’

Cô buông thông bàn tay, nó đập vào tờ giấy.

“Ngu quá!”

Cô tìm cách thay thế các con số bằng các chữ cái.

“Bảng chữ cái!”

Chữ đúp của chữ đứng trước nó là W... V đúp. Và từ chỗ có 26 chữ cái tất nhiên ta chỉ còn lại 25.

Cô điền vào hình vuông theo thứ tự tăng dần, cách hợp lý hơn cả.

	1	2	3	4	5
1	A	B	C	D	E
2	F	G	H	I	J
3	K	L	M	N	O
4	P	Q	R	S	T
5	U	V	X	Y	Z

Tiếp đó cô xem xét dãy số.

45 35 51 43 22 11 12 43 24 15 32/41 24 15 43 43 15 25 11 51 34 15

Chỉ còn việc tìm giao điểm của các cột. Một hoành độ và một tung độ cho ta một chữ cái.

Cứ theo phương pháp này, số đầu tiên, 45, vậy là 4 và 5, có thể cho ta một là ‘T’ hai là ‘Y’. Rất ít từ bắt đầu bằng chữ ‘Y’, số đầu tiên của mỗi cặp số hẳn phải chỉ tung độ, số tiếp theo chỉ hoành độ. Cô bắt đầu thay thế các cặp số bằng những chữ cái tương ứng.

Móng tay cô đen sì và đất bám làm nổi rõ từng nếp da trên các ngón tay. Thịnh thoảng những vụn đất sẫm màu lại rơi xuống làm bẩn tờ giấy.

TOURGABRIEL/PIERREJAUNE

Lúc này, một tia sáng phơn phớt xanh chiếu vào căn phòng, khi mặt trời đã lặn. Chỉ còn lưu lại một vòng sáng màu hổ phách trong chu vi của cái xô pha và ngọn đèn bàn nhỏ.

“*Tháp Gabriel, viên đá màu vàng,*” Marion đọc.

Cô đặt tập giấy ghi lên đùi.

Chính xác là người ta muốn gì ở cô? Lôi cô ra bên ngoài, bằng trò lừa theo dấu vết?

Cô ngược mắt về phía cửa sổ. Nghĩa địa già thêm ba thế kỷ tuổi trong màn đêm, những cây thánh giá giờ đây trở nên hăm dọa, lớp địa y dính dáp nhầy nhụa đến khó chịu chảy trượt từ viên đá này sang viên đá khác. Ở xa phía trên, tu viện đồ sộ, vững vàng trên nền đá tảng vững chãi, canh gác cho ngôi nhà nhỏ.

Marion đi tìm cái bản đồ xứ Anne vừa đưa cho cô sáng nay, cô trải nó ra trên chiếc bàn thấp.

Tháp Gabriel là một khối kiến trúc có phần biệt lập, trên sườn Tây của Đỉnh. Một cái tháp tròn, bên bờ nước, có thể đi ra đó bằng hai đường. Một đường không thể đi được khi thủy triều lên, phải đi vòng bằng cách ra khỏi làng qua lối cổng chính để đến được Fanils*; đường kia phức tạp hơn một chút với kẻ mới nhập đạo, phải đi lên vùng đất cao của làng, đến tận đường tuần quanh tu viện rồi lại đi xuống theo cái đường gọi là ‘đường lên Fanils’ để tới được tháp Gabriel.

Tuy vậy với sự trợ giúp của bản đồ, việc này có lẽ sẽ không gặp bất cứ khó khăn nào.

Marion gấp bản đồ lại và xuống lấy áo khoác.

Tất nhiên cô sẽ đi ra đó. Giờ thì trí tò mò của cô đã bị kích động tột bậc. Nếu không thì làm gì khác nào? Tắm bồn rồi nói chuyện cả giờ đồng hồ về nguyên do của trò chơi con con này sao? Vô bổ.

Vô bổ và khó chịu.

Cô chỉnh lại hai vạt áo ấm, uống ực một cốc nước rồi cẩn thận khóa cửa sau khi ra khỏi nhà.

Con ngõ tối như đường ống cống. Nó giống một lạch cảng nhớp nhúa thời Trung cổ: một bên là tường móng nghĩa địa, một bên là dãy nhà nhỏ, khắp nơi là đá cổ, và thay thế cho cây đèn đường là một cái đèn lồng bằng sắt rèn tắt ngóm, khẽ kêu kẻo kẹt trong gió. Marion nhận ra mình không có đèn pin để soi đường hay ít ra là để nhìn bản đồ. May sao trong đầu cô hiện lên khá rõ con đường cần phải theo. Nghĩ đến việc đi bằng đường phía dưới là vô ích, cô đã thấy triều dâng lên chiều nay, giờ thì hẳn là nước biển đang liếm láp dãy thành lũy.

Cô rẽ sang trái. Mặt đường lát đá, vô hình, Marion bước trên một tấm lưới tối đen, một tấm lưới chỉ để lọt âm thanh.

Một cầu thang hiện ra bên phải, chạy dọc theo nghĩa địa để đi lên cao phía trên Đỉnh.

Cô dựng cổ áo cho đỡ lạnh cổ, đút tay vào túi rồi khép chặt khuỷu tay vào hai bên sườn và đi lên các bậc thang.

Lối đi chật hẹp, rẽ ngoặt nhiều đoạn, uốn lượn giữa những bức tường con tróc vữa và những ngôi nhà cổ. Marion chẳng mấy chốc đã ở phía trên ngôi làng, nơi rất ít ánh sáng hắt lên.

Những con phố vắng ngắt.

Cô đang ở dưới chân tu viện. Một pháo đài tuyệt vời của đức tin, hùng mạnh và quyền uy ngay trước vịnh. Marion bước đi một lúc dưới sự che chở của nó, cho đến khi tìm ra một cầu thang lớn dẫn tới một con đường ngoằn ngoèo giữa những cái cây to dẫn tới Fanils.

Gió đã mạnh hơn. Tháp Gabriel hiện ra ở dưới thấp, một phần bị che lấp bởi thảm thực vật bao phủ phần phía Tây và phía Bắc của ngọn đồi. Khá cao và đặc biệt là rất rộng, ngọn tháp bị cô lập với phần kiến trúc còn lại của Đỉnh, tựa như một kẻ bị ruồng bỏ.

Tiếng sóng dồi hòa với tiếng gió rền rĩ.

Cuối cùng Marion cũng đến được một cái cửa ngàm mở sẵn dẫn vào bên sườn tháp.

Một làn sóng biển hung hãn xô đến đập vào phía bên kia tháp, dữ dội vỡ òa trên đá.

Sau nhiều phút bao quát toàn bộ khung cảnh, Marion thấy bối rối khi phải di chuyển ở cùng độ cao với mực nước biển. Cô đã mất đi cảm giác tự tin, làm chủ tình huống, để trở nên dễ bị tổn thương, dễ bị nắm bắt.

Phải rồi, chính là từ đó. *Dễ bị nắm bắt.*

Nhìn từ trên xuống, khoảng mênh mông màu đen đang bao quanh cô có vẻ đẹp đẽ và vô hại như một bức tranh, kể từ phút này biển có thể dùng một cái xúc tu hung hãn hơn những cái khác để đớp lấy cô, chỉ cần một cơn giận đột xuất nổi lên là sẽ cuốn cô ra khơi xa.

Quang cảnh thiếu ánh sáng khiến mỗi âm thanh đều bị khuếch đại lên một cách khó chịu. Marion rụt cổ sâu vào áo khoác. Cô không sợ. Không thoải mái vì đang ở sát biển trong đêm, nhưng cô không cảm thấy sợ. Lần này cô đã đến được tháp Gabriel. Chỉ còn việc tìm ra viên đá vàng thôi.

Con đường biển mất phía sau cô; lối đi bằng đất chạy xuôi xuống bãi đá. Một cung tròn sáng đột nhiên xuất hiện phía cuối lối đi. Nó vừa vỡ tan vừa gào thét, giội bọt lên những vách đá. Biển bất động một giây trước khi rụt lại, như một đầu lưỡi khổng lồ vừa nếm vị của đất ở chỗ đó. Phía trên, bầu trời khi tối sầm lúc lóe sáng, như thể ai đó chơi trò chiếu gương tạo ra những luồng sáng đan xen hỗn loạn.

Marion đứng cách bờ hai mươi mét, tóc rối tung trước gió tạt mạnh. Cô không hối hận vì đã xuống đây. Khung cảnh này xứng đáng với nỗ lực đó.

Một viên đá vàng, mà chỉ việc tìm thấy một viên đá vàng nữa thôi rồi xem xem cái trò con con này sẽ dẫn đến đâu.

Cô lần từng bước một, dò xét kỹ mặt đất và tìm cách nhìn rõ những vết hiem hoi màu sáng hơn rải rác trên mặt đất. Chẳng mấy chốc cô đã đi qua cái tháp, tiến gần đến mặt biển cách nơi cô đứng chưa đầy một mét.

Biển uốn lượn, không ngừng nghỉ, ồn ào đập vào bờ đá. Marion giữ khoảng cách xa nhất có thể, gặt hái thành quả cho sự liều lĩnh của mình bằng xi lẫn muối của đại dương.

Không hề có vết tích của viên đá vàng.

Trừ phi nó nhỏ xíu và được giấu trong bụi cây ven bờ, không có đèn thì không thể nhìn ra.

Marion đi đến cuối đường, phía bên kia là biển đang mở rộng vương quốc.

Đá vàng...đá vàng... vấn đề là phải tìm ra nó!

Cô quay ngược lại và đi về phía cái tháp.

Hằng hà sa số những đốm trắng nhợt phủ đầy trên mặt đất. Một quầng sáng lớn hơn và xỉn hơn áp sát vào tường tháp Gabriel, một tảng đá nhỏ. Rất có thể có màu vàng.

Marion kéo nó ra phía sau. Nó khá nặng. Tảng đá lăn sang một bên, tiếng lăn xào xạo bị tiếng sóng gầm át đi.

Marion vung tay chộp lấy cái phong bì vừa được giải thoát trước khi nó kịp bay mất.

Không có gì viết trên đó cả.

Cô cất nó vào túi.

Có tiếng rít phía trên đầu cô.

Lúc đầu thì nhẹ nhàng. Rồi to dần lên. Có cái gì đó đang bắt đầu hút mạnh không khí vào, như một con vật khổng lồ bị hen suyễn.

Marion dò xét kỹ càng cái tháp và hình như đỉnh tháp là nơi tiếng động thoát ra. Tiếng rít lặng đi.

Những âm thanh cuối cùng của nó bị một tiếng động lòng nuốt mất, như mặt nước đột nhiên bị một nắp van đóng sập xuống che đi. Không khí chột

vang lên những tiếng động chói tai dữ dội, khô hơn tiếng sấm, và cũng rộng hơn. Marion giật nảy mình.

Tiếng vọng vang dậy trong tháp. Và Marion hiểu khi nhìn thấy biển lùi ra xa, có nhiều hố mở quanh chân tháp, giống những lỗ châu mai nằm ngang, qua đó những đợt sóng mạnh có thể chui vào tháp và đập vào cấu trúc bên trong. Khi rút đi, nước tạo nên một lực hút gió làm xuất hiện tiếng rít dài.

Marion đã chứng kiến đủ rồi, cái lạnh bắt đầu thấm vào cô và nếu vừa này cô mới chỉ cảm thấy khó chịu, thì lúc này cô phải thú nhận mình không còn tự tin cho lắm.

Khi đi ngược lại đường tuần quanh tu viện cũng chính là lúc cô nhìn thấy cái bóng lần đầu tiên. Một bóng người ở bên dưới, trong con hẻm bên cạnh cách chỗ cô đứng vài mét. Một kẻ cô vừa nhìn ra và hẳn là đến lượt hẳn cũng vừa nhìn ra cô, nhìn vào cái cách hẳn vừa đi vừa dừng lại ngẩng đầu về phía cô thì biết. Không may, hẳn ở quá xa nên khó mà trông rõ.

Marion rảo bước. Còn chưa muộn nhưng gió thổi rất mạnh, đủ mạnh để khiến không ai muốn ra khỏi nhà. Họ đang đợi bão, không còn nghi ngờ gì nữa. Và sự hiện diện của kẻ này khiến cô không yên tâm chút nào.

Như được gió lốc cuốn đi, cái bóng di chuyển rất nhanh, nhưng vẫn tiếp tục theo dõi Marion.

Cô lại không hề muốn gặp bất kỳ ai, nhất là một kẻ xa lạ. Không phải lúc này. Cô đi xuống loạt bậc thang thứ nhất, nhìn lướt qua loạt thứ hai. Hành lang chật chội rẽ sang phải, giữa hai ngôi nhà trống, rồi sang trái, lại ngoặt một lần nữa trước khi dẫn đến các bậc thang khác. Marion lao xuống các bậc thang theo đúng nghĩa đen của từ này. Tai cô đau vì phải chịu đựng những đợt tấn công của cơn bão đang hình thành.

Cuối cùng cô cũng đến trước con hẻm đó, con hẻm của cô, gió đã dịu hơn. Cô dẫn những bước đầu tiên vào cái lạch tằm tối, rồi khựng lại trước một vật cản bất ngờ, một khối đặc mà các vật thể húc vào rồi lại bật ra.

Nó ở đó.

Trước mặt cô.

Luồng sáng lạng lẽ trời lên, chiếu thẳng vào mặt Marion. Cô thụt lùi một bước, giơ tay lên che mắt.

“Này!” Cô phản đối.

Không có phản ứng gì phía đối diện.

Marion chỉ kịp nhận ra kẻ lạ cao hơn cô rất nhiều, và rất vạm vỡ.

“Anh không định hạ cái đèn của anh xuống à!” Cô thốt lên. “Anh làm tôi lóa mắt đấy.”

Cô không nhìn thấy anh ta nữa, nhưng nghe thấy tiếng anh ta di chuyển. Đôi giày của anh ta kêu xào xạo trên đá lát đường.

“Này, tôi đang nói với anh đấy!”

Ngọn đèn phụt tắt.

“Tôi không biết cô, cô là ai?” Người đàn ông nói bằng giọng miền Bắc.

“Gì cơ? Anh đùa đấy à? Anh mới là người quấy rầy tôi với ngọn đèn của anh!”

“Đây là công việc của tôi, cô ạ. Tôi là người gác Đỉnh. Thế còn cô?”

Marion bớt căng thẳng một chút. Cô nhận ra một áp lực nặng hơn cô tưởng vừa rời khỏi lưng mình.

“Tôi là... khách mời của các thầy và các xơ để...”

“Tôi cũng tự nhủ thế. Cô ở cùng dòng tu. Đó là điều tôi nghĩ khi trông cô không quen lắm. Gaël, thầy Gaël, đã báo trước với tôi là họ sẽ đón một phụ nữ ở ẩn trong mùa đông này. Thứ lỗi cho tôi nếu đã làm cô sợ.”

Marion tức tối khi người ta có thể nói là cô sẽ ở đây suốt mùa đông.

“Thôi được rồi, không nói chuyện đó nữa,” cô nhấn mạnh. “Tôi tên là Marion.”

“Còn tôi là Ludwig.”

Anh ta chìa cái đèn vào mặt, từ dưới lên, rồi bật nó để lộ diện.

“Như thế này, từ giờ trở đi cô sẽ nhận ra tôi,” anh ta cười khúc khích.

Anh ta quả thật rất cao, phải đến một mét chín, hơi mập, má tròn, một vòng ria bao quanh miệng. Đôi mắt anh ta cũng đen tuyền như mái tóc cắt ngắn. Năm ba mươi tuổi, Marion nhận định.

“Cô không nên ở bên ngoài, bão đang đến,” anh ta thông báo. “Chẳng mấy chốc mưa bão sẽ mạnh lắm đấy.”

“Thì tôi đang về nhà đây, tôi đi dạo một chút.”

“À, ừ thì, đừng có đi lâu quá. Tôi đi tuần nốt vòng này rồi chui vào chỗ an toàn đây, sau đấy sẽ chẳng còn ai ngoài đường đâu.”

Marion chỉ vào con hẻm chạy dài phía sau anh ta.

“Tôi ở đây...”

“Ôi, xin lỗi.”

Anh ta nép sang một bên cho cô qua.

“Được rồi, thế nào chúng ta cũng sẽ có dịp làm quen nếu cô ở đây cả mùa đông với chúng tôi. Chúc ngủ ngon, thưa quý cô.”

Cô gật đầu và có chút vui mừng khi tìm thấy cánh cửa của mình.

Cô không ưa từ ‘quý cô’ mà anh ta nói cho lắm. Trịnh trọng quá. Bản thân anh ta bao nhiêu tuổi nhỉ? Ít hơn cô năm, sáu tuổi chẳng? Anh ta nói cứ như thể tồn tại cả một thế giới giữa hai người. Cứ như thể cô đã... già.

Dễ tự ái quá.

Ờ, thế thì sao?

Cô khóa cửa lại rồi bật đèn trần ở lối cửa vào.

Cô nghĩ sao mà lại ra ngoài thế này nhỉ?

Cô thọc tay vào túi lôi cái phong bì ra.

Cô lắc đầu nhẹ, chán chường vì chính thái độ của mình.

Rồi cô đặt phong bì đó lên cái bàn một chân.

Bình minh xám xịt. Và ồn ào.

Cơn bão đã đổ đợt tấn công đầu tiên trong đêm, nhiều lần đánh thức Marion. Lúc này chỉ còn chút dư âm, một cơn gió thổi không ngừng, rít lên khi đập vào tường và biến toàn bộ vịnh thành một khoảng trời rộng tối tăm, nơi không thể phân biệt được biển và không khí.

Marion từ từ mở mắt.

Trên bàn đầu giường mở ra một tờ giấy màu kem, loại giấy tốt. Một nét bút thanh nhã viết lên đó những từ sau:

‘Hoan hô.

Hoan hô, và xin chào mừng.’

Tờ giấy chỉ vừa bị vò nhàu, một động tác bực bội tối qua, khi Marion mở cái phong bì trước lúc ngủ.

Cô tỉnh dậy trước tám giờ. Cô xuống phòng dưới, mặc cái áo choàng ngủ ‘mượn tạm’ của một khách sạn sang trọng tại Luân Đôn trong một cuộc hội thảo quốc tế về ngành pháp y, lần đó cô đi tháp tùng bà giám đốc Viện Pháp y Paris. Có người đã luồn qua khe nhận thư trên cửa một mảnh giấy, giờ nó đang nằm trên nền gạch của phòng ngoài. Marion thở dài rồi nhặt mảnh giấy lên.

Không có câu đố và không dẫn đến đâu, cũng không phải thư nặc danh, thật may.

Lần này không có câu chữ khó hiểu, xơ Anne giải thích rằng bà sẽ ở khu nhà ở của tu viện suốt ngày và Marion có thể đến đó gặp bà. Thứ Sáu là ngày *Khổ hình*, không một thành viên nào của dòng tu dùng bữa, cô sẽ phải

ăn một mình và bà kết thúc thư với hy vọng cơn bão đã không quá làm phiền cô khi ngủ.

Marion nhường mày rồi thả rơi mảnh giấy xuống đất. Vẫn còn đờ đẫn vì vừa thức giấc, Marion mở tủ lạnh, bên trong cô thấy có nước cam. Cô ăn bánh bích quy, ngồi trên chiếc xô pha lớn, lơ đãng quan sát các nóc nhà qua cửa sổ.

Hôm nay cô không muốn gặp các thầy tu và các xơ một chút nào, nhất là không muốn nghe gì về Giêsu, Thượng đế, Nhà thờ hay nói chung là tôn giáo. Cô khao khát được yên bình thực sự, một sự yên bình hoàn toàn cá nhân.

Cô đi tắm, mặc quần jean và một cái áo len rộng trước khi gọi cho khu nhà ở của tu viện theo số ghi trên danh sách đặt cạnh điện thoại. Cô giải thích với xơ Anne mong muốn được ở một mình rồi cúp máy. Cô không đã động gì đến câu đố tối qua, nhất là việc cô đã ra khỏi nhà. Mọi việc sẽ tự sáng tỏ, hoặc không.

Cuối cùng, ngày hôm đó trôi qua nhanh hơn cô tưởng.

Buổi sáng, cô thách thức cơn gió vẫn thổi rất mạnh bằng cách đi dạo trên Phố Lớn của làng. Ngoài quán Mẹ Poulard, chỉ có một quầy hàng mở cửa. Số du khách ngoan cố ít ỏi của mùa đông cũng đã tan rã sau thông báo có bão. Marion chỉ còn lại một mình trên phố.

Khi cô bước vào quầy bán đồ lưu niệm, chị bán hàng nở nụ cười tươi tắn nhất với cô và nài nỉ cô mua một tấm bưu thiếp để quầy hàng không mở cửa vô ích. Cả hai cùng cười và nhanh chóng bắt thân với nhau. Họ làm quen sau vài cốc cà phê. Chị bán hàng tên là Béatrice, bốn mươi tư tuổi và sống trên Đỉnh với cậu con trai Grégoire, mười tám tuổi. Rất nhiều lần, Marion nhận thấy đó là một phụ nữ đẹp, mái tóc cắt kiểu đầu vuông màu hung đỏ, một cái mũi thanh mảnh trên đôi gò má cao, và quả là đáng tiếc cho chị khi sống một mình tại chốn lưu đày tận cùng thế giới này. Hẳn là ở đây sẽ không có nhiều đàn ông quyến rũ, ngoài những khách quen, dạo hết một lượt chẳng tốn mấy thời gian và nếu chị đã không tìm được chiếc giày vừa với chân mình thì...

Béatrice nhanh chóng thổ lộ với cô rằng chị đã ly dị, và sống độc thân từ lâu rồi.

“Còn em thì sao?”

Marion trả lời bằng một nụ cười căng thẳng.

“Chưa bao giờ lập gia đình, chưa bao giờ có con, chưa bao giờ ly dị, tóm lại là chưa bao giờ mạo hiểm,” cô nói liền một hơi.

“Do bận công việc hay do em chưa bao giờ gặp đối tượng thích hợp?”

“Em nghĩ việc này ảnh hưởng đến việc kia, và ngược lại.”

“Mẹ kiếp, em nói cứ như mọi việc đã xác định rồi ấy. Em rất có duyên, Marion ạ, mà không phải nịnh hót đâu nhé, chị thấy thế thật đấy. Em bao nhiêu tuổi rồi?”

“Ba chín ạ.”

Béatrice thối phù làn khói thuốc lá rồi liếc xéo cô.

“Thế mà em đến Mont-Saint-Michel để tìm Chén Thánh cho mình ư? Em thân mến ơi, công cuộc tìm kiếm chàng hiệp sĩ tận tâm, à xin lỗi, chàng hoàng tử quyến rũ, không thể thành công ở nơi không một bóng người...”

“Em đi ở ẩn. Cùng với dòng tu.”

Marion lặp lại y nguyên những lý lẽ mà vợ Anne đã nói với cô. Cô đi ở ẩn mùa đông hoặc ít nhất là vài tuần, chạy trốn sức ép của thành thị, để tìm sự thanh thản. Vợ Anne yêu cầu cô không nói bất kỳ điều gì liên quan đến cuộc sống thật của cô, bịa tên họ giả nếu phải xưng tên, vì thận trọng, không ai ngoài dòng tu được biết lai lịch của cô.

Điều tồi tệ hơn cả, cô tự nhận thấy, là cô cảm thấy có thể nói dối dễ dàng đến mức ngạc nhiên. Căn hộ của cô ở Paris, gần Ga phía Đông, được biến thành một căn nhà ở Choisy-le-Roi, nghề nghiệp tại Viện Pháp y trở thành giám đốc nghệ thuật cho một hãng quảng cáo nhỏ, và cứ thế tiếp diễn đối với những ‘thủ tục’ về sự tồn tại của cô. Khó hơn cả là nói dối về khía cạnh tinh thần trong sự hiện diện của cô ở Đình. Cô không có đức tin, không thiên ngộ, không phong thủy và những thứ khác, đời sống tinh thần của cô

nằm trong những đĩa nhạc của Aretha Franklin, Janis Joplin và Rickie Lee Jones.

Béatrice mời cô ăn trưa tại nhà chị, ngay phía trên quầy bán hàng. Grégoire không ở nhà. Cậu đã nghỉ học một năm trước và đang kiếm việc tại những công ty nhỏ trong vùng. Cậu mượn ô tô của mẹ và phần lớn thời gian cậu ở bên ngoài Đỉnh.

Hai người phụ nữ nói đùa rất nhiều và cùng khám phá lẫn nhau, Marion đề nghị trông cửa hàng hộ một hai ngày khi có dịp nếu việc đó có ích cho Béatrice, đổi lại, Béatrice hứa là sẽ dẫn cô đi dạo trên đất liền nếu có ngày cô cảm thấy chật chội sau những pháo đài này.

Marion về nhà vào cuối buổi chiều và nấu bữa tối bằng chỗ rau tươi chất trong tủ lạnh. Xơ Anne đã giải thích cho cô nguyên tắc đi chợ, cô chỉ cần đưa danh sách những thứ cần mua rồi ít nhất một tuần một lần, một hoặc hai thầy tu sẽ đến Avranches mua đồ.

Ít ra cô cũng giành được quyền được phục vụ tại nhà.

Cơn bão lại nổi lên vào đầu giờ tối. Mưa trút trên mái nhà một cách điên cuồng đầy ấn tượng. Các ống khói chẳng mấy chốc đã biến mất trong một lớp mù xám nhạt, điểm xuyết bằng những ánh chớp thi thoảng lại lóe lên phía xa.

Marion bắt đầu quen với phòng khách mới của mình. Cái cửa sổ dài là tâm hồn của nó, cô hiểu vậy. Một cách trực tiếp nắm bắt cuộc sống nơi đây, ngôi làng, rồi cái vịnh, và phía xa là nền đất lục địa.

Cô thiu thiu ngủ trước ti vi, rồi tỉnh dậy vào giữa đêm. Mưa rơi êm hơn, và sấm đã rời bỏ bãi cát bên bờ biển. Chỉ còn vài ánh chớp cô đơn phía chân trời.

Marion ngấm nhìn cảnh tượng đó trong nhiều phút. Nó hẳn phải giống với những gì xảy ra trong cuộc đổ bộ năm 1944. Những ánh sáng ma quái xé nát màn đêm, rồi âm vang ầm ì của súng đại bác. Và không một tiếng người trong cảnh hỗn loạn đó.

Marion tắt ti vi và lên gác đi ngủ.

* * *

Hai ngày cuối tuần cũng trôi qua như vậy. Các thầy và các xơ làm lễ trong tu viện trước một khoảnh đất đầy những tín đồ cuồng nhiệt đã thách thức thời tiết xấu để đến Mont-Saint-Michel, Marion thích ở một mình hơn. Cô đi thăm Béatrice và dùng cả hai ngày để sắp xếp vài món đồ của mình trong nhà.

Sáng thứ Hai, bão ngừng.

Như dự tính, buổi sáng thầy Damien đến tìm Marion để chở cô tới Avranches nơi họ phải sắp xếp những tài liệu trong khu lưu trữ cổ. Chiếc Simca cũ kỹ đưa họ ra khá xa Đỉnh, đến tận quảng trường tòa thị chính nơi họ đậu xe giữa những vũng nước màu nâu dâng ngập những ổ gà.

Thầy Damien trình giấy phép vào cửa, chào từng người trong đám nhân viên bằng tên riêng, trong khi Marion lặng lẽ theo sau. Họ đi lên một cái cầu thang treo đầy tranh ca ngợi vinh quang của những người nổi tiếng đã làm nên lịch sử thành phố, rồi đi vào thư viện.

Marion ngỡ mình vừa bước vào một giáo đường bằng gỗ. Các giá sách rất cao, biến những quyển sách thành một khối tri thức duy nhất, chỉ có thể đạt đến bằng những cái thang nhỏ dốc đứng. Một lối đi hình chữ ‘U’ chạy gần hết một vòng quanh căn phòng, hẹp và bấp bênh, dẫn đến các tầng giá sách cao hơn mặt sàn đến năm mét.

Thầy Damien kéo cô ra khỏi dòng suy tưởng.

“Cô có biết rằng trong số những bản thảo viết tay lưu trữ tại đây có những đoạn thuộc một quyển Kinh Thánh từ thế kỷ thứ 8 không? Thật phi thường, phải không?”

“Tôi vô cùng choáng váng đấy,” Marion thì thầm.

Sàn nhà kêu cọt kẹt như cây cầu dẫn lên chiếc thuyền ba cột buồm cũ kỹ khi họ đi qua.

“Nó được bảo quản trong căn phòng bên cạnh, trong một cái két khổng lồ, như két ngân hàng ấy. Phải đeo găng trắng mới được chạm vào, cô biết

đấy!”

“Tôi cũng nghĩ thế...”

Thầy Damien nói chuyện với người quản lý, một người đàn ông nhỏ bé cũng có vẻ vui tươi, đầu mũi đeo đôi mắt kính hình bán nguyệt, rồi họ đi theo cầu thang xoáy ốc dẫn lên lối đi tầng trên.

Những quyển sách xếp hàng dài tới nỗi nhìn đến tận cuối hàng trông chúng mảnh và nhỏ như những cái móng tay. Marion cúi người bên lan can để tì tay lên đó. Từ thời niên thiếu cô đã phát triển một luận thuyết theo đó mọi chìa khóa của vũ trụ được tập hợp ở nhiều điểm trên trái đất này: các thư viện. Một cá nhân hiểu biết tất cả những cuốn sách của một vài thư viện sẽ có thể hiểu được thế giới này, đến tận những góc cạnh thâm kín nhất, hoang dại nhất. Đọc hết, để có thể thiết lập những đối chiếu, biết được những điều bị bỏ qua - nhiều khi rất ngớ ngẩn - của các nhà khoa học. Điều cốt yếu đã ở trong tầm tay chúng ta, nhưng bị phân tán, cần phải có một trí tuệ để thẩm thấu tất cả; có các chuyên gia trong mỗi lĩnh vực, nhưng không ai bao quát được mọi lĩnh vực cả. Chỉ cần chọn đúng các thư viện, có thể là chục cái, một kiểu sephiroth* vật chất hướng tới cái tuyệt đối, và thế là trí tuệ sẽ trở thành người nắm giữ Tri thức, lập luận của nó sẽ tạo ra những phân tích, trao đổi và kết luận để dẫn tới hiểu biết. Sự bất khả của nhiệm vụ với một bộ óc duy nhất và một cuộc đời duy nhất phản ánh toàn bộ sự thật của hiểu biết tối hậu này: nó không nằm trong tầm tay con người. Marion vẫn hay nghĩ đến chuyện đó. Tại sao không chỉ đơn giản chấp nhận là ta không có đủ khả năng thật sự hiểu hết vũ trụ? Làm sao tưởng tượng được một con mèo có thể lập luận về tầm quan trọng của thuyết tương đối? Dẫu vậy điều đó không có nghĩa là con mèo không thể suy ngẫm, phù hợp với khả năng của nó, tùy theo những phương tiện nó có. Lập luận này cũng không bao hàm việc ta ngừng ham muốn hiểu biết, tất nhiên rồi, nhưng con người sẽ trở nên khiêm nhường hơn, bớt ham hố, và quan niệm về tri thức sẽ không còn giống một sự xâm phạm, mà giống một sự suy ngẫm hơn. Vì rằng sớm muộn gì, trái đất này, với tầm vóc của nó, sẽ nhắc nhở chúng ta về cái giá phải trả cho mọi việc.

Tay Marion siết chặt lấy thành lan can.

Đã lâu rồi cô không có những suy nghĩ kiểu này. Một kiểu bảo vệ thiên nhiên giả tạo, choáng ngợp trước phong cách hippie dễ thương. Hoàn toàn không giống những gì cô tự đánh giá về mình. Ấy vậy mà... Nếp cũ trong công việc, nhu cầu được hòa nhập với xã hội, có một tài khoản trong ngân hàng, những hóa đơn thanh toán, một đời sống xã hội, tất cả những điều đó, năm này qua năm khác, lôi cô xa dần khỏi con người cô trước đây, hồi trẻ hơn, xa với những suy nghĩ cực đoan, không tuân theo lễ thói của cô. Cái mà một số người coi là sự chín chắn chợt xuất hiện trong mắt cô như một sự tẩy não. Và rồi bỗng nhiên bị cô lập, không được gặp số bạn hữu hiếm hoi, ẩn cư tại nhà, chỉ làm mỗi việc là suy nghĩ, tất cả dần khơi dậy cái phần bị lãng quên trong cô, hoặc ít ra là cô tưởng đã qua.

“Khổ quá!” Người quản lý kêu lên từ phía bên dưới. “Đừng có chồm người qua lan can như thế, nó không chắc lắm đâu!”

Marion vừa đứng thẳng người lên vừa gạt đầu ra hiệu cho ông ta. Thầy Damien đã biến đâu mất.

Cô đi theo con đường duy nhất đến một góc nơi có bốn bậc thang dẫn lên một cái cửa mở hé.

“Cô vào đi, đừng sợ,” thầy Damien mời cô với vẻ ngây thơ mà trước giờ thầy vẫn thích thể hiện.

Marion đi vào tầng áp mái, tới một căn phòng hình chữ nhật, trần thấp, dọc ngang là những cái giá sụp xuống dưới sức nặng của những cuốn sách, tạp chí cũ, báo định kỳ địa phương, bản đồ và ký họa về các loài chim. Những ô cửa con ở mỗi đầu căn phòng để lọt qua chút ánh sáng, chỉ vừa đủ để đi lại mà không bị vướng chân vào những chồng từ điển bách khoa toàn thư hay những tạp chí cũ nằm lay lắt đây đó trên sàn nhà.

“Phòng làm việc của chúng ta trong những ngày sắp tới đây,” ông thầy nói đùa.

“Tất cả đều thuộc di sản của Mont-Saint-Michel ư?”

“Không, không hề, nơi đây thuộc về thành phố Avranches, chúng ta chỉ đến kiểm kê thôi, tòa thị chính thuê chúng ta làm việc này. Các thầy hoặc

xơ của dòng tu đều là người làm công, không phải để làm giàu mà chỉ để đủ sống. Thường thì chúng tôi làm việc nửa ngày. Thôi, ta còn nhiều việc phải làm đấy!”

Thầy Damien đưa cô một quyển sổ và một cái bút rồi phân công cho cô toàn bộ phần bên trái. Cô có nhiệm vụ liệt kê tỉ mỉ tất cả các cuốn sách, bằng tay và không được sắp xếp theo cách nào khác với cách chúng đã được sắp xếp tương đối.

Marion đứng trước hàng trăm mếp sách cũ nhàu chõng chất trước mắt. Và cô bắt tay vào việc.

Nhận thấy họ sẽ ở đây vài ngày nên cô đề nghị thầy Damien ngày mai tìm một cái đài, để ít ra có thể nghe chút nhạc. Ông thầy đón nhận ý kiến đó với một cái nhăn mặt và nhắc nhở Marion về tác dụng của làm việc trong im lặng, đối với tư duy và cầu nguyện.

Phía sau tính cách vui vẻ thường trực, thầy Damien dù sao cũng vẫn là một thành viên của dòng tu, Marion tự nhắc mình.

Trong vòng hơn ba giờ đồng hồ, cô sắp xếp và ghi lại những báo định kỳ, báo ngày và tạp chí thời sự của giai đoạn từ suốt nửa sau thế kỷ 19 và những năm 1910, 1920, 1930 cùng các số báo của những năm 1940. Các tờ bìa tóa ra thứ mùi đã bị quên lãng của những thuộc địa, những năm tháng điên rồ, điệu nhảy foxtrot, và những chuyến du lịch bằng tàu thủy hay khí cầu có lái. Và mùi của chiến tranh - Nền công nghiệp chiến tranh.

Đến cuối buổi sáng, từ những hình ảnh cũ kỹ về những nền văn hóa xa xưa cùng sự quyến rũ ngọt ngào của chúng, Marion chuyển sang trạng thái phiền muộn và chán ghét con người.

Trưa đến, thầy Damien dẫn cô vào một quán bia trên quảng trường, cùng người quản lý thư viện và vài nhân viên của tòa thị chính. Marion giữ im lặng, được thầy Damien giới thiệu là một người ở ẩn trong dòng tu của thầy. Cô rời đi lúc họ dùng đồ tráng miệng và đi mua báo *Ouest-France* tại quán cà phê đối diện rồi ngồi đó đọc.

Vụ tai tiếng buộc cô phải rời Paris vẫn được đưa lên trang nhất. Ai cũng chỉ nói về vụ này.

Cô đọc lướt tờ báo. Rồi ánh mắt cô hướng tới cái điện thoại gần nhà vệ sinh. Cô muốn gọi điện cho mẹ đến chết đi được. Được nghe tiếng bà, nói với bà rằng mọi việc đều ổn, rằng bà không có gì phải lo lắng.

Người đàn ông của UBGSLT đã tuyệt đối cấm cô. Để giữ an toàn cho cô, cho những người cô yêu quý. Marion chỉ có vài giờ để tạm biệt người thân, giải thích với họ rằng cô phải lánh đi trong lúc chờ mọi việc lắng xuống, có lẽ là quãng thời gian đủ để mở ra một vụ kiện. Nếu có thể.

Cô có một thẻ gọi điện thoại trong ví, cạnh cái thẻ tín dụng mà UBGSLT đã đưa cho cô sau khi cấm cô không được dùng thẻ tín dụng của mình cho đến khi có lệnh mới. Có rất ít tiền trong tài khoản, chỉ đủ cho vài chi tiêu tối thiểu.

Chỉ một cú điện thoại ngắn thôi... để được nghe giọng mẹ...

Và để làm hỏng hết mọi chuyện!

Cô trả tiền cà phê rồi đi ra ngoài. Những người khác vẫn ngồi lại bàn.

Marion đi qua quảng trường vào tòa thị chính. Cô lên tầng áp mái tiếp tục công việc của mình dù không tìm thấy công tắc để bật đèn nề ông. Giữa các giá sách rất tối. Thật khó khi phải nhận dạng những quyển sách cũ nát, phải lôi chúng ra và mở trang lót để đọc tên sách ở bên trong. Cô làm như vậy trong vòng mười lăm phút đồng hồ trước khi chuyển tới tầng giá sách thấp nhất.

Marion xoa đầu gối rồi ngồi phệt xuống sàn nhà, miệng gặm cán bút. Ở tầng giá này, những cuốn sách có kích cỡ nhỏ hơn nhưng được xếp chồng chất lẫn lộn lên nhau, bám đầy bụi. Một tờ phiếu bằng bìa được gài vào bên cạnh giá sách: *'Di sản của thư viện tu viện Mont-Saint-Michel - 1945 hoặc 1946 - cần lên danh mục và sắp xếp.'* Cái phiếu màu vàng xỉn, nhiều khả năng đã ở đây từ mười lăm hay hai mươi năm nay rồi.

Tất cả những gì hiện diện trong căn phòng này đều là những đồ xếp xó của thư viện, người ta trưng bày những hiện vật đẹp nhất bên dưới còn những gì ít giá trị thì ngủ tại đây một thời gian dài.

Marion tập trung chú ý vào di sản này của tu viện. Chừng năm chục cuốn sách, thoạt nhìn thì thấy thấy đều được in bằng tiếng nước ngoài.

Sau khi gỡ nhanh vài quyển, Marion nhận thấy phần lớn sách viết bằng tiếng Anh, vài quyển bằng tiếng Hà Lan và một ít bằng tiếng Đức.

Cô vẫn luôn có chút yếu lòng với những bản in cổ, nhất là những quyển sách viết cho thiếu nhi, chúng tỏa mùi bụi, mùi mốc và mùi thời gian. Cô đọc trôi chảy tiếng Anh, nên cô quan tâm tới tiêu đề của những cuốn sách trên cùng.

Toàn tác giả cô không biết.

Henry James chợt xuất hiện. Marion túm lấy gờ quyển sách để lôi ra ngoài, cô nhắm mắt lại. Rồi cô xếp nó vào và lại tiếp tục. Virginia Woolf bị chìm giữa những sách dạy ăn mặc đúng đắn trong xã hội.

Một tập sách in khổ đôi nổi hẳn lên nhờ bìa sách màu đen. Nó ‘bị thương’, phía bên dưới gáy sách bị rách lộ ra những sợi chỉ rúm ró. Tên tác giả gần như biến mất giữa hai đường chỉ gân sách, hao mòn sau nhiều thập kỷ. Marion đọc tên cuốn sách bằng tiếng Anh, vẫn còn đọc được vì nó mạ vàng. Cô rút cuốn sách ra, nhiều hạt trắng rơi xuống nền nhà rồi lăn vào tận các kẽ hở của lớp gỗ dán.

Đó là một câu chuyện cô từng say mê. *Chuyện kể về Arthur Gordon Pym* của Edgar Allan Poe. Cuốn tiểu thuyết kết thúc bằng một câu lửng, cuốn sách duy nhất cô biết không có kết thúc, nó dừng ở ngay giữa một chương, tại một nút thắt được để mở ít nhất. Cô gi mũi vào quyển sách. Nó có mùi đặc trưng của đồ cũ. Lúc còn nhỏ, cô rất hay đến nhà ông nội, ông có một thư viện lộng lẫy với vô vàn những cuốn sách cũ. Marion say mê mùi của chúng, cô nghĩ rằng chính mùi hương trên ngón tay hàng ngàn độc giả đã tạo nên bó hương quyển rũ đó. Poe có những phẩm chất gợi ký ức tương tự Proust, Marion nhận xét.

Mặt bìa của quyển sách hơi phồng lên, lớp da đã rạn. Marion gỡ trang đầu tiên.

Cô gỡ những trang tiếp theo.

Lông mày cô nhướng cao. Mí mắt dưới của cô như trĩng xuống. Đúng là những trang sách được viết bằng tiếng Anh. Nhưng không có một chữ in nào cả. Toàn là những trang được viết tay với nét chữ thẳng, liền nhau.

'March, 16th,

I asked Azim to fetch...'

Marion lật những trang tiếp theo. Toàn bộ cuốn sách đều cùng một nét chữ. Cô quay lại phần đầu của thứ giống một quyển nhật ký cá nhân.

'March, 1928, Cairo.'

Thiếu ánh sáng, Marion phải gi mũi vào những trang sách để xem xét đường khâu gáy. Có người đã dỡ đúng cách những trang sách gốc ra rồi thay chúng bằng quyển sổ này, và cẩn thận khâu gáy sách lại.

Cô đang cầm trong tay một cuốn nhật ký từ tháng Ba năm 1928, viết tại Cairo, mà người ta đã tìm cách giấu đi. Marion gấp cuốn sách lại và đặt nó lên đui.

Những giọt nước lớn bắt đầu rơi xuống những cửa sổ nhỏ. Càng lúc càng mạnh, cho đến khi khiến căn phòng áp mái cũng hòa nhịp theo tiếng ca u buồn của chúng.

Cửa phòng áp mái vừa khép lại vừa kêu cọt kẹt.

Marion chộp vội cuốn tiểu thuyết giả đặt lại vào chồng sách. Cô có cảm giác bị bắt quả tang, như một đứa trẻ, trong khi thật ra cô chẳng làm gì. Cảm giác đó khá lạ lẫm, hoang mang, và cả kích thích nữa.

“Cô đã ở đây rồi cơ à!” Thầy Damien ngạc nhiên, đặt cái ô ở cửa ra vào. “Nhiệt tình công việc quá, tôi phải khen cô đấy!”

Marion định trả lời rằng cô đã qua tuổi mười sáu từ hơn hai mươi năm nay rồi, nhưng cô kìm lại, dù mới chỉ một giây trước, đó chính là cảm giác của cô.

Họ tiếp tục công việc cực nhọc đó cả buổi chiều, trong khi mưa rơi không ngừng.

Chừng mười bảy giờ, khi thầy Damien nói với cô rằng họ sắp rời khỏi đây, Marion lẳng lặng quay lại cái giá để sách nước ngoài. Cái bìa đen ở trên cùng.

Cô chắc chắn rằng ông thầy không thể nhìn thấy cô rồi cầm lấy quyển sách. Nó biến mất dưới cái áo len của cô.

* * *

“Sao em lại lấy nó?” Béatrice vừa nhả khói thuốc lá vừa hỏi cô.

“Em không biết. Vì tò mò, em nghĩ vậy.”

“Nó là cái gì vậy? Một quyển nhật ký cũ à?”

“Có lẽ là vậy. 1928, viết bằng tiếng Anh bởi một người sống ở Cairo.”

“Một tên thực dân người Anh. Chị tự hỏi làm sao nó có thể trôi dạt đến Avranches, cái quyển nhật ký của em ấy...”

Marion nuốt một ngụm cà phê.

“Em có một ý tưởng.”

“Em còn chưa đọc nó cơ mà!”

“Nó nằm trong số những di vật của tu viện của Đỉnh từ năm 1945 hoặc 1946. Chỉ cần những thầy tu thời đó tiếp nhận một người lính Anh trong chiến tranh, rồi anh ta bị chết hoặc để lại cuốn nhật ký cho họ, thế là họ xếp luôn nó vào cùng những cuốn sách tiếng Anh còn lại của thư viện trước khi giao hết cho Avranches vào dịp Giải phóng, có lẽ là để làm rộng chỗ.”

“Chị không chắc là vậy. Năm 1928, dù sao cũng cách chiến tranh khá xa, chị không tin rằng chàng lính người Anh của em khệ nệ mang theo cuốn nhật ký trong túi suốt hơn mười năm trời!”

“Chỉ là một ý tưởng thôi mà...”

Cách đó vài mét, nằm dài trên tràng kỷ, tay cầm một tờ tạp chí, Grégoire nhồm dậy.

“Con chán quá, mẹ ơi, con làm một vòng trên phố đây, con đi Pontorson.”

Cậu ta vừa vươn người làm các khớp xương kêu răng rắc vừa ngáp hết cỡ.

‘Điện trai đây’, Marion nhủ thầm khi lần đầu tiên nhìn thấy cậu. Dù đã mười tám tuổi, má cậu vẫn mịn màng như da em bé, hồng và mịn. Mái tóc húi cua không được chải nên các khoáy tóc rối tung vào nhau. Một viên kim cương lấp lóe trên dải tai.

“Đừng về muộn nhé.”

“Con hứa.”

Cậu ta khoác một cái áo da rồi ra khỏi nhà, tay cầm chìa khóa xe ô tô.

Sau một hồi im lặng, Marion chỉ cái cửa nơi cậu bé vừa biến mất.

“Hắn thằng bé thấy khó khăn lắm khi phải sống ở đây, cô lập với đất liền, bạn bè.”

“Greg là một kẻ cô độc, nhưng đúng là đây không phải thiên đường. Sớm muộn gì nó cũng lên đất liền sống thôi.”

“Tại sao ở đây lại không phải là thiên đường? Chị nói về Đỉnh cứ như về một hòn đảo ấy!”

“Đây chính là một hòn đảo, ít ra là trong tâm trí người dân nơi này. Em sẽ tự nhận thấy thôi, tinh thần dân đảo thực thụ đấy! Trợ giúp lẫn nhau, hứng chịu đau đớn, và nếu cần, biết giữ bí mật, một bí mật không được phép thoát ra khỏi Đỉnh.”

Marion nhìn sâu vào mắt người đối diện.

“Tại sao chị lại nói vậy?”

Béatrice nhún vai.

“Vì đúng là như thế. Người ta nói rằng dân đảo sống ngoài lề lục địa, rằng đó là một cuộc sống đặc biệt, và quả thực là vậy. Thêm nữa, ở đây nhỏ xíu, bọn chị chỉ có một dúm mà khách du lịch lại rất đông, thử tưởng tượng những người sống ở Jersey mà xem!”

“Chị nói cứ như thể chị đã từng trải qua rồi ấy. Em có nhầm không?”

Béatrice nhăn mặt.

“Chị đã lớn lên ở Belle-Ile. Tin chị đi, đó là một trạng thái tinh thần.”

Béatrice rời bàn ăn trong bếp để bật đèn trần.

“Em không ăn với dòng tu tối nay sao?” Chị hỏi.

“Không, thầy Damien giải thích với em rằng thứ Hai là ngày *Hoang mạc*, chỉ có ông ấy làm việc như một ngoại lệ, còn tất cả những người khác đều không rời khỏi phòng riêng.”

“Cuộc sống gì mà kỳ cục!”

“Ấy thế mà, từ khi em ở đây, họ có cố gắng rời đây nhé, nhất là trong các bữa ăn, thường thì họ ăn trong im lặng hoặc vừa ăn vừa đọc Kinh Thánh...”

Marion vỗ tay vào cuốn sách bìa đen làm nó kêu đánh bộp.

“Thôi, em về đây.”

“Em không ở lại ăn tối à?”

“Không, em đã quấy rầy chị nhiều rồi và em có cái cần phải đọc,” Marion vừa nói vừa giơ quyển nhật ký ra. “Em rất muốn thỏa mãn thói tò mò của mình trước khi trả nó về chỗ cũ.”

Vài phút sau, Marion đi ngược Phố Lớn hướng đến tu viện nhỏ của giáo khu, quyển sách kẹp nách, tay đút túi, cô tận hưởng làn hơi ấm đậm trên mặt.

“Lại đi dạo ư?” Một giọng đàn ông nói sau lưng cô.

Cô quay lại và phát hiện ra Ludwig, người gác đêm, anh ta nhìn xuống cô từ chiều cao một mét chín.

“Không, lần này tôi đang đi về.”

“Xin lỗi cô lần nữa về tối hôm trước nếu tôi đã làm cô sợ nhé.”

Marion gật đầu. Âm sắc miền Bắc của anh ta rất rõ, có lấy làm thích thú về điều đó. Trong âm hưởng đặc biệt của ngôn ngữ này dường như có sự kêu gọi tình bằng hữu.

Chính mày đang nghĩ vậy thì có, vì anh ta đâu có cùng cách biểu đạt, thế thôi...

“À mà,” anh ta tiếp tục, “nếu cô cần tìm tôi buổi tối thì tôi ở dưới kia, trên quảng trường, ở lối vào làng, cửa nhà tôi luôn mở, và nếu tôi đi tuần thì cô có thể gọi điện thoại di động cho tôi, số tôi đây.”

Anh ta đưa cho cô một tấm danh thiếp đã chuẩn bị sẵn.

“Cảm ơn Ludwig. Chúc anh ngủ ngon, và cố gắng nhé.”

Marion nghiêng đầu và bỏ đi. Cô không có tâm trạng tán gẫu. Cô về nhà, đặt chảo lên bếp và đang chuẩn bị bỏ vào đó một miếng lườn gà cùng ít kem tươi thì có người gõ cửa.

“Thật là...,” cô lầm bầm.

Thầy Damien đứng trên bậc thềm.

“Xin chào, tôi xin lỗi vì làm phiền cô, tôi nói nhanh thôi, chỉ đơn giản là mai tôi sẽ qua đón cô lúc chín giờ. Và đây nữa, cho cô cái này.”

Ông ta chìa cho cô một hộp Xanax. Một loại thuốc an thần.

“Xơ Anne cho rằng có thể cô sẽ cần đến, trong những hoàn cảnh thế này... Với lại ban đêm gió thổi rất mạnh đấy... dù sao chúng cũng có thể giúp cô ngủ được.”

Marion cảm ơn ông rồi cầm lấy cái hộp.

Cô bắt gặp ánh mắt ông thầy tu nhìn sững vào một vật gì đó sau lưng cô. Marion nhớ ra cô đã đặt quyển sách xoáy được trên cái bàn một chân gần lối vào, ngay phía sau cô.

“Thôi tôi đi đây, dù sao thì tôi cũng không nên có mặt ở đây, hôm nay là thứ Hai, là *Hoang mạc*, chúc cô một buổi tối dễ chịu, hẹn gặp cô sáng mai.”

Dẫu có nhận ra cuốn sách, một điều khó có thể xảy ra, thì hẳn là ông ta cũng không thể hiện làm gì.

“Chúc ngủ ngon, thầy Damien.”

Cô đóng cửa lại và quăng hộp thuốc lên cái bàn một chân, cạnh cuốn sách bìa đen.

Cô ăn tối rất thịnh soạn, ngồi trong phòng khách với dàn hi-fi phát nhạc nhẹ nhẹ để vờ như đang sống ở nhà. Tiếp đó, Marion ngồi lún sâu trong ghế xô pha, lựa tư thế thật thoải mái rồi mở cuốn nhật ký. Trên trang đầu tiên, cô đọc bằng tiếng Anh: ‘*Nhật ký tàu biển, của Jeremy Matheson/ tháng Ba năm 1928 -*’

Cô giở sang trang sau.

‘*March, 11th,*

I decided to...’

Marion chớp mắt. Tiếng Anh của cô khá tốt, chỉ đơn giản là cần nhớ lại vốn từ vựng.

‘*Ngày 11 tháng Ba,*

‘*Tôi quyết định cầm bút, không phải để thổ lộ tâm tình cho lương tâm khuây khỏa hay viết lại hành trình cuộc sống thường nhật của mình, mà để đặc biệt thuật lại câu chuyện quá sức vừa ập xuống tôi mới đây.*

‘Bài tập này, nếu có thể coi như vậy, hoàn toàn mang tính thử nghiệm, nó bắt đầu chỉ để thỏa mãn khao khát của tôi là ghi lại bằng giấy bút những giờ phút dị thường đó, và tôi cũng không xác định được kết cục của nó sẽ thế nào, nếu như nó cần phải có một kết cục. Tôi sẽ cố gắng giữ cái nhìn tổng quát, thuật lại các sự việc, không để kinh nghiệm cá nhân, sự đồng cảm hay đơn giản là những diễn đạt mang tính chủ quan làm mình bị sai lệch.

‘Cuốn nhật ký này là câu chuyện của tôi.

‘Câu chuyện xảo trá từ nay sẽ ám ảnh tôi mãi mãi.’

Marion ngược mắt lên. Phòng khách chỉ được chiếu sáng nhờ ngọn đèn duy nhất đặt cạnh cô, nhường phần còn lại của căn phòng cho bóng đêm.

Cô yêu thích khung cảnh thư thái này. Cô quay lại đọc tiếp.

‘First of all, I would like to introduce...’

...‘Tự giới thiệu. Tôi tên là Jeremy Matheson. Tôi là thám tử ‘phục vụ để chế của đức vua George V’ như ta thường nói, được điều động đến một trong những thuộc địa của Anh quốc: Ai Cập; cụ thể là Cairo. Tôi ba mươi ba tuổi và...’

Câu chuyện của Jeremy Matheson bắt đầu như vậy. Marion bước vào lời kể sau vài chục từ.

Nuôi dưỡng trí tưởng tượng bằng những gì được viết trong cuốn nhật ký, cô đắm mình vào thế giới đã mất ấy...

Jeremy Matheson lau vết mực dây trên ngón trở rồi viết tiếp.

Một cây đèn dầu đang cháy phía trên bàn làm việc, nó được treo vào một thanh xà của toa tàu.

Gần cửa ra vào, thảm trải sàn nổi bật những sọc kẻ màu hổ phách, những hạt cát dồn lại tạo thành những đường vân lấp lánh. Thói quen luôn giữ giày tại cùng một chỗ trước khi bỏ chúng ra là nguồn gốc của đường chân rết tạo thành hình tam giác đầy chào mời ấy.

Một cái nhiệt kế cao một mét được treo gần cửa, nó cho thấy, theo độ Fahrenheit, trời nóng quá mức dù đêm đã xuống.

Càng nhìn sâu vào toa tàu, ánh sáng càng rụt rè, ghê hãi khi phải để lộ ra vùng riêng tư của Jeremy Matheson. Những vật liệu tốt phản chiếu hay hút lấy ánh sáng của ngọn đèn. Đồ gỗ đánh véc ni đã cũ nhưng rất chắc chắn, và những mảnh nhung treo trên tường vẫn giữ nguyên độ mềm mại.

Xa hơn phía sau cánh cửa, xa hơn cả cái bàn rộng nơi viên thám tử làm việc, hai chiếc tràng kỷ bằng da đã rạn được kê đối diện nhau, bị nướng chín ngày qua ngày trong căn phòng ngọt ngào này, ở giữa là một cái bàn thấp bằng gỗ dát. Những tờ giấy nhàu nát, chữ được đánh máy, với tiêu đề của cảnh sát Cairo, nằm chồng chất trên mấy cái ghế. Vài tấm ảnh trời ra khỏi tờ giấy đã bị nắng nóng làm cho ấm dần lên. Ảnh đen trắng.

Tấm đầu tiên bị gạch một vết dài bằng mực đỏ, như để lên án. Trên tấm ảnh ta thấy một bức tường màu trắng, và một người đàn ông mặc y phục, không thể nhìn rõ mặt vì ông ta cúi người, tì một tay vào một lỗ vữa thủng trên tường. Dãi chảy thành dòng từ miệng ông ta xuống đất giống một cái

mạng nhện đang chằng dờ. Phía bên trái tấm ảnh, bức tường mở ra một cái ngách tăm tối. Những cái bóng đen đặc khiến ta khó nhìn rõ mấy dáng người đang quay tròn quanh một đồng dưới nền.

Tấm ảnh thứ hai chụp cận cảnh một con búp bê bện rơm, thô kệch, cũ sồn, sẵn sàng tòi ra nếu không được thao tác cẩn thận. Mình nó được quét sơn, vụng về, giả làm váy. Sơn hoặc là một vết bẩn. Tối và ẩm.

Tấm ảnh thứ ba cho thấy những đôi giày công sở, những đôi giày tây, mới được đánh xi dù có một lớp bụi bám vào, đang vây quanh một cái gì đó ở giữa, đặt trên nền đất. Nhiều người đứng bên rìa tấm ảnh, tuy nhiên khung hình không lấy quá bắp chân họ. Bức ảnh tập trung vào một cánh tay nhỏ bé mập mạp đặt trên nền đất nện của một nơi giống một con hẻm nhỏ. Và một bàn tay mở hé. Làn da quá mịn để có thể thuộc về một người lớn tuổi. Vấy trên cổ tay vẫn là thứ dính nhớp và đỏ tươi, giống như thứ dính trên con búp bê.

Khoảng chục tấm ảnh khác chồng chéo lên nhau, tất cả đều lật úp xuống lớp đệm da.

Ánh sáng của ngọn đèn dầu hầu như không chiếu được xa hơn, đến nơi không gian hẹp lại để tạo thành lối vào phòng tắm. Bên phải là một lối đi sâu vào bên trong. Dẫn vào phòng ngủ.

Một tấm gương đứng phản chiếu những góc xa nhất tạo cho căn phòng cuối cùng này ảo giác về chiều sâu. Đối diện với cái bàn trang điểm chất đầy những số *Picture Show Magazine*, gần cái ghế bành Voltaire chất đống quần áo, là một cái giường lớn trải tấm ga nhàu nát. Dưới chân giường, một cái bát đũa bằng gỗ úp sập trên thảm trải sàn, hàng đồng đầu thuốc lá ngộp trong một biển tro tràn ra từ cái bát.

Bàn đầu giường được trang trí bằng ảnh một người phụ nữ. Ánh sáng đêm không lọt đủ qua những ô cửa sổ của toa tàu để có thể nhìn rõ bức ảnh.

Ở đầu kia toa tàu, cái ấm đặt trên bếp gang bắt đầu sôi. Jeremy đứng dậy, lấy một miếng giẻ bẩn để nhắc nó lên và pha một cốc chè. Lá bạc hà phơi khô chẳng mấy chốc đã tỏa mùi thơm khắp gian phòng rộng.

Jeremy nhắm nháp thứ đồ uống vẫn còn nóng bỏng, ngả người ra ghế. Một điều đặc biệt, anh không tháo ủng ra. Đôi bàn chân anh rã rời bên trong. Anh vẫn mặc cái áo sơ mi nhiều túi, mặc dù đã phải tháo tung hết khuy áo để lộ bộ ngực trần. Râu anh không cạo. Sáng nay anh không có đủ thời gian làm việc đó. Bộ râu chưa cạo rất hợp với anh, nó che bớt đôi má hõm vào sâu hoắm, giảm bớt cảm giác rằng môi anh quá dày.

Jeremy đưa một tay lên vuốt mặt. Mũi anh thanh và khoằm. Lông mày anh đen nhánh. Và một quầng sáng màu đồng tỏa ra từ vầng trán cao, bao quanh là mái tóc đen mượt chải ngược ra phía sau.

Theo lời nhận xét của những phụ nữ vừa tán gẫu vừa nhắm nháp *sahleeb** dưới mái hiên các câu lạc bộ nơi anh thỉnh thoảng lui tới, Jeremy Matheson là một người ‘được khát khao thèm muốn’. Thú tính châu Phi và vẻ lịch lãm Ảng lê tồn tại trong cùng một con người.

Không ai không biết anh là thám tử, và là một thợ săn cừ khôi, từng đến miền Nam rộng lớn hoang dại trong một chuyến đi săn liều lĩnh ở châu Phi. Cũng không ai quên rằng không một phụ nữ nào ở Cairo lại có thể không tự hào về việc mình đã ngủ chung giường với Jeremy Matheson.

Người ta thì thầm rằng anh là người cố chấp.

Người ta nói anh kín đáo. Những tin đồn...

Cái cốc kê lạnh canh khi được đặt lên bàn. Jeremy Matheson bẻ ngón tay, những ngón tay thon dài rắn rỏi, những ngón tay từng khiến bao đôi mắt phụ nữ ở cái xã hội thực dân Cairo này không khỏi hấp háy. Rồi anh mở cửa toa tàu.

Một cầu thang ba bậc dẫn đến cái mái che gắn vào hai bên thành tàu. Một tấm thảm phủ trên cát, với những cái ghế dài có lưng tựa, một cột buồm bằng gỗ, nhiều thùng dụng cụ và lương thực dự trữ dán nhãn ‘Tài sản của quân đội’.

Jeremy uể oải kéo một cái ghế ra ngồi trước lều.

Đêm xoa dịu trò chơi của mặt trời, giờ thì thời tiết dễ chịu hơn nhiều, có lẽ phải một hai tiếng nữa bên trong toa tàu mới mát hơn được.

Trước mặt anh, đường ray tàu hiện lên khung cảnh anh yêu thích, một chuỗi những câu thơ bất tận, uốn lượn dưới trăng, về phía không cùng, chẳng khác nào mớ bông bong của sự sống.

Phía thấp hơn, sau tòa nhà có bảo tàng đường sắt, dưới lối vào thô kệch bằng đá màu cam, ga xe lửa trung tâm áp trong vòm mái những con rắn thép và những hành khách vô danh.

Cách toa tàu nơi Jeremy ở chừng trăm mét, một đoàn tàu điện lắc lư đi qua, vòng dây điện màu xanh da trời thay cho mái tóc. Tuyến đường tàu điện chạy qua các khu phố sang trọng của khu Héliopolis nằm bên ngoài thành phố. Trên tàu, phụ nữ và đàn ông ngồi ở các toa riêng rẽ.

Những khuôn mặt tươi cười, một phụ nữ trẻ thậm chí còn có vẻ hơn hờ. Rất nhiều thanh niên châu Âu.

Jeremy quan sát họ cho đến khi đoàn tàu chỉ còn là một vệt sáng mờ của ánh đèn pha đỏ.

Môi anh mím lại đến trắng bệch. Anh nuốt nước bọt đánh ực. Tay anh lục lọi một bên túi chiếc quần vải màu be. Anh lôi ra một mẫu giấy bị xé. Nhiều dòng chữ viết thanh nhã lấp đầy nửa đầu mảnh giấy. Bàn tay Jeremy che mất nội dung những dòng chữ đó. Trừ những chữ cuối cùng.

‘Samir. 5 tuổi.’

Jeremy siết chặt nắm tay. Dù đã cố kìm nén để bóp nghẹt nỗi đau trong cuống họng, một đường viền ướm vẫn mọng lên dưới mắt anh. Hai hàm anh nghiêng qua nghiêng lại dưới làn da má mỏng manh.

Tựa như những tên khổng lồ độc nhãn đích thực của bầu trời, hàng triệu vì sao rơi xuống anh con mắt duy nhất của chúng, run rẩy, trắng dã.

Một giọt nước rơi xuống cạnh cái tên Samir.

Tờ giấy hút ngay lấy nó.

Nó lớn dần theo thớ giấy, lan rộng ra, rộng nữa, rộng mãi. Đến tận khi chạm vào viền mép của cái tên.

Sáng thứ Ba đó thầy Damien gặp một Marion vui vẻ và điệu dàng.

Cô trùm một cái áo khoác len màu trắng ra ngoài áo len và quần jean, đội mũ len và mang một chiếc túi đeo chéo. Mái tóc dày của cô được giấu dưới mũ, thầy Damien chú ý quan sát kỹ nét mặt cô vì ông chưa bao giờ làm thế. Ông nhận thấy màu xanh lá cây của đồng tử mắt cô như nhạt đi vì lạnh. Đôi gò má tròn khiến cô có nét của dân tộc Slave.

Ông thoáng tự hỏi về lý do của vết thương ở môi dưới cô, trước khi đánh bật thói tò mò ra khỏi tâm trí mình.

Họ đến Avranches trước chín rưỡi và đi thẳng lên tầng áp mái.

Họ im lặng lên danh mục sách đến tận giữa trưa, khi ông thầy đề nghị ra ngoài ăn. Marion đã hy vọng có thể tách nhóm để đọc cuốn nhật ký cô mang theo trong túi, tuy nhiên hoàn cảnh không cho phép. Ông quản lý thư viện nài nỉ mời họ cùng ăn để họ phác cho ông lịch sử chi tiết những bản viết tay của Mont-Saint-Michel.

Không biết có phải do tập trung thì mới đọc được tên sách trong cảnh tranh tối tranh sáng hay vì bụi bặm, mà cô bắt đầu cảm thấy đau đầu khi về nhà lúc cuối giờ chiều.

Cô tìm thấy Efferalgan* trong tủ phòng tắm rồi lên giường nằm chờ cơn đau lắng xuống.

Cảnh tranh tối tranh sáng ru cô dịu dàng đến khi mắt cô mờ đi.

Cô chìm vào cõi vô thức.

Cô chỉ còn nhìn thấy cánh tủ để mở.

Nhiều lớp đồ sặc sỡ xếp chồng chất.

Các màu sắc hòa vào nhau...

Sự tinh tường tự quay trở lại. Đột nhiên Marion nhìn rõ những chi tiết của chõng quần áo. Ống tay áo sơ mi không được xếp cẩn thận, thò ra ngoài. Không phải cách gấp của cô.

Trong lĩnh vực này, cô tự biết mình thuộc loại gàn dở. Mọi thứ phải được sắp xếp hoàn hảo để không cần là lại vào buổi sáng. Cụ thể lần này, cô nhớ rõ đã cầu nhàu khi thấy trong tủ treo đồ không có mặc áo, và đã đặc biệt cẩn thận xếp áo sơ mi cái này chõng lên cái khác, ống tay áo gấp xuống dưới một cách khéo léo. Vậy mà giờ đây, chúng thò ra ngoài. Không phải là tất cả, nhưng có vài cái.

Đủ để biết có người đã di chuyển quần áo của cô. Hoặc ít ra là nhắc chúng lên.

Marion nhảy ra khỏi giường. Quá nhanh. Đầu cô quay cuồng. Cô bám vào chân giường chờ cơn chóng mặt qua đi.

Rồi cô khám xét căn phòng. Ghế xô pha, giường, phòng tắm. Cô làm y hệt ở tầng dưới.

Cô cảm thấy khó thở, lục lọi từng xó xỉnh, sẵn sàng hét lên và đánh đập mọi thứ đáng ngờ dù nhỏ nhất.

Cô thường xuyên quay về phía cửa ra vào, theo dõi cái điện thoại, chắc chắn rằng nó vẫn ở đó.

Cô không biết rõ nơi này cho lắm, cô vẫn chưa có thời gian để quen với nó, nên khó mà biết được liệu có gì khác bị di chuyển không. Tuy nhiên, một linh tính dai dẳng khẳng định với cô rằng điều đó đã xảy ra.

Cô nên gọi cho UBGSLT ngay lập tức chẳng?

Ngôi nhà vắng tanh, không có ai cả, không có mối nguy hiểm trực tiếp nào.

Có người đã vào nhà khi cô đi vắng.

Cô cố gắng thở đều hơn.

Không ai tìm thấy dấu vết cô ở đây, không ai cả. Cô đang ở nơi an toàn. UBGSLT chắc chắn điều này. Đó là nhiệm vụ của họ, công việc của những

kẻ chuyên nghiệp, cô không phải lo gì hết.

Tim cô dần đập đều trở lại.

Khóa không bị phá. Một người trong dòng tu. Người có chìa khóa nhà.

Lần này thì quá lắm rồi. Cô vớ lấy điện thoại và bấm một trong những số xơ Anne đã viết.

Cô nghe thấy giọng du dương của xơ Gabriela.

“Xơ Gabriela, tôi Marion đây, xơ có thể làm ơn cho tôi nói chuyện với xơ Anne được không?”

Họ không bắt cô chờ lâu, xơ Anne gần như ngay lập tức cầm ống nghe.

“Tôi giúp gì được cô đây? Cô có thể cùng ăn tối...”

“Ai có chìa khóa nhà tôi?” Marion hỏi.

“Sao cơ? Có chuyện gì không ổn...”

“Ai có chìa khóa?”

“Ờ thì... Chúng tôi, ý tôi là: dòng tu. Tất cả các chìa của chúng tôi ở đây, tại khu nhà ở của tu viện, đều có chìa đúng, phần lớn các thầy tu và các xơ dùng hằng ngày để đi lại, và có chìa của mọi cánh cửa, kể cả cửa của các nhà phụ, như nhà cô ở hiện nay. Có chuyện gì vậy Marion, tôi cảm thấy cô hơi căng thẳng, có vấn đề gì chẳng?”

Tâm trí Marion đang bận phân tích câu trả lời; cô không dự kiến được điều này.

“Marion?”

“Vâng... Không, không có vấn đề gì cả. Tôi... Tôi lên cơn cuồng ám, tôi xin lỗi...”

“Cô lên đây ăn tối cùng chúng tôi đi, chúng tôi...”

“Không, cảm ơn xơ, tôi ở lại đây thôi, tôi có việc phải làm. Cảm ơn, chúc ngủ ngon.”

Cô dập máy.

Toàn bộ dòng tu có thể vào nhà của họ.

Vậy thì sao? Có chuyện gì đã xảy ra với cô? Vấn đề không phải là tìm ra một nghi phạm, cũng không phải cô đang nằm trong một âm mưu.

Nhưng có ai đó đã vào lục đồ của cô.

‘Là xơ Anne hoặc một xơ khác,’ cô giả định, để chắc chắn rằng mình không có vật gì có thể gây nguy hiểm cho chính mình... ‘Không có vũ khí... Xơ ấy chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho mình, hoặc theo sát mình, và xơ ấy muốn chắc chắn rằng trong trường hợp trầm uất, mình không làm việc gì ngu ngốc... Mình cũng sẽ làm thế nếu ở vào địa vị của xơ ấy.’

Thế còn bức thư? Còn câu đố kia?

Một trò chơi.

Của ai? Với mục đích gì?

Để giúp mình giải trí, làm mình nghĩ đến một cái khác...

Marion thấy không thuyết phục.

Những chuyện này đều không rõ ràng, các lập luận lộn xộn trong đầu cô. Điều duy nhất chắc chắn đến giờ phút này là cô đã không thổ lộ quá nhiều. Dù đây là trò chơi của dòng tu để theo dõi cô và giúp cô giết thời gian hay là kết quả của một bộ não duy nhất đang hoạt động vì mục đích cá nhân, thì Marion cũng cần phải tiếp tục ẩn mình, quan sát để hành động khi thời cơ đến.

Điều này không ngăn cản cô kiểm cách xử trí.

Cô không thể gọi một thợ khóa đến mà mọi người lại không biết. Nhưng ít nhất cô có thể khẳng định sự riêng tư của mình.

Cô dọn vài đồ vật trang trí trên cái bàn một chân cạnh cửa vào và đẩy nó ra sát cửa. Rồi vừa đứng thẳng người lên, cô vừa thở dài. Đây là thứ đảm bảo cho cô rằng sẽ không ai đi qua chùng nào nó còn ở đó.

Thận trọng thái quá, cô thấy vậy.

Nếu cô thật sự đang gặp nguy hiểm thì một cái bàn một chân không thể bảo vệ cô, tốt hơn hết cô nên gọi cho UBGS LT ngay lập tức để báo động. Ngược lại, nếu cô thật sự tin rằng những việc này là kết quả của các biện pháp bảo vệ cô thì cô không có gì phải lo ngại, và cái ‘ổ khóa’ ứng tác này không hề có tác dụng gì.

Có chứ. Cho mình. Cho cái đầu mình. Để được yên tâm ngủ.

Và làm thế cũng chẳng hại ai.

Tối hôm đó, Marion hầu như không ăn gì, cô dành phần lớn thời gian nhìn cái cửa từ ghế xô pha, xem ti vi một cách lơ đãng.

Đầu óc cô thường xuyên nghĩ đến cuốn nhật ký của Jeremy Matheson. Anh ta có một cách rất riêng để nói về đời mình, để miêu tả địa điểm nơi anh ta sống, cái toa tàu xưa kia xa hoa, bề bộn. Anh ta tự giới thiệu mình là một người đàn ông đẹp trai, không chút khiêm nhường, và thổ lộ nỗi sầu muộn trong lòng hoàn toàn không chút xấu hổ khiến Marion ngạc nhiên. Việc lựa chọn từ ngữ chính là mấu chốt, điều đó lộ rõ ra khi đọc, Jeremy Matheson đã dành thời gian để soạn thảo cuốn nhật ký của mình. Và, như anh ta cũng đã tự thú nhận, ta nhanh chóng nhận ra không hề có thái độ tôn vinh bản thân trong cuốn nhật ký, mà chỉ là mong muốn để lại dấu vết về một thảm kịch đã xuất hiện ngay từ những trang đầu.

Nỗi hào hứng muốn đọc tiếp của Marion bị kìm lại bởi phát hiện lúc chập tối. Cô không còn cảm thấy tâm trạng thích hợp nữa.

Giờ thì nó quay trở lại.

Sự tò mò. Jeremy Matheson là ai đằng sau lời giới thiệu đó? Anh ta có thể thuộc típ người nào? Và tại sao lại có câu chuyện u ám về trẻ con này, nơi anh ta thú nhận đã khóc trước danh sách các nạn nhân?

Marion đi lấy cuốn sách bìa đen.

Cô mở chai rượu gin, rót cho mình một cốc rượu pha với nước cam rồi ngồi lún sâu vào ghế xô pha.

Ngôi làng chìm vào giấc ngủ dưới mắt cô, phía sau cửa kính lớn. Cô giờ những trang đầu, nơi lúc trước cô đã dừng lại.

Thám tử Jeremy Matheson có quyền ra vào khắp Cairo. Không chỉ vì nghề nghiệp của anh, mà còn vì phần đông cộng đồng phương Tây ở Cairo đều biết đến sự hiện diện của anh, do nghe tiếng tăm hay vì đã có lần nhờ anh giúp.

Matheson có cách giải quyết những vụ rắc rối không giống với bất kỳ ai. Một người tình bị thất lạc, một *baksheesh** biến thành tiền đút lót và cần được cho vào quên lãng, hoặc chỉ đơn giản là vài chỉ dẫn được cóp nhặt một cách sáng suốt.

Tiếng tăm của anh lan truyền qua các phòng khách, các câu lạc bộ tư hay các buổi chiêu đãi, người ta rỉ tai nhau tên anh như một phương thuốc kỳ diệu. Bởi không gì trong anh khiến ta có thể nghĩ anh lại là người của đám đông. Anh chẳng có vẻ gì là người thích giao thiệp cả.

Ấy là xét cả bề ngoài gần như hoang dã lẫn thái độ quá kín đáo của anh. Người ta rón rén đến với anh, nghi ngại và bồn chồn trước ý nghĩ phải nhờ vả con người không thể dò thấu này. Anh luôn nhìn người nhờ vả mình bằng ánh mắt liếc xéo, môi bĩu ra, rồi kết thúc bằng câu ‘tôi sẽ xem có thể làm được gì’. Rồi anh khéo léo gỡ các nút thắt.

Trong chuyện này, phẩm chất lớn nhất của anh phần là sự kín đáo, tất nhiên rồi, và phần khác là các mối quan hệ. Tên anh rất quen thuộc trên ghế băng của nhiều *qahwa*,* bên chân những đài phun nước công cộng tại Cairo, cũng như với những người canh gác ở các khách sạn lớn, hay các thư ký làm việc trong các bộ.

Matheson ở Cairo từ chín năm nay, anh đến đây theo nguyện vọng bản thân, ngay khi vừa bước vào ngành cảnh sát, sau khi lấy bằng luật. Cairo đồng nghĩa với ngoại lai, phiêu lưu, mặt trời và nhất là một tôn ti trật tự ít cứng nhắc, có khả năng giúp anh thăng tiến nhanh chóng hơn để trở thành điều tra viên. Thực tế đã chứng minh anh không sai.

Hơn nữa, ở đây, anh được hưởng quyền tự do hành động mà anh không thể có được nếu làm việc ở Luân Đôn hay bất cứ nơi nào khác trên nước Anh. Và sau chín năm phơi da dưới sức nóng của các kim tự tháp, anh chưa bao giờ xin quay về nước. Ngược lại, anh làm tất cả để hồ sơ anh bị lãng quên trong đống tài liệu lưu trữ. Anh từng chứng kiến ba cao ủy người Anh kế nhiệm nhau, tham gia các cuộc biểu tình chống chủ nghĩa thực dân, chứng kiến những cơn bùng nổ hung bạo của chúng, chứng kiến nền độc lập của Ai Cập, chứng kiến việc phát hiện ra mộ vua Tutankhamun, gần một thập kỷ đầy vinh quang cũng như thảm kịch đã mê hoặc anh. Và Cairo tóm chặt anh.

Anh định hướng qua những tháp Hồi giáo xếp thành hàng phía trên những mái nhà, qua tiếng ca của các *muezzin** báo hiệu giờ giấc mỗi ngày theo phương thức mềm mại hơn tháp đồng hồ Big Ben, qua vẻ trắng lợt trong cuộc sống của một người Anh giữa những người Ả Rập, và qua sự kích thích hằng ngày mà hoang mạc thổi tới phía trên đầu họ, sự đe dọa của một nguy cơ có thể ập tới bất cứ lúc nào, dưới bất kỳ hình thức nào. Cứ như vậy cuộc sống của anh tiếp diễn trong thành phố của *Nghìn lẻ một đêm*. Màn sương mù ở Luân Đôn và cuộc sống dễ đoán trước bên bờ sông Thames đã mất đi vẻ quyến rũ dù rất Ảng lê của nó.

Tại đây, người Tây Âu có quyền mang súng, tại đây trời đêm có thể nóng rực lên bất cứ lúc nào dưới sức ép của những người dân tộc chủ nghĩa, mỗi bữa ăn đều mang hương vị cổ xưa. Ở Cairo là không còn làm nên lịch sử nữa, ta đánh dấu nó, ta sống cùng nó như cùng bạn đời, những điều huyền bí mang tính vật chất không thể tìm thấy ở nơi nào khác, huyền thoại trở thành hiện thực, cát và mặt trời viền quanh thành phố và sự hiện hữu của một vị đẳng thôi thúc sống mỗi lúc một dữ dội hơn. Cairo là một con rắn hổ

mang bành cuộn mình giữa các ngọn đồi Mokattam và sông Nile, vết cắn của nó thay vì làm chết người lại khiến kẻ bị cắn trở nên nghiện hoàn toàn, không cách gì cai được.

Cảnh sát Ai Cập, dưới sự điều hành của Russel Pasha, chỉ đạo phần cốt yếu của công việc điều tra. Lực lượng này vẫn còn được dẫn dắt, nơi này nơi khác, bởi những người Anh giữ các vị trí then chốt. Jeremy Matheson chủ yếu chịu trách nhiệm về những vụ việc liên quan đến người hoặc tài sản phương Tây, nhưng vai trò của anh trước tiên là mang tính chính trị. Nước Ai Cập hai mặt có nghĩa vụ vận hành cùng chính quyền hai đầu nặng nề này để làm hài lòng khi thì là thói đổng đánh thực dân của một số người này, khi thì là những khát khao danh tiếng của một số người khác.

Tương tự như cách anh coi thường sự thăng tiến cấp bậc khi giờ đây anh đã là thám tử, Jeremy Matheson khinh miệt cả cái ý chí mị dân đó, anh phục vụ cho lợi ích mà chức trách của mình mang lại, trên cả lợi ích quốc gia, anh thường tự nhắc mình như vậy. Anh tiến hành các cuộc điều tra, lợi dụng cả hai mặt văn hóa, như một diễn viên tung hứng thực thụ.

Dù là một vụ giết người vô gia cư hay một vụ trộm xảy ra tại nhà một quý cô người Anh giàu có, anh đều giải quyết với độ quan tâm ngang nhau.

Anh quá biết các đồng nghiệp Cairo của anh có thể phân hạng một cuộc điều tra và tầm quan trọng của nó như thế nào tùy theo lợi ích, tầng lớp xã hội liên quan, hoặc đơn giản là theo thiện ý của họ. Và Matheson tự tạo cho mình nghĩa vụ gieo rắc bất hòa trong cái thế giới hoàn toàn thiếu vắng sự trung thực ấy. Không phải vì bản thân anh liêm khiết - anh còn lâu mới được vậy - mà đơn giản là để thỉnh thoảng đập mạnh một cú vào cái ổ răn này rồi nhìn chúng co giật giãy giụa.

Matheson tự vạch cho mình một đường biên vừa hẹp vừa mong manh ngăn cách công việc chính thức và công việc anh tiến hành một cách riêng tư, để giúp đỡ. Với những giúp đỡ đó, anh rất hiếm khi nhận tiền, nhưng vẫn duy trì các mối quan hệ, lập hồ sơ tiểu sử của người này người kia, khi có dịp lại tự cho phép mình được yêu cầu giúp lại. Mạng lưới quen biết rộng lớn của anh được tạo nên như vậy.

Cuối tháng Hai, khi đi qua hành lang và thoáng nghe mọi người nhắc đến thi thể một đứa trẻ được tìm thấy trong một ngôi nhà bỏ hoang phía Đông Bắc khu Abbasiya, Jeremy Matheson đã dừng lại để lắng nghe. Bản thân tin này, dù rùng rợn, không hẳn là điều đáng ngạc nhiên, khu vực đó của Cairo là một tập hợp những nhà ổ chuột nơi thường xuyên xảy ra chết chóc; tình trạng đứa trẻ khi được tìm thấy mới là chuyện không thể tưởng tượng nổi.

Matheson ra khỏi phòng làm việc để gặp hai sĩ quan cảnh sát. Viên sĩ quan vừa từ hiện trường về vẫn còn nhợt nhạt như một mảnh vải buồm. Anh ta không đưa ra được những chi tiết cụ thể, mà chỉ kể rằng đứa trẻ bị bẻ gãy đôi ở vùng xương chậu, như thể nó được làm bằng gỗ mỏng, người nó gập theo một góc ngoắt ngoéo, thân trước bị bẻ ngoặt ra phía sau, xương háng chọc thủng cả da thịt. Không có dấu hiệu hiếp dâm nhưng có những vết tích nhục dục.

Cuộc điều tra được giao cho thanh tra Azim Abd el-Dayim, một người Cairo gốc biết rõ khu El-Abbasiya, không còn lựa chọn nào khác nếu muốn làm việc mà không có nguy cơ bị đập vụn thành nhiều mảnh ở một nơi như thế. Anh ta không tìm được nhân chứng lẫn bất kỳ manh mối thuyết phục nào.

Ngày 2 tháng Ba, trong một con hẻm nhộp nhúa ở El-Huseiniya, người ta tìm thấy một bé gái sáu tuổi. Cô bé không bị bẻ làm đôi nhưng tình trạng lại kinh khủng theo cách khác. Năm người đàn ông lần lượt đi qua bên giường cô, không ai kìm lòng được, tất cả đều khóc như mưa, một số người còn nôn mửa, có người mơ thấy ác mộng trong nhiều đêm liền.

Samir là đứa bé ngây thơ thứ ba bị giết. Đầu nó nằm trên tảng đá của một ngôi mộ tại nghĩa trang Bab el-Nasr.

Không còn gì phải nghi ngờ về mối liên hệ giữa những tội ác đó nữa. Sự bạo hành mỗi lần mỗi khác nhưng được thực hiện với độ tàn ác ghê gớm tới nỗi khiến ta nghi ngờ về tính người của thủ phạm.

Ba đứa trẻ đều xuất thân từ những khu phố nghèo, trong những gia đình không có của cải gì.

Ba đứa trẻ đều gần như cùng độ tuổi.

Ba đứa trẻ đã bị hành hạ đến chết, bị cào cấu, bị cắn rứt từng mảng thịt.

Ba đứa trẻ đã bị làm ô uế.

Trong chưa đầy hai tuần.

Jeremy Matheson nhắc điện thoại, rồi sau đó chuyển việc. Anh từ bỏ cuộc điều tra về vụ một nhà khảo cổ bị giết khi đang tiến hành khai quật các tầng hầm của Cairo, vụ này dù sao cũng không dẫn đến đâu cả. Và anh giành được quyền điều tra về những đứa trẻ bị giết.

Azim Abd el-Dayim trở thành cộng sự của anh, vì anh ta nói tiếng Ả Rập và không có cùng màu da với anh.

Ba ngày sau, ngày 14 tháng Ba năm 1928, điện thoại đổ chuông. Và cuộc đời Jeremy Matheson thay đổi mãi mãi.

Marion đặt cuốn sách bìa đen lên đầu gối, uống ngụm rượu gin pha nước cam cuối cùng trước khi tự rót cho mình cốc thứ hai.

Rượu cháy rất trong họng cô, tỏa dư vị chát. Một vị cộng hưởng với nhiều vị khác, từ những trang giấy của cuốn sách cô đang đọc. Ngón tay cô nhẹ nhẹ vuốt ve bìa sách. Thật dễ chịu khi đọc một cuốn nhật ký, ít ra là phần mở đầu.

Tác giả bắt tay vào ghi chép ít lâu sau khi các vụ việc mà anh tường thuật bắt đầu. Phần nhập đề có vẻ giống một hồi tưởng dài. Ngay từ những câu đầu tiên, nỗi phiền muộn đã lộ ra, Jeremy Matheson là một người bị tổn thương, thổ lộ nỗi đau bằng ngôn từ trên băng gạc bằng giấy. Ngược lại với những gì anh khẳng định ở phần mở đầu, ta cảm thấy lối viết của anh có gì đó hơn là một báo cáo đưa tin thuần túy. Anh dốc cạn lòng mình vì nó quá đầy.

Một yếu tố khác khiến Marion bối rối là anh rất ít dùng từ ‘tôi’, đúng hơn là tìm cách hòa mình với người khác để có thể dùng ‘chúng tôi’, cảnh sát, người Anh, những người đàn ông và các nhóm khác được dùng càng nhiều càng tốt.

Ngược lại, chuyện được kể ở những trang vừa đọc làm Marion thấy rất khó chịu. Những vụ giết hại trẻ em.

Cô không chắc mình muốn biết thêm.

Vậy mà thói tò mò vẫn còn nguyên đó.

Cô cúi nhìn đồng hồ báo thức để xem giờ: 23:12.

Không cảm thấy bất kỳ dấu hiệu mệt mỏi nào. Việc nhà cô bị đột nhập đã kích động cô quá mức. Nỗi sợ và sự tức giận đã bốc hơi theo câu chuyện cô đang đọc.

Cô liếc nhìn về phía các mái nhà dốc trong làng. Rồi quyển sách lại mở ra trên tay cô.

* * *

Ngay khi vừa dập máy, Jeremy Matheson báo trước cho Azim, đồng nghiệp của mình, rồi họ đi ô tô về hướng phố Muhammad Ali trước khi rẽ về phía Đông, phía dưới những bức tường thành Cairo. Họ ra khỏi thành phố, xuyên qua một nghĩa địa cổ để đi vào khu mộ các vua Thổ Nhĩ Kỳ.

Trên xe, họ điểm lại tình hình cuộc điều tra do Azim chỉ đạo đến giờ phút này. Một mình điều hành mọi việc, anh ta đã chuyển giao trách nhiệm đến mức tối đa, để tiết kiệm thời gian. Một số cảnh sát đi thu thập lời khai của từng gia đình, còn một số khác đi hết nhà này sang nhà khác để hỏi cư dân những khu phố liên quan xem họ có nhìn hoặc nghe thấy điều gì bất thường trong các đêm xảy ra mấy vụ giết người không. Azim tập trung các bản báo cáo lại, xem xét tỉ mỉ và cố gắng tìm ra một hướng điều tra, nhưng không có kết quả. Anh ta hầu như không có tiến triển gì ngay từ ngày đầu tiên, niềm an ủi duy nhất là anh ta đã làm hết khả năng.

Ba nạn nhân, có thể đến hôm nay là bốn. Những đứa trẻ chỉ mới chừng mười tuổi, sống cùng một khu, phía Đông Bắc Cairo, con của những gia đình rất nghèo. Đó là tất cả những thông tin họ có được.

Một con đường rải nhựa chạy song song với khu mộ cổ, và họ có thể đỗ xe bên cạnh những chiếc xe đã đỗ trước ở đó; Jeremy và Azim đi bộ phần còn lại của chặng đường, bước vào nơi hoang mạc bắt đầu.

Cuối buổi sáng đó, nhiệt độ chừng ba mươi độ, hơi nóng như bốc lên từ mặt đất, bện trong không khí những cuộn khí đục mờ bay lên làm nhòe

đường chân trời. Những đỉnh tháp cao vút của các ngôi mộ tỏa bóng xuống nền cát tạo thành một con đường mát mẻ, mời mọc mọi người bước đi trên đó, như một thông điệp tôn giáo ngấm sâu vào đá.

Những bức tường không mái nối tiếp nhau như những đợt sóng liên hồi, gạch xây tường nhiều màu tạo thành những bờ lũy hình lỗ tổ ong hồng, đỏ và trắng. Mái vòm và tháp trời lên hầu như khắp nơi, tựa những cái tổ ong vo ve dưới con mắt duy nhất của thần Râ*.

Richard Pallister, nhiếp ảnh gia hiện trường của đội điều tra, ngồi ở lối vào một cái ngõ cụt, trên một tảng đá nhỏ, mũ chụp lên đầu gối, hòm dụng cụ đặt dưới chân. Anh dùng khăn mùi soa vải chấm mồ hôi trên trán, vì bị chấn động nhiều hơn là vì nóng.

Dẫu vậy thời tiết cũng nóng hơn rất nhiều so với nhiệt độ thường gặp vào mùa này.

Pallister ngẩng đầu nhìn những người mới đến, mí mắt sưng mọng, đỏ sọng, cái nhìn thần thờ. Pallister đang tìm một điểm mốc. Thứ phân biệt giữa con người và con vật, thứ thường xuyên nhấp nháy như một cột mốc đỏ bên lề lương tri, và sẽ bật lên đứng chắn trước lương tri khi những ý nghĩ đi quá xa. Khuôn mặt anh bị nhuộm trong một lớp màng trong suốt từ từ chảy từ tóc xuống tận cằm, thành những giọt mặn chát, để lại trên đường đi của chúng một làn da tím tái. Môi anh run rẩy.

Khi Jeremy đi ngang qua, một tiếng thì thầm thoát ra từ miệng người thợ ảnh, và phải nhìn thấy nổi xúc động trong mắt anh thì viên thám tử mới hiểu anh nói gì. Anh van xin Jeremy đừng vào.

Jeremy vẫn đi vào cái ngõ cụt chật hẹp, anh nghe tiếng Pallister khóc nức nở.

Vách bên phải là tường một ngôi mộ giống một ngôi nhà mái phẳng, trắng và không có cửa sổ. Nhìn từ phía trước, bức tường có vẻ cũ hơn rất nhiều, đã lở vụn từ lâu, bộ xương bằng gạch của nó đen như xương bị cháy, những đường chằng chịt mang sắc tía của hoang mạc len lỏi giữa những phiến đá, giống như máu khô; công trình này giờ chỉ còn là một cái xác địa chất tạo cho con hẻm vẻ ngọt ngào cùng mùi bụi bặm.

Con hẻm chạy sâu đến hai mươi mét.

Hai người dân Cairo đội mũ fez* và mặc đồ rẻ tiền đứng phía trong cùng, tay chống hông. Cả hai đều câm lặng, mắt tránh nhìn xuống đất. Vừa thấy Jeremy Matheson, họ đi ngay về phía anh, quá đỗi vui mừng vì có thể rời xa cái khu vực đáng sợ đó trong chốc lát.

“Một *drogman** tìm thấy nó sáng nay, trong lúc chuẩn bị lộ trình,” người thứ nhất thuật lại bằng giọng địa phương đặc sệt với chữ *r* rung đầu lưỡi. “Chúng tôi nghĩ ngay đến việc báo cho ngài, vụ này giống những vụ trước quá đỗi...”

Matheson đặt một tay lên vai người đối thoại để đẩy anh ta lui ra, không nói một lời. Anh đến gần thứ làm vấy bẩn nền đất nện và những bức tường của cái hẻm cụt.

Một đứa trẻ chừng mười tuổi. Đẫm máu và vẹo vọ, như thể một gã khổng lồ siêu mạnh, khi khám phá ra thứ đồ chơi lạ này, đã dùng tay nghịch ngợm khiến món đồ chơi kiệt sức, nhào nặn nó, bẻ nát nó, giết chết nó; đứa trẻ nằm đó tựa một mớ dị hình, không còn gì giống người trừ chân tay, và một cái đầu sưng phù dưới mái tóc bạc trắng vì khiếp sợ.

Matheson nuốt nước bọt, nó trôi xuống họng anh với một âm vang âm ước. Chân anh như có kiến bò. Anh nhắm mắt để tập trung vào nhịp thở của mình. Anh nhanh chóng nhận thấy tim mình đập rất gấp.

Bình tĩnh lại. Thở đều.

Azim nhẹ nhàng nắm lấy tay anh.

“Sẽ ổn chứ?” Anh ta thông thả hỏi, gần như giọng một người mẹ.

Jeremy quay người nhìn anh ta, hơi nhón nhác.

Azim đội cái khăn truyền thống, mặc áo sơ mi và quần tây. Bộ ria đen như gỗ mun được tia gọn ghẽ của anh ta nháy múa hên bờ môi dẫu ra. Thân hình anh ta đầy đà nhưng lúc nào cũng lịch lãm, nhẹ nhõm với những cử chỉ uyển chuyển.

“Ngài Matheson?” Anh ta nhấn mạnh, “ngài chắc chắn là muốn ở lại đây chứ?”

Jeremy thở ra thật chậm rồi gật đầu.

“Chắc,” anh thì thầm. “Chắc chắn. Tôi muốn ở lại.”

Hai người đội mũ fez nhìn anh không đánh giá gì, bản thân họ cũng đã bị tác động quá mạnh.

Đến lượt Jeremy nhìn họ chăm chăm.

“Nào,” anh nói, khi đã bình tĩnh hơn một chút. “Các anh có phát hiện ra dấu vết gì đặc biệt không?”

“Không,” người thứ nhất trả lời,. “có quá nhiều chuyển động trên cát, không thể nói được vết nào cũ, vết nào mới, chưa kể vết của *drogman* và của chúng ta. Tuy nhiên chúng tôi cũng chưa xem xét kỹ xung quanh, - anh ta vừa nói vừa vung tay khoát một vòng quanh cơ thể không sự sống.”

“Còn *drogman*, giờ anh ta ở đâu?”

“Chúng tôi ghi lại danh tính anh ta rồi...”

“Rồi sao?”

Cơ mặt người đàn ông giật giật, linh cảm thấy chuyện phiền toái, anh ta nhướng một bên lông mày và vai cùng lúc, không thoải mái.

“Rồi anh ta bỏ đi...”

Jeremy vừa mở miệng thì Azim - vẫn nắm cánh tay anh - buông anh ra.

“Ngài đừng nên tra hỏi nữa,” anh ta khẽ nói,. “không ích gì đâu, việc xảy ra thì đã xảy ra rồi.”

Jeremy thở dài, mắt không rời hai người đang đứng trước mặt.

“Rất tốt,” anh kết luận,. “hai anh đứng ở đầu con hẻm, và nhớ canh chừng khi người khiêng cáng đến.”

Anh quay người lại để đối mặt lần nữa với hiện trường vụ tàn sát.

“Ta không quan tâm đến cái xác,” anh ra lệnh sau một hồi im lặng,. “bác sĩ sẽ phụ trách việc này. Ta xem xét mặt cát và tất cả những phần còn lại, để tìm dấu vết.”

Anh và Azim chia nhau khoảng trống xung quanh cái xác, rồi họ bước từng bước một, nghiên cứu từng xăng ti mét trên mặt đất và trên tường. Bóng các ngôi mộ che cho vị trí này khỏi nắng, những chất lỏng của cơ thể

chưa có đủ thời gian để bị hút hoặc tan hoàn toàn vào đất, còn nhiều rãnh dài màu nâu trên đất mà họ phải tránh giẫm vào.

Jeremy mở vài cúc trên cùng của áo sơ mi để lọt chút không khí vào ngực. Anh không thở được dễ dàng cho lắm.

Một vết dài không bị bước chân của những người có mặt trước anh xóa mất, hai hàng năm cái rãnh song song chạy dài hai mét từ một góc hẻm đến tận cái xác nhỏ.

Đứa trẻ đã bấm sâu móng tay và ngón tay vào cát để bầu vú khi bị kéo về phía sau. Về phía một cái miệng hau háu.

Jeremy gạt hình ảnh đó ra khỏi tâm trí.

Anh không muốn điều đó. Nó làm nhiều dòng suy nghĩ. Tập trung vào nơi đây, vào giờ phút này, đó mới là điều quan trọng. Không gì khác cả. Không hình ảnh điên rồ nào hết.

Anh lại tiếp tục khám xét hiện trường, dành toàn bộ thời gian cần thiết để không bỏ qua một chi tiết nào. Có quá nhiều vết lồi lõm trên cát nên khó rút ra được bất kỳ kết luận gì, quả là một mớ hỗn độn.

“Có thể tôi có cái gì đó ở đây,” giọng Azim thánh thót vang lên.

Jeremy đến chỗ anh ta, đối diện với bức tường lở vữa. Azim đang bám vào đó cách mặt đất chừng một mét, hai chân giữ thẳng bằng trên những cái lỗ anh ta tìm được trên tường.

Anh ta dùng ngón trỏ chỉ cho anh một vết khía mới trên một viên gạch, ngay dưới mũi anh ta, phía đỉnh, ở độ cao chưa đến ba mét. Vết khía không sâu lắm, dài không quá ba xăng ti mét và rộng không đến một xăng ti mét.

“Làm thế nào anh tìm được nó hả Azim?” Viên thám tử người Anh kêu lên.

“Việc của tôi mà,” người cộng sự trả lời không chút vui vẻ. “Trông như một vết cào.”

Azim bật ra một lời than bằng tiếng Ả Rập.

“Còn một vết nữa ở đây này,” anh ta lập tức nhận ra.

Vết thứ hai, tương tự, nằm cách đó chừng hai chục xăng ti mét. Cả hai vết đều nằm ven đỉnh bức tường.

Mặt trời bắt đầu chiếu đến, phủ lên khu vực này màn ánh sáng khó chịu, những tia nắng trong và nóng khiến những cái bóng hiện ra che đi các màu sắc khác.

Một ánh thạch anh hay thạch cao ở đầu vết khía đập vào mắt Jeremy.

“Cái gì thế kia?” Anh hỏi.

“Tôi cũng vừa thấy nó. Ngài đợi chút...”

Một tay Azim bám chắc, tay kia thận trọng lấy ra một vật lấp lánh.

Nét mặt Azim sa sầm.

“Gì vậy?” Matheson hỏi, đột nhiên nôn nóng.

“Tôi không biết... Có lẽ là một mẫu ngà... nhọn.”

“Để tôi xem.”

Azim nhảy xuống bên cạnh rồi đưa cho anh cái mảnh màu trắng. Nó có hình tam giác, cạnh sắc. Chất liệu của nó gợi nghĩ đến một cái sừng bị hư hại chút ít. Jeremy ngẩng mặt về phía những vết cào trên gạch. Thứ gì đó bằng sừng đã rạch lên phía trên cao bức tường theo cách gần giống vết thứ nhất, cách vết thứ nhất hai mươi xăng ti mét.

Chợt Jeremy áp tay vào bụng người đồng nghiệp để ngăn anh ta di chuyển. Anh chăm chú dò xét mặt đất. Giữa vô số những đụn cát nhỏ, anh nhanh chóng nhìn ra một vết lõm sâu hơn những chỗ khác.

Bỏ qua phát hiện ban đầu này, anh chỉ cho Azim hai vết lõm khác ngay trước mặt anh ta.

“Nhìn kia.”

“Chính tôi đã tạo ra chúng vừa nãy, thưa ngài,” Azim trả lời. “Để nhảy lên tường. Hai chân tôi ấn xuống và để lại những chỗ lõm đó.”

“Tôi biết chứ, quả thế thật! Giờ hãy nhìn vết lõm ở kia.”

Anh chỉ tay về phía vết lõm anh vừa nhìn thấy.

“Và thứ giống như đồng cát lộn xộn ở bên cạnh, cách chừng hai chục xăng ti mét, hẳn là anh em sinh đôi với nó trước khi bị xóa mất.”

Azim ra hiệu đã hiểu. Có ai đó đã nhảy từ trên cao xuống, là một người lớn, xét theo độ sâu của vết lõm.

“Hắn ta đứng thẳng bằng ở đó lúc nhảy xuống,” Jeremy vừa giải thích vừa chỉ vào những cái hố. “Hắn tì vào gạch để đi, và hắn để lại vết cào vì hắn đang cầm một thứ vũ khí bằng sừng, có vẻ là bằng cả hai tay, chính vì thế mà có các vết này.”

“Bằng cả hai tay? Như thế không tiện để chạy nhanh.”

“Đúng vậy. Thế nghĩa là, tôi khó mà tin rằng những vết cào đó là do móng tay của hắn gây ra!”

Jeremy liền trèo lên bức tường.

“Đứa bé đã bị bất ngờ, thậm chí là khiếp sợ, cứ nhìn màu tóc của nó thì biết. Có lẽ nó đã thấy kẻ tấn công mình vào phút cuối, khi đang đứng hoặc ngồi xổm ngay tại đây,” anh vừa tái hiện vừa đu người lên.

Anh mất một lúc để giữ được thăng bằng và từ từ đứng thẳng dậy để nhìn bao quát con hẻm cụt từ độ cao gần ba mét. Rồi anh xoay người để nhìn phía bên kia, phía bị che khuất sau bức tường.

“Ngài có thấy gì không?” Azim muốn biết. “Đợi chút, tôi lên...”

“Không ích gì đâu! Anh có thể ngã gãy cổ đấy, gạch gấn không chắc lắm, chúng cũ lắm rồi. Có một bức tường khác thấp hơn một mét.”

Trước khi Azim kịp dặn anh cẩn trọng, Jeremy đã nhảy sang phía bên kia tường. Hai vai anh nhô qua đỉnh bức tường, anh nghiêng đầu ra hiệu, mọi việc đều ổn. Rồi anh bắt tay vào tìm kiếm.

Bên dưới, phía bên kia bức tường, Azim chỉ nhìn thấy phần trên của thám tử người Anh đang hoạt động, đôi khi biến mất hoàn toàn lúc anh quỳ một gối xuống đất. Thám tử Matheson nghiêng chặt hàm, lắc đầu bực bội khi dường như ra mái của một thứ có vẻ là một lăng mộ.

Vài phút sau anh dừng lại, rất đột ngột. Anh cúi xuống rồi đứng ngay dậy, một tay giơ lên che miệng. Tay kia vuốt cằm.

“Có gì à?” Azim hỏi.

Thám tử người Anh trả lời bằng cái gật đầu khẳng định.

“Ngài có muốn tôi leo lên đó không?” Azim năn nỉ.

“Không.”

Một từ cốc lốc, nhưng lại được phát ra bằng giọng dịu dàng đến ngỡ ngàng.

“Không, tôi nghĩ là anh có thể ngừng được rồi,” Jeremy nói thêm, vẫn bằng giọng tâm tình, gần như thì thào.

“Thế, trên đó có gì vậy?”

Jeremy ưỡn người lên để bao quát toàn bộ khu vực. Anh ngắm nghía những cái tháp, các thành lũy, và những mái vòm đã mang lại cho vùng này một vẻ hết sức độc đáo. Mặt trời buộc anh phải nhắm mắt để có thể nhìn mà không nhắm tịt mắt lại.

Lời anh nói ra rất yếu ớt, như chỉ dành cho chính anh, khiến Azim phải khó khăn lắm mới nghe được:

“Ta gặp phải một thợ săn, Azim ạ. Một thợ săn nhẫn tâm, một thợ săn mà chiến lợi phẩm là những đứa trẻ...”

Những lời tiếp theo, nếu có, vĩnh viễn tan biến giữa các ngôi mộ.

Nửa đêm.

Marion để cuốn nhật ký xuống cạnh ghế xô pha. Rượu gin pha nước cam bắt đầu làm đầu óc cô quay cuồng.

Cô vừa nhìn ngăm căn phòng sáng lờ mờ vừa tự hỏi mình đang làm gì ở đây. Bối cảnh nhanh chóng định hình trở lại trong tâm trí cô.

Cuộc đột nhập chiều nay chỉ còn là một ký ức khó chịu, bị rượu làm nhòe đi. Cô cảm thấy chơi vơi, mất phương hướng sau những gì vừa đọc.

Nghĩ cho kỹ, không phải cô đã đọc, vấn đề chính là ở chỗ đó. Cô đã trải qua vụ phát hiện đứa trẻ chết. Sức mạnh của ngôn từ.

Chúng là một cánh cửa.

Chúng là một câu thần chú.

Nguồn gốc của những phép bùa yếm.

Một cánh cửa dẫn đến vùng tưởng tượng.

Chúng đã kéo cô vào bộ phim của quá khứ, và cô lạc trong đó. Marion vừa vờn vai vừa lau bàu vài câu. Cô thấy mệt.

“Và mày còn hơi say nữa, cưng ạ,” cô cao giọng nhận xét.

Cô lên gác ngủ, đang chuẩn bị cởi quần áo thì nhớ ra đã để cuốn sách bìa đen ở tầng dưới. Cô do dự, không hề muốn đi xuống, nhưng lại khao khát được giữ nó bên mình, thật gần. Cô thở dài rồi xuống tìm.

Đêm ru êm ngoi làng bên ngoài cửa kính lớn.

Marion đứng bất động trong bóng tối phòng khách để chiêm ngưỡng những mái nhà và khung cửa sổ không sự sống.

Sau đó cô đi lên phòng, cởi quần áo. Khi cô để quần áo trong phòng tắm nhỏ tiếp giáp với phòng ngủ, hình ảnh phản chiếu qua gương khiến cô chú ý. Cô vẫn giữ được đôi chân tuyệt đẹp. Cô quay người. Mông mình cũng không tồi, cô tự nhủ. Một sự ham ăn nhỏ nhỏ làm bụng cô tròn lên, cách đây không lâu lắm nó vẫn còn phẳng. Đôi bầu vú không săn chắc nữa, nhưng còn đẹp chán, cô thấy vậy. Sau cùng, hai cánh tay làm cô không hài lòng nhất. Bắp sau rã, da bắp trước mềm nhão.

Cô thuộc lòng bản kiểm kê này. Với cô, cái gương không khác người nhắc vở ở rạp hát là mấy. Điều khó chấp nhận nhất không phải là cái cơ thể đang chín mùi bất chấp mọi sự, sự thiếu vắng hoạt động tình dục đều đặn, nếp sống đặc biệt của cô, hay việc cơ thể ấy chưa bao giờ được sử dụng để đeo mang hay cấu thành sự sống, không, khó chấp nhận nhất là khuôn mặt cô. Những cái rãnh cuộc sống sâu thêm theo năm tháng, làn da yếu đi do không có sự hỗ trợ vô điều kiện của tia cực tím tại các viện thẩm mỹ, màu vàng cát của mái tóc bị màu trắng của sự cam chịu lấn át.

Tuy nhiên, nhìn tổng thể thì cũng không đến nỗi khó chịu. Marion không cần phải than thở, dù sao cô vẫn là một phụ nữ đẹp. Đường nét ở cô rất dịu dàng, các nếp nhăn chỉ càng nhấn mạnh thêm một sự từng trải nào đó...

Marion phì cười. Cô nghĩ ngợi lung tung, đến giờ ngủ rồi, phải quên cơ thể và những vắn hỏi của mình thôi. Phụ nữ kinh hoàng với ý nghĩ bị héo tàn và mất đi tình yêu của người chồng hoặc những ánh nhìn khích lệ của những người đàn ông trên phố, còn cô, Marion, thì sợ không bao giờ thăng nổi nổi cô đơn của chính mình. Trước khi mong giữ được, thì phải chinh phục đã.

“Mày nói thật vợ vẫn,” cô thì thào và nhận thấy hơi thở có mùi rượu.
“Mày say rồi.”

Cô chui vào lớp chăn lạnh lẽo, không thèm mặc quần áo hay váy ngủ, rồi nhắm mắt lại. Hai tay cô trượt dọc theo sườn. Một tay luồn xuống phía háng, lướt qua mu. Các ngón tay cô vượt hờ nơi vùng kín. Rồi cô cuộn người sang một bên và kéo chăn lên tận cổ. Tối nay thì không. Cô quá mệt rồi.

Mặt trời Ai Cập vẫn rực sáng, đầu đó trong sâu thẳm những ý nghĩ của cô.

Sức nóng ru cô ngủ.

Jeremy Matheson ôm vai cô, dịu dàng vuốt tóc cô.

Anh thơm quá... Rất đàn ông, gần như thú tính. Cuốn hút như thể anh có một sức quyến rũ không thể cưỡng nổi. Có từ tính.

Marion thấy miệng anh sát lại gần miệng cô.

Cô siết hai tay dưới tấm chăn.

Cô ngủ.

* * *

Marion phân loại sách trên tầng áp mái của thư viện Avranches cùng thầy Damien suốt ngày thứ Tư, đó là những giờ lao động cuối cùng của họ trong kho sách.

Suýt chút nữa thì cô hỏi ông ta về những gì các thành viên dòng tu làm chiều hôm qua hòng tìm ra kẻ lãng vãng đã đột nhập vào nhà cô, tuy nhiên cô chọn cách im lặng và không khêu gợi trí tò mò của vị thầy tu.

Cô về nhà lúc khoảng mười bảy giờ, và điện thoại reo lên gần như ngay lập tức. Người ta đang chờ cô ở khu nhà ở tu viện để giới thiệu cô với người quản lý dòng tu, thầy Serge.

Marion đi lên Bậc Lớn bên ngoài, qua tháp Châtelet để đến trước khu nhà ở của tu viện dài và đồ sộ. Xơ Agathe đợi cô ở cửa. Xơ trẻ hơn cô, ngoại hình hơi tầm thường, và có vẻ kín đáo gần như một bóng ma. Xơ dẫn cô đi qua các hành lang và cầu thang rồi gõ vào một cái cửa vòm bằng gỗ.

Thầy Serge mở cửa và mời cô vào. Xơ Anne cũng có mặt ở đó. Thầy chừng năm mươi tuổi. Một cái mũi vừa to vừa vẹo vọ và nhiều nốt ruồi ngự trên khuôn mặt ông. Dưới cặp lông mày dày màu nâu, đôi mắt ông tạo thành hai hồ nước tĩnh lặng, trải dài, không phản chiếu bất cứ cảm xúc gì.

Khi thấy ông, Marion so sánh ngay với Robert De Niro, nhưng không hấp dẫn bằng và nhu nhược hơn.

“Tôi rất vui khi cuối cùng cũng được gặp cô,” ông nói thay lời mở đầu. “Cô đến đã được một tuần nay và tôi thì không có phút nào cho riêng mình cả. Cô ngồi đi, xin mời.”

Marion làm theo, ngồi xuống cách xơ Anne đang nhìn cô với ánh mắt thân thiện không xa. Giọng vị thầy tu có vẻ quen thuộc với cô, nhưng cô không xác định được rõ nguyên do.

“Cô đã quen với nơi ở mới chưa?” Thầy Serge hỏi.

“Vâng, theo nhịp độ của tôi. Tôi bắt đầu cảm thấy nơi đây như ‘tổ ấm’, như người ta vẫn thường nói.”

“Tuyệt. Tôi đã lo ngại việc cô đến đây ở, vì chuyện khá tế nhị. Nhưng theo tôi hiểu thì xơ Anne che chở cho cô, vậy nên tôi biết cô được giao cho người đáng tin cậy.”

Ông vờ như vừa mới biết mọi việc trong khi thực ra tất cả đã được sắp xếp từ trước khi cô đến rất lâu, Marion đoán phỏng. Cô tự hỏi về số người đã đi qua những bức tường này trước cô, do UBGSLT giao phó cho dòng tu. Liệu đây có phải một dây chuyền được bôi trơn đều đặn? Ít có khả năng đó, thói quen và số lượng sẽ gây nguy hiểm cho một hệ thống thế này. Một cách thức quá dễ dự đoán hoàn toàn không ích gì đối với kiểu nhiệm vụ làm biến mất một người trong một thời gian. Không được phép để bất kỳ ai lần ra manh mối này.

Marion quyết định không đùa giỡn nữa.

“Các thầy có thường xuyên liên hệ với UBGSLT không?” Cô hỏi.

Thầy Serge giấu nụ cười mỉm sau bàn tay to bản. Ông quay đầu về phía xơ Anne để chia sẻ sự thích thú của mình trước khi trả lời Marion:

“Không, trái lại. Im lặng là hơn cả. Tôi chỉ có một số điện thoại để gọi khi tuyệt đối cần thiết. Chúng tôi chỉ là một dòng tu, cô Marion ạ. Cô cho phép tôi gọi cô là Marion chứ?”

Đương sự uể oải ra hiệu mời ông tiếp tục nói.

“Không phải là mật thám,” ông kết luận.

“Chỉ đơn giản là tò mò thôi. Tôi cứ tự hỏi về chuyện đó.”

“Chúng tôi giúp đỡ là chính. Một ngày nọ họ đề nghị chúng tôi chuyện đó, chúng tôi đồng ý, và mọi chuyện lại lặp lại, và đó là ngoại lệ. Vậy thôi.”

“Vậy thôi,” Marion vừa nhắc lại vừa nhìn ông chăm chăm.

“Mọi ngày của cô diễn ra thế nào? Nếu tôi không nhầm thì cô đang giúp việc cho thầy Damien.”

“Đúng vậy. Công việc không được thú vị cho lắm nhưng cũng khiến tôi bận rộn. Tiếc quá, việc sắp xếp kết thúc rồi và ngày mai tôi lại quay lại cảnh nhàn rỗi.”

“Tôi sẽ đưa cô chùm chìa khóa này, tôi yêu cầu cô giữ nó thật cẩn thận. Với nó, cô có thể đi bất cứ đâu cô muốn.”

Ông ta cầm lấy một cái vòng kim loại trên đó treo chùng một tá chìa khóa to bản.

“Hãy hành xử càng kín đáo càng tốt, bộ phận hành chính của Đỉnh nghĩ là cô đến chỗ chúng tôi ở ẩn, họ sẽ khó chịu nếu chúng tôi dành cho cô ngoại lệ này.”

Xơ Anne nghiêng người về phía Marion.

“Tôi sẽ giải thích cho cô cách dùng từng chìa một,” bà nói thêm.

“Đây cũng là một cách giúp cô khuây khỏa như những cách khác. Tôi phải thú nhận rằng ở đây kẻ thù nguy hiểm nhất là sự buồn chán. Chúng tôi sẽ cố gắng ở bên cô nhiều nhất có thể; tuy nhiên, không giấu cô là dòng tu của chúng tôi có những điều luật cần phải tuân theo. Chúng tôi không thể tìm cho cô một công việc chính thức trên Đỉnh, như vậy có lẽ không được hợp lý lắm.”

“Họ có nói với các thầy là tôi sẽ ở lại bao lâu không?”

Thầy Serge gãi gáy.

“Không, điều ấy thì không. Tôi không biết gì cả. Họ đề nghị chúng tôi coi sóc cô trong mùa đông, chờ cho ‘mọi việc lắng lại hoặc tiến triển’. Tôi

thậm chí không biết những việc đó là gì,” ông ta chỉ ngón trỏ ra trước mặt, “và tôi cũng không muốn biết. Nó có thể kéo dài ba tuần hoặc ba tháng.”

Ông ta ngừng một lát rồi nói thêm:

“Mù mờ thế này, cô cứ chuẩn bị tinh thần ở đây trong những tháng tới.”

Marion tóm lấy chùm chìa khóa.

“Trong lúc chờ đợi, nếu tôi có thể giúp được cô điều gì...,” ông ta nói thêm, muốn tỏ ra thân thiện.

Marion ngăn gọn cảm ơn ông ta.

Cô biết mình đã nghe thấy giọng nói này ở đâu.

Tối hôm cô đến. Trong lúc cô thiu ngủ, một giọng nam trầm, với cách diễn đạt rõ ràng. Ông ta đã đến bên giường cô ngay tối đầu tiên, cùng vợ Anne.

Marion từ chối lời mời ăn tối cùng các thành viên khác của dòng tu, thầy Gilles - và nét nhìn nghiêng như đại bàng của ông - sẽ đọc kinh trong bữa ăn. Cô quay về nhà, tò mò hơn là lo lắng muốn biết liệu cô có thêm cuộc viếng thăm bí mật nào nữa không. Marion đi một vòng quanh các phòng, nhưng không có gì khiến cô nghĩ thế.

Có thể việc đó đã kết thúc... Họ đã kích thích cô bằng bức thư thách đố và biết chắc rằng cô không giấu vật gì nguy hiểm, giờ họ sẽ để cô yên.

Marion làm một bát xúp ăn liền, cô quá lười biếng nên không muốn nấu nướng tối nay. Cô đặt cái bát lên bàn trong phòng khách, cùng một chai nước khoáng Contrex và một hộp sữa chua, rồi lấy cuốn sách bìa đen từ túi xách bằng len ra.

Marion dọn đồ ăn rồi giở cuốn sách đúng chỗ lần trước cô đã dừng lại.

Jeremy Matheson cùng đồng nghiệp Azim Abd el-Dayim rẽ lối đi trên con phố đi bộ của khu El-Musky. Nơi đây, ta chỉ có thể đi bộ hoặc cưỡi lừa, mật độ người đi lại và các sạp hàng khiến ta không thể làm khác được.

Dưới những mặt tiền cao cũ nát có ban công trời ra, các quầy hàng sâu lòng thoải mái lấn đến tận giữa phố, tạo thành một dãy dài nối tiếp những bó hoa màu sắc sỡ và những tấm mạng che mặt đượm mùi hương lạ.

Jeremy chui qua một tấm thảm lớn bằng da lạc đà treo cao như một cái lều, tấm da tỏa mùi chua, ngửi muốn lộn mửa. Một người bán lụa gọi anh nhưng rồi lùi lại ngay khi thấy Azim đuổi anh ta đi bằng chính ngôn ngữ của anh ta.

Những khăn quàng lụa đỏ, xanh lá cây, xanh da trời, vàng và những màu biến tấu từ chúng lần lượt biến mất để mở lối vào một mê cung các sọt đầy chà là và sung mẫm mĩm tỏa mùi ngọt lừ.

Ai cũng nói, cũng hét lên bằng tiếng Ả Rập, đôi tiền lấy thực phẩm, đám đàn ông đùa cợt và cười phá lên để lộ những cái miệng móm, người ta rình rập lẫn nhau, thèm muốn lẫn nhau dưới vành mũ fez, mũ tarboosh, khăn đội đầu, tránh nắng nhờ những mái che bằng da thuộc, vải hay những đại diện khác đặc trưng cho lối kiến trúc cổ.

“Tại sao lại là một ‘thợ săn’?” Azim hỏi. “Lúc này ngài có nói rằng kẻ giết người là một thợ săn. Cùng lắm thì hãn là một tên thú vật, một thằng điên đáng bị xử chém, chứ sao lại gọi là ‘thợ săn’?”

“Vì đó chính là những gì hãn đã làm. Khi đi săn ở châu Phi, tôi lượn nhiều giờ liền ngoài trắng cỏ, rình con mồi từ xa, tiến đến gần nó thật nhẹ

nhàng, ở vị trí cao hơn nó nếu có thể, nếu nó phát hiện ra tôi thì tôi dụ nó đến nơi tôi muốn, lừa nhốt nó vào trong một vùng trũng kín hoặc một đường cùng nào đó, để nó bị giam hãm, và nếu có tầm nhìn từ trên cao, tôi chỉ việc lao xuống, nó sẽ bị tiêu diệt rất nhanh.”

“Trước hết đó là một kẻ bệnh hoạn, thưa ngài. Phải bị điên thì mới đi giết một đứa trẻ con. Mà không chỉ giết đứa trẻ, hắn còn tàn sát nó. Đó là một thằng điên!” Anh chàng nhỏ bé người Ai Cập lớn tiếng công kích.

“Không chỉ có thế đâu, Azim ạ, mọi việc còn đi xa hơn cơ. Hắn không những giết đứa trẻ, mà còn lần theo nó nữa. Hắn săn đứa trẻ. Và trong cuộc săn, khoái cảm không nằm ở giây cuối cùng, khi cò súng đã nhấn, dù đó cũng là một phần của khoái cảm. Nó nằm trong những nghi thức trước đó, việc dò kiếm chậm rãi và tỉ mỉ để định vị con mồi, lần theo dấu vết con mồi, điều khiển con mồi từ xa, bủa vây con mồi. Khoái cảm nằm ở đó. Và đó chính là điều hắn đã làm, tên giết người đó, hắn đã đi săn, hắn có khoái cảm khi vây dồn.”

Azim xua tay trong không khí ra hiệu không đồng ý.

“Ấy vậy mà,” Jeremy bồi thêm, “kẻ giết người giấu mình sau bức tường, trên nóc một lăng mộ, rình đợi nạn nhân đến. Hắn đã chờ đợi, để nhảy xổ vào nạn nhân, không cho nạn nhân bất kỳ cơ may nào. Tiếp đó hắn chơi vờn nạn nhân... Đó là suy nghĩ của một thợ săn, cũng là một kẻ đòi bại. Hắn yêu thích những gì hắn làm.”

“Tại sao ngài lại nói vậy? Ngài đọc được trong đầu hắn ư?”

“Các dấu vết cho phép ta khẳng định điều đó.”

“Rốt cuộc ngài có định nói cho tôi biết ngài đã tìm thấy thứ gì trên đó không?” Azim giả bộ bực bội.

Họ đi giữa những chiếc túi đựng gia vị treo vào một giàn cây hình vòm dài bất tận, đột nhiên từng đợt sóng mùi hương liên tiếp tràn vào mũi họ.

“Thứ khiến tôi nói hắn là một kẻ đi săn đòi bại, Azim ạ. Tinh dịch.”

“Cái gì cơ?”

“Anh hiểu rất rõ đấy. Tinh dịch của hãn, tôi chắc chắn vậy. Hãn không thể kìm nổi khi quá kích thích. Người ta rỉ tai nhau rằng điều đó xảy ra đối với những tay thợ săn thiện nghệ, anh biết đấy, rằng họ... *cương cứng* trong những phút giây hồi hộp nhất của cuộc săn. Hãn đã không thể tự kiểm soát được. Và việc này tốt cho ta.”

“Tốt cho ta? Ngài là kiểu người Anh gì mà lại nói như vậy? Ngài nói với tôi về thợ săn, hành vi tình dục, và... Tốt cho ta?”

“Phải, rất nhiều thông tin nếu anh thích cách nói này hơn,” Jeremy Matheson chữa lại mà không bận tâm đến vẻ ngạc nhiên của đồng nghiệp. “Trước hết, ta xác định tính cách của hãn được rõ ràng hơn. Tiếp theo, ta biết rằng đó là một người đàn ông chứ không phải một phụ nữ trốn khỏi nhà thương điên. Ta biết rằng rất có thể hãn mặc một chiếc áo choàng dài boubou* hoặc djellaba*, nếu không tinh dịch của hãn đã không rơi xuống đất, tôi khó lòng tin rằng một thợ săn sắp sửa lao vào con mồi lại để mở khóa quần; và để kết thúc, chắc chắn là điều quan trọng nhất: chúng ta biết rằng có một hướng điều tra bằng cách nghiên cứu thời gian biểu của đứa trẻ.”

Azim dừng lại giữa con phố luôn náo nhiệt không ngừng, mọi người xô vào anh một chút nhưng không càu nhàu gì.

“Tôi không hiểu ý ngài,” anh thú nhận.

“Anh cứ nghĩ mà xem, anh bạn ạ... Sở dĩ hãn có mặt ở đó, sẵn sàng cho cuộc săn, là vì hãn biết trước có người sẽ đến. Một sự kích thích tới mức ấy cần phải được chuẩn bị sẵn, tôi khó tưởng tượng nổi nó lại đột ngột xảy ra, không, hãn đã nghĩ đến điều đó được một thời gian trước khi đứa trẻ xuất hiện. Hãn đã rình nó, trước khi giết chết nó. Và anh cũng sẽ dễ dàng đồng ý với tôi rằng khu mộ cổ của các vua Thổ Nhĩ Kỳ không phải là nơi ta bắt gặp nhiều trẻ con! Hãn biết rằng nạn nhân của hãn sẽ đến, vì hãn đã dụ dỗ nó, hoặc là hãn biết thời gian biểu của nó. Đó là điểm chúng ta phải tiến hành tìm kiếm.”

Jeremy dùng mặt trái ống tay áo lau mồ hôi trán.

“Vẫn còn nỗi khiếp sợ của đứa trẻ,” anh sàu thảm thêm vào.

“Mái tóc trắng, ý ngài là thế phải không?”

“Dù là bị bất ngờ thì tôi vẫn không hiểu sao thằng bé đó lại có thể sợ đến thế.”

Azim lục lọi trong đồng tử vụng tiếng Anh trước khi nói:

“Diện mạo kẻ giết người. Có thể vẻ ngoài hăn cũng xấu xí như bên trong.”

“Có thể lắm, có thể lắm...”

Azim nhăn cằm và gật gù cái khăn đội đầu tỏ vẻ đồng tình.

“Dù sao tôi cũng rất ấn tượng với bài học suy luận này. Phải nói là hơi điên rồ một chút, nhưng hoàn toàn hợp lý. Và điều này quả thật dẫn chúng ta đến một hướng điều tra, hoan hô. Hơn nữa, trong giả thuyết về kẻ *giết người-thợ săn*, ta có thể thêm vào một yếu tố luôn làm tôi trăn trở từ khi tiến hành điều tra: hăn có bản năng lãnh thổ. Ngài cứ nhìn mà xem, hăn luôn giết người trong một vùng được xác định rõ ràng: phía Đông Cairo. Từ khu tường thành đến tận phố El-Abbasiya. Hăn đã ấn định khu vực đi săn.”

“Phải rồi, chính xác là vậy. Có lẽ cần phải tìm kiếm thêm nữa, nhưng để bắt đầu chúng ta phải tiến hành việc cấp bách hơn: xác định danh tính thằng bé.”

Jeremy bỏ vào miệng một quả chà là anh vừa thó trên đường đi trước đó không lâu.

“Ngài có óc phân tích xuất sắc,” Azim bình luận. “Khi ta để người thám tử lên tiếng, thì việc được theo bước anh ta trong những lập luận là cả một kho báu.”

Jeremy nhìn anh ta chăm chăm một lúc rồi mới chữa lại:

“Đó không phải là những gì người thám tử nói, Azim ạ; anh ta không cảm nhận được những điều đó đâu. Không. Đó là người thợ săn.”

Họ ở dưới tầng hầm một tòa nhà cổ. Đủ sâu để hơi mát có thể lan tỏa và được duy trì bất chấp nhiệt độ cao bên ngoài.

Căn phòng có trần dạng vòm, khá thấp, được chiếu sáng vừa bằng những ngọn đèn lồng đốt ga treo tường vừa bằng đèn dầu tỏa mùi ngấy dai dẳng, lẫn với mùi kinh khủng hơn của thịt. Đó là một mùi hăng hắc, phả ra từ giấm bông hồng và mùi hôi của nhiều loại thức ăn để thiu qua nhiều ngày trong một cái túi rồi đột ngột mở ra.

Bốn cái bàn gỗ phủ giấy nền xếp nối nhau dưới hai tấm bảng đen lớn. Mỗi cái bàn thu dọn bát đĩa nằm song song với bốn cái bàn lớn, người ta đặt trên đó những dụng cụ mảnh và sắc, cái nào cái nấy trông rất đáng sợ: dao cạo mỏng, có khóa, có răng, kìm cắt, cưa, và thậm chí cả búa. Trong một góc có một cái thước dài nửa mét được đặt thẳng bằng, trên nền sơn vàng lốm đốm những vòng tròn đỏ.

Và trong cái bồn rửa duy nhất nhưng rất to chõng chất hàng đống những dụng cụ nhớp nháp, một đáy nước tù đọng màu boóc đô, trong đó nổi lên những chất đặc hơn, lằng nhằng nhiều thớ. Những tập giấy ghi rộp lên do ngấm nước chất thành đống trên cái bàn nhỏ gần lối vào.

Jeremy Matheson đứng đối diện một người đàn ông chừng năm mươi tuổi, bộ râu và mái tóc màu trắng. Cái tạp dề màu đen của ông ta ánh lên vẻ ẩm ướt kỳ lạ dưới ánh đèn.

“Đây là lần cuối cùng tôi làm việc với anh thế đấy nhé,” ông ta báo trước.

“Ông biết là việc quan trọng mà, bác sĩ. Thế nào?” Jeremy hỏi.

Người đàn ông luống tuổi quay về phía hình người được phủ một tấm ga trên cái bàn ngay cạnh.

“Đứa bé tội nghiệp đã trải qua một khoảnh khắc vô cùng kinh khủng, ông có thể tin tôi, nó đã bị đánh rất mạnh, hầu như toàn thân nó có vết bầm máu. Người ta đã bẻ gãy cánh tay trái của nó, vỡ làm ba phần, khuỷu tay cũng vậy, nhiều xương sườn...”

Ông quay người đối diện với một trong những tấm bảng lớn trên đó ghi lại nhiều quan sát khác nhau.

“... Chính xác là bốn. Tóm lại, tôi bỏ qua phần còn lại, mọi thứ sẽ được miêu tả chi tiết trong bản báo cáo mà thư ký đưa cho anh. Điều khiến anh quan tâm đây: nó chết do bị bóp cổ bằng tay, tôi gần như chắc chắn thế.

Hơn nữa cứ nhìn vào các vết thương thì thằng bé cũng không sống sót lâu được. Điều khiến tôi bối rối là những dấu vết để lại trên cổ nó.”

Ông ngồi ghé lên mép bàn.

“Anh biết đấy, thám tử ạ, khi bóp cổ một người, cần vận sức để chặn đứng sự lưu thông của không khí và/hoặc của máu, thế nên phải bóp thật mạnh... Và thường thì ta ấn sâu ngón tay vào da, để lại các vết móng tay, vết xước hay trầy da. Trong trường hợp này, đó rõ ràng là những lỗ sâu, những vết trích máu, có khi khá sâu.”

“Điều đó có nghĩa gì? Rằng kẻ giết người có một món vũ khí sắc ư?”

“Không, không hẳn vậy. Rõ là có vết ngón tay, các vết bầm có hình giống với bàn tay. Không, điều đó có nghĩa là kẻ giết đứa bé này có móng tay rất cứng, và rất dài, gần như sắc lẹm.”

Vị bác sĩ cầm lấy cái bát sứ chứa mẫu sừng tam giác mà Jeremy và Azim tìm thấy cách đây vài giờ.

“Nếu anh muốn nghe ý kiến của tôi, thì vật này hoàn toàn có thể là một phần của nó.”

Jeremy nghiêng người về phía ông ta, gập gáy xuống. Anh không hiểu.

“Cái gì cơ?”

“Tôi chỉ nói đơn giản là cái mẫu này có thể là một phần của cái móng đó.”

“Cái này ư? Ông không nghĩ thế chứ? Nó quá to! Thế thì tên giết người hẳn phải là một kẻ khổng lồ kinh dị!”

“Nghe này, tôi không phải là người chấp nối các sự việc lại với nhau, người nào việc nấy, và việc của tôi khiến tôi nghĩ rằng đó có thể là một mẫu móng tay. Nhọn, dày, cứng, chắc chắn rồi, sao lại không. Dù sao nó cũng trùng khớp với kiểu vết thương trên người thằng bé. À, phải rồi, bởi vì không chỉ có những vết cào xước tự trên họng mà trên khắp cơ thể hoặc gần như thế. Bất kỳ chỗ nào nó bị chạm tới, ta đều thấy những vết cắt thế này, như của một bàn tay có móng quá dài.”

“Những cái vuốt, hẳn ông muốn nói vậy...”

“Cứ nhìn vào kích cỡ và độ sắc thì đúng thế, ta có thể cho đó là những cái vuốt.”

“Nó... nó có bị xâm hại tình dục không?”

Vị bác sĩ có vẻ do dự.

“Theo nghĩa đen của từ này thì không. Hơi giống những đứa trẻ khác, có tinh dịch trên người nó, nhưng không có sự giao cấu.”

“Còn gì nữa không?”

Ông bác sĩ đưa tay sờ râu. Viền móng tay ông có màu đỏ của một chút máu khô.

“Các chi tiết sinh học, không liên quan gì đến khía cạnh tội phạm cả. Khi mổ đứa trẻ, tôi nhận thấy nó thuộc kiểu người *situs inversus*, nghĩa là kiểu người có nội tạng bị đảo lộn, tim gan nằm bên phải chứ không phải bên trái. Thường thì ở người trưởng thành, ta nhận thấy điều đó trước cả khi khám nghiệm tử thi, vì tinh hoàn bên phải sẽ thấp hơn tinh hoàn bên trái, trên lý thuyết là vậy, với những người tim bên trái thì ngược lại.”

“Và điều đó có thay đổi được gì không?”

“Không gì cả, chỉ là một điểm đặc biệt thôi. Một điều nữa: thằng bé bị bệnh ưa chảy máu. Tôi không thể dám chắc điều đó, nhưng với tôi nó có vẻ khá rõ ràng. Ống tiêu hóa và các khớp xương đều có dấu hiệu chấn thương liên quan đến bệnh ưa chảy máu. Còn về các vết thương, máu chảy quá nhiều so với kiểu vết thương này, hầu như không có dấu vết đông máu.”

Jeremy nhìn lướt về phía cuốn sổ ngự giữa đồng dao mổ cũ. Những giọt nhỏ màu đỏ chứng thực cho những trang viết nguệch ngoạc.

“Cảm ơn bác sĩ.”

“Đây là lần cuối cùng tôi làm việc khẩn cấp thế này đấy nhé,” ông bác sĩ nhắc lại. “lần sau, anh sẽ phải đợi đấy.”

“Tôi biết rồi...”

“Không, anh không biết gì cả,” ông ta giận dữ tiếp lời khiến Jeremy bất ngờ. “làm việc khẩn cấp có nghĩa là phải đánh liều thọc tay vào sục sạo và có thể bị đứt tay. Anh có biết tất cả những căn bệnh lây qua đường đó

không? Hai bác sĩ vừa chết cách đây không lâu như thế đấy, một người ở Alexandria vào mùa đông vừa rồi và một người ở ngay đây vào năm ngoái. Viêm quầng*, anh đã nghe đến bao giờ chưa? Chưa hả? Đó là một bệnh nhiễm trùng làm chết hàng loạt bác sĩ từ vài năm nay. Chỉ bị đứt tay một chút, vậy là quá muộn... Phần da tổn thương sưng phồng, sốt rồi ra đi. Tôi không sống sót qua chiến tranh tại Pháp để chết một cách ngớ ngẩn như vậy! Đây là lần cuối đây.”

Người đàn ông vớ lấy một mảnh giẻ sạch rồi máy móc lau tay. Ông ta liếm môi rồi day cơ hàm cho đỡ mỏi, làm bộ râu đung đưa qua lại. Tiếp đó ông quay về phía Jeremy Matheson, anh đang nhìn chăm chăm vào cái đồng quá nhỏ bé phủ ga nằm trên bàn.

“Buồn, phải thế không?” Ông nói.

Ông lại gần viên thám tử, tay cầm miếng giẻ.

“Anh biết không, đôi lúc, khi đang mày mò trong bụng chúng ta, tôi ngừng lại một phút để ngắm nhìn cái tác phẩm là thân thể con người. Chúng ta mới khác nhau làm sao. Có người có động mạch rất chắc, rộng, khó bị tắc. Ngược lại, có người lại có mạch máu mỏng và hẹp. Tại sao? Không có nguyên tắc nào cả. Rất có thể không phải do di truyền, đó là lỗi may rủi của tạo hóa, anh sinh ra với thiên hướng chết sớm hay không. Đối với thằng bé khốn khổ này, việc đó đến nhanh hơn nó nghĩ. Tim nó đã đập chừng, xem nào, một tỷ lần trước khi ngừng chứ gì? Gần như vậy. Một tỷ tiếng gọi cuộc sống coi như vô ích. Sẽ không ai nghe thấy gì cả. Nó quay về với cát bụi.”

“Ông làm tôi phát sầu, bác sĩ ạ.”

Jeremy thân mật vỗ vai ông ta rồi tỏ vẻ sắp đi về phía lối ra, một cái cầu thang nhộp nhúa.

“Anh sẽ tìm được hãn chứ, cái kẻ đã gây ra việc này ấy?” Ông bác sĩ hỏi sau lưng anh.

Jeremy đứng bất động trên bậc thang đầu tiên. Anh hoàn toàn không ngờ đến biểu hiện quan tâm này từ phía người đàn ông ngay từ đầu đã có vẻ

dừng dừng giữ khoảng cách với tình huống này. Dưới ánh sáng những ngọn đèn lồng đồng đưa, ông ta lại nói thêm:

“Nếu anh tìm thấy hãn, thám tử ạ, xin hãy vui lòng bắn hãn một phát cho riêng tôi.”

Jeremy gặp lại Azim một lúc sau đó, vào cuối buổi chiều. Anh chàng người Ai Cập nhỏ bé đã làm một vòng quanh các đồn cảnh sát để kiểm tra xem có đơn trình báo trẻ em mất tích nào không. Anh ta tìm một đứa trẻ chừng mười tuổi với những đặc điểm nhận dạng - trong chừng mực những gì anh ta có thể quan sát - tương ứng với đứa trẻ được tìm thấy sáng nay ở con hẻm cụt.

Không kết quả gì.

Gần như chắc chắn là thằng bé xuất thân từ một khu phố nghèo, và rất thường xuyên, trong môi trường đó, người ta ưu tiên tìm cách giải quyết vấn đề với nhau trước khi tìm đến chính quyền. Đơn trình báo mất tích có thể phải mất nhiều ngày mới được trình ra.

Jeremy thuật lại cho Azim tất cả những gì vị bác sĩ cho anh biết, không bỏ qua một chi tiết nào, Azim không ghi chép, chỉ ghi nhớ các thông tin mà không biểu lộ cảm xúc gì.

“Azim này, tôi sẽ làm một vòng phía trại điên để chắc chắn rằng không có cuộc bỏ trốn hay trả tự do cho một kẻ từng hiếp dâm trẻ em nào, trong lúc đó, anh nên làm một vòng quanh các bệnh viện kiểm tra xem gần đây có đứa trẻ nào nhập viện vì bị tấn công tàn bạo kiểu này không. Ai mà biết được, rất có thể đã có những vụ không thành từ trước.”

“Được thôi, nếu tôi được phép nói, thì ngài đừng quên đảo qua Ibn Touloun, cái nhà thờ Hồi giáo cũ. Đáng nhẽ phải sửa chữa nó trong năm nay, nhưng hiện tại nó đang chứa chấp những lão già lẫn thẩn. Người ta nói rằng bệnh nhân ở đó đôi khi rất nguy hiểm, đó cũng là một hướng điều tra đấy.”

Matheson đồng tình và cảm ơn anh ta rồi hai người đàn ông chia tay nhau. Viên thám tử người Anh ngược lên khu Abbas nơi anh dành hãn ba

giờ đồng hồ để thu nhặt những thông tin cần thiết. Có đến hơn năm nghìn bệnh nhân điều trị ở đây, trong những điều kiện độc hại cho sức khỏe.

Khi hoàng hôn phủ lên Cairo, Jeremy Matheson ẩn mình trong quán *qahwa* quen thuộc, một quầy hàng nhỏ lụp xụp không bày biện trang trí gì gần nhà ga trung tâm. *Qahwagi*, ông chủ quán, trực tiếp rót cho anh một cốc cà phê *arriha*, với một ít bạch đậu khấu cho thơm, mọi sở thích của viên thám tử người Anh đều được biết đến tại quán này.

Mấy người già chơi trò *mankaleh** cách đó không xa, vừa chơi vừa tán gẫu, trong khi đó một người kể chuyện rong đang kể một trong những truyền thuyết bằng tiếng Ả Rập cho những ai muốn nghe.

Những cuộn khói từ ống điều bay dày đặc không khí, tỏa mùi dầu vị táo hoặc hôi mùi *má assil**.

Jeremy để giọng nhất gừng của người kể chuyện ru ngủ, tưởng tượng ra vô khối cảnh thần tiên ngay trên hoang mạc và từ những thời xa xưa. Anh nhanh chóng chuyển sang rượu. Quán *qahwa* này chẳng ngại gì việc phục vụ rượu, điều ngày một trở nên hiếm hoi kể từ khi các giáo phái Hồi giáo chính thống củng cố thêm quyền lực. Anh uống rượu cô nhắc quán tự làm với tốc độ đáng lo ngại, thẳng tay vứt xuống gầm bàn viên đá mà ông chủ quán nhất định bỏ vào cốc rượu.

Anh loạng choạng quay về toa tàu, mọi thứ nhòa đi trong mắt anh, rồi nằm vật xuống cái giường lộn xộn.

Vừa nằm dài ra anh đã vươn ngay tay về phía cái bàn đầu giường. Anh làm đổ vài món đồ đặt trên đó cho đến khi với được một khung ảnh bên trong có bức ảnh đen trắng của một người phụ nữ.

“Jezabel...,” anh lầu bầu. “Jeza... bel... Ai chạy trốn những đêm chăn gối bên em... Jezab...”

Cái khung ảnh trượt khỏi tay anh rơi xuống thảm trải sàn, tình trạng mê mẩn khiến anh không sao với nổi. Anh vùi đầu vào cái gối lông để vắt kiệt những giọt nước mắt đang dâng lên.

Một ánh chớp lóa mắt đập tan những giấc mơ nhục dục đã mất của anh. Hình ảnh chỉ tồn tại trong giây lát. Hình ảnh một cơ thể. Cơ thể một đứa

trẻ.

Những mẫu xương đòn mong manh thò ra dưới làn da mỏng dính của phần thân trần. Và toàn bộ nỗi kinh hoàng của ngày hôm nay.

Anh đã muốn cuộc điều tra này. Cùng gánh nặng tàn bạo của nó. Giờ thì phải mặc bộ đồ của nó, để có thể bước vào cái vòng khép kín của sự thật. Để tiếp cận nó, nhảy với nó. Liệu anh có khả năng không? Không đi sai bước. Kiểu của người đi ra khỏi con đường mòn trơn trượt, rồi lao mình vào bóng tối.

Jeremy siết chặt lấy cái gối như để nó bóp nghẹt mình. Anh dùng hết sức thét lên.

Sương mù phủ kín toàn bộ ngôi làng khi Marion tỉnh dậy, vào sáng thứ Năm.

Cô đi tắm rồi nhìn thấy đám mây bông tan dần dưới cửa sổ lúc ra khỏi phòng tắm. Tắm tắm ngây thơ quay trở lại với biển. Cô mặc quần jean và áo len cao cổ rồi choàng thêm áo khoác và đi ra ngoài hít thở khí trời.

Bên ngoài, các bức tường và những phiến đá trên phố vẫn còn ẩm ướt. Ba phần tư các cửa hàng kinh doanh không mở cửa. Tiếng một người đang chạy thở phì phò vang lên phía sau. Cô tránh sang một bên nhường đường và ngạc nhiên thấy thầy Damien mặc quần áo thể thao đang chạy xuống Phố Lớn với tốc độ rất nhanh. Không còn gì của vẻ hiền từ quen thuộc trên mặt ông, chỉ còn một sự quyết tâm dữ dội. Ông chào cô khi chạy ngang qua rồi biến mất trong khúc vòng của con đường dốc.

Marion dừng lại trước quầy hàng của Béatrice, một trong những nơi ương bướng hiểm hoi hầu như không bao giờ đóng cửa.

“Ưu thể thao nhì, thầy Damien ấy,” Marion bình luận khi bước vào quầy hàng.

“À, ông ta ấy hả?” Béatrice cười rúc rích. “Ông ta có thể vừa chạy vừa hành hương đến tận Compostelle ấy chứ! Một vận động viên ma ra tông thực thụ đấy, hầu như ngày nào ông ta cũng chạy trên đê. Thế nào, cô gái Paris xinh đẹp ra sao rồi?”

Marion từ khụy tay lên quầy hàng.

“Em tận hưởng khí trời...”

“Ở đây khi nói thể nghĩa là ta chán ngấy rồi.”

Marion trả lời bằng nụ cười thích thú.

“Thế cuốn sách thì sao, nó viết cái gì?” Béatrice tra hỏi.

“Rất gay cấn.”

“Gay cấn à? Hình như đó là một cuốn nhật ký cơ mà? Nó *gay cấn* thế nào?”

“Cách câu chuyện được bắt đầu. Đó là chuyện về một vụ điều tra của cảnh sát.”

Béatrice phì cười.

“Không đùa đấy chứ?”

“Hoặc đúng hơn là góc nhìn của người tiến hành điều tra.”

“Thế rồi sao?”

“Thế rồi hiện giờ chỉ có vậy thôi. Em làm quen với Jeremy.”

“À! Jeremy hả, ra vậy... Hai người giờ lại gọi nhau bằng tên riêng cơ đấy?”

Marion nháy mắt với chị rồi đứng lên.

“Quả vậy, em định đọc sách hôm nay. Chị có chỗ nào khuyên em nên đến trên Đỉnh không? Chị biết đấy, để lấy khung cảnh ấy mà, một nơi dễ chịu.”

Béatrice tìm cảm hứng trên trần nhà rồi đề xuất:

“Em có thể ra khu tường thành, nhưng lý tưởng nhất vẫn là phần trên cao của tu viện. Vào một phòng nào đó, ít ra em cũng tránh được gió. Nếu em hỏi lễ tân, có lẽ họ sẽ cho em vào.”

Marion suyt nữa thì trả lời chị rằng với chùm chìa khóa đang cầm cô hoàn toàn có thể làm việc đó, nhưng có điều gì đấy giữ cô lại. Cô không phải người ở đây, và cô sợ sẽ bị nghĩ xấu khi dông dài về những đặc ân cô được hưởng.

Họ tán gẫu thêm một tiếng đồng hồ nữa rồi Marion lên nhà lấy cuốn nhật ký. Cô mang theo chùm chìa khóa thần kỳ và leo những bậc thang bất tận dẫn lên đỉnh. Ngay trước khi tới tháp Châtelet, cô bắt gặp một cánh cửa đen

thuộc về lâu đài. Tò mò, cô lại gần và thử tra hết chìa này tới chìa kia vào ổ cho đến khi nghe tiếng khóa mở.

Những việc nghiêm túc bắt đầu rồi đây, giờ cô đã có chìa khóa vạn năng. Phấn khích vì thành công của mình, Marion lách vào với niềm vui của một đứa trẻ làm điều cấm kỵ. Cô cẩn thận đóng cửa lại sau lưng. Cô đi qua một gian phòng, một phần gian phòng treo những tấm bản đồ dành cho du khách, rồi đi tiếp đến tận sườn phía Bắc, nơi cô khám phá ra, phía bên ngoài, cả một sườn dốc đứng phủ một lớp thực vật gan góc, không ngừng bị gió tấp.

Marion đi dọc khu Kỳ Quan hướng về khu vườn phía Tây, ngược lên theo lan can uốn lượn và tìm thấy cánh cửa đi vào Kỳ Quan qua tầng thấp nhất, nơi cô từng đào đất cùng xơ Anne.

Cô xuống hầm, một căn phòng khổng lồ với nhiều cột dựng vuông góc với nhau. Toàn bộ cây cối cô cùng xơ Anne bứng lên vẫn còn ở đó, mới được tưới nước. Marion thấy nơi này quá tối và quá lạnh không ở lại được nên cô đi theo cầu thang cuốn vòng để lên tầng trên và đến phòng Hiệp sĩ. Cô nhớ từng đi qua đây trong lần đi thăm với bà xơ. Cô chợt thấy nhớ bà già.

Mày không được gọi bà ấy là bà già! Bà ấy bao nhiêu tuổi? Hơn mày mười lăm tuổi? Thật nực cười... Tại da bà ấy... Nó nheo tí lại vì hăng hà sa số những nếp nhăn mỗi khi bà ấy biểu lộ một cảm xúc nào đó...

Đôi mắt màu xanh lam của xơ Anne hiện ra trong tâm trí cô. Chúng chợt khiến cô cảm thấy mình phải thận trọng tột bậc.

Chuyện gì xảy ra với cô vậy? Có phải tại khung cảnh này không? Marion đi qua khu rừng đá kỳ vĩ rồi lang thang trong một hành lang nhiều mấu lồi lõm, đi xuống rồi lại đi lên nhiều bậc thang, mở những cánh cửa bảo vệ các hầm mộ hoặc dẫn ra ngoài, và trong một thoáng cô nhận ra không biết mình đang ở đâu nữa.

Thế là cô đi vào Belle-Chaise, khu tòa án cũ của tu viện. Một đội quân ghế băng có chỗ dựa xếp sát nhau, đối diện một chiếc bàn dài dùng làm bàn thờ. Với những cánh cửa sổ dài và hẹp cùng khoảng trần cao bằng gỗ có

hình vỏ tàu úp ngược, căn phòng mang lại cho Marion cảm giác cô có thể trải qua những giây phút tĩnh lặng nơi đây, nhất là khi cô nhìn thấy cái ghế có tựa lưng trong góc phòng. Cô nhấc nó lên rồi đặt sát sau cái lò sưởi khổng lồ, cách không xa một ô cửa kính để lọt vào luồng ánh sáng màu xám đặc trưng của cái ngày âm đạm này.

Trong lúc sắp đặt, Marion nghĩ đến những người giám sát mà ta hay gặp trong bảo tàng Louvre, ngồi ở cửa ra vào các phòng trưng bày. Cô lựa một tư thế thoải mái, ngọ nguậy trên ghế rồi đứng dậy kéo một cái ghế băng khiến nó kêu kèn kẹt vang khắp gian phòng. Marion căng tai nghe một lúc, khi chỉ thấy có gió thổi qua các hành lang, cô lại tiếp tục kéo cái ghế băng rồi ngồi xuống và duỗi chân lên nó.

Lần này, cô đã thấy thoải mái. Khi cô mở cuốn nhật ký ra, trong lòng cô dâng lên ham muốn được biết mối liên hệ chính xác giữa Jeremy và cô nàng Jezabel ấy.

Marion rùng mình, cánh tay cô nổi da gà. Trời lạnh và ẩm. Trước tiên cô đọc những dòng lúc trước cô đã dừng lại, trong khi những dòng tiếp theo tan dần ra cho đến lúc tạo thành một hình ảnh. Âm thanh, mùi vị... các nhân vật sinh động như thật, dưới các giác quan đầy thán phục của cô.

Hai điều tra viên, Azim và Jeremy gặp nhau và cùng ăn sáng bên trên một quán cà phê, đối diện khu vườn Ezbekiya. Cái nóng khô đã xâm chiếm cả thành phố, phủ lên trán mọi người một lớp hào quang mỏng và mặt. Hai người không ăn gì, chỉ uống một cốc trà tỏa khói. Phía sau họ, một nhóm các nhân viên khách sạn, các drogman bận rộn trong dịp này và rất đông những người khác xếp hàng ở cửa bán hạ giá của Occidentaux để xoay xở được vé cho buổi hòa nhạc sắp tới của Oum Kalsoum.

Hai người đàn ông điếm lại những gì họ điều tra được hôm qua, không ai thu được kết quả gì.

“Tôi cứ nghĩ mãi đến những gì bác sĩ nói về mẫu sừng,” Azim thổ lộ. “Ông ta cho rằng đó là một mẫu móng tay ư? Sao lại có thể thế được? Sao lại có thể có móng tay kiểu thế được?”

“Tôi đồng ý với anh, ông bác sĩ già lẫn lộn rồi. Tuy nhiên, đó có thể là một phần của một bộ trang phục...”

Azim ngồi lún sâu vào ghế. Anh nắng buổi sớm chiếu sáng khuôn mặt tròn của anh khiến bộ ria bóng lên, hết như mái tóc xức thứ dầu mới của Nam Mỹ, *dầu xức tóc Argentina*.

“Tôi hiểu điều anh muốn nói, tôi cũng tự nhủ hung thủ chắc phải là người Ả Rập,” anh ta tuyên bố. “Những đứa trẻ đó không nói tiếng Anh, và dù có ai đó trong số các anh nói được chút tiếng Ả Rập thì cũng không đủ khiến chúng tin cậy tới nỗi lần nào cũng một mình đi đến những nơi nhớp nhúa như vậy.”

“Trừ phi nhử mồi gì đó,” Jeremy chữa lại. “Tôi phải thú nhận là có phần đồng tình với anh, người Anh có lẽ dễ gây chú ý hơn. Thế nhưng một tên Đen người Sudan lại có thể làm được vụ này.”

“Tại sao?”

“Tại vì ở Cairo này chúng rất đông*, chúng nói tiếng Ả Rập, hòa đồng đủ độ để không gây sự chú ý, và vì nhiều khả năng một vài dân tộc thiểu số vẫn mặc trang phục cổ truyền. Cũng vẫn là tên thợ săn ẩn mình trong kẻ giết người đó đã cho tôi hướng điều tra này. Trong nhiều bộ lạc phía Nam, họ mặc trang phục của bộ lạc khi đi săn, với những cái bùa bằng ngà hoặc bằng sừng chẳng hạn...”

Azim nở một nụ cười buồn.

“Vẫn là ý tưởng về tên thợ săn, phải vậy không? Nhưng nó rất chặt chẽ, tôi xin tán dương ngài. Hoàn toàn chặt chẽ. Có điều liên quan tới chuyện hòa nhập của người Đen thì tôi không đồng ý với ngài cho lắm. Có thể dưới mắt ngài là vậy, nhưng (anh ta nghiêng người về phía anh chàng người Anh) dưới con mắt một cư dân Cairo, một người Sudan vẫn là một người Sudan. Tôi sẽ dò hỏi ở những khu phố nơi các nạn nhân sống, ai biết đâu được.”

Họ lên đường vào khoảng mười giờ, vì cho rằng đi chất vấn gia đình các nạn nhân trước vào giờ này cũng không phải sớm sửa gì nữa. Azim sẽ giữ vai trò chủ đạo, vì Jeremy không nói được tiếng Ả Rập. Tuy nhiên anh muốn có mặt, để chứng tỏ rằng chính quyền Anh có quan tâm và nhất là để tự mình nhận định quang cảnh và thái độ của từng người.

Họ bắt đầu từ khu phố El-Huseiniya, phía trên nghĩa trang Bab el-Nasr. Họ phải bỏ ô tô ở lối vào khu Nigm el-Din rồi tiếp tục đi bộ trong mê cung những con hẻm tối tăm vì bị các mặt tiền cao và tróc lở che mất ánh sáng. Mặt đường làm bằng đất nện và một số tòa nhà đã tồn tại nhiều thế kỷ nhưng chưa từng được bảo dưỡng.

Họ mất hơn bốn mươi lăm phút mới tìm thấy ngôi nhà nhỏ xíu nơi tám người trong gia đình Samir chồng chất lên nhau, thằng bé được tìm thấy ở

nghĩa địa ngay bên cạnh. Họ được mời ngồi lên những cái đệm vá víu, uống thứ trà nóng giãy và ngọt lịm.

Nhiều đứa trẻ rách rưới vừa chơi đùa vừa la hét trong phòng bên cạnh. Azim nói chuyện với chủ nhà, một người mòm mõi đến tận xương tủy, làn da nhăn nheo, ông già bảy mươi như già thêm đến hai ba chục tuổi nữa. Khi Azim nhắc đến tên đứa con trai, nét mặt ông ta rúm lại vì đau khổ.

Chiếc bàn thấp trên đó vợ ông ta đặt cái khay tròn chính là một cái lồng gà úp ngược. Khi nhận ra điều đó, Jeremy càng khó nuốt chén trà ngọt, vì thức uống này hẳn phải bằng cả một gia tài nếu nhìn vào tình hình tài chính của họ.

Hai người Ả Rập trao qua đổi lại, Azim thỉnh thoảng lại ngắt lời người đối thoại, chắc để hỏi thêm cho rõ. Rất nhiều lần, Jeremy bắt gặp nét mặt sợ hãi mà bà chủ nhà cố giấu. Azim dường như chỉ tập trung duy nhất vào ông bố.

Thỉnh thoảng, một khuôn mặt màu nâu ló ra từ cái cửa thông xuống bếp, không lần nào cùng một khuôn mặt, không lần nào cùng một độ tuổi. Căn cứ vào giọng nói, vào sự chói tai hay trầm đục trong tiếng gào thét của những đứa trẻ phòng bên, Jeremy đồ chừng có ít nhất một đứa thiếu niên khoảng mười lăm tuổi, và nhiều đứa nhỏ từ năm đến mười tuổi. Vừa xuất hiện, đứa trẻ lại biến mất ngay và trở về với cái bày đàn âm ì mà dường như cái chết của một trong số chúng cũng không làm bớt huyền ảo.

Jeremy cố chịu đựng trong im lặng, hàng rào ngôn ngữ và văn hóa ngăn cản mọi động thái của anh. Anh cảm thấy cần phải hỏi cả người phụ nữ nữa. Tìm hiểu ý kiến bà ta. Dò xét tâm hồn người mẹ đau đớn. Và hiểu nỗi day dứt đó. Thế rồi, khi anh hết bỏng môi vì trà nóng, điều anh không chờ đợi xảy ra: Azim đột ngột quay sang người vợ và trao đổi với bà ta. Người chồng muốn trả lời nhưng Azim ngăn ông ta lại bằng một cử chỉ oai vệ.

Người phụ nữ tội nghiệp, kẹt trong thế khó xử, gần như không dám hé miệng. Azim nói thêm điều gì đó. Vậy là bà ta bắt đầu áp úng. Rồi như thể các van của con đập phía Nam Aswan cùng mở một lúc, từ ngữ tuôn ra ào ạt bất tận. Bà ta kìm nước mắt cho đến khi nói xong.

Jeremy tin mình nghe được từ cuối cùng, vì bà ta phát âm từ đó sau khi ngừng một lúc, gần như là mấp máy, nỗi sợ hãi gắn chặt vào vòm họng: ‘*Ghûl.*’

“*Ghûl?*” Azim nhắc lại, ngạc nhiên.

Chẳng mấy chốc họ đã nhả nhận, nhưng kiên quyết, tiễn hai người ra cửa. Khi chuẩn bị bước ra, Jeremy bảo Azim:

“Nói với họ rằng đây là để cảm ơn họ đã hợp tác.”

“Gì cơ?”

Jeremy đưa vài bảng Ai Cập cho bà chủ nhà. Thám tử người Anh nhận thấy một ánh ngập ngừng trong đôi mắt đắm nước của người phụ nữ, nhưng rồi bản năng người mẹ trở dậy và bà ta nhanh chóng cầm tiền.

Một lúc sau, hai điều tra viên đi ngược một con phố hôi thối để quay về ô tô.

“Anh biết được những gì rồi?” Jeremy hỏi.

“Tôi đặt những câu hỏi thông thường, những câu đã được hỏi ngay từ đầu cuộc điều tra, và câu trả lời vẫn vậy: không có chi tiết gì đặc biệt trong những ngày trước khi đứa bé mất tích, không có người lạ lảng vảng quanh nhà họ, không có gì kiểu như vậy. Tôi đã hỏi kỹ về một người đàn ông da đen, nhưng họ không biết gì cả. Con trai họ vốn ngoan ngoãn và không có lý do gì để đi theo một kẻ lạ mặt. Cái đêm bị giết, lẽ ra nó phải ở trong phòng cùng các anh em nó. Nó ra khỏi nhà khi mọi người đã ngủ, không khó khăn gì, đó là một ngôi nhà rất cũ, ta có thể ra vào mà không gây tiếng động.”

“Tôi thấy anh đã hỏi cả bà mẹ, bà ta nói gì?”

“À thì... Thật ra cũng không có gì. Bà ta tâm sự quá nhiều với mấy bà hàng xóm, mấy bà này thay phiên nhau đến bên giường bà ta kể từ khi thằng bé chết. Rồi họ ngồi lê đôi mách. Nói vậy có phải không nhỉ? Mấy bà ấy ngồi lê đôi mách? Nói thế đúng chứ?”

“Đúng vậy, Azim ạ,” Jeremy trả lời, có phần bực mình vì sự sai lạc trong câu chuyện của họ.

“Một trong số họ chơi với bạn của mẹ đứa bé gái bị giết hồi đầu tháng. Ngài hiểu tôi chứ?”

“Hiểu, tôi nghĩ vậy.”

“Việc này tạo ra các mối liên kết, chuyện ngồi lê đôi mách ấy. Ở những nơi thế này, các bà mẹ là trí óc, là tai mắt của khu phố. Một số người đã nhìn thấy việc gì đó. Tại đây, một số khác thì nhìn thấy ở Abbasiya, trong khu cực nghèo. Và họ nghĩ rằng họ biết ai đã giết các con mình.”

Jeremy dừng bước, anh nhìn chăm chăm vào Azim, mắt mở to.

“Rồi sao?”

“À, điều này sẽ không làm hài lòng một người Anh như ngài đâu.”

“Anh cứ nói đi.”

“Ngài không ở đây đủ lâu để tin vào các truyện kể của chúng tôi, có phải vậy không?”

“Tôi còn không nói cả tiếng Ả Rập, Azim ạ...”

“Đám đàn bà nghĩ rằng thứ giết con họ là một *ghûl*.”

Không cần anh ta nhắc lại, Jeremy lắc đầu, ra hiệu rằng anh đã nghe giả thuyết ấy nhưng không tin.

“Một *ghûl*, phải vậy không? Tôi đã đọc thấy ở đâu nhỉ? Qua Bram Stoker, tôi cho là như vậy... Đó là cái gì, một loại ma cà rồng à?”

“*Ghûl* là một nữ quỷ, một sinh vật tai ác, giống như *djinna** vậy. Truyện *Nghìn lẻ một đêm* rất hay nói về nó. Đó là một con quái vật ăn xác chết khoác vẻ ngoài khi thì ghê tởm, khi thì quyến rũ.”

“Azim, đám đàn bà đó đặt chuyện, họ làm mọi người sợ hãi, và họ khai quật những mê tín cổ xưa. Điều mê tín này phù hợp vì nó là ẩn dụ của những gì thuộc về kẻ giết người. Ngoài mặt là một người đàn ông, có thể quyến rũ đám trẻ con, còn bên trong là một con quái vật, có khả năng tra tấn chúng.”

Azim vuốt ria thật nhanh.

“Không phải là một ẩn dụ nếu ta tin những gì họ nói,” anh ta phản đối. “Bởi vì có người làm chứng cho sự xuất hiện của nó. Có người từng nhìn

thấy một kẻ lạ lảng vãng ban đêm, hít người quần áo trẻ em phơi trên mái nhà, tìm cách chui vào phòng bọn trẻ qua cửa sổ, may mà không thành công, một thứ quần áo choàng đen, và đội mũ trùm thật sâu để giấu vẻ ngoài kinh tởm. Tay nó cong queo, nó di chuyển trong im lặng, và rất hiếm khi có người chứng kiến sự xuất hiện của nó. Người ta thậm chí còn rỉ tai nhau rằng súc vật, quá hoảng sợ, phải nhường đường cho nó đi.”

“Thôi nào, anh biết rằng ta sẽ không tìm thấy nhân chứng, ý tôi là một cái tên cụ thể, đó là một huyền thoại, và có hàng tá người ác ý tìm cách khiến ta tin rằng họ đã nhìn thấy con quái vật đó, nhưng đến khi điều tra thì ta chẳng nhìn thấy nhân chứng đâu.”

“Bởi Cairo là như vậy, được tạo nên từ bóng tối và ánh sáng, từ hiểu biết và mộng muội, trên những huyền thoại và những lời hứa. Và ngài thấy kết quả đấy! Thành phố lớn nhất thế giới Ả Rập! Kiêu hãnh và được thềm muốn! Các ngài, những kẻ da trắng đến từ châu Mỹ chỉ để nhìn ngắm các kim tự tháp của nó.”

“Anh miễn cho tôi bài diễn văn chiến đấu đấy đi, Azim ạ. Thôi được, thế không có gì ngoài chuyện về cái con *ghûl* này à?”

Azim có vẻ thất vọng trước sự xẵng giọng của đồng nghiệp. Nhiệt tình ở anh ta chợt tan biến cùng nụ cười mỉm đang định nở ra.

“Không, tối nay tôi sẽ tổng kết lại những chi tiết nhỏ nhất tôi đã ghi được về thằng bé và những gì bố mẹ nó đã nói với tôi.”

Họ im lặng lên ô tô đi thăm các gia đình khác. Họ làm việc đó suốt cả ngày.

Lần nào cũng là một gia đình đông con, rất nghèo. Không có gì khác thường được trình báo trước khi đứa trẻ mất tích. Jeremy luôn đưa vài tờ tiền cho mỗi gia đình, cứ như vậy anh đã bỏ ra một khoản kha khá, trước ánh mắt vừa ngạc nhiên vừa ngưỡng mộ của Azim.

Hai điều tra viên chia tay nhau vào cuối buổi chiều, Azim đi về đồn cảnh sát để soạn thảo các ghi chép của mình, Jeremy về *qahwa* quen thuộc để nghỉ ngơi sau một ngày nữa trôi qua.

Anh ở đó chưa đầy một giờ thì Azim bước vào, trán đẫm mồ hôi. Anh ta đưa mắt sục tìm trong quán cà phê, tay cầm một tờ giấy.

Khi nhìn ra Jeremy, anh ta đi vội về bàn anh và đặt tờ giấy lên bàn.

“Cùng một trường!”

Jeremy ngồi lún sâu vào ghế.

“Tôi là một con lừa!” Azim gầm lên,. “tôi không nghĩ đến hướng tiếp cận này khi các ông bố bà mẹ đưa thông tin cho tôi, và người của tôi thì không nghĩ đến việc hỏi thông tin này khi điều tra. Những đứa trẻ bị giết đều cùng thuộc một quỹ. Quỹ Keoraz. Đó không hẳn là một trường học, nhưng chúng đến đó để theo cùng một lớp học, đó là điểm chung giữa chúng!”

Trong làn khói thuốc lá, Jeremy chột có cái nhìn trống rỗng như của một người mù.

“Ngài khỏe chứ?” Azim vừa lo lắng hỏi vừa lén xem xét đồng cốc đặt trước mặt viên thám tử người Anh, để chắc chắn chúng đúng là cặn cà phê chứ không phải rượu.

Cuối cùng, Jeremy cũng gật đầu.

“Tôi biết một người ở quỹ.”

Anh đặt tay lên tờ giấy.

“Để tôi lo phần này, nếu anh đồng ý.”

Và anh cất biên bản báo cáo vào túi áo.

Marion làm quyển nhật ký kêu đánh bộp khi gập nó lại. Cô sôi sục nôn nóng khi nghĩ đến việc đọc phần tiếp theo nhưng cô phải đi giải tỏa đã. Vì tò mò, cô còn cố giở thêm vài trang nữa và tóm được vài từ bất ngờ, một cảnh dưới các kim tự tháp... Một cuộc trò chuyện sôi nổi...

Marion định đặt quyển sách lên ghế và đi tìm nhà vệ sinh nhưng lại đổi ý. Cô thích mang nó cũng như chùm chìa khóa theo mình hơn. Một cánh cửa kêu cọt kẹt trên lối vào Belle-Chaise. Marion quay đầu lại, sẵn sàng giải thích, nhưng không có ai cả. Cửa vẫn đóng.

Gió thổi từng hồi qua các kẽ hở, tạo ra thứ âm thanh như tiếng thở rít lên khắp tu viện. Chính nó là thủ phạm chăng?

Đừng có bắt đầu tưởng tượng nữa...

Marion ra ngoài và chẳng mấy chốc đi qua một khu vườn treo nho nhỏ trồng rau, từ đó nhìn xuống có thể thấy được một phần của ngôi làng và vịnh.

Một cái hõm nhỏ kín đáo rải cát, tránh được những ánh mắt và mưa gió. Cô buồn tiếu đến nỗi ý nghĩ đi luôn tại đây lướt qua trong đầu. Cô nhanh chóng xua nó đi, sợ bị bắt gặp hơn là bất kính với nơi này.

Marion đi xuống các bậc thang và lại lạc giữa các hành lang vô tận của khu nhà. Một luồng ánh sáng mờ ảo khó nhọc lọt qua những ô cửa sổ hoa hồng, các lỗ châu mai và các cửa sổ hình vòm nhọn.

Đến đoạn vòng qua một cái cột, cô dừng sững và đột ngột quay ngoắt lại, nhận ra mình đã từng đi qua đây rồi. Trong lúc quay người, cô nhận thấy

một chuyển động phía xa. Cô chỉ vừa kịp nhìn ra đó là một bóng người thì cái bóng đó đã biến mất.

Thứ mà cô cho là đã nhận ra giống với kiểu áo choàng bằng vải len bua mà các thầy tu hay mặc. Ngoài ra cô không thấy gì hơn, hình thể không mà dáng đi cũng không, khuôn mặt lại càng không.

Người ta đã nhận ra cô ư? Nếu đúng là thế, vị thầy tu kia chắc sẽ dừng lại, ít ra là để chào cô, cô phỏng đoán.

‘Người đó sẽ không quở trách việc mình có mặt ở đây và có thể sẽ chỉ cho mình nhà vệ sinh...’ một giọng nói thì thầm trong cô.

Marion bước vội lên phía trước. Cô đến được các bậc thang, trèo lên cái cầu vượt bằng đá hoa cương nơi người đó biến mất, và đi sâu vào một vòm cung. Cô vội vàng băng qua căn phòng tiếp theo về phía cái cầu thang duy nhất nơi người cô đang đuổi theo có thể đã đi qua.

Cô chạy xuống cầu thang xoắn ốc, nghỉ một quãng ngắn trước một cửa sổ và phát hiện ra một khoảnh sân hẹp và dài phía dưới. Bóng người kia đang chạy nhanh dưới đó. Hoàn toàn không thể nhận dạng được vì nó mặc áo choàng đen với mũ trùm kín đầu, từ xa trông rất giống bộ áo thầy tu.

Marion tăng tốc, và lại ra đến bên ngoài, thở dồn dập. Không còn dấu vết gì của kẻ chạy trốn. Càng nghĩ cô càng nhận thấy kẻ kia không phải đang bước đi mà là đang bỏ chạy.

Mình nghĩ lung tung rồi... Chính cái truyện trinh thám kia đã làm mình nửa mê nửa tỉnh...

Marion vừa thở hồng hộc vừa lấy lại hơi.

Phiêu lưu nhỉ! Phải rồi, xét cho cùng... phiêu lưu là một từ to tát...

Thầy Serge hiện ra trong trí cô. Ông ta cùng nỗi bận tâm muốn để Marion bận rộn, sao cho cô không quá buồn chán.

Thôi được, phải nhìn theo khía cạnh tích cực, đi tiểu không còn là một việc khẩn cấp có triển vọng biến thành thảm họa nữa...

Cái sân dẫn đến phòng gác nơi Marion vừa đi qua vừa mừng rỡ thấy cái chòi gác trống không, bà gác cổng hẳn đang sưởi ấm bên một cốc cà phê

cùng một hay nhiều hướng dẫn viên buộc phải chờ đợi cả ngày đám du khách chẳng biết có đến hay không. Cô đi qua bên dưới lỗ châu mai để về nhà.

Sau khi trút bầu tâm sự, cô pha một chén trà rồi mang đến ngồi bên xô pha góc để tiếp tục đọc. Hình ảnh người chạy trốn dưới bộ áo mũ bí hiểm làm cô ngửa ngáy. Liệu các thầy tu có thói quen đội mũ trùm khi đi dạo không nhỉ? Cô không nghĩ thế... Nhưng mọi việc đều có thể xảy ra.

Dù sao, giữa cái câu đố người ta quảng cho cô khi cô vừa đến, cuộc viếng thăm ‘bí mật’ nơi cô ở và sự hiện diện kỳ lạ này, thì cũng đến lúc phải đặt câu hỏi thôi! Có lẽ câu đố kia chỉ là trò vui vẻ, việc đột nhập vào nhà cô hẳn cũng là vì thiện ý và với mục đích đảm bảo an toàn, tuy vậy Marion cho rằng gộp nhất các sự kiện thì mọi thứ quả là ngọt ngào.

Cái chính là nơi này thôi. Nó khiến mình bị ám ảnh. Ý mình là, mình còn bị ám ảnh hơn cả trước kia nữa.

Sớm muộn gì cô cũng sẽ khám phá ra rằng vị thầy tu cô đuổi theo lúc trước chẳng liên quan gì đến cô cả, chỉ đơn giản là ông ta tình cờ ở đó, lại còn đang vội nữa.

Cánh cửa cọt kẹt... Trong căn phòng lớn lúc mình đang đọc sách. Cánh cửa cọt kẹt khi mình đứng lên, như thể có người rình rập mình rồi lùi xa để không bị bắt gặp.

Giả thiết này bao hàm việc có người bám theo cô dọc những hàng lang của Đình, theo dõi cô... Với mục đích gì? Dòng tu chấp nhận che giấu cô chứ không giám sát cô một cách thường trực, điều này không nằm trong quyền hạn của họ, không nên hoang tưởng. Marion lắc đầu, cô suy luận hơi quá đà rồi.

Đã đến lúc chuyển sang việc khác, quay lại đắm mình vào Ai Cập những năm 1920.

Vẫn ngồi trên xô pha, cô nhanh chóng điếm qua những gì có trong cái tủ lạnh và nhớ ra cô có một chảo rau xào cho bữa trưa. Thế là mọi việc được giải quyết, cô có riêng cho mình cả một ngày.

Để đọc.

Chưa đọc nổi ba từ thì cô chồm dậy để đẩy cái bàn một chân chặn cửa ra vào.

“Đấy,” cô nói. “Như thế này thì cái chứng ám ảnh của mình cũng cảm thấy hài lòng.”

Marion nằm dài dưới ô kính lớn, một tay cầm chén trà, một tay cầm cuốn nhật ký.

Trong lúc Azim tìm cách xác định danh tính nạn nhân thứ tư, Jeremy Matheson tha hồ xóc nảy theo những cú lắc lư của đoàn tàu điện đưa anh về khu Giza. Sau địa hình vô cùng khó hiểu của thành phố, hoang mạc lại mang đến một chuyến đi đặc biệt êm ả.

Jeremy từng thực hiện những hành trình dài ngắn khác nhau trong cái biển cát đỏ, nơi chân trời bất tận tạo thành từ những đụn cát màu nghệ xé toạc vông mạc vì sự tương phản với bầu trời cao và xanh đến khó tin. Hoang mạc, đó là sự vô cùng được đặt vào tầm với của con người. Sự im lặng ở đó trở nên ám ảnh, sự thiếu vắng mọi âm thanh sau vài ngày tạo nên một tiếng vo vo không dứt, trước khi tai và óc kịp làm quen với cảm giác dờ dẫm đầu hè.

Jeremy áp bàn tay lên cửa kính khi tàu đến gần cao nguyên Giza. Hình tam giác của các kim tự tháp lừng lững hiện ra trước mặt anh, như lời cảnh báo cho sự ngăn ngùi của thân phận anh. Các kim tự tháp không mọc lên từ cát, mà ngược lại, chính cả hoang mạc đang trải ra thành tấm thảm vô tận dưới chân chúng, bao nhiêu hạt cát là bấy nhiêu sự tôn kính.

Nhìn từ trên cao Cairo, các kim tự tháp khiến ta tò mò; còn khi đến dưới chân chúng, ta run rẩy vừa vì thán phục vừa vì kính trọng e sợ.

Đường tàu điện số 14 kết thúc, cách trung tâm Cairo tám ki lô mét, trước khách sạn Mena House, trạm tiếp đón ưa chuộng của toàn bộ giới quý tộc phương Tây. Mùa du lịch sắp kết thúc, nhưng các kim tự tháp vẫn hút khách như thường. Mặt trời mọc chưa đầy hai giờ đồng hồ mà đã có đến ba chục cái đầu trắng đội những chiếc mũ lông đi đi lại lại bên sườn Kim tự

tháp Lớn, nổi bật trên nền trời xanh như những cái chấm oản xuống dưới gánh nặng của sự cố gắng.

Ai Cập là điểm đến ưa chuộng của tất cả các quý tộc châu Âu, của mọi vua chúa trên hành tinh cùng những đoàn tùy tùng bất tận.

Là ốc đảo xa xỉ giữa nơi hoang mạc bắt đầu, khách sạn Mena House sở hữu những hàng hiên không gì sánh được nơi có thể nghỉ ngơi dưới con mắt của những lăng mộ khổng lồ kia.

Jeremy biết mình sẽ tìm được cô nơi đây, đang ăn bữa sáng đối diện với những kỳ quan. Sáng nay, từ rất sớm, anh đã gọi điện đến biệt thự Héliopolis và người ta báo với anh rằng ‘Bà chủ không có nhà’. Vào giờ này, cô chỉ có thể ngủ tại đây. Cô từng mê mẩn phòng của khách sạn này.

Jeremy hồi tưởng lại khuôn mặt cô dưới bóng một cái quạt, và đôi mắt cô long lanh đầy ham muốn. Cô và anh ăn trưa ở Gezira Sporting Club. Và miệng cô thì thâm phía bên kia lá quạt, như khi cô vui thích hưởng lạc thú cùng anh dưới sự khoan dung của các kim tự tháp.

Sự thiếu tôn kính của cô, thái độ trâng tráo trước một kỳ quan như vậy, luôn làm Jeremy quặn ruột. Cô có cái cách không giống ai để tự khẳng định mình, và để phô bày sự tự tin của cô trước đàn ông, cô làm việc đó với vẻ duyên dáng đầy quyến rũ và dục tính đến mức không bao giờ có ai dám nói gì cô. Ta chỉ có thể cười, cụp mắt xuống hay hít căng ngực lên khi cô quyết định khiêu khích, đùa giỡn, và cô xử sự đủ tinh tế để không ai nhận thấy.

Hơi nóng bốc lên từ mặt đất và đổ xuống từ trên trời tựa một lớp khí dày. Jeremy khó nhọc nuốt nước bọt. Cơn khát bắt đầu thôi thúc.

Khát gì? Khát ai?

Anh nhắm mắt để quên đi những ngôn từ ngớ ngẩn đó, những ý nghĩ vô ích đó rồi đi vào khách sạn. Cô vẫn ở phòng đó, căn phòng hơi tách biệt một chút, ‘để không phải giữ miệng’, cô thường nói vậy trong những giờ phút táo bạo của mình.

Jeremy bỏ kính râm ra và gõ cửa. Trong khoảng im lặng tiếp theo, sự sáng suốt trở lại trong anh và anh biết mình không có việc gì để làm ở đây

cả. Điều này rất nguy hiểm. Cho anh. Một phần trong anh bắt đầu hy vọng sẽ không có ai trả lời.

Cánh cửa hé mở và một người đàn ông mặc chế phục màu trắng và vàng, đầu đội mũ fez đỏ hiện ra.

“Thưa ông?”

“Làm ơn cho tôi gặp cô Leenhardt.”

Người hầu nhú mày.

“Chắc ông nhầm rồi, thưa ông, không có cô...”

“Để ông ấy vào,” một giọng nữ cất lên sau lưng anh ta.

Người đàn ông làm theo và Jeremy bước vào căn phòng hạng sang có những ô cửa kính rộng khiến toàn bộ ánh sáng của khu cao nguyên rơi vào đến tận phòng khách rộng lớn. Một hàng hiên bằng gỗ chạy dọc theo chiều dài căn phòng. Hoa nhài trong những khu vườn của khách sạn tỏa từng đợt sóng thơm nồng qua những cánh cửa sổ mở.

Jeremy đi ra ngoài để đến trước cái bàn đặt dưới ô che nắng bằng vải. Những đồ sứ đẹp nhất được đặt trên khăn trải bàn thêu hoa, giữa các lọ đựng mứt. Và trong ghế bành mây, một người phụ nữ đứng dậy sau khi lấy khăn lau viền môi.

Vẻ đẹp của cô, cho dù anh đã biết, vẫn làm anh sửng sốt. Mái tóc đen dài buông trên làn da trắng ngần. Đôi mắt to màu xanh lá cây dưới hàng lông mi dài đến khó tin. Đôi má lúm với điểm nhấn là một nốt ruồi ngay chính giữa. Đôi cánh tay thon nhỏ, rất dài.

Cô mặc váy xanh lá cây mở hai bên sườn, Jeremy chưa bao giờ thấy nàng mặc bộ đó, trên phần cổ khoét sâu gắn một cái nơ lớn. Chiếc váy anh chưa từng chạm đến, chưa từng cởi ra. Ý nghĩ này làm tim anh nhói lên.

Đôi môi cô màu hồng dịu mở ra thành một nụ cười lịch thiệp.

“Anh quên rồi ư? Giờ em là bà Keoraz.”

“Anh xin em...”

Cô nghiêng mặt, để rơi một lọn tóc đen nhánh như gỗ mun xuống trán. Cô có thể vừa thanh nhã và xinh đẹp vừa lạnh lẽo và xa cách. Cô chuyển

sang khía cạnh thứ hai sau một giây.

“Nếu anh đến để làm mất thời gian của tôi, thì hãy tôn trọng con người tôi lúc này,” cô ngắt lời anh, nụ cười biến mất.

Cô lấy một lát bánh mì và phết mứt hoa hồng lên.

“Em biết rằng anh sẽ không bao giờ gọi em như vậy,” anh vừa nói vừa kéo một cái ghế ngồi đối diện cô. “Anh cần em.”

“Tôi thì không cần anh. Anh muốn gì?”

Vẫn kiêu trả lời ấy, có thể đổi từ miệng lưỡi êm như ru sang miệng lưỡi của một con rắn độc, Jeremy ngẫm nghĩ. Sự ám chỉ đó khơi lại trong anh một mớ kỷ niệm khiến anh đau xé lòng.

“Sao nào?” Cô giục.

Anh hít một hơi dài trước khi lên tiếng.

“Anh cần em giúp. Việc này liên quan đến quỹ của em.”

“Quỹ của Francis, hẳn anh định nói thế.”

Jeremy nghiêng rằng, làm hôm thêm đôi má vốn đã hốc hác.

“Cái quỹ do em quản lý,” anh nói qua kẽ răng. “Đừng có đùa giỡn kiểu đó với anh, Jezabel.”

“Kiểu gì cơ?”

“Em biết thừa rồi! Kiểu lúc nóng lúc lạnh. Không phải là với anh, anh biết em quá rõ.”

Cô đặt lát bánh phết mứt xuống rồi nhìn anh chăm chăm.

“Vậy thì sao? Có gì không ổn chẳng? Anh còn dám nói nó không có tác dụng gì với anh cơ đấy. Tôi biết làm thế nào để khiến đàn ông đau, đừng đánh giá thấp tôi trong nghệ thuật đó, với tôi, tất cả các người đều dễ đoán. Tôi từng tò mò, từng yêu các người, sưu tầm các người, quan sát các người cận kề, và giờ thì tôi đã chán. Với tôi, các người trong suốt. Tôi nhìn thấu anh như nhìn thấu những kẻ khác. Vậy nên đừng đến đây xin xỏ tôi và nói với tôi rằng tôi không còn gọi cho anh bất cứ cảm giác gì, nếu không sao mặt anh lại trông thế kia?”

Jeremy ngời thẳng lên, nhận ra mình đã cúi gằm quá. Cô nhấn chìm anh giữa những kẻ khác, không hề xem trọng anh, chỉ coi anh là một cái tên, một thú vui thêm vào danh sách, không đếm xỉa gì tới con người anh. Phải, cô có lý, cô biết cách làm anh đau. Chính xác là vậy. Không hề coi trọng anh và xử sự như thế chuyện giữa họ chỉ là một quân domino thêm vào trò chơi của cô.

“Jez...,” anh thì thầm sau một hồi im lặng.

Anh không sao nói tiếp được; cô vừa bắt đầu ăn bánh vừa quan sát anh, không giúp đỡ, chờ đợi xem từ nào sẽ phát ra từ cái vòng khốn khổ đang quay cuồng trong anh.

Jeremy làm một việc mà anh biết là sai lầm kinh khủng trước mặt cô. Anh cụp mắt xuống. Anh thoát khỏi gọng kìm là đôi đồng tử màu ngọc bích của cô để đảo mắt qua khung kính nhìn về phía các căn hộ. Phía sau cô, cánh cửa lắp kính dẫn vào phòng ngủ. Vào một cái giường khổng lồ mềm mại với những tấm khăn trải giường rủ xuống nền nhà. Jeremy nuốt nước miếng trong khi cái hố trong anh biến thành một vực thẳm.

“Ông ta... ông ta ở đây ư?” Cuối cùng anh cũng hỏi được.

“Ai cơ? Người mang lại hoan lạc cho em ấy hả?”

Jeremy muốn cắn thù cô. Ghét bỏ cô đến độ loại cô ra khỏi cuộc sống của anh.

Cô không hỏi ‘ông Keoraz?’ Hay thậm chí ‘chồng em?’ Điều vốn đủ khiến anh đau đớn, không, cô biến ông ta thành công cụ mua vui cho mình. Điều này còn tệ hại hơn. Và cô biết vậy. Cô biết Jeremy yêu mình hơn cả cảm xúc của lý trí hay trái tim, đến mức coi những lạc thú của họ như sự cụ thể hóa duy nhất của tình yêu mạnh mẽ đó. Tình yêu xác thật từng là tất cả. Bởi cô không đóng kịch trong những giây phút ấy, đó là thời điểm ngơi nghỉ duy nhất, khoảnh khắc duy nhất khi cô là chính mình, trần trụi, mãnh liệt. Và người chiếm đoạt được cô trong cơn cực khoái có thể chiêm ngưỡng tâm hồn thật sự của cô.

Cơn ghen tuông này vượt qua tất cả những ghen tuông thường nhật đã mất của Jeremy. Cô biết vậy. Cô coi khinh anh.

“Ông ấy đang dẫn bạn bè đến từ Luân Đôn đi thăm khách sạn,” nàng thổ lộ. “Tại sao? Anh muốn nói chuyện với ông ấy chẳng?”

“Thôi đi. Anh cần em giúp. Không phải cho anh. Mà cho đám trẻ.”

Một chuyển động tinh vi, như trong phép giả kim, của các bộ phận trên khuôn mặt cô khiến Jeremy biết mình đã điều khiển được cô.

“Những đứa trẻ bị mất tích thuộc quỹ của em.”

Cô đặt thẳng mẫu bánh ăn dở xuống khăn trải bàn, đôi mắt cô nhú lại thành hai khe dài và tăm tối.

Trong lúc đó, Azim đi mòn những phiến đá lát đường và nền đất nện của các khu phố phía Đông Cairo. Một người thợ vẽ thường được cảnh sát thuê đã chấp nhận vẽ cho anh một bức chân dung thật nhất có thể của nạn nhân gần nhất, nhưng cẩn thận không vẽ lại các vết thương làm biến dạng mặt đứa bé. Thám tử Matheson đã đề nghị anh nhường cho anh ta phần điều tra về cái quỹ phụ trách việc giáo dục những đứa trẻ bị giết, nhưng lại không đề nghị anh tránh xa cái quỹ đó.

Trên đường về trụ sở, anh chàng Ai Cập nhỏ bé đã xác định được nạn nhân thứ tư. Anh tìm gặp được một số người có liên quan cho đến khi một trong số họ lập tức nhận ra chân dung đứa trẻ.

Seleem Yehya, mười tuổi.

Azim chuyển thông tin cho phòng thư ký cảnh sát. May sao, để được quỹ chấp nhận, bọn trẻ phải được đăng ký với số lượng thông tin tối đa. Bắt đầu bằng địa chỉ nơi ta có thể tìm thấy chúng. Ở Cairo, các khu phố cổ có điểm đặc biệt là không phải con phố nào cũng có tên, đánh số lại còn ít hơn nữa. Khi ta hỏi đường, nói chung thường phải dựa vào các điểm mốc, ví dụ một đài phun nước, một ngôi nhà có cửa chớp màu xanh da trời hay một ngã có năm nhánh rẽ... Địa chỉ của Seleem được ghi lại theo quy tắc đó.

Trước giữa trưa, Azim tìm thấy cha mẹ của đứa trẻ, và trở thành sứ giả thông báo cái tin tang thương kia. Anh hỏi họ vài câu ngắn gọn, giữa những tiếng nức nở và kêu gào thảm thiết, trước khi biến khỏi con phố nhộp nhúa nơi họ ở.

Seleem có cùng đặc điểm như những nạn nhân trước. Một đứa trẻ trầm tĩnh, linh hoạt và hiếu kỳ - chính vì thế mà nó đến với quỹ - và không thuộc loại hay gây chuyện. Và đặc biệt: nó được miêu tả là rất nghe lời.

Làm sao kẻ giết người có thể lôi kéo những đứa trẻ ngoan ra khỏi nhà, giữa đêm tối, và hoàn toàn tự nguyện?

Mong muốn được biết rõ hơn về cái quỹ kia khiến anh sôi lên vì nôn nóng. Nhưng anh đã hứa với thám tử Matheson là không làm gì cả, là sẽ đợi anh ta.

Chìa khóa của vấn đề nằm trong phương thức kẻ sát nhân sử dụng để lôi kéo những đứa trẻ đến với hắn. Azim linh cảm thấy điều đó.

Làm thế nào để lôi kéo một cậu bé hay một cô bé đến với ta? Làm thế nào để dụ nó ra khỏi nhà không một tiếng động, không báo cho ai biết, ngay giữa đêm khuya?

Một người phương Tây cùng ít tiền hay đơn giản là những đồ vật kỳ lạ mang đến từ đất nước của anh ta có thể gọi lên trí tò mò. Nhưng giả thiết này bao hàm cả việc người Anh nói được tiếng Ả Rập, có thể tạo lòng tin trong bọn trẻ, nhưng kèm đó là nguy cơ dễ bị nhận ra trong các khu phố Ả Rập. Trừ phi hắn di chuyển trong bộ áo dài djellaba. Hoặc hắn biết rất rõ khu vực này, để tránh những con phố đông người. Xét cho cùng thì mọi khả năng đều có thể xảy ra.

Azim không ngừng lặp lại những câu hỏi đó. Anh cũng có ý nghĩ riêng, nhưng khó mà chấp nhận được.

Một thứ bùa ếm. Một sự mê hoặc tai ác, theo kiểu các *ghûl*, như mỗi bằng những mưu mô quỷ quái, những lời nói dối và ma thuật. Tất nhiên, việc này hoàn toàn không có cơ sở.

Không có cơ sở chẳng kém gì tin đồn đang ám ảnh các khu phố phía Đông. Rằng kẻ giết người là một *ghûl*.

Tuy nhiên... điều này có thể giải thích nhiều chi tiết. *Bạo lực cùng cực* - không người nào có thể tàn bạo như thế với một đứa trẻ, trừ một kẻ tâm thần đã trở nên thú vật. *Những vết vuốt khổng lồ* - hiện chưa có lời giải thích nào hợp lý, không ai ngoài ông bác sĩ già chán chường tin rằng chính

những cái móng tay đã tạo nên những vết khắc sâu như thế, hơn nữa ông nghĩ đến điều này không phải dựa vào hiểu biết y học mà vì ông không có giả thiết nào khác. *Bùa yếm* - giải thích việc những đứa trẻ tình nguyện đến với tên giết người. Và nhất là: *những lời chứng* - giả thiết kia bắt nguồn từ đó, xét cho cùng thì cũng có người từng nhìn thấy con quái thú.

Những lời chứng.

“Nếu đó là cơ sở cho sự tồn tại của nó, con quái ấy, thì phải tìm hiểu ngay từ đó để làm rõ mọi việc!” Azim nói lớn khi đi trên một con phố thuộc khu Darb el-Ahmar, khu phố cổ của thành phố.

Anh dừng lại uống nước tại một cái đài phun nước, vãi nước lên mặt và cổ trước khi trở lại khu El-Abbasiya tìm gặp gia đình anh đã đến thăm hôm trước cùng Jeremy Matheson.

Trên đường đi, anh thấy ngạc nhiên vì đồng nghiệp người Anh không bác bỏ giả thiết về *ghûl*. Anh ta thờ ơ trước điều phi lý đến mức không buồn lắng nghe anh. Azim đã thổ lộ với anh ta rằng *ghûl* là các nữ quỷ. Vậy mà, người ta tìm thấy tinh dịch trên người các nạn nhân. Thám tử người Anh đã không tập trung đúng mức.

Azim lật đi lật lại câu hỏi này trong đầu đã được một thời gian. Tất nhiên, câu chuyện về *ghûl* chỉ là một truyền thuyết để gây sợ hãi... nhưng ai hoặc cái gì ẩn phía sau thứ đi lang thang ban đêm trên phố đó? Bởi Azim không hề nghi ngờ việc chắc chắn có một cái gì đấy. Anh hiểu rõ đồng bào của anh, họ nhanh nhẩu theo dõi các sự kiện, nhưng không bao giờ có khói mà không có lửa. Phía sau chuyện *ghûl* ẩn giấu một sự thật.

Azim quay lại ngôi nhà đang để tang, bọn trẻ không ở nhà. Chỉ còn người cha và bà vợ ông ta. Viên thám tử hỏi han bà ta hồi lâu, hỏi tên những người phụ nữ có thể chỉ dẫn anh, và nơi có thể tìm được họ. Rồi anh đi tìm.

Anh tìm thấy hai trong số ba người. Người đầu tiên kể rằng cậu của cô là người trực tiếp nhìn thấy con quái vật; Azim đề nghị gặp ông ta. Ông ta sống trong khu Gamaliya.

Người thứ hai kể với anh về một phụ nữ khác có chồng từng rình *ghûl*. Tim Azim nảy lên khi anh biết đôi vợ chồng đó sống dưới khu nghĩa địa Bab el-Nasr, cũng ở khu Gamaliya. Họ không phải cùng một người. Azim ghi lại những thông tin cần thiết rồi cảm ơn cô.

Một giờ sau, anh đi bên một ông cụ, ria màu xám, da sạm lại dưới hàng thập kỷ mặt trời nóng bỏng, di chuyển trong bộ áo dài djellaba màu xanh da trời, màu đặc trưng của người Tuareg*, những ‘Con người Xanh da trời của hoang mạc’. Azim nêu lý do có mặt, và giải thích rằng cháu gái ông ta chỉ anh đến đây vì cái ‘con vật’ ông ta từng nói là đã thấy.

Họ bước bên nhau, cùng đi xuống một con phố hẹp đến nỗi những khu nhà cũ kỹ mọc hai bên khiến nó giống một cái vực sâu.

“Hãy kể tôi nghe chuyện đó xảy ra trong hoàn cảnh nào,” viên thám tử đề nghị.

“Lúc đó đã muộn, tôi ở cả tối tại nhà một người bạn vẫn còn quán *ghoraz**. Anh biết đấy, giờ không giống trước nữa, với đám người Anh đó. Họ nói rằng chúng ta độc lập, vậy mà họ lại muốn đóng cửa các quán hút thuốc. Họ là ai mà lại áp đặt điều đó cho chúng ta, hả?”

“Tất nhiên rồi. Nhưng hãy quay lại tối hôm đó, ông nói là ông ở trong một quán *ghoraz*. Ông có hút nhiều thuốc không?”

“Không nhiều hơn lệ thường.”

“Và ông đang trên đường về nhà thì sự việc xảy ra phải không?”

“Phải, ở phía dưới kia một chút, ta sắp đến nơi rồi. Tôi đang đi chậm rãi, tâm hồn thư thái vì khói thuốc. Bỗng dưng tôi cảm thấy có một cái gì đó. Đầu tiên gáy tôi run lên. Tôi cứ ngỡ như tóc mình tự dựng đứng! Thế rồi tôi suy nghĩ, tôi áp sát người vào tường. Phải nói rằng trời khá tối, ở đây không có thứ ánh sáng bằng ga như những khu phố sang!”

Ông già bắt đầu nói to, gần như hét lên.

“Tôi hiểu,” Azim xoa dịu bằng cách đưa bàn tay đỡ khuỷu tay ông ta, như để dẫn đường.

“Tôi dán chặt mình vào tường, thật thế, anh biết đấy! Chính là cơ thể tôi đã dẫn dắt tôi, nó đã cứu tôi thoát chết! Và anh biết tại sao không? Bởi thuốc haschisch giúp tâm trí tôi hiểu biết rõ hơn về thế giới này. Tâm trí tôi mở ra đón nhận những gì đến từ thế giới bên kia! Và nó đã cảm nhận được thứ đang đến gần, rồi báo động cho cơ thể tôi, và cơ thể tôi truyền đạt lại cho tôi để rồi, tôi, con người ở bề nổi, tôi hiểu rằng có cái gì đó phi nhân tính đang đến gần.”

Cần phải xem xét lời chứng này một cách thật dè chừng, Azim kìm lòng lại, gần như thất vọng. Tối đó hẳn ông già đã bị thuốc phiện tác động quá mức nên không được tỉnh táo, cần phân biệt rõ những gì có thể là thật nhưng được thêm dệt thêm, và những gì là kết quả của bộ óc hoàn toàn mê sảng.

“Rồi *ghûl* hiện ra từ bóng tối, toàn thân phủ kín trong bộ áo choàng đen với mũ trùm rộng che mặt. Nó đi chậm rãi, nó rất cao, phải gần hai mét, và nó đi vào con hẻm cụt phía dưới.”

Quả thật, họ đến nơi giao giữa mấy phố, cũng chật hẹp như những con phố từ đó tỏa ra. Ông cậu già chỉ chỗ ông đứng tối hôm đó và chỉ ngón tay vào cái ngõ cụt nơi con vật đi vào.

“Dù cơ thể giữ tôi lại, có lẽ tôi cũng không thể biết nó thật ra là gì nếu nó không ngẩng mặt lên trước khi bỏ đi. Nó muốn nhìn lên phía trên và lúc đó, tôi đã thấy những nét quý dữ của nó dưới ánh trăng. Nó không có mặt, chỉ có thịt và răng! Kể từ hôm đó đêm nào tôi cũng gặp ác mộng.”

Azim cúi người xem xét phía bên trong con ngõ. Nó không sâu lắm và không cao hơn là mấy so với phần còn lại của khu phố, nơi có nhiều nhà hai tầng nối tiếp nhau, một số nhà ở trong tình trạng tồi tàn tới nỗi không thể nghĩ đến việc sống trong đó.

“Sau đó ông có ở lại lâu không?” Viên thám tử hỏi.

“Ít ra là năm phút. Tôi đã bị tê liệt, tôi thật sự sợ hãi, anh biết đấy. Rồi tôi men theo các ngôi nhà thật nhanh và ngược về nhà mình.”

“Vậy là ông đi qua cái ngõ cụt đó phải không?”

“Phải. Không nhìn rõ bên trong lắm, nhưng tôi tin rằng nó vắng tanh. Dù sao thì con quái vật cũng không từ đó lao ra khi tôi đi qua.”

Azim vừa gạt đầu vừa đảo mắt qua phần mặt tiền. Anh đếm được mười ba cánh cửa. Nhưng cũng có thể thoát qua bằng bức tường trong cùng, không cao lắm.

“Ông biết rõ khu này chứ?” Azim hỏi người đối thoại và ông này gạt đầu. “Vậy có lẽ ông biết phía bên kia bức tường, tận trong cùng kia, dẫn đến đâu phải không?”

“Đến một cái sân sau, đầy gạch vụn.”

Vậy là, ta có thể đi ra theo bất cứ hướng nào. Azim khó lòng giấu nổi thất vọng.

“Kể từ đó ông có gặp lại nó không?”

“Ôi không! Và tôi cũng không mong thế đâu!”

Azim cảm ơn ông già rồi đi tìm nhân chứng thứ hai, một người bán quần áo. Anh tìm thấy ông ta trong cửa hàng, đang cầu nguyện. Thầy tu báo giờ kinh đã gọi các tín đồ đến dự buổi lễ *Asr*, lễ cầu kinh chiều. Azim đợi trên ngưỡng cửa chờ cho lễ cầu kinh kết thúc. Anh im lặng thầm nguyện bài kinh Coran. Khi chấp nhận vào ngành cảnh sát với chức vụ quan trọng thế này, anh cũng đã chấp nhận để qua một bên việc thực hành các nghi lễ tôn giáo trong giờ làm việc.

Người bán hàng cũng nhìn thấy cùng một con vật. Một thứ cao lớn, toàn thân phủ áo choàng đen với mũ trùm.

“Cao như thế nào?”

“Tôi không biết, cao hơn tôi một cái đầu.”

Người đàn ông cao chừng một mét bảy mươi. Dù sao cũng không bằng hình ảnh quá khổ mà ông già hút *haschisch* miêu tả khi nói là thấy một *ghûl* cao hai mét. Một mét tám năm, một mét chín, Azim ước chừng.

“Tôi đang ngồi trên hiên nhà,” nhân chứng nói tiếp, “thì thấy nó lướt qua ngay phía dưới, trên mái nhà ông hàng xóm. Ở đó nó tìm đến đồng quần áo trẻ con đang phơi, rồi nhảy sang nhà bên cạnh, dừng một lúc trước

một cái cửa sổ mái để tìm cách chui vào. Đó là lối vào phòng bọn trẻ con của nhà hàng xóm nhà tôi. Nó muốn chui vào, nhưng vì không mở được cửa nên nó bỏ đi. Tôi chắc chắn chính nó đã giết lũ trẻ. Chúng là thứ nó tìm kiếm vào ban đêm.”

“Nó nhảy từ mái nhà này sang mái nhà khác ư?”

“Vâng, nhanh nhẹn lắm, nó không gây tiếng động đâu.”

“Ông có nhìn được mặt nó không?”

Có một khoảng lặng giữa hai người đàn ông.

“Có. (Người bán hàng lấy hơi rồi nói liền một mạch). Nó thường xuyên nhìn lại phía sau. Và khi đi qua trước mắt tôi, nó tiến lên phía trước và trước khi nhảy sang nhà hàng xóm, nó đã quay đầu lại.”

Ông ta ngồi xuống cái ghế đẩu, mắt nhìn xa xăm.

“Đội ơn thánh Allah, tôi đã không nhìn vào mắt nó, nếu không tôi chắc là nó đã hớp hồn tôi rồi. Nó không có...”

Ông ta đưa một tay lên sờ má, mũi rồi đến cằm và môi.

“Nó không giống người chút nào. Không có da, không có nét mặt, chỉ có gân, máu và răng. Những cái răng sáng lóe trời ra khỏi hàm, gần như lên đến tận tai. Không bao giờ tôi có thể quên được.”

Azim bị lời kể hút hồn, đến mức anh quên mất mình đang ở đâu và đang làm gì giữa đồng vải vóc từ trần nhà rủ xuống này.

“Còn tay nó... Tôi cũng nhìn thấy tay nó, và dù đêm tối tôi vẫn nhận ra nó không giống người chút nào. Ngón tay nó quá dài, và... Và nó có những cái vuốt dài ngoằng, đáng sợ hơn cả vuốt đại bàng.”

Azim chớp mắt, như sự tỉnh trở lại. Anh hỏi người bán hàng thêm vài điều và biết rằng ông ta sống cách nơi ông cậu già nghiện thuốc nhìn thấy *ghûl* chưa đầy năm trăm mét theo đường chim bay.

“Ông có con không?” Azim hỏi.

“Bốn đứa.”

“Vậy đừng để chúng ngủ trên mái nhà, dù trời có nóng đi chăng nữa.”

Người đàn ông tiến lại gần Azim.

“Anh điên à? Tôi đã *nhìn thấy* con quái vật đó. Không bao giờ tôi làm thế cả! Thậm chí lũ trẻ nhà tôi sẽ được không ra ngoài một mình!”

“Khôn ngoan thận trọng đấy. Mặc dù tôi nghĩ là ít có khả năng cái... *thứ* đó lại quay về khu này...”

“Người ta không nói với anh ư?” Người bán hàng ngạc nhiên. “Nó không chỉ đến đây một lần đâu. Tôi nhìn thấy nó nhiều lần rồi.”

Hoang tưởng.

Marion đứng dậy kéo dẫn các cơ tê cứng. Câu chuyện về con vật lảng vảng ban đêm, cái con *ghûl* đó, hoàn toàn là chuyện hoang tưởng.

Cô nhìn cái bìa đen của cuốn nhật ký. Đây là thể loại gì vậy? Cô đang rơi phải cái gì đây? Lần đầu tiên kể từ khi bắt đầu đọc, cô cảm thấy phiền toái. Cô từng thấy khó chịu ở đoạn kể về các vụ giết trẻ con, tuy nhiên đó là một phần câu chuyện, một phần cuộc điều tra. Nhưng cái chuyện về con quái vật này thể hiện sự ngây ngô nhất định, khiến Marion không biết nên quy cho con người hay cho thời cuộc.

Tác giả Jeremy Matheson, kể ở ngôi thứ nhất những gì anh ta trải qua hay cảm nhận, và nói thêm cả một đoạn dài về những gì người đồng nghiệp Azim, từng làm trong thời gian đó, để lộ ra rằng sau đó họ có trao đổi với nhau. Thật lý thú khi nhận thấy anh ta có thể miêu tả hết sức rõ ràng, có đôi chỗ gần như trong tiểu thuyết. Anh ta thậm chí còn kể lại chính xác những cảm xúc của Azim, riêng tư đến mức ít có khả năng họ đã thật sự cùng nhau trao đổi. Không, Jeremy ước đoán, suy diễn hay tưởng tượng mà thôi. Tuy vậy, giả thuyết về *ghûl* vẫn rất khó nuốt trôi.

Marion tìm một cái ngáp. Đang là giữa chiều, cô chỉ nghỉ chút xíu để ăn trưa, và những giờ đọc sách khiến cô hoàn toàn đờ đẫn.

Thời tiết rất ẩm đạm, bầu trời bày ra các gam màu xám, từ trắng đục trên đỉnh đầu đến màu tro nơi chân trời. Cô chui vào một cái áo len và chọn áo khoác để đi dạo, trời lạnh hơn hẳn từ hai ngày nay. Cảm giác tiếp xúc với cuốn nhật ký trong túi làm cô tạm yên lòng.

Dù câu chuyện về *ghûl* vượt quá khả năng hiểu của cô, cô vẫn phải thú nhận mình bị dính vào lời kể đó, và bị kích thích bởi những gì mấy trang giấy ố vàng dành cho cô. Từ khi tìm thấy cuốn nhật ký, gần như không bao giờ cô rời xa kho báu quý giá đó. Nó hấp dẫn cô một cách ma quái. Nó gây ra thói nhìn trộm mà cô không hề tìm cách kìm nén.

Cô men theo nghĩa địa nhỏ, rồi đi vòng qua lối vào nhà thờ giáo khu thánh Pierre để quay lại Phố Lớn. Từ đây cô đi sâu vào một con hẻm giữa hai ngôi nhà cổ để đến bức tường nối hai bờ thành. Hết tháp này đến tháp khác, cô lang thang dưới làn gió thổi mạnh. Phía bên dưới, biển để lại trên vết liếm ban đêm những vòng tay nước, những vũng nước có ánh phản chiếu màu ngải đắng đôi khi gửi trả lại bầu trời một hình ảnh méo mó.

Đảo đá Tombelaine nổi lên từ phía xa, lơ lửng với quầng mây màu cánh ngỗng trời. Lạc lõng như vậy, nó gợi cho Marion cảm giác sâu muộn, một phần của nước Pháp chịu phận lưu vong, bị đày ải vĩnh viễn giữa màn sương mù và những ngọn thủy triều của vịnh. Bị đày ải hoặc là được ưu đãi, cô sửa lại... Dáng hình trần trụi của nó khiến cô thiên về nỗi buồn hơn.

Một vệt đen di chuyển theo đường chéo giữa Đỉnh và đảo đá Tombelaine. Marion căng mắt nhìn và khẳng định được điều cô đã linh cảm từ trước: một người đàn ông, dáng đi bình thản, đang bước lại phía cô. Ông ta đi một vòng rộng và Marion cho rằng không có lý do gì để làm như thế, cho đến khi cô nhớ lại những gì người ta nói về vịnh. Cát lún khiến không ít người thành nạn nhân nơi này. Chúng cuốn chặt lấy mắt cá rồi hút bấp chần, liếm mút thứ thức ăn của mình từng tí một, cho đến khi thủy triều lên chìm chết những gì còn nổi lên từ mặt đất.

Người đi dạo thuộc đường thấy rõ, và đang đến gần tường bao. Khi ông ta ở cách cô không xa, Marion nhìn kỹ vẻ bên ngoài của ông ta, một người đàn ông khá nhiều tuổi, cao dong dỏng, không phải tóc nâu như cô nghĩ lúc đầu mà là mũ lính thủy đội trên mái tóc trắng. Dáng đi của ông ta lịch thiệp, hai tay thọc sâu trong túi chiếc áo va rơi màu xanh nước biển. Ông ta khẽ giơ cánh tay vẫy cô, thay lời chào.

Lúc đầu cô ngạc nhiên rồi sau đó nhận ra mình là người duy nhất trên tường thành và cô đã quan sát ông ta được một lúc, ông ta không thể không nhận thấy điều này. Marion cũng vậy tay đáp lại.

Chính cô cảm thấy ngạc nhiên khi tự động đi trên bức tường nổi, song song với người đi dạo đó, xuống phía lối vào làng.

Họ gặp nhau dưới vòm cửa Roy. Người đàn ông lạ mặt nhấc mũ ra, khiến những ngọn tóc trắng như hoa bách hợp rối tung lên, rồi khẽ nghiêng người về phía trước, hai tay bắt chéo sau lưng.

“Xin chào cô.”

Ông ta già hơn nhiều so với đánh giá ban đầu của cô, ít ra cũng phải tám mươi tuổi, Marion thầm đoán. Một phần khuôn mặt ông ta biến mất dưới bộ râu một tuần không cạo cũng trắng phau như mái tóc, má hằn sâu hai nếp nhăn. Chỉ thoáng nhìn thấy mắt ông qua đôi mí mắt nửa nhắm nửa mở, tuy nhiên từ đó lại tỏa ra vẻ linh hoạt đáng kinh ngạc, rõ ràng xuyên thấu qua cô. Người đàn ông đứng thẳng, không có vẻ gì là phải cố gắng, ông ta có phong cách lôi cuốn rất tự nhiên. Hồi trẻ chắc ông ta khiến người khác choáng ngợp ghê lắm bởi bất chấp tuổi tác, Marion vẫn thấy ông ta rất cuốn hút.

“Tôi không tin là đã có vinh hạnh gặp cô, tuy nhiên, tôi nghĩ tôi biết cô là ai. Làng nhỏ nên thông tin truyền nhanh lắm, nhanh hơn cả cái mạng Internet mà ai cũng nói đến. Cô đi ẩn tại dòng tu, phải vậy không?”

“Chính xác là vậy.”

“Cho phép tôi được tự giới thiệu: tôi là Joe.”

“Joe?” Cô nhắc lại.

“Vâng, đó là tên tôi. Tôi xin chào mừng cô đến nơi đây, cô...”

“Ồ, xin lỗi, tôi là Marion.”

Cô chìa tay ra và ông siết tay cô hết sức trùi mền. Da ông ram ráp; ‘có thể vì lạnh’, cô đồ chừng.

“Rất vui được làm quen với cô. Vì chúng tôi không có nhiều khách trong mùa đông, những người ở lại lâu lại càng ít hơn.”

Trong giọng nói của ông có chút âm sắc mà Marion không thể xác định được ở đâu. Alsace*, cô nghĩ nhưng không chắc chắn lắm.

Rõ ràng, Đình thực sự là một cái tháp Babel, phần lớn các cư dân cô gặp đều không có gốc gác từ các vùng lân cận mà đến từ bốn phương đất nước.

“Lúc này tôi thấy cô trên bờ thành, đó là một đoạn đường rất lộng lẫy, nếu tôi có thể cho cô một lời khuyên, thì hãy lên đó vào lúc hoàng hôn, cô sẽ lóa mắt vì vẻ đẹp của phong cảnh. Các bụi cỏ đổi màu cam và tím phía đằng xa, kỳ lạ lắm.”

Marion vén một lọn tóc ra sau tai.

“Tôi sẽ nhớ điều này, cảm ơn ông. Ông đã đi ra tận Tombelaine ư?”

“Quả là vậy.”

“Ở đó chắc cũng đẹp.”

“Đúng là đẹp thật. Tôi có thể dẫn cô ra đó khi có dịp nếu cô muốn, gần sáu ki lô mét cả đi lẫn về. Ngược lại, đừng có thử vận may một mình nơi đó, cát lún ở vịnh rất khó lường. Phải biết đường mới ra được.”

“Tôi cũng nghe nói thế. Tôi sẽ rất vui mừng được đi cùng ông ra đó lần tới. Ông... ông sống ở đây nếu tôi không nhầm...”

“Đúng vậy, phía trên cao hơn một chút, hay là về nhà tôi uống trà đi, nếu cô không bận gì?”

Marion gật đầu và đi theo ông già khi ông đi lên Phố Lớn.

“Sự tiếp đãi của dòng tu có hợp với cô không?” Ông già hỏi.

“Có, ai cũng rất dễ mến,” Marion nói tránh. “Và tôi được bình yên hoàn toàn, đúng như tôi mong ước.”

“Bình yên ư! Cô đã rất có lý khi chọn Mont-Saint-Michel nếu như điều cô tìm kiếm là sự bình yên. Và việc thiền định trong tu viện cũng rất đặc biệt! Không một nơi nào khác phù hợp với việc đó hơn đâu.”

“Cứ nghe ông nói thì tôi suy ra rằng ông đã ở đây lâu rồi.”

“À vâng. Tuy nhiên không là gì so với... tảng đá này,” ông vừa nói vừa ngẩng đầu về cái khối lừng lừng phía trên đỉnh.

Trong lúc đi lên con phố, Marion ngạc nhiên khi nhận ra ông cao hơn cô rất nhiều, có lẽ phải xấp xỉ một mét chín mươi.

“Cô ở đâu?” Ông hỏi. “Tôi đoán là đối diện với nghĩa địa?”

“Phải, nơi đây tin tức đi nhanh đến thế sao?”

“Hơn cả cô tưởng ấy chứ,” ông cười. “Thật ra là dòng tu có thói quen để những người đi ẩn ở trong các gian nhà áp mái phía bên dưới làng nếu như có đông người, và trong ngôi nhà nhỏ đó khi chỉ có một người.”

Ông nghiêng người về phía cô và vừa nở nụ cười đồng lõa vừa nói thêm:

“Tôi nói với cô rồi: tôi đã ở đây từ lâu... Mọi người đều biết thói quen của những người khác trên Đỉnh.”

“Tôi thấy rồi... Nhân thế, hiện có tất cả bao nhiêu người sống trên đảo?”

“À thì... Có Béatrice, cô bán hàng, và con trai cô ấy. Nhân viên bưu điện chỉ đến làm việc, cũng như nhân viên của khách sạn và của nhà hàng Mè Poulard trong mùa này... À, cả anh chàng gác đêm Ludwig sống cùng chúng tôi. Các thành viên dòng tu, và chính tôi đây. Tổng cộng là... mười ba! Trời, tôi chưa bao giờ để ý điều đó đấy. Từ giờ trở đi, cô sẽ được tiếp đón nồng nhiệt gấp đôi! Khách trọ thứ mười bốn của Đỉnh, để tránh điềm rùi!”

“Ôi, ông đừng dành cho tôi vai trò quan trọng đến thế, lỡ họ lại không muốn để tôi đi thì sao...,” Marion thích thú đùa.

“Chúng ta đến nơi rồi.”

Họ bước vào một ngôi nhà kiểu Trung cổ, trần cao, cửa sổ rộng và gỗ lát sàn kê cột kẹt dưới chân. Hơi ẩm và mùi sáp chia nhau ngự trị chốn này. Joe dẫn Marion vào một phòng khách quá khổ, nơi lò sưởi còn chiếm nhiều chỗ hơn cả một cái tủ kiểu Normandie*.

“Cô ngồi đi, tôi ra ngay.”

Ông quay lại sau vài phút, tay bưng một cái khay, và rót cho hai người họ món trà nóng bỏng uống kèm với bánh quy bơ tròn.

“Nào, thế làm sao mà cô lại lưu lạc đến đây, nếu tôi có thể hỏi điều này?” Ông muốn biết.

“Vì tình cờ.”

Joe khẽ gật đầu.

“Thật vậy sao? Vì tình cờ?”

“Gần như vậy. Tôi muốn... cần nghỉ ngơi, cần lấy lại tinh thần. Tôi tìm hiểu những việc có thể làm, ở những nơi hẻo lánh khác nhau. Dù là tạm thời, yên tĩnh vẫn không phải món tôi thích nhất, nên tôi loại một tu viện ở Savoie, rồi địa điểm tiếp theo trên danh sách của tôi là Mont-Saint-Michel. Tôi không tự hỏi mình thêm nữa mà thử luôn vận may,” cô tự tin nói dối.

Joe nhìn cô chăm chăm và dừng lại nơi vết sẹo sắp lành trên môi cô. Rồi nhìn thẳng vào mắt cô. Đến lượt mình, Marion cũng quan sát ông, có vẻ như ông sẵn sàng đón nhận lời tâm tình của cô, tưởng tượng ra một phụ nữ bị chồng hành hung đang chạy trốn, hoặc nạn nhân một vụ tấn công đến đây để tìm lại sự thanh thản nội tâm. Dù ý ông thế nào, Marion vẫn nhận thấy ông không bị lừa và ông đoán ra được vài lý do nghiêm trọng hơn cho việc đi ẩn nấp.

“Cô nghĩ sao nếu ta đốt lửa?” Ông đột ngột hào hứng gợi ý.

Ngay sau đó ông đứng lên đặt một khúc củi cùng vài cành củi vụn vào lò sưởi.

“Về phần tôi, tôi ở đây từ hồi chiến tranh, vậy cơ đấy!”

Marion đưa chén trà nóng lên môi thổi nhẹ.

“Thế chắc ông biết tất cả mọi người, và mọi góc ngách nơi này, tôi đoán vậy.”

Joe với một tờ báo cũ, xé ra thành nhiều mảnh nhỏ rồi vò nhàu và nhét vào dưới đồng gỗ.

“Tôi hy vọng vậy!”

Marion tìm mình không đặt cho ông câu hỏi đang luẩn quẩn trong đầu cô. Cô hớp một ngụm trà.

Cửa sổ phòng khách nhìn xuống một cái vườn nhỏ xíu bỏ hoang ngay dưới chân thành. Bầu trời xám nhờ hòa loãng ánh sáng ban ngày thành một

cái vòm lớn. Joe đánh một que diêm châm lửa cho những năm giấy trong lò sưởi.

Marion để tính tò mò vượt lên trên sự giữ kẽ và đặt câu hỏi:

“Nếu ông ở đây từ những năm bốn mươi, có thể ông đã nghe nói đến một người Anh từng ở Đỉnh...”

Joe bỏ lửng ngọn lửa đang bén dần.

“Một người Anh ư?” Ông nhắc lại. “Tại sao lại là một người Anh?”

“Bởi vì... Hoàn toàn ngẫu nhiên thôi, có những điều người ta kể cho tôi nghe, tôi chỉ muốn biết có đúng vậy thật không hay là họ bịa tôi,” cô bịa.

“Ai đã kể cho cô những chuyện đó? Thầy Gilles phải không?”

Marion cố gắng hình dung ra thầy Gilles trong số các thành viên của dòng tu. Đó là người già nhất, không dễ chịu gì, với nét nhìn nghiêng trông giống đại bàng. *Một ông già khó tính*, cô nhớ ra ngay. Ông ta quen thuộc quá, cô phải tìm một người khác, nếu không lời nói dối của cô có nguy cơ bị phát hiện.

“Không, hoàn toàn không,” cô đáp lại. “đó là ở Avranches, một nhóm đàn ông muốn đùa cợt, tôi nghĩ vậy. Họ nói với tôi rằng một người Anh đã từng đến Đỉnh để trú...”

Joe lắc đầu.

“Ôi, thành thị... Họ không đáng tin cậy đâu. Dù sao cũng chẳng có người Anh nào từng ở đây cả, ít ra là theo những gì tôi biết. Điều đó có quan trọng với cô không?”

Marion ngạc nhiên khi thấy mình dễ dàng và say sưa nói dối. Từ ngữ và vẻ tự tin đến với cô một cách tự nhiên, không chút do dự, không chút sợ hãi, tay cô không nhóp mồ hôi, chân cô không run. Cô khám phá ra trong mình một kẻ nói dối đích thực đang làm tay sai cho UBGSLT theo một cách nào đó. Ý nghĩ này khiến cô thích thú. Cô đang bắt đầu một sự nghiệp mới, theo nhịp của cô, sự nghiệp của một gián điệp.

“Tại sao cô lại quan tâm đến sự có mặt của một người Anh?” Joe tra hỏi. “Có hàng trăm thứ thú vị và bí ẩn hơn trong lịch sử tu viện, tại sao thế?”

“Tự nhiên thôi, người ta kể cho tôi nghe rằng có một người Anh đã ở đây một thời gian trước khi bỏ đi và để lại một cuốn nhật ký. Nhưng hình như không ai tìm thấy cuốn nhật ký đó cả. Vì buồn chán, một câu chuyện như vậy cũng đủ để làm tôi tò mò.”

Joe xòe hai bàn tay ra trước mặt tỏ ý bất lực.

“Tôi rất tiếc nhưng quả là tôi chưa bao giờ nghe đến câu chuyện đó, ấy vậy mà tôi thuộc loại người già mà ta vẫn nghĩ đến khi phải hỏi những chuyện như vậy, tôi có phần giống tai mắt của cái khối đá cô độc này. Nếu được phép thì tôi khuyên cô không nên quá nghe những gì người ta kể cho cô trong thành phố, Đỉnh là chủ đề của nhiều loại tin đồn, và chúng hiểm khi có thật.”

Ngọn lửa lớn dần sau lưng ông, những cành củi lửa bén vào nỗ lách tách. Marion uống trà và vừa nhấm nháp một cái bánh quy vừa huơ hai tay vào hơi ấm của lò sưởi.

“Lúc này ông hỏi tôi liệu có phải thầy Gilles là người kể cho tôi nghe câu chuyện về người Anh đó... Ông có biết rõ ông ấy không?” Marion hỏi.

Joe cắn một chiếc bánh rồi lấy khăn giấy lau cằm.

“Phải, cả hai chúng tôi đều có phần giống cái hòn đá già cỗi này. Gần như bất di bất dịch giữa vịnh.”

“Tôi cho rằng ông ta không ưa tôi chút nào,” Marion thổ lộ.

“Cô đừng lo nghĩ về điều đó làm gì. Ông ta không ưa ai cả, cả cô, cả tôi, cả đám du khách vãng lai. Tóm lại là những người không gắn bó trực tiếp với Đỉnh. Nếu cô không được sinh ra ở đây hay tương tự như vậy, thì trong mắt ông ta cô là một thứ ký sinh trùng trên cái tu viện ‘của ông ta’, một con gián có thể làm hỏng di sản này của quá khứ.”

“Vậy tại sao ông ta lại không ưa ông? Ông ở đây trước ông ta nhiều chứ, không phải sao?”

“Thầy Gilles ư? Không, ông ta đến đây trước tôi một năm, cùng với vợ Luce mà hẳn là cô đã biết.”

Marion nhớ lại một bà già, cổ dáng dấp giống thầy Gilles đến kỳ lạ, cũng trầm lặng và quàu quàu như vậy.

“Quả thật...”

“Thế rồi kể từ đó họ trở thành những người được Mont-Saint-Michel gửi gắm linh hồn, hay ít ra là họ nghĩ vậy!”

Joe bật cười, tiếng cười thành thực nhưng bị nén lại.

“Thầy Gilles và xơ Luce, họ là người... cùng gia đình phải không?”
Marion tò mò.

“Đó là cả một cuộc tranh cãi lớn! Tôi không biết. Cứ nhìn họ, cả hai đều gay gắt và đa nghi như nhau, thì ta có thể tin là vậy. Xét cho cùng, đến giờ tôi vẫn không biết thời điểm đó họ đã giống nhau rồi hay chính tính khí gay gắt mới khiến ngoại hình họ trở nên tương đồng. Tôi không còn nhớ nổi trông họ thế nào hồi trẻ. Tuổi già là thế đấy, cô gái thân mến ạ, là lãng quên, hoặc nhầm lẫn. Hoặc không còn sức để thúc đẩy trí nhớ cố gắng đi xa hơn. Thế là ta lải nhải những gì còn lại trong ta.”

“Tôi thấy ông nói được thế này là vẫn còn khỏe mạnh chán.”

“Cô đừng tin vào vẻ bề ngoài, Marion ạ, nhất là ở nơi này.”

Ông cầm đĩa bánh quy rồi đưa mời cô, và cũng lấy cho mình một cái.

“Cô đã gặp hết mọi người chưa?” ông hỏi.

“Rồi, tất cả những người được ông nhắc đến.”

“Đều là những người tử tế cả.”

“Tôi cũng thấy thế. Thật ra là rất thú vị khi khám phá từng cư dân của nơi... có thể gọi là đảo này, và tôi ngạc nhiên khi thấy mình mến họ dù biết ít về họ, trong khi tôi vốn là một kẻ hay ngờ vực, nếu không muốn nói là ghét người. Ông biết đấy, tôi vẫn thường nghĩ, tôi phải công nhận là điều này thật ngốc, rằng chỉ người có những bí mật gớm ghiếc phải che giấu mới muốn đến sống trên một hòn đá thế này, tách biệt khỏi thế giới.”

Joe chấp hai bàn tay trước mũi và vừa tì cằm lên hai ngón cái vừa ngắm nhìn ngọn lửa.

“Bí mật thì mọi gia đình trên thế giới này đều có,” ông thổ lộ. “Bất kỳ gia đình nào. Và được giữ kín nhiều hay ít. Không phải là những bí mật đã dẫn họ đến đây. Mà là những câu trả lời. Những người đàn ông và phụ nữ sống ở đây vì tâm hồn họ cũng như Đỉnh, được tạo ra từ những sự thật đôi khi bị sương mù phủ mờ, đôi khi được mặt trời chiếu rọi. Chúng tôi ở đây vì chúng tôi được làm bằng những kỷ niệm thăng trầm, như thủy triều. Không nơi nào khác có thể hợp với chúng tôi hơn.”

“Ông nói cho ông đấy ư?” Marion mạnh bạo hỏi.

“Không, tôi không nghĩ vậy. Đúng hơn là nhân danh cư dân của Đỉnh.”

Joe chỉ một ngón trỏ còng quèo về phía cô.

“Tôi thấy cô tái mặt,” ông cười,. “cô đừng sợ, tôi nói ẩn dụ vậy thôi, Mont-Saint-Michel không phải là sào huyệt của những kẻ sâu muộn, tôi chỉ... giải mã các tâm hồn. Nói vậy chứ tôi hay nhầm lẫn.”

Nói đến đó ông lại cười rộ lên.

“Ít ra là tôi không làm cô sợ chứ?”

“Không, đối với tôi thì phải mạnh hơn nữa. Mà kể từ khi ở đây, tôi bắt đầu không nhảy dựng lên vì những chuyện tầm phào.”

“Thật vậy ư? Tốt hơn là nên như vậy, trong làng đầy những tiếng động không thể định nghĩa nổi, nhất là vào ban đêm. Vậy nên nếu cô quen với...”

“Tôi không sợ tiếng động, mà là những kẻ lừa nhảm.”

Joe nhú mày. Marion nuốt nước bọt. Giờ thì cô đã đâm lao và không thể quay đầu lại được nữa. Hơn nữa ông già tạo cho cô cảm giác tin cậy.

“Ngay sau ngày đầu mới đến tôi tìm thấy một cái phong bì trong nhà tôi, đúng ra là ngôi nhà nơi tôi đang ở. Có người muốn đùa giỡn. Dưới dạng câu đố. Đó không là gì khác ngoài một trò chơi chào đón tôi đến đây... và để thử thách tôi, tôi cho là vậy.”

“Thử thách cô ư? Điều gì khiến cô nghĩ vậy?”

“Một kẻ lừa nhảm đơn giản sẽ chỉ chào đón tôi trực tiếp qua cái phong bì và dừng lại ở việc bỏ nó vào nhà. Đằng này tôi phải giải một mật mã và

đi ra Đình để khám phá nội dung đích thực của bức thư.”

Joe gật đầu.

“Thật độc đáo. Và cô còn đủ sáng suốt để đi đến tận cùng, thật đáng khâm phục.”

“Tôi chỉ có việc đó để làm thôi mà.”

Lời đáp của cô rơi xuống như một lưỡi dao máy chém chẻ phăng không khí. Họ cùng im lặng một phút. Cuối cùng Marion đặt chén trà xuống và đứng dậy.

“Xin cảm ơn ông vì tất cả.”

“Nếu tôi được phép dịch nghĩa câu nói này của cô thì sẽ là: chào mừng cô đến đây, trong nhà của tôi. Giờ thì cô biết tôi ở đâu rồi, hãy qua thăm tôi nhé.”

Marion chào ông rồi bước ra giữa làn gió lạnh đang thổi rít trên Phố Lớn. Cô xuôi theo con đường lát đá xuống tận cái cầu thang nhỏ chạy quanh nhà thờ giáo khu, men theo nghĩa địa đến tận cửa nhà. Trên đường đi, cô nghĩ đến Joe. Đến dáng dấp dễ chịu, khuôn mặt tươi cười, tự tin và tuổi tác của ông. Cô không thể hiểu tại sao ông lại tử tế với cô đến vậy. Ít ra ông cũng đã tám mươi, dù có vẻ trẻ hơn hẳn ba mươi tuổi trong thân hình được giữ gìn rất tốt.

Cô đặt áo khoác ở tiền sảnh và bật đèn phòng khách. Cô mất chưa đầy năm giây để phát hiện ra nó. Nó ngự ở đó như một sự xúc phạm đến cõi riêng tư của cô.

Một phong bì lớn đặt trên ghế xô pha.

Vẫn loại giấy giống bức thư thứ nhất. Lần này, không có câu đố nào hết. Cũng không có trò chơi. Chỉ duy nhất một lời đề nghị. Gần như một lời cảnh báo.

‘Vi cô là người đầu tiên đến thăm chúng tôi sau một thời gian dài, tôi đã muốn chơi đùa với cô. Tôi ngạc nhiên nhận ra rằng cô đã đặt tay lên một thứ thuộc về tôi. Điều này không hề được dự kiến trong trò chơi nho nhỏ của chúng ta, một trò chơi chỉ nhằm mục đích giải trí cho hai ta trên cái tảng đá khổng lồ quá tĩnh lặng này. Nhưng vừa bắt đầu, trò chơi đã kết thúc. Vì khi chiếm hữu một thứ thuộc về tôi, cô đã làm méch lòng tôi. Tôi biết là cô không muốn vậy, cho nên tôi cũng có ý bỏ qua mọi chuyện ngay từ bây giờ. Với điều kiện tiên quyết là cô trả lại tài sản của tôi cho tôi. Hãy đặt nó tối nay ở nơi cô đã tìm thấy bức thư chào mừng, tại tháp Gabriel. Và chúng ta sẽ xong nợ. Hy vọng được là bạn của cô, khi hiểu lầm này được giải quyết xong.’

Không nghi ngờ gì nữa, tài sản được nói đến chính là cuốn nhật ký. Kể từ khi tới đây cô không chiếm hữu vật nào khác cả.

Cô quay lại chỗ cái áo khoác và lôi quyển nhật ký ra khỏi túi áo. Cảm giác lạnh lạnh khi sờ vào cái bìa da đã rạn. *Truyện kể của Arthur Gordon Pym*, nhan đề bằng nét chữ cổ thép vàng. Dần dần, nó trở nên còn kỳ lạ hơn cả truyện của Poe.

Và những sự kỳ quái trong nội dung của nó đã ảnh hưởng trở lại thực tế, Marion nhận định. Giống như cuốn sách mà nhân vật chính trong tiểu thuyết *Chuyện dài bất tận* của Ende tìm thấy. Ai chưa từng mơ được sở hữu một cuốn sách *thật sự* mở ra một thế giới khác?

Marion lật tờ bìa và lần giở những trang giấy cũ kỹ. Phép lạ của câu chuyện xảy ra từ năm 1928, nó vươn dài đôi cánh tay bằng mực đến tận khi làm thay đổi những giờ phút của một mùa đông hơn bảy mươi năm sau. Ai biết rằng cô đã tìm thấy cuốn nhật ký?

Béatrice.

Marion không nghĩ đến việc Béatrice cải trang thành kẻ mưu mô bí hiểm trong những giờ rảnh rỗi. Nhưng tình bạn của họ chỉ vừa chớm, cô không thể huênh hoang là biết rất rõ về chị bán hàng đó.

Vấn đề là linh cảm... Mình không cảm thấy chị ấy có thể làm những việc kiểu này...

Còn ai có thể biết về cuốn nhật ký?

Thầy Damien.

Tối hôm cuốn nhật ký được tìm thấy, ông ta có qua thăm cô, cuốn nhật ký lúc đó nằm trên cái bàn một chân gần cửa ra vào, và ánh mắt ông ta có quét qua. Dù không nói gì, nhưng có thể ông ta đã nhận ra nó. Nếu vậy thì có lẽ toàn bộ dòng tu đều đã biết chuyện.

Còn có cả Ludwig, người gác đêm.

Cô gặp anh ta trên đường từ nhà Béatrice về, lúc đó cuốn sách được kẹp dưới tay cô, anh ta có thể đã nhìn thấy nó.

Thật ra, ai cũng có thể viết những bức thư này.

Marion đi vào bếp rót cho mình một cốc nước.

Nếu phải dùng phương pháp loại trừ, cô có thể gạch Joe khỏi danh sách những kẻ tình nghi. Chiều nay ông ở Tombelaine còn sau đó thì đi cùng cô. Và bức thư được bỏ vào nhà trong lúc họ ở cùng nhau. Đỉnh đủ nhỏ để người ta có thể theo sát mọi động tĩnh của cô; nếu người ta thấy cô vắng nhà, thì vào nhà cô là việc dễ như chơi.

Sau đây có thể là lời giải cho vấn đề này.

Tác giả của những bức thư có chìa khóa vào nhà. Và dòng tu có các chìa đúng theo lời xờ Anne. Nếu vẫn tiếp tục phương pháp loại trừ, Marion chọn cách chỉ giữ lại cánh đàn ông trong dòng tu. Trong bức thư vừa rồi không

có sự tương hợp theo giống cái, người đó nói về việc là một người bạn nam của cô* chứ không phải là một người bạn nữ*. Đó cũng có thể chỉ là một mẹo đánh lừa. Cho đến giờ Marion vẫn bám theo logic ban đầu.

Vậy là còn lại năm người.

Thầy Damien, thầy ‘lạc đường’, luôn hứng khởi, và có vẻ thích thể thao.

Thầy Gaël, người trẻ nhất nhóm. Rụt rè.

Thầy Christophe, thầy ‘thiếu máu’. Lúc nào cũng chậm chạp và hỗn hển.

Thầy Gilles vừa khó chịu vừa già cả và cuối cùng là người đứng đầu nhóm: thầy Serge, và dáng dấp gần như đáng lo ngại của ông ta.

Tuy nhiên, cô đang nghi ngờ các thầy tu. Liệu có vì là thầy tu mà họ miễn nhiệm được mọi sa ngã cũng như mọi tật xấu? Marion kiên quyết lắc đầu. Tác giả của bức thư này nằm trong số năm người đó.

Thế bây giờ thì sao? Cô sẽ làm gì?

“Nếu muốn lấy lại cuốn sách của người, người phải làm cách khác chứ không phải bỏ một bức thư sau lưng ta, bạn thân mến ạ...,” Cô nói to.

Cô bực mình vì sự hèn nhát nguy trang thành điều bí mật này. Không những cô sẽ không bỏ lại cuốn nhật ký ở nơi trơ trọi, mà sẽ không rời nó ra nữa. Và tối nay, trong khi kẻ hèn nhát đó đợi bên ngoài, giữa giá lạnh, chờ cô ra trả cuốn sách, thì cô sẽ thoải mái ngồi nhà đọc nó.

Và nếu muốn lấy lại cuốn sách, hẳn phải xuất đầu lộ diện, đối diện cô, và đề nghị với cô trước đã. Tiếp đó cô sẽ xem xem nên làm thế nào thì thích hợp. Cô chán cái thói hay làm ra vẻ bí mật và những kẻ đùa nhảm lắm rồi.

Lúc đầu, câu đố đó, rồi việc đột nhập vào nhà cô để kiểm tra đồ đạc của cô, theo hoàn cảnh thì thầy đều có vẻ đùa vui. Nhưng tới mức này thì hẳn đã đi hơi quá xa.

Cô là người lạ trên Đỉnh này, đúng thế, nhưng cũng phải chấp nhận cô chứ. Không ai được lựa chọn cả, cô lại càng không.

Jeremy Matheson và Azim cùng ăn tối trong một nhà hàng Ý trên đại lộ Sulliman Pasha.

Azim ăn một cách ngon lành, tự hào vì đã có tiến bộ đáng kể trong vụ điều tra.

“Giờ nó không còn là truyền thuyết nữa, ta biết nó có thật!” anh nhòm nhoàm bày tỏ ý kiến.

“Azim này, dù sao ta cũng sẽ không tin lời lẽ của hai kẻ... cuồng tưởng kia, để tiến hành cuộc điều tra này! Chính anh từng nói, ông già đầu tiên chịu ảnh hưởng của thuốc phiện vào lúc ông ta nghĩ mình nhìn thấy cái con... *ghûl* đó!”

“Tôi công nhận là phải tương đối hóa những gì ông ta nói, nhưng ông ta thật sự đã nhìn thấy thứ gì đó vào tối hôm ấy, tôi nhận thấy nỗi sợ hãi trong mắt ông ta, và các chi tiết hai người họ miêu tả đều trùng khớp nhau.”

“Hoang tưởng chung của cộng đồng. Họ đều có những hệ quy chiếu chung, những truyền thuyết chung, nên khi một người trong số họ cho rằng một kẻ tàn tật chạy trốn sau khi cướp đồ là một con quái vật thì những người khác cũng nghĩ như vậy.”

“Thưa ngài, ta có thể có cơ may tóm được con quái vật đó, hoặc là thứ gì đi nữa, nếu ta cho người canh chừng khu phố này. Người bán hàng kể với tôi, ông ta đã thấy nó ba lần trong vòng ba tuần, lần nào cũng vào ban đêm khi ông ta lên mái nhà hút thuốc. Ông ta bị chứng mất ngủ.”

Jeremy uống một hơi cạn phần còn lại của cốc rượu vang. Rồi anh lắc đầu.

“Tôi sẽ không điều động ba chục người vào ban đêm trong vòng một hai tuần với lý do là một kẻ sâu muộn mắt ngủ nghĩ mình đã nhìn thấy con quái vật thời thơ ấu của ông ta đi qua dưới cửa sổ. Chúng ta có việc khác quan trọng hơn phải làm.”

“Ví dụ như?”

“Sáng mai, chúng ta có hẹn tại quỹ Keoraz, để gặp ông giám đốc.”

Azim vẫn im lặng, nghiền ngẫm nỗi thất vọng.

“Tại sao ngài lại biết quỹ này?” Cuối cùng anh hỏi.

Jeremy vừa nở nụ cười thỏa hiệp vừa dùng một mẫu bánh mì vét nước tốt trong đĩa. Azim có cảm giác đồng nghiệp người Anh đã chờ đợi câu hỏi này ngay từ đầu bữa. Jeremy thong thả nhai xong, đẩy cái đĩa ra rồi nhẹ nhàng nói:

“Nhờ một người đàn bà, anh bạn ạ.”

Azim định đưa cốc nước lên miệng, nhưng chợt dừng lại, tay đặt lên chân cốc bằng pha lê.

“Trước đây tôi đã phải lòng một người phụ nữ bây giờ là vợ của nhà Mạnh Thường Quân đã dựng nên cái quỹ đó.”

“Ngài Keoraz ư?”

Jeremy vừa nghịch cái khăn ăn vừa nói. Khi nghe tên nhà Mạnh Thường Quân, Azim thấy anh bạn đồng nghiệp siết chặt cái khăn đến mức các khớp tay trắng bệch ra.

“Chính ông ta. Ông ta năm hầu bao, ông ta bơm tiền cho kết của quỹ, nhưng còn một ông giám đốc nữa, là ngài Humphreys.”

“Và ngài vẫn giữ liên hệ với người phụ nữ đó?”

“Nếu ta có thể gọi đó là một mối liên hệ. Nhưng tôi biết quỹ này vì Jezabel từng làm tình nguyện viên cho nó, và tôi phải thú thực rằng, vì cô ấy, tôi cũng có tham gia vào.”

“Ngài ư?”

Hình ảnh thám tử Matheson đơn độc và trầm lặng mà ai cũng biết không ăn nhập với một Jeremy si tình và tình nguyện chăm sóc những đứa trẻ

nghèo khổ sống ở Cairo.

“Phải... Việc đó kéo dài trong vòng vài tháng vào dịp thu đông năm 1926, rồi chúng tôi chia tay.”

Anh nói bằng giọng nhỏ hơn, dáng vẻ ít tự tin hơn, anh cúi người về phía trước, một khuỷu tay tì lên bàn.

“Ngài chia tay người phụ nữ đó từ bao giờ?” Azim hỏi.

“Tháng Giêng năm ngoái, hơn một năm rồi. Cô ấy gặp chồng vào đêm giao thừa, tại một buổi tiệc do vị Mạnh Thường Quân tổ chức cho các tình nguyện viên của quỹ.”

“Ngài cũng ở đó chứ?”

Jeremy khẳng định bằng một cái nháy mắt.

Azim mím môi trả lời.

“Dù sao thì đó cũng là một sự trùng hợp có ích cho chúng ta,” anh chàng thấp bé nhận xét.

“Cộng đồng người Anh ở Cairo xét cho cùng cũng không đến nỗi rộng lớn như ta tưởng, rõ ràng là vào lúc này hay lúc khác, ta sẽ phải tiến hành điều tra những người ta quen. Tôi không coi đó là một sự trùng hợp, chỉ là một ‘tiền định khả dự’. À mà, chúc mừng anh đã tìm ra danh tính đứa trẻ, tôi vừa biết tin này khi ghé qua văn phòng.”

“Tôi đã đến gặp gia đình chúng để báo tin. Dù sao quỹ đó cũng là điểm chung của các nạn nhân, về việc này thì không còn nghi ngờ gì nữa.”

Jeremy đưa tay lên vuốt mặt. Nét mặt anh căng thẳng. Khi người phục vụ bàn đi qua chỗ họ, anh gọi anh ta và bảo mang thêm rượu vang.

“Tôi có thể nhờ anh một việc được không, Azim? Từ giờ đến sáng mai, ta sẽ không nói gì về tất cả những việc này nữa nhé, tôi sẽ rất biết ơn anh.”

Azim nhận lời đề nghị như một cú roi quất. Đó là nhiệm vụ của họ, và Jeremy đã ý nhị yêu cầu được điều tra vụ này. Sự xuất hiện của cô nàng Jezabel trong quá trình điều tra hẳn phải dính dáng đến sự khó ở bất ngờ này, Azim có thể khẳng định điều đó.

“Nếu ngài muốn vậy,” anh trả lời.

Jeremy tự rót một cốc rượu vang lớn và uống một hơi hết nửa cốc. Trong vòng một giây, Azim thầm tin chắc viên thám tử người Anh có điều gì khác giấu mình. Nhưng cũng nhanh chóng và mạnh mẽ như khi xuất hiện, sự chắc chắn chuyển thành ngờ vực, rồi tan biến dần.

* * *

Trụ sở quỹ Keoraz nằm trên con phố Abbas dài và rộng, giữa một nhà thờ Cơ Đốc và tòa nhà của công ty điện tín, điện thoại.

Sáng sớm, các phương tiện đi lại dày đặc, uốn lượn giữa những đoàn tàu điện và nhà vào không khí vẫn còn hơi mát mẻ tiếng kêu khàn khàn phát ra từ những cỗ máy lớn. Lại một lần nữa, Jeremy thấy sự tương phản thật ấn tượng.

Giữa một thành phố phía Tây, giàu có và rất ‘Tây’, với nửa phía Đông bên kia hỗn độn hơn rất nhiều. Một bên được hợp thành từ những mắt lưới thông thoáng của những con phố vuông vức, theo kiến trúc phương Tây, cùng những vỉa hè trồng nhiều bụi cây trang trí, những tòa nhà vừa cao vừa hiện đại, những cửa hiệu ngang ngửa với Paris, Luân Đôn hay Milan. Trong khi bên kia thành phố lại trải dài dưới những cái lều dựng đầy hàng hóa, ngoằn ngoèo, kết thành vô số những ngõ cụt và lối đi chật hẹp, những ngôi nhà suốt nhiều thế kỷ không thay đổi, phản ánh các nền văn hóa Hồi giáo nối tiếp nhau ở Cairo. Thành phố thứ nhất sạch sẽ, không mùi, sang trọng nổi bật; đêm đến, tiếng cười nén lại của đám thanh niên người Anh hòa lẫn vào tiếng cười ồn ào của đám người Pháp và người Ý. Thành phố thứ hai bụi bặm, phả ra mùi da thuộc, những mùi vị lạ lùng, mùi mồ hôi của đám người sống chõng chất lên nhau, nhưng đêm xuống, từ trên hàng nghìn tòa tháp giáo đường, tiếng hát của các thầy tu báo giờ kinh bao phủ đường chân trời tạo bởi những mái nhà hỗn độn tựa mặt biển trong cơn giận dữ. Một thành phố mang tính kinh tế và chính trị, còn thành phố kia thần bí và mang tính lịch sử.

Giám đốc quỹ Keoraz đón hai thám tử trong phòng làm việc ở tầng trên cùng. Đó là một người Anh bốn mươi tuổi, thân trên bệ vệ và bộ râu rất rậm rạp, ông ta hoàn toàn giống, chỉ trừ tính cách, với giáo sư Challenger, người có những chiến công từng được Arthur Conan Doyle lừng danh kể lại trong các tiểu thuyết của ông.

Không cần hỏi ý kiến họ, và dù mới sáng sớm, ông ta rót hai cốc rượu brandy, một cho mình và một cho Jeremy, trong khi Azim được một cốc nước suông.

“Nào, anh cứ nói, tôi có thể giúp gì được cho anh?” Ông ta vừa hỏi vừa đến ngồi phía sau cái bàn làm việc chồng chất những giấy tờ.

“Như hôm qua tôi đã giải thích với ông qua điện thoại, việc này liên quan đến những đứa trẻ trong quỹ của ông.”

“Điều anh kể cho tôi nghe thật kinh khủng. Không hề có một kẻ giết trẻ con ở Cairo này ư? Anh có hướng điều tra nào chưa?”

Jeremy giơ tay ra hiệu anh sẽ không đi xa hơn.

“Cuộc điều tra vẫn đang tiếp tục,” anh nói tránh đi. “Ông có tìm thấy phiếu ghi thông tin về bọn trẻ như tôi đề nghị hôm qua không?”

Ông giám đốc đặt ngón trỏ lên một chồng hồ sơ mỏng.

“Tất cả đều ở đây, cả bốn đứa.”

“Tôi cho là ông đã xem xét các thông tin trong đó. Ông có nhận xét gì chẳng? Chúng tôi tìm một mối liên hệ giữa chúng nếu có, hoặc bất cứ dấu hiệu khác lạ nào.”

Humphreys nắm tay lại làm phát ra những tiếng răng rắc. Ngón tay ông ta bị biến dạng do bệnh thoái hóa khớp.

“Không, không gì cả. À mà... một vài chi tiết, anh xem đây.”

Ông ta đẩy những tờ giấy bìa về phía thám tử người Anh.

Humphreys với lấy cốc rượu và thưởng thức mùi rượu brandy trước khi dốc thẳng vào họng. Giờ thì ông ta ngấm gác chuông nhà thờ, quay mặt về hướng cửa sổ.

“Dù trước đây chúng ta không có dịp gặp nhau, nhưng tôi vẫn nhớ anh từng là một trong những tình nguyện viên của chúng tôi, thám tử ạ.”

Jeremy nghe mũi khỏi chổng phiếu thông tin để quan sát ông giám đốc đang tiếp tục nói:

“Tôi... Tôi không biết nói thế nào với anh, nhưng... À, mà cũng có thể là anh không nhớ nữa, nhưng cả bốn đứa trẻ mà chúng ta đang nghiên cứu hồ sơ đều nằm trong lớp của anh, anh Matheson ạ.”

Azim nhíu mày. Anh quan sát người đồng nghiệp đang mở to mắt hơn mức cần thiết.

“Sao cơ?” Thám tử người Anh ập úng.

“Phải rồi,” Humphreys nhấn mạnh, “đúng như tôi nghĩ, anh đã không nhận ra điều này. Chúng đều từng được anh phụ trách, khi chúng tôi đề nghị anh tổ chức vài buổi đọc sách. Tôi thấy là anh không còn nhớ, anh cũng biết đấy, tôi hiểu anh mà, *chúng rất đông*, và đối với nhiều người trong chúng ta, chúng đều *giống nhau cả*.”

Jeremy mở các bìa hồ sơ hơi mạnh để đọc vài trang đánh máy bên trong. Anh chuyển từ đứa trẻ này sang đứa trẻ khác, càng lúc càng kích động.

“Đó có phải một chi tiết quan trọng không?” Ông giám đốc chất vấn.

Jeremy đứng thẳng người lên để nhìn chăm chăm vào ông ta.

“Theo ông thì sao?” Anh lạnh lùng đáp lại.

Trong vài giây ngắn ngủi mồ hôi túa ra dẫm trán anh.

Từ trên ghế, Azim nhích người về phía trước cho đến khi chống được khuỷu tay lên mép bàn và lễ độ đề nghị:

“Ngài có thể lập cho chúng tôi danh sách tất cả những đứa trẻ từng theo học lớp của thám tử Matheson không?”

Humphreys dò xét người Ai Cập nhỏ bé đội khăn vành trước khi dò xét phản ứng của anh chàng đồng hương người Anh, chờ đợi một lời đồng tình hay bác bỏ. Rõ ràng tay giám đốc rất ít coi trọng người ‘bản xứ’, Azim nhận xét. Đối với người điều hành một quỹ giúp trẻ em nghèo, thái độ này thật đáng lo ngại. ‘Lại thêm một kẻ đầu cơ chính trị chấp nhận một công

việc để chuẩn bị cho tương lai của mình hơn là vì ham thích hay tình yêu với chính công việc đó.’

Jeremy giơ ngón tay trở ra hiệu đồng tình với yêu cầu của Azim.

“Thôi được, tôi sẽ đưa các anh danh sách đó vào thứ Hai hoặc thứ Ba. Mà này, tôi vừa chợt nghĩ đến, có thể có một mối liên hệ giữa các sự việc với nhau; chúng tôi,” tức là quỹ này. “đã đưa đơn tố cáo một vụ trộm hồi tháng Giêng. Và... Ngạc nhiên nhất là không có gì bị đánh cắp cả. Có người đã phá cửa sau để vào trong các phòng ở và phòng làm việc. Tên bất nhân đó chắc chắn nghĩ rằng sẽ tìm thấy hàng đồng tiền mặt, tôi còn nhớ có một cái cửa đã bị phá để đột nhập vào phòng đặt két của chúng tôi.”

“Các ông có bị mất nhiều tiền không?” Jeremy hỏi.

“Không, chắc là rất cuộc hăn thấy cái két vượt quá khả năng của mình, thậm chí hăn còn không mở nó ra! Hai ổ khóa bị phá hỏng chỉ để có bấy nhiêu!”

“Trong phòng đó không có gì khác à?” Matheson hỏi thêm.

“Đó là phòng lưu trữ của chúng tôi, nơi lưu trữ hồ sơ về nhân viên và bọn trẻ.”

“Giờ ông mới nói ra điều đó ư?” Thám tử người Anh nổi khùng.

Azim bắt đầu lo lắng về thái độ của đồng nghiệp.

“Thông tin này có thể quan trọng đấy,” Azim can thiệp trước vẻ mặt tiu nghỉu của ông giám đốc. “Hồ sơ của đám trẻ ghi lại những thông tin gì?”

Lần này thì Humphreys không khinh khỉnh nữa mà trả lời người Ai Cập nhỏ bé:

“Cũng những thông tin như tôi đã đưa cho các anh thôi, những điều cần biết về đứa trẻ, tên, ngày sinh nếu có, nơi có thể gặp bố mẹ chúng, giấy khám sức khỏe, và giấy theo dõi học tập. Mỗi giáo viên đặc trách một đứa trẻ chịu trách nhiệm thường xuyên ghi lại trên phiếu theo dõi tiến bộ của đứa trẻ đó, cùng những nhận xét về thái độ của nó, nếu có.”

“Giấy khám sức khỏe ư, ông chắc chứ?” Azim nhắc lại.

“Phải, dĩ nhiên rồi, để phòng khi, ai mà biết được. Phần lớn những đứa trẻ đến với quỹ đều do cha mẹ chúng yêu cầu, họ muốn tạo cho chúng cơ hội tạo lập hành trang kỹ năng sống và kiến thức. Chúng tôi chọn từng đứa dựa trên hồ sơ và kết quả phỏng vấn. Và khi chúng được nhận, nhiệm vụ đầu tiên của chúng tôi là đưa chúng đi khám sức khỏe, một việc chưa từng được làm trước đây.”

“Chúng được khám ở đâu?”

“Ở bệnh viện Lord Kitchener, bệnh viện tốt nhất cùng với bệnh viện Anh-Mỹ, có điều Lord Kitchener thì lớn hơn và chúng tôi quen biết bác sĩ ở đó.”

“Lord Kitchener ư?” Azim ngạc nhiên.

Anh quay về phía Jeremy.

“Bác sĩ khám nghiệm tử thi các nạn nhân tên là gì nhỉ?”

“Benjamin Cork.”

“A! Bác sĩ Cork!” Ông giám đốc kêu lên. “Tất nhiên rồi, đó là một trong những thầy thuốc khám cho bọn trẻ của quỹ tôi.”

Azim nhướn mày và giơ lòng bàn tay lên, tỏ ý hốt hoảng.

“Bắt đầu có nhiều sự trùng hợp quá!”

Jeremy, vẫn đang rầu rĩ, hất đầu ra hiệu không đồng tình.

“Không, mọi việc đều có lý của nó. Kitchener là bệnh viện chuyên khoa về phụ nữ và trẻ em, bác sĩ Cork chuyên ngành nhi khoa, vậy nên ông được giao nhiệm vụ khám nghiệm tử thi. Không có gì bất thường cả, Azim ạ. Giới nói tiếng Ả Rập đông đảo bao nhiêu thì phần Cairo nói tiếng Anh lại nhỏ bé bấy nhiêu.”

“Thôi được... Cứ cho là thế,” Azim nhượng bộ. “Thế còn những đứa trẻ đó, bốn đứa bị giết ấy, hồ sơ của chúng có gì đặc biệt không?”

“Không, tôi đã xem rồi, không có gì cả,” Humphreys khẳng định. “Chúng... chúng rất tập trung, có hai đứa hơi nghịch ngợm một chút, nhưng không có gì nghiêm trọng. Tất cả đều rất ham học, thường xin theo

những lớp học thêm. Chỉ có vậy thôi. Tôi để chỗ phiếu lại cho các anh, nhớ trả lại chúng tôi sau khi xong việc nhé.”

“Mạnh Thường Quân của quý có chìa khóa tòa nhà không?” Jeremy hỏi.

“Ngài Francis Keoraz ư? Không, việc đó không cần thiết, ông ấy là... tấm lòng hào phóng của quý, còn lại thì tôi là người phụ trách toàn bộ ở đây. Ông ấy thỉnh thoảng có qua thăm chúng tôi, chào hỏi lũ trẻ, chỉ có vậy thôi.”

Jeremy vừa lấy tay xoa dái tai vừa nhếch mép cười.

Ông giám đốc chộp lấy cốc rượu brandy uống cạn rồi liếm quanh mép. Vài phút sau, hai vị thám tử đã ở ngoài phố.

“Ngài thật sự không nhớ đã từng dạy những đứa trẻ đó ư?” Azim dò hỏi.

Jeremy bước đi, mắt nhìn xa xăm.

“Không,” anh trả lời theo kiểu thoái thác.

“Ngài từng dạy chúng đọc, phải vậy không?”

“Phải. Hay đúng hơn là những buổi đọc sách bằng tiếng Anh. Tôi không dạy gì cả, tôi không đủ trình độ để làm việc đó, tôi đọc truyện cho chúng, phần lớn trong số chúng thậm chí còn không hiểu tí gì, chúng không đủ trình độ tiếng để hiểu, những đứa khá nhất cũng chỉ bập bẹ vài từ tiếng Anh, nhưng đó cũng là một cách khai mở, một cách đào tạo tai nghe cho chúng. Nghe này, Azim, chúng ta đã nói đến chuyện này, tôi cũng đã nói với anh tôi làm việc đó vì người phụ nữ kia. Chính cô ta yêu cầu quý nhận tôi. Tôi không hề cảm thấy thích thú, tôi không quan tâm đến lũ trẻ, thế nên chuyện tôi nhớ mặt chúng...”

Azim vuốt ria, hơi bối rối.

“Là vì... Việc này đụng chạm đến cá nhân,” anh nói. “Trước tiên là mối liên hệ của ngài với quý, rồi giờ là mối liên hệ của ngài với bốn đứa trẻ tội nghiệp đó, tôi nghĩ tốt hơn là ngài nên...”

Jeremy đứng sững lại.

“Là tôi nên làm sao?”

Ánh mắt sôi sục của viên thám tử người Anh chĩa vào Azim. Azim hiểu rằng có nói thêm cũng vô ích. Dù vụ điều tra đã trở nên đụng chạm đến mức này, nhưng không đời nào anh thuyết phục nổi Jeremy. Xét đến quan hệ thứ bậc giữa họ thì việc này lại càng thâm. Matheson có quá nhiều mối quan hệ nên khó mà bị gạt khỏi một vụ điều tra mà anh muốn được chỉ đạo bằng mọi giá, kết quả duy nhất là chính anh, Azim, sẽ bị gạt ra bên lề câu chuyện đen tối này. Mà anh thì muốn kết thúc việc anh đã bắt đầu.

“Không... không gì cả.”

Azim giơ hai tay ra trước, ra hiệu đầu hàng. Vẻ thất vọng hiện rõ trên mặt anh. Điều này có tác dụng làm dịu cơn giận dữ của Jeremy.

Jeremy nói tiếp, bình tĩnh hơn:

“Tôi xin lỗi, Azim. Mọi việc đã trở nên rất đụng chạm cá nhân, chính vì vậy, tôi không định chạy trốn để đợi những thám tử khác đến kể tôi nghe chuyện gì đã xảy ra. Tôi mới là người phải hiểu, phải giải quyết vấn đề.”

Azim nhăn mặt. *Giải quyết vấn đề?* Jeremy nói cứ như thể anh đã biết những gì đang ngấm ngấm diễn ra, và chúng có mối liên hệ thế nào với các vụ giết người. Azim quyết định trước mắt không nói gì thêm nữa, tình huống hiện giờ không có lợi cho anh. Anh chỉ tiếp tục câu chuyện:

“Hôm nay ngài trưởng đồn đề nghị tôi viết một bản báo cáo chi tiết, tôi không thể giấu ông ta toàn bộ việc này.”

“Tôi biết chứ. Dù thế nào ông ta cũng sẽ không gạt tôi khỏi cuộc điều tra đâu. Tôi có quá nhiều bạn bè có thể ảnh hưởng đến sự nghiệp của ông ta. Anh cứ làm việc của anh đi.”

Hai người đồng hành tiếp tục bước đi trên đại lộ với nhịp giao thông lúc đông lúc thưa. Sau một lúc im lặng, Azim thay đổi chiến thuật, anh nói to suy luận của mình:

“Tôi nghĩ chúng ta đều đồng tình khẳng định rằng cuộc đột nhập trụ sở quỹ hồi cuối tháng Giêng vừa rồi có liên hệ trực tiếp với các tội ác ta đang điều tra, phải không? Thậm chí tôi còn nghĩ rằng kẻ giết người đã vào đó để nghiên cứu hồ sơ bọn trẻ và, vì một lý do nào đó ta chưa biết, hẳn đã chọn những đứa trẻ từng theo lớp học đọc của ngài. Có thể hẳn cũng đã

hình dung tính cách các nạn nhân tương lai qua phiếu theo dõi của giáo viên.”

“Tôi đồng ý. Hãy đánh giá tính tình, cá tính của chúng, qua các tổng kết trong học bạ. Hãy biết những nét cơ bản của chúng, một số điểm yếu, và làm thế nào để xử chúng.”

“Nhất là theo lời ông Humphreys, chúng đều rất hiếu kỳ. Nhân thế, ngài thấy ông giám đốc thế nào?”

“Tôi không ưa ông ta.”

“Tôi mừng khi nghe ngài nói vậy. Đó cũng là ý của tôi. À mà, tôi xin lỗi vì lại đề cập đến chuyện này, nhưng ông bác sĩ, cái ông Cork ấy, tại sao ông ta không nói gì với ngài khi khám nghiệm tử thi thằng bé đó? Ông ta biết nó, phải vậy không? Chính là ông ta, xét cho cùng thì ông ta là một trong những bác sĩ đã khám cho học trò của quý, vậy thì ông ta phải nhận ra nó chứ, không phải sao?”

“Tôi cho rằng ông ta đã nhận ra nó,” Jeremy trả lời, “ánh mắt u ám. Và theo cách riêng của mình, ông ta đã khiến tôi hiểu như vậy. Nhưng trước hết đó là một bác sĩ chuyên nghiệp.”

Azim rình đón ý người đồng nghiệp chừng chục giây đồng hồ rồi nhướng mày.

“Chương trình chiều nay sao đây?” Cuối cùng anh hỏi.

Jeremy vừa đi vừa nhìn những chiếc xe ô tô chạy vượt qua.

“Anh soạn bản báo cáo của anh đi, tôi cần chút thời gian ở một mình, để suy nghĩ.”

Azim mở miệng nhưng ngay lập tức thấy nên ngậm lại thì hơn.

Họ tạm biệt nhau dưới con mắt ngày càng nóng bỏng của mặt trời. Jeremy dừng lại phía đối diện nhà ga trung tâm để ăn trưa, rồi anh sải bước dọc theo đường ray để về nhà.

Anh bước dưới mái hiên, hài lòng vì tìm được một chút bóng râm, rồi lập tức dừng sững lại, tất cả các giác quan rơi vào tình trạng báo động.

Gáy anh nóng ran. Vốn là thợ săn, anh biết cách nhận diện các dấu hiệu đan xen giữa cơ thể và trực giác. Anh đang gặp nguy hiểm.
Mỗi nguy hiểm tức thì.

Marion đọc lại những dòng vừa rồi của cuốn nhật ký:

‘Tôi đứng sững lại ngay lập tức. Cái rừng mình ở gáy, sự căng cơ dưới tai, tôi biết chúng có ý nghĩa gì. Từng đi săn quá nhiều trên miền đất của những loài thú săn mỗi châu Phi, tôi đã phát triển được thứ trực giác chỉ những sinh vật sống theo tiếng gọi của thiên nhiên mới có. Tôi biết nhận ra sự kết hợp giữa cơ thể mình với phần vẫn còn hoang sơ trong trí óc như thông báo về một mối đe dọa có thể xảy ra. Sự tập trung hết mức của các giác quan vừa bắt được những chuyển biến tinh vi trong không gian bao quanh tôi, báo hiệu sắp xảy đến một mối nguy hiểm tức thì.’

Câu chuyện về cuộc điều tra ngày càng trở nên hấp dẫn, đến đây nó còn được thêm mắm dặm muối bằng mối nghi ngờ về hành động sắp xảy ra. Marion bị hút vào đó.

Cô thấy ông Humphreys, giám đốc quỹ, có vẻ kỳ lạ. Tất nhiên, cô phải nhìn nhận một cách tương đối, tất cả những gì cô đọc đều đã qua sự sàng lọc chủ quan của Jeremy Matheson; nói cho cùng các phán đoán của cô đều đã bị định hướng, nếu không muốn nói là bị lái theo ý kiến của viên thám tử. Dù thế nào đi nữa, tất cả những đứa trẻ bị giết đều có mối liên hệ trực tiếp với quỹ, không phải là một trùng hợp ngẫu nhiên mà đúng hơn là mối liên hệ giữa kẻ giết người và các nạn nhân của hắn. Việc còn lại là lần theo mối liên hệ đó.

Đột nhiên Marion bối rối nhìn những trang giấy dày đặc nét chữ viết riu vào nhau.

Những việc này thật đến mức độ nào? Đây là phần của trí tưởng tượng, đây là phần của sự thật? Có thật là đã từng xảy ra những vụ giết trẻ em ở Cairo vào năm 1928 không?

Marion rà soát phòng khách. Chỉ cần có Internet là cô có thể tìm kiếm được rồi. Cô rửa thềm. *Không có nổi một tí công nghệ nào, mấy cái ông thầy tu này...*

Mà cô thì không thấy có máy tính ở chỗ Béatrice. Có thể là trong mấy căn phòng thuộc khu nhà ở chằng?

Nếu không, cô sẽ phải bỏ thời gian tìm kiếm trong một thư viện có lưu trữ đầy đủ các báo định kỳ thời xưa, và ở đó, nếu có chút may mắn, cô sẽ lôi ra được vài bài nói về vụ này. Vụ việc đủ bản thiêu để vượt Địa Trung Hải đến với các báo Pháp cùng thời... Dù sao cũng phải hy vọng như vậy.

Các báo định kỳ thời đó.

Cô vỗ bóp hai tay vào nhau biểu lộ sự chiến thắng. Trên tầng áp mái của thư viện ở Avranches có những tờ báo ấy, cô đã thấy chúng xếp thành những chồng lớn, chính cô từng phân loại chúng, mê ly trước sức quyến rũ cũ kỹ của những tờ bìa đượm mùi bụi. Rất có thể câu trả lời cho các câu hỏi của cô nằm trong những trang giấy đó.

Cô ngồi thẳng người trên xô pha.

Lúc đó đã là giờ ăn tối, hơi muộn để có thể nhờ ai đó trên Đình chở cô ra Avranches và đề nghị mở cửa tòa thị chính.

Cô thở dài. Tính tò mò của cô đành phải đợi đến mai thôi. Cô có cái để chống chọi với điều này, cô vừa suy ngẫm vừa cân nhắc cuốn sách bìa đen.

Cái đỏi bắt đầu giằng kéo cô, thế là cô quyết định kéo dài sự hồi hộp và hoãn việc đọc lại. Cô mở tủ lạnh tìm kiếm ý tưởng cho bữa tối trước khi đặt một nồi nước lên bếp đun. Trứng tráng cùng khoai tây và mỡ tỏi.

Nếu không muốn mập ú ra thì cô phải để ý hơn đến chế độ ăn uống của mình, đồng thời hỏi thầy Damien xem ông ta có phản đối ý tưởng có người chạy cùng không. Chạy bộ trên đê mới đầu sẽ rất có cảm hứng, đó là thời gian làm quen với khung cảnh, nhưng về sau sẽ trở nên đơn điệu chán chết

khi đã thuộc lòng đến từng xăng ti mét vuông đoạn đường chạy bộ. Chỉ còn lại quang cảnh lộng lẫy trên Mont-Saint-Michel thôi.

Thứ Hai tới cô sẽ bắt đầu, dứt khoát thế. Thêm ba ngày thả lỏng nữa rồi cô sẽ tấn công vào sự rắn chắc và các đường cong của cơ thể mình.

Marion thường thức món trứng dưới ánh sáng dịu trong phòng khách, không âm nhạc, chỉ có khúc ngâm nga ma quái của gió trượt trên mái nhà làm bạn đồng hành duy nhất.

“Cứ nghĩ đến việc một kẻ tội nghiệp rất có thể đang ở ngoài vào giờ này, đợi mình mang cuốn nhật ký tới đặt dưới chân tháp...,” cô thì thầm giữa hai lần gặp. “Đồ đàn...”

Cô không ngừng tự hỏi về bản chất của mối liên hệ đã gắn người đối thoại bí mật của cô với cuốn nhật ký. Đó là cuốn nhật ký của hẳn chẳng? Ít khả năng lắm. Jeremy Matheson trạc ba mươi tuổi vào năm 1928, nghĩa là hiện giờ ông ta phải trăm tuổi rồi. Khó đấy.

Nhưng vẫn có thể. Hơn nữa có rất ít đàn ông nhiều tuổi trên Đỉnh.

Thầy Gilles. Và ông Joe kia nữa!

Cả hai đều có vẻ rất già, nhưng đến mức nghĩ rằng họ chừng trăm tuổi thì... Và Jeremy là một người Anh.

Trừ phi sau hơn bảy mươi năm nói tiếng Pháp, ông ta đã mất giọng Anh...

Không, cô đi xa quá rồi. Tác giả cuốn nhật ký đã rửa ra dưới một nắm mồ nằm đâu đó trên thế giới này. Tuy nhiên, ai đó trên Đỉnh biết đến sự tồn tại của cuốn sách bìa đen, và muốn lấy lại. Người từng để nó thất lạc chẳng? Hoặc chỉ rất đơn giản là đã xếp nó, thậm chí giấu nó trong thư viện để một ngày nào đó không bị phát hiện những tâm sự kiểu này trong đồng hồ đặc của mình... Marion không biết nên nghĩ gì nữa.

Cô kết thúc bằng một món ăn từ sữa và do dự không biết có nên cho phép mình kết thúc buổi tối bằng một cốc rượu hay không. Kể từ thứ Hai tới, cô sẽ nghiêm khắc với chính mình, vậy nên cô có thể tự cho mình được hưởng thứ xa xỉ này...

Cô rót rượu gin pha nước cam vào một cái cốc lớn rồi ngã người trên ghế xô pha với cuốn sách bìa đen trên tay.

Dù người có là ai và đang công cốc đợi ta ở ngoài kia, ta sẽ đọc tiếp câu chuyện này mà không có người, và một thời gian nữa... có thể ta sẽ đến gặp người....

Jeremy đứng bất động, rình đợi bất cứ động tĩnh gì quanh mình. Phía xa một đoàn tàu chạy qua, át đi mọi âm thanh có thể.

Anh biết rằng có người đã đến đây, hoặc có thể vẫn còn ở đây. Có người đã đến thăm khoang tàu của anh trong lúc anh vắng mặt.

Trong bộ sưu tập bụi tỉ mỉ và ngày một dày thêm mà anh để mặc cho nảy nở trên đồng hồ đặc lộn xộn của mình, đồ vật đã bị xê dịch.

Các chi tiết vô cùng nhỏ, nhưng lại có ý nghĩa dưới mắt anh. Không phải là một cuộc lục soát quy củ, mà chỉ là một bàn tay tò mò và táy máy đã lướt qua đồ đạc của anh.

Anh tiến lại gần cửa toa tàu và túm lấy một cốc lều nằm lăn lóc trên đất cùng các đồ vật khác. Anh rút cái cốc ra kéo theo tiếng động ồn ã.

Ánh sáng ban ngày lọt qua các cửa sổ, dù đã bị chặn lại một phần do lớp vải nhung trên tường. Anh trèo lên ba bậc và xem xét phòng chính.

Không ai cả. Không có gì bị di chuyển.

Anh đi đến phòng vệ sinh và dùng cái cốc đẩy cửa ra. Trống rỗng.

Anh vào phòng ngủ. Mùi thơm đột ngột tấn công anh. Xông lên mũi, lao xuống dọc cơ thể anh, xộc vào ký ức rồi rơi vào tim cùng cái vuốt ve đau đớn của một cọng lông vũ sắc bén như lưỡi dao cạo. Mùi thơm này quen thuộc biết bao. Vừa dịu dàng vừa dữ dội. Jeremy đánh rơi thứ vũ khí chế tạm và ngồi lên giường. Đó là một mùi thơm hoa quả, gần như nam tính.

Loại nước hoa cô thường xức. Cô thường thoa một chút nước hoa giữa hai bầu vú trước khi làm tình, luôn luôn như vậy.

Jeremy chợt nhận ra bức ảnh trên bàn ngủ đã biến mất. Cô đã lấy nó. Cỗ tay anh chạm vào một góc nhọn.

Một tờ giấy bìa viết tay.

‘Mời anh tối nay đến dự lễ hội tại Shepheard’s, ‘Sri Lanka thần diệu’. Dạ hội hóa trang. Cơ hội có một không hai để phỏng vấn chồng em cho vụ điều tra của anh. Chúc vui vẻ.

Jezabel.’

Cô đùa giỡn anh. Độc ác không kém gì con mèo vờn chuột, không chịu giết con mồi suốt nhiều giờ liền, kéo dài mãi cơn hấp hối của con mồi chỉ để giải trí.

* * *

Đêm dần bao trùm thành phố, trên phố Ibrahim Pasha, những ngọn đèn đường đốt ga dày đặc, tỏa những vầng hào quang màu xanh da trời và màu cam lên các mặt tiền.

Khách sạn cực kỳ nổi tiếng Shepheard’s đã sẵn sàng cho cái được gọi là ‘Vũ hội của thập kỷ’. Dưới mái che lợp kính rộng lớn ở mặt tiền chính, trên đỉnh của chũm chực bậc thang trải thảm đỏ, hai cây cọ canh giữ lối vào. Vô vàn nến cắm trong đèn lồng được bổ sung vào phút chót để chào đón khách mời.

Jeremy đi bộ từ ga đến, qua đám gác cổng người Albani rồi lên sảnh. Anh đưa giấy mời cho một người đàn ông mặc com lê, đáp lại người đó chỉ cho anh nhà hàng chính. Trước hai cánh cửa đang mở của gian phòng rộng, một cặp nam nữ phát khăn đội đầu cho phái nam và vòng tay hình các con vật cho phái nữ.

Jeremy từ chối cái mũ, anh cho rằng bộ trang phục đi săn châu Phi đủ để anh được phép tham dự buổi tiệc.

Khách sạn này được nói đến trên toàn châu Âu và thậm chí ở Mỹ. Jeremy công nhận, thêm một lần nữa, rằng danh tiếng đó không hề bị thổi phồng.

Tường phủ dây leo dài tươi tốt, những cây cọ tựa mình vào vách trông giống những cái cột thực vật, quạt máy khổng lồ làm lá cây dao động tạo nên tiếng rì rào khe khẽ. Những chiếc mặt nạ gốm ghiếc thể hiện những sinh vật huyền thoại lấp ló trong tán lá, được chiếu sáng bằng những ngọn nến khổng lồ thấp bên trong. Trên những cây sào chạm trổ, cả một bộ sưu tập các loài chim nhiều màu lác lư trong tiếng cười của thực khách. Theo bản năng, Jeremy nhận ra một con hổ, và phía xa hơn, một con sư tử, móng vuốt xòe ra. Nghệ thuật nhồi da thú thật đáng khâm phục. Nhiều loài động vật có vú khác nhô ra từ những vòm lá, giữa những chiếc bàn tròn được phủ khăn màu sắc sặc sỡ, mỗi bàn bày một bộ chân nến đồ sộ, cuốn xung quanh là một con rắn sáng bóng lên dưới ánh lửa.

Hai bên lối đi chính giữa, người ta đã dựng lên của người bản địa được bện tết cẩn thận, tạo thành một đường dẫn đến tận cuối phòng, nơi có sân khấu kiểu đền thờ vinh danh nữ thần Kali đang chờ đợi các vũ công. Bức tượng nữ thần cao đến vài mét, đôi theo đám khán giả sững sờ qua hai ngọn nến cháy trong hốc mắt. Dưới chân tượng, nhóm nhạc công Sri Lanka đang chơi một điệu nhạc ám ảnh bằng bộ gõ. Tiếng trống làm rung động không khí, ánh sáng màu đỏ của quang cảnh xung quanh hòa nhịp rung theo, như bị mê hoặc.

Hơn một trăm người lịch thiệp chen chúc nhau, trong những trang phục lóng lánh, tay cầm một cốc sâm banh. Trong số những người đó, Jeremy chẳng mấy chốc đã nhận ra nhiều chính khách quan trọng và các nhà công nghiệp, như Aboud Pacha, người giàu thứ bảy thế giới.

Người ta ăn mừng con ngựa của ông giám đốc khách sạn, ông Charles Behler, đã chiến thắng rực rỡ tại giải Allenby Cup, đúng ngày hôm đó. Niềm vui, sự ngưỡng mộ, uy thế tỏa lên đến tận trần nhà.

“Em thấy là anh đã nhận được giấy mời của em.”

Là Jezabel. Jeremy quay lại và thấy cô mặc chiếc váy mùa hè kết toàn bằng ngọc trai. Lớp lụa kép mỏng mịn bên dưới vừa đủ che khuôn ngực. Chỉ mình Jezabel là có thể cho phép mình ăn mặc khêu gợi như vậy mà không gây tai tiếng động trời.

“Em đã vào nhà anh,” Jeremy thốt lên thay lời chào.

“Đã có thời việc đó không làm phiền anh.”

Lời đáp lại vang lên, khô khốc:

“Đã có thời, quả vậy.”

“Ô, nhưng con mèo béo đã biến thành rắn độc! Nếu anh muốn gặp chồng em, ông ấy ở kia kia, cùng với trưởng đồn cảnh sát...”

Cô chỉ tay về một cái bàn hơi tách ra. Jeremy đưa mắt nhìn đường cong hoàn hảo của đôi vai, cái cổ mảnh dẻ, mạch máu phập phồng do quá nhiều cảm xúc.

‘Hoặc do quá thiếu cảm xúc’, anh nghĩ thầm.

Mái tóc đen dài của cô được khéo léo kết thành một dải, gài khuy hình hoa hồng và hoa violet.

“Cảm ơn em,” Jeremy nói nhỏ.

Anh quay lưng lại phía cô rồi đi thẳng đến chỗ hai người đàn ông. Vị trưởng đồn cảnh sát nhận ra anh liền đứng dậy.

“Thật là một bất ngờ thú vị, ngài thám tử! Tôi nghĩ anh đến đây để kết hợp thú vui với công việc chẳng; quả là một cách pha trộn tuyệt vời, xin có lời khen ngợi anh!”

Jeremy bắt tay ông ta và đáp lại bằng nụ cười gượng gạo.

Đứng đối diện, ngài Keoraz kém nhiệt tình hơn. Mấp mé tuổi năm mươi, mái tóc hoa râm của ông ta rẽ đôi bằng một đường ngôi chải rõ, ông ta mang vẻ nghiêm khắc của những người có trí tưởng tượng ít hiện hữu trên khuôn mặt. Cảm ông ta sứt mẻ vì những lần cạo râu quá vội vàng, quá thô bạo, đôi môi mỏng, gần như không tồn tại, và cái mũi nhọn như một mảnh xương.

“Đây là thám tử...,” ông ta chào anh.

“Giới thiệu với anh ngài Keoraz,” ông trưởng đồn dẫn dắt. “Hai quý ông, tôi để hai người làm quen với nhau, tôi còn phải đi chào hai ngài Kapurthala và Mysore.”

Jeremy còn lại một mình với vị Mạnh Thường Quân quyền lực.

“Thực ra, chúng ta từng gặp nhau rồi,” anh nói rõ. “Ở bữa tối mừng năm mới, cách đây hơn một năm.”

“Tôi biết.”

Giọng ông ta cũng sắc bén chẳng kém gì các đường nét trên khuôn mặt.

“Tôi có vài câu muốn hỏi ngài, và bởi ngài là một người rất bận rộn, nên tôi phải tranh thủ bất kỳ cơ hội nào.”

“Anh nói đúng. Bản thân tôi là người rất ngăn nắp, chìa khóa của mọi thành công.”

Nói xong, Keoraz chỉ một tập giấy được ghim lại với nhau. Jeremy vươn cổ nhìn và nhận ra đó là bản sao của bản báo cáo đầy đủ mà Azim đã thảo chiều nay.

“Ông không...”

Keoraz ngắt lời vị thám tử:

“Anh bạn ạ, cấp trên của anh muốn trao tận tay tôi bản sao mới nhất này, có vẻ là vậy, về tiến triển cuộc điều tra. Đối với một người như tôi, điều quan trọng là biết rằng cuộc điều tra được tiến hành nhanh chóng và hiệu quả. Dù sao chuyện cũng liên quan đến quỹ của tôi.”

Chứng tỏ quyền lực, Jeremy thâm hiểu. Keoraz phô bày sức mạnh toàn năng của ông ta, qua đó tỏ ý rằng làm hại ông ta cũng như tìm cách áp đặt cho ông ta bất cứ điều gì đều là vô ích. Ông ta là người dẫn bước nhảy, không ai dẫn dắt ông ta cả.

Sau lưng nhà triệu phú, Jeremy nhận ra bác sĩ Cork cùng bộ râu bạc, ông ta cũng có mặt ở đây.

Anh cup mắt nhìn xuống thấy Keoraz đang ra hiệu cho một người tiến đến. Giám đốc quỹ, Humphreys, xuất hiện bên cạnh họ.

“Xin chào, ngài thám tử. Từ sáng tới giờ anh vẫn khỏe chứ? À, anh không biết phó giám đốc của tôi, Pierre Bemeil!”

Ông giám đốc tránh ra nhường chỗ cho một người đàn ông thấp nhỏ hơn, đi phải chống gậy. Người này chào anh bằng giọng Pháp rõ mồn một.

Keoraz nhân lúc ấy liền cầm bản báo cáo của cảnh sát và đứng dậy.

“Tôi phải đi, có nhiều việc phải làm quá... Thám tử này, tối mai anh qua chỗ tôi nhé, tại biệt thự Héliopolis của chúng tôi, anh biết rồi phải không? Tôi nghĩ là tôi hiểu rằng anh và vợ tôi từng có thời rất thân thiết, cô ấy hẳn đã nói với anh nếu từ bấy đến giờ hai người có gặp lại.”

Jeremy lặng lẽ đồng tình, anh không còn gì để nói cả, Keoraz là người dẫn dắt cuộc chơi.

“Như vậy tôi sẽ có thời gian xem bản báo cáo này, để biết các anh điều tra đến đâu,” Keoraz giải bày. “Thời gian gấp gáp đấy, thám tử ạ, tôi không muốn có thêm một đứa trẻ nữa bị giết vì bất cứ điều gì trên đời...”

Ông ta uể oải chào những người đang có mặt rồi biến mất trong đám đông mặc đồ hóa trang.

* * *

Azim đuổi người trên cái giường cơ động đặt cạnh bàn làm việc của mình. Anh mệt lử. Anh không đủ dũng cảm hoàn thành nốt những nhiệm vụ cuối cùng anh đặt ra cho mình. Anh hé một mắt nhìn đồng hồ treo tường. Dù sao thì bây giờ cũng đã quá muộn.

Nghỉ ngơi một chút. Đó là những gì anh phải làm. Để có thể vững vàng bắt tay vào ngày hôm sau.

Bốn đứa trẻ bị giết.

Anh mở mắt. *Làm sao ngủ được khi biết rằng có thể có những đứa trẻ khác đang bị giết?*

Anh chửi thề bằng tiếng Ả Rập. Anh có thể làm gì hơn? Đã có đến bốn đứa trẻ bị giết và...

Thật lặng lẽ, Azim đứng dậy.

Nghĩ cho kỹ, họ tưởng có bốn đứa bé, nhưng đó chỉ là từ khi các vụ giết người được liên kết với nhau. Điều gì cho phép khẳng định rằng tên giết người không từng hành động trước đó? Một vụ riêng rẽ, xử lý trong thoáng chốc, không để lại dư âm gì.

Azim vớ lấy cái khăn, đội lên đầu rồi đi về phía cầu thang. Anh leo lên tầng ba, nơi lưu trữ hồ sơ. Không còn ai cả, giờ này muộn quá rồi.

“Thổ tả!” Anh nghiến răng thốt lên.

Không biết rõ mình cần tìm gì thì anh không thể xoay xở giữa đống hồ sơ bất tận chiếm đến mười bốn kệ sách.

Anh đi xuống và ngó vào nhiều phòng làm việc cho đến khi phát hiện ra một khuôn mặt quen thuộc.

“Thanh tra Dogdson à! Tôi muốn hỏi ngài một việc.”

“Cứ hỏi đi, anh bạn.”

“Ngài có nhớ gì về một vụ giết trẻ con không? Một vụ giết người rất dã man? Các xác chết mang vết tích của một cơn điên không thể tưởng tượng.”

Dogdson bỏ cái tẩu đang ngậm ở góc miệng ra.

“À. Đó là vụ điều tra của anh. Những đứa trẻ bị bẻ làm đôi.”

Ông ta quan sát anh chàng người Ai Cập nhỏ bé qua phía trên đôi kính gọng to màu nâu.

“Quả thật là không,” ông ta trả lời. “Trước vụ điều tra của anh thì không. Nhưng tôi không phải người cần hỏi, mà là ông già Nichols, ông ấy là bộ nhớ của cảnh sát. Ông ấy đã nghỉ hưu cách đây sáu tháng, ông ấy chờ ngày về nước mà không hề nóng ruột. Anh có muốn gọi cho ông ấy không? Tôi có số của ông ấy đấy.”

“Có lẽ là hơi muộn rồi.”

“Không sao đâu! Ông ấy ngủ muộn lắm, và sẽ cảm thấy hài lòng khi được ta dậy nhờ. Anh ngồi đi, anh bạn ạ, tôi đi tìm số điện thoại.”

Chưa đầy ba phút sau, Nichols đã ở bên kia đầu dây.

“Không à? Ông cũng không nhớ gì à?” Dogdson nhắc lại vẻ thất vọng. “Thôi được, đành thế vậy. Ông giữ gìn sức khỏe nhé, và hẹn Chủ nhật ta cùng chơi bài.”

Ông cúp máy, cầm cái tẩu đã tắt lên.

“Rất tiếc anh bạn ạ, tối nay không may mắn gì cả. Ông ấy không nhớ có vụ giết trẻ em nào dã man như những vụ này. Tuy nhiên, làm sao có thể điên đến mức độ đó nhỉ? Bẻ gãy xương sống một đứa trẻ tội nghiệp, cầu cho tận đây ta vẫn nghe thấy tiếng súng xử bắn hấn, nếu anh bắt được hấn!”

Azim thân mật vỗ vai ông thanh tra rồi đi ra hành lang.

“Thưa ông?”

Azim nhìn thấy một phụ nữ mang một cái máy đánh chữ xách tay. Một trong những thư ký của đồn. Bà làm việc rõ muộn, anh nhận xét.

“Tôi có thể giúp gì cho bà?”

“Thật ra, tôi mới là người có thể giúp gì cho ông. Tôi nghe thấy cuộc nói chuyện của ông với ngài thanh tra và tôi... Tôi nhớ đến một vụ, cách đây chưa đầy hai tháng.”

Azim tựa người vào tường, quên mất phép lịch sự.

“Đó là một vụ giết người, trong khu nghèo Shubra ở phía Bắc thành phố,” bà nói tiếp. “Một người đàn ông... nói thế nào nhỉ? Bị bẻ làm đôi chẳng? Chính tôi là người đánh máy bản báo cáo cuộc điều tra để sao ra làm nhiều bản, chính vì vậy tôi nhớ vụ đó. Thật... kinh khủng. Thực vậy. Người đàn ông bị sát hại, tay chân gãy vụn, và cột sống bị bẻ làm đôi.”

Bà đặt một tay lên ngực, cố gắng thở đều trở lại.

“Trời ạ, thật không thể tin nổi. Và người ta... người ta còn rút cả lưỡi ông ta ra nữa, tội nghiệp ông ta.”

Lần này Azim thấy mắt bà thư ký rưng rưng. Anh tiến lại gần bà.

“Thôi nào, thôi nào...,” anh lúng túng nói.

“Ôi, chưa hết đâu. Bên cạnh tất cả những thứ đó là một cảnh thực sự đòi bại: người ta tìm thấy một thứ khác trên xác ông ta, vương vãi khắp người.”

Bà cố nén cơn buồn nôn.

“Đó là... Là tinh dịch. Của người, nếu ông hiểu tôi muốn nói gì.”

Azim rùng mình. Vụ này rất giống. Cùng một sự tàn bạo, cùng một nỗ lực muốn bẻ gãy thân thể con người. Và cuối cùng là cùng một hành động đòi bại: kẻ giết người rải tinh dịch của hắn lên xác nạn nhân.

Bà thư ký lôi khăn mùi soa ra chấm chấm đôi mắt đẫm nước.

“Ngài nên nói chuyện với thám tử điều tra vụ này, thưa ngài. Đó là thám tử Matheson.”

Lần này thì cái rùng mình biến thành mồ hôi lạnh.

Marion mở mắt khá sớm sáng thứ Sáu đó. Tối qua cô thức khuya cùng cuốn nhật ký, tuy nhiên ham muốn đến Avranches điều tra còn thôi thúc hơn cả đồng hồ báo thức.

Chín giờ, cô đã ở trên đường làng, cuốn sách bìa đen cất sâu trong túi áo khoác, cô đi qua quầy hàng của Béatrice, quầy chưa mở cửa. Marion nhấn chuông cửa bên cạnh và cô bạn tóc đỏ dẫn cô lên gác.

“Em dậy sớm nhỉ! Lấy cà phê mà uống đi, chị phải sấy cho khô mớ tóc này đã,” Béatrice nói với qua vai.

Marion mở tủ tìm một cái cốc rồi rót thứ chất lỏng có màu dầu thô vào.

“Chỉ còn thiếu điều thuốc là mình đã có thứ hỗn hợp ‘hơi thở thơm tho’ buổi sáng rồi,” cô lầm bầm.

Béatrice xuất hiện trở lại, tay xoa tóc.

“Mất ngủ hay là ham muốn cháy bỏng được tán gẫu đây?” Chị tra hỏi. “Đợi đã, để chị đoán nhé! Em đã đọc nhãn các số báo *Ici Paris* và đang lên cơn thèm ngồi lê đôi mách, thế là em tự nhủ ‘chị Béa sẽ giúp mình khỏi bệnh’...”

“Vì sao, có chuyện gì trong làng ư?”

“Đừng có mơ, bản thân sự hiện diện của em đã là cả một sự xáo trộn rồi. Sao nào, mọi việc ổn cả chứ?”

Marion vừa gật đầu vừa nuốt cà phê.

“Em có việc phải nhờ chị đây,” cô nói sau khi lấy hơi. “Em cần chị cho em mượn xe ô tô chừng vài giờ.”

“Bất cứ lúc nào em muốn. Trừ sáng nay, Grégoire lấy xe đi rồi, nó phải đi mua vài thứ đồ cho nhà chị và cho ông già.”

“Ông già nào? Ý chị là Joe à?”

“Ừ, chị biết hai người đã gặp nhau. Greg đi chợ mua đồ nặng cho Joe và ông ấy cho thẳng bé ít tiền để cảm ơn. Thế nên sáng nay không có xe. Có gặp không?”

“Gặp á, không... Chỉ là thói nóng ruột của em.”

Béatrice bắt đầu tết một bím tóc.

“Cái cuốn sách trữ danh của em phải không, thú nhận đi?”

Marion gật đầu.

“Em đâm nghiện rồi.”

Cô do dự định kể chuyện tối qua, chuyện cái phong bì và lời đề nghị bí hiểm, nhưng cô im lặng. Cô tự hứa sẽ không nói gì chừng nào còn chưa làm rõ mọi chuyện.

“Thôi, kể cho chị nghe đi, chuyện gì xảy ra trong cuốn sách đó vậy?”
Béatrice năn nỉ.

Marion uống hết cốc cà phê rồi nhượng mày.

“Em sẽ kể hết cho chị nhưng em muốn tìm một tài xế trước trưa nay, em phải đi đây. Cảm ơn chị vì cốc cà phê.”

Marion nhảy ra ngoài phố, khí lạnh ẩm ướt của ngôi làng lập tức ập vào cô.

Cô đành phải nhờ dòng tu thôi.

Đích thị là điều mà cô muốn tránh nếu được. Nếu tác giả của các bức thư là một người trong số họ thì hẳn sẽ nhanh chóng biết cô dành phần lớn thời gian ngày thứ Sáu ở Avranches, trong khu lưu trữ của thư viện. Cô cũng có thể đợi đến chiều, khi Grégoire về.

Nhưng sự nôn nóng hẳn sẽ khiến cô không trụ được đến lúc đó. Cô leo lên các bậc thang cho tới khi nhìn bao quát được toàn bộ các mái nhà rồi bỏ con đường ngoại đạo để bước vào con đường của đức tin. Cô đi vào khu nhà ở của tu viện và lạc lối giữa mớ bòng bong những hành lang hẹp và

những bậc thang xoắn ốc trước khi gặp đúng căn phòng nơi dòng tu vẫn dùng bữa. Không có ai trong đó cả.

Giọng sắc sảo vang lên phía sau một cánh cửa chính là giọng của thầy Serge.

“... quan trọng, đó là vấn đề chính trị. Họ có thể xơi tái chúng ta theo kiểu gì là điều khiến tôi lo ngại. Tôi sẽ không để mình bị loại vì lợi ích của những kẻ chuyên đi điều khiển người khác đó đâu.”

“Thầy cứ bình tĩnh, thầy đang quan trọng hóa mọi chuyện. Không phải là...”

Giọng thứ hai là của xơ Anne, Marion nhận ra giọng bà ngay lập tức. Cô không muốn ngắt quãng cuộc tranh luận mà cô cho là quan trọng, liền quay trở ra. Đến tầng trệt, cô nhận ra nét mặt nghiêm khắc của xơ Luce, bà đang phơi đồ trong một căn phòng rộng.

“Xin lỗi...,” Marion đánh bạo nói khẽ. “Tôi không làm phiền xơ chú?”

Đường nét trên mặt xơ Luce co rúm lại - Marion so sánh sự biến đổi đó với một con nhện nhìn từ phía lưng, đang co căng sát vào bụng, một phản ứng tự vệ chẳng ngon lành gì - rồi bà quay người đối diện với kẻ không mời mà đến.

“Cô muốn gì?”

“Tôi tìm một người có thể đưa tôi đến Avranches.”

“Đến Avranches? Chỉ vậy thôi à?”

Marion uốn lưỡi trong miệng, cô không nên đáp lại câu hỏi khiêu khích đó, *cứ để bà già tự bực bội một mình.*

“Vâng, xa quá mà,” cô trả lời và cười rạn rỡ.

“Cô hỏi thầy Damien xem, ông ta là người có khả năng lái xe đi đường nhiều hơn cả.”

‘Thầy lạc đường, lại là ông ta’, Marion nghĩ thầm.

Bà già nhặt một cái quần ngủ bằng vải thô rồi phơi lên dây.

“Liệu xơ có thể chỉ cho tôi chỗ tìm ông ấy không?” Marion năn nì.

Nếu đối với một số thành viên trong dòng tu, Marion được chào đón, thì một số khác lại coi cô là nguồn gốc của mọi phiền nhiễu, một người đi ẩn hơi đặc biệt, mà họ buộc phải chứa chấp, khuấy động sự tĩnh lặng trong đời sống tinh thần của họ.

Không ngừng việc đang làm, xơ Luce chỉ dẫn cho cô:

“Chắc là ở dưới làng, chỗ bưu điện, chúng tôi có thư cần gửi.”

Marion chào từ biệt bà rồi đi lang thang thêm năm phút nữa mới tìm thấy lối ra trước khi đi hết Phố Lớn đến tận bưu điện, nơi quả thật cô tìm thấy thầy Damien. Ông lịch sự từ chối, với vẻ hiền từ thường trực đặc trưng, vì hôm nay là ngày *Khổ hạnh*, ngày nhịn ăn, suy ngẫm, cầu nguyện và tịnh tâm. Marion năn nỉ với lý do mình càng lúc càng buồn chán, và hứa rằng ông sẽ có toàn bộ thời gian ông muốn cho các hoạt động tinh thần và rằng họ sẽ quay về trước cuối buổi chiều. Ông đành nhượng bộ trước tâm hồn đau khổ đó, không phải không kèm tiếng thở dài.

Trên chiếc xe Simca, thầy Damien cười khùng khục:

“Tôi chở cô đến Avranches, nhưng tôi thậm chí không hề biết chúng ta sẽ làm gì ở đó!”

Đó chính là vấn đề của Marion. Không nói sự thật với ông đồng thời lại phải nhờ ông mở giúp cửa các tầng áp mái của thư viện. Và tiếp đó là tìm cách tách khỏi ông.

“Để tôi có việc mà làm ấy mà,” cuối cùng cô nói.

“Tôi cũng nghĩ thế, nhưng mà làm gì chứ?”

Giờ đây, khi biết rằng ông thích chạy bộ vào tất cả các buổi sáng hay gần như vậy, thân hình ông làm cô bối rối. Ông có khuôn mặt tròn, dễ mến, đặc trưng của những người phàm ăn, trong khi thân hình lại giống với một vận động viên, sự lạc điệu giữa phần trên và phần còn lại khiến cô ngạc nhiên. Thầy Damien là một trong số những người đàn ông hơi mập tập thể thao cường độ cao để đối mỡ lấy cơ bắp, tuy nhiên, riêng khuôn mặt vẫn giữ nguyên như cũ.

“Này, nếu tôi đi chạy cùng thì có làm phiền thầy không nhỉ?” Cô đổi chủ đề.

Thầy Damien ngạc nhiên, ông xòe cả hai bàn tay đặt trên bánh lái, gập rồi mở ngón tay nhiều lần, giống một con mèo hưởng thụ những cái vuốt ve.

“Cùng tôi ư? Ờ... cũng được, sao lại không nhỉ. Có điều tôi thường chạy một mình.”

“Nếu chuyện đó làm phiền thầy thì tôi sẽ không năn nì thêm nữa.”

“Không, không,” ông đáp không vồn vã. “Nhưng cũng cần phải nói với cô rằng tôi chạy rất nhiều, vậy đấy...”

“Tôi cho là tôi hiểu ý thầy. Tôi chạy theo thầy một quãng rồi sẽ để thầy chạy theo nhịp của mình, chỉ để bắt đầu không bị đơn độc, điều đó sẽ giúp tôi hăng hái hơn.”

Ông đung đưa người từ trước ra sau trên ghế, mắt không rời đường.

“Tất nhiên, nên bắt đầu như thế thì hơn.”

“Thứ Hai tới, tôi sẽ bắt đầu chạy.”

“À không, thứ Hai thì không được, đó là ngày dành cho cầu nguyện. Và lần này không có ngoại lệ đâu. Sáng thứ Ba tôi qua tìm cô.”

Marion gật đầu.

“Thế chúng ta sắp làm gì đây?” Ông hỏi tiếp.

“Tìm kiếm.”

“Hay đấy! Trong thư viện nữa chứ! Cô biết không, tôi mê mẩn những trò chơi trí tuệ, tôi nghiện chơi ô chữ đấy, cứ có chút thời gian là tôi độ sức với một ô chữ nho nhỏ. Những trò chơi trí tuệ đó làm tôi dễ chịu kinh khủng! Thôi được rồi, thế tôi làm gì giúp được cô nào?”

Marion những muốn nói: *bằng cách chui vào một xó nào đó tránh xa tôi đến tận tối nay*, nhưng kìm lại được. Cô cũng giữ không thổ lộ cho ông biết mình cũng mê chơi ô chữ, cô không muốn dẫn thân vào một cuộc trò chuyện khoa trương về những mảnh khóc giải ô chữ của mỗi người.

“Vì tôi sẽ ở đây một thời gian, nên thà tranh thủ tìm hiểu lịch sử nơi này còn hơn,” cuối cùng cô cũng tìm ra cách trả lời. “tôi nghĩ sẽ tìm tài liệu về vùng này, lịch sử, giai thoại về nó...”

“Trong trường hợp đó, thì không nên đến thư viện mà nên đến bảo...”

“Có chứ,” cô ngắt lời ông. “Tôi có thấy đồng báo định kỳ từ những thập niên đầu thế kỷ 20 trên tầng áp mái, tôi muốn xem chúng.”

Thầy Damien có vẻ không đồng tình, nhưng trước vẻ quyết tâm của cô, ông đành đầu hàng.

Họ trở lại căn phòng thiếu ánh sáng và những giá sách chứa đựng tri thức đã được phân loại. Marion nhớ cô đã xếp chồng báo ở phần bên trái, tận dưới các giá sách. Cô tách thầy Damien ra bằng cách nói với ông:

“Giá thầy có thể tìm giúp tôi tất cả những gì thuộc thể loại tạp chí, báo, niên giám... cho đến những năm 1950. Tất cả những gì có thể cho tôi biết về lịch sử đặc trưng của vùng này.”

Thầy Damien không giấu vẻ bất đồng với ý tưởng đến đây và làm cách này để tìm hiểu lịch sử vùng nhưng dù sao ông cũng làm theo yêu cầu.

Marion dễ dàng tìm thấy những tờ tạp chí tin tức mà cô vẫn nhớ. Đó là tạp chí *La gazette de la Manche*, báo *Petit Journal* và tờ *Excelsior*. Cô bỏ qua tờ thứ nhất, nó mang nặng tính địa phương.

Cô nhắc những chồng báo nặng nề lên để trải ra thành từng đồng nhỏ những số báo phát hành vào thời điểm cô đang tìm kiếm, quý một năm 1928. Cô đặt sang bên cạnh tất cả những số từ tháng Giêng đến tháng Tư năm đó. Ngồi xếp bằng giữa hai vách chất cao những sách, cô lựa chọn những gì cô muốn dành đọc kỹ hơn.

Rồi cũng đến giai đoạn lục lọi tìm kiếm theo đúng nghĩa. Hết trang này sang trang khác, cô lướt qua từng tờ báo nằm chất đồng giữa hai chân. Thình thoảng, thầy Damien lại đến chỉ cho cô một bài báo, hỏi xem cô có muốn đọc không và có cần xếp riêng ra không. Marion nhã nhặn gật đầu rồi lại vùi đầu vào đọc tiếp.

Phần dành cho tin tức quốc tế chủ yếu là tin chính trị, điểm thêm vài tin vặt kỳ cục và những tin khoa học quan trọng. Cả buổi sáng trôi theo những từ ngữ được in tương đối thuần nhất trên các trang giấy ố vàng qua nhiều thập kỷ.

Marion nghech mũi lên và sau ba giờ đồng hồ lục lọi, chợt nhận ra mình đang ngồi ngay cạnh chỗ dành cho sách bằng tiếng nước ngoài. Đây chính là nơi cô tìm ra cuốn nhật ký của Jeremy Matheson. Cô liền kiểm tra xem nó còn nằm trong túi áo khoác không, lo lắng như một bà mẹ canh chừng đứa con đang chơi phía xa trong công viên. Chạm vào cái bìa ráp của cuốn sách khiến cô yên tâm.

Đến mười hai giờ rưỡi cô bỏ rơi thầy Damien khi ông nói ông nhịn ăn, và đến quán cà phê đối diện tòa thị chính gọi một suất xa lát hải sản. Cô đọc tờ *Ouest-France*, vụ việc của cô vẫn ở trên trang nhất tờ báo này.

Cái việc điên rồ đã đày cô ra đây. Xa nhà, xa gia đình, xa vài người bạn cô đang có. Cô đến Đỉnh đã chín ngày. Không thật sự nhớ ai cả. Trừ mẹ cô. Thật ra là nhớ những cú điện thoại. Hỏi han tin tức, kể về mình, chia sẻ ý kiến về thời sự. Nghe tiếng mẹ.

Các đồng nghiệp không phải là yếu tố không thể thiếu cho sự cân bằng của cô. Cô biết điều này từ lâu rồi. Họ chưa bao giờ thực sự gắn bó với nhau cả. Kẻ thì quá thông thái rờm, kẻ thì quá hời hợt, phần còn lại thì lý trí một cách cứng nhắc, không, cô chưa bao giờ cảm thấy thoải mái khi ở bên họ. Những người bạn thơ ấu thì phần lớn ở lại Lyon, thành phố quê hương cô; đã nhiều năm rồi họ không có tin tức gì của nhau.

Marion chạm nhẹ vào môi trên, vết sẹo đang mờ dần, nó sẽ nhanh chóng chỉ còn là một kỷ niệm. Kỷ niệm về những bóng đèn nê ông xanh lục trong bãi đậu xe của khu nhà cô.

Về gã đàn ông trên xe máy một tối khi cô đi xem phim về, một mình dưới tầng hầm. Hẳn phanh ngay trước mặt cô. Chiếc xe máy gầm lên, nhiều lần, như một lời cảnh báo. Dưới cái mũ lưỡi trai màu đen, gã đàn ông nhìn cô chăm chăm, ở khoảng cách không đầy một mét. Bàn tay phải của hắn không ngừng vặn tay ga để động cơ xe gầm rít. Marion nhìn thấy cánh tay vung lên. Gần như quay chậm. Tuy nhiên cô đã không kịp chạy trốn.

Cú đâm nện vào miệng cô, khiến môi cô phập vào răng. Cô ngã ngửa người. Vì sốc nhiều hơn là vì đau đớn. Rồi cái xe bắt đầu chạy vòng quanh cô. Từng vòng hẹp, hai bánh xe có rãnh sâu sượt qua mắt cá chân, qua ngón

tay cô. Marion không thể ngồi dậy. Cô co rúm lại. Cổ máy đó rú vào tai cô, gào thét, xỉ vả cô, đe dọa cô, vẽ ra những đòn tra tấn tồi tệ nhất.

Bánh xe trước đột nhiên lồi lên, rồi rơi xuống cách đầu cô chưa đầy mười xăng ti mét.

Marion khóc. Không thể gượng đứng dậy.

Đó là điều tồi tệ hơn tất cả. Sự yếu đuối ấy.

Không phải vụ tấn công, mà chính phản ứng trước nỗi sợ hãi của bản thân khiến Marion bị tổn thương. Nỗi khiếp sợ thuần túy, bất lực.

Bánh trước nghiêng lên tóc cô và chế ngự cô, cái xe lại gầm lên, gầm lên nữa. Trước khi từ từ lùi lại. Rồi gầm lên một tràng dài và biến mất.

Phải đến mười lăm phút sau Marion mới ngồi dậy được, thêm mười phút nữa để đi đến thang máy và lên nhà. Ngay khi chiếc xe dừng lại trước mặt, cô đã hiểu rằng đó không phải là một tên tội phạm thông thường, hẳn là kẻ đưa tin. Kẻ đưa tin chuyển tải một lời cảnh báo ở nơi cô ngỡ mình phải đón nhận cái chết.

Như người đàn ông của UBGSLT đã nói với cô, cô không chỉ *gây phiền phức*, mà *gây chấn động*. Và người ta sẽ làm cô hiểu ra điều này.

UBGSLT có thể giúp cô, với điều kiện cô phải chấp nhận biến mất. Những kẻ bị cô gây hại có những phương thức hành động rất tàn bạo. Hoặc là cô giữ im lặng, hoặc là chúng sẽ lo việc buộc cô phải im lặng. Chừng nào còn từ chối sự bảo vệ của UBGSLT thì cô còn nằm trong vòng nguy hiểm.

Marion đã từng hỏi - không phải là không có chút trâng tráo - anh chàng thuộc UBGSLT rằng sao chúng không loại bỏ cô luôn nếu đã có vẻ quyết tâm đến thế.

Người đó mỉm cười. Đây không phải như trong phim, anh ta trả lời. Giết người rất phức tạp. Và tạo ra nhiều bất trắc đến mức không đáng để làm vậy.

Nhưng trường hợp của cô thì khác. Có thể chúng tìm cách dọa cho cô sợ. Và... việc này có thể đi xa hơn. Chúng sẽ bắt đầu bằng những cú điện thoại lúc nửa đêm, không nói gì cả, chỉ có tiếng thở. Rồi hòm thư sẽ thường

xuyên bị phá khóa, thư từ bị đánh cắp hết. Một ngày nào đó, ô tô của cô sẽ bị cướp phá. Rồi đến căn hộ của cô. Thậm chí chúng hoàn toàn có thể thuê một hay hai tên du thủ du thực thực hiện một vụ hãm hiếp. Việc này từng xảy ra rồi. Những kẻ bị cô làm hại rất có thể lực. Và rất thẳng tay. Và dù có vẻ vô lý, nhưng giết người có thể là cấp độ cuối cùng trong chính sách giữ im lặng của chúng.

UBGSLT biết những kẻ đó, nhưng hoàn toàn bất lực. Cần đến sức mạnh của cả bộ máy chính quyền để Marion có thể được an toàn. Luật pháp, cảnh sát, dư luận xã hội và các phương tiện truyền thông. Các phương tiện truyền thông là thứ dễ đạt được hơn cả. Các tác nhân còn lại đòi hỏi nhiều thời gian hơn. Vài tuần, vài tháng. Họ không thể trả lời cô được. Dù vậy, cô vẫn phải hết sức thận trọng, mọi việc đều có thể xảy ra. Ngay cả những người nổi tiếng đôi khi cũng *biến mất*. Tiết lộ vụ việc với báo chí chỉ có thể bảo vệ cô khi kèm với đó là đầy đủ các biện pháp phòng ngừa khác. Bao nhiêu người đã chết một cách bí ẩn trong vài năm gần đây? Pierre Bérégovoy có thật là đã tự tử? Nếu vậy, cuốn sổ ghi chép quý giá không bao giờ rời ông đã biến đi đâu? Francois de Grossouvre có thật là đã tự bắn một viên đạn vào đầu giữa điện Élysée mà không ai nghe thấy, trong khi khám nghiệm tử thi chỉ rõ ‘trật khớp vai trái ra trước và mặt có một vết bầm’ đối với một người được tìm thấy đang ngồi trước bàn làm việc? Jean-Edem Hallier tự ngã xe đạp rồi bị vỡ đầu trong một rãnh ven đường ư?

Mọi sự đều có thể.

Marion từ trước đến giờ vẫn tự coi mình là một phụ nữ mạnh mẽ. Với tính cách đã được tôi luyện, cô biết mình muốn gì. Vậy mà trong phút giây quyết định nhất của cuộc đời, khi phải tỏ ra mạnh mẽ, nện gã đi xe máy đó, hoặc chạy để thoát thân, thoát chết, thì cô lại ngã quy xuống.

Ngay hôm sau, cô gọi lại cho người đàn ông thuộc UBGSLT để chấp nhận sự bảo vệ của họ, để biến đi. Đó là biện pháp tốt nhất cô có thể làm, người đó nhắc lại với cô. Biện pháp chắc chắn nhất.

Cô không có tiền thuê vệ sĩ và UBGSLT sẽ không tiến hành theo kiểu đó. Phương pháp của họ nhanh gọn hơn, cũng chắc chắn hơn: làm cô biến

đi để có thời gian chuẩn bị cho ngày trở về, cho an toàn của cô trong tương lai.

Marion gập tờ *Ouest-France*, trả tiền rồi quay lại với thầy Damien, lúc đó đang ngồi trong một góc phòng, vẽ trầm tư.

“Tôi đang thiền,” ông giải thích.

Để tránh mọi giải thích dài dòng, Marion mỉm cười với ông rồi ngay lập tức đến ngồi giữa hai chồng báo. Cô tiếp tục tìm kiếm trong một số báo xuất bản tháng Ba năm 1928 của tờ *Excelsior* cùng những bức ảnh không phải lúc nào cũng rõ nét.

Cô lục hết chồng báo đó trong vòng một tiếng rưỡi rồi chuyển sang tờ *Petit Journal* với phần phụ trương có minh họa. Thầy Damien trở nên đặc biệt lặng lẽ từ khi cô đi ăn trưa về. Cô tự hỏi liệu cô có làm méch lòng ông khi né tránh sự hiện diện của ông không. Cô có câu trả lời sau đó một lúc, dưới dạng một nhịp thở đều đặn, hơi rít lên. Ông đã ngủ thiếp đi.

Đến tầm ba giờ chiều, các dòng chữ lẫn lộn vào nhau khi cô đọc lướt chúng, các tí lớn không còn nói lên gì nhiều, và cô nhận ra mình dành thời gian cho mỗi trang báo ít hơn nhiều so với lúc đầu. Tuy nhiên, chính lúc ấy, mắt cô dừng lại trên một dòng tí đáng chú ý:

‘Khám phá rùng rợn tại Ai Cập - những đứa trẻ bị tàn sát!’

Tay cô siết chặt lấy tờ báo, gí nó sát vào mũi.

‘Cách đây hai ngày, việc phát hiện ra thi thể một bé trai ở Cairo khiến tổng số nạn nhân của một con quái vật ghê tởm đang làm khiếp đảm thành phố xinh đẹp này của Ai Cập tăng lên bốn. Cảnh sát địa phương, với sự trợ giúp của một điều tra viên người Anh, đang tìm mọi cách tóm kẻ bệnh hoạn khát máu vẫn lượn lờ trong các hẻm ngõ của khu ngoại thành phía Đông. Theo lời người phát ngôn một câu lạc bộ nữ đang được ưa chuộng tại chính nơi tìm thấy thi thể, ‘hiện kẻ bệnh hoạn đó chỉ tấn công những đứa trẻ ở các khu phố xa trung tâm nhưng ai biết được liệu ngày mai hãn có đến ám các công viên của chúng ta và những con phố nổi tiếng hơn của Cairo không!’ Vụ việc buồn thảm này bắt đầu khiến các gia đình người Anh và người Pháp lo ngại, như ta biết, có rất đông người Anh và người

Pháp sống tại đây, trong những ngày tới, thống đốc Lloyd có thể sẽ gửi thông cáo chính thức trấn an họ.

Lại một lần nữa, vẻ quyến rũ của xứ sở các Pharaon gắn liền với máu và những bí mật dường như không thể tách rời dưới bóng các kim tự tháp.'

Ngoài giọng văn cường điệu, Marion rùng rờ vì thái độ xa cách và thiếu trắc ẩn trong những gì được viết ra. Nhất là từ miệng người đàn bà không hề động lòng trước những đứa trẻ bị giết mà chỉ lo ngại cho đám con cháu của những kẻ thực dân có thể trở thành nạn nhân tương lai. Marion khó mà tin được người ta có thể dừng dừng đến thế. Chắc chắn đó là một lời phát biểu bị tách khỏi bối cảnh hoặc bị biến dạng qua khoảng cách không gian... Marion cố tự thuyết phục mình.

Nhờ nhận xét đó, giờ đây cô đã có bằng chứng chứng tỏ cuốn nhật ký của Jeremy Matheson không phải kết quả của một bộ óc mê sảng.

Mày biết trước rồi mà. Cuốn nhật ký đó quá riêng tư, quá chặt chẽ để có thể là một sự bịa đặt...

Rốt cuộc, bài báo giúp sự cả tin của cô có chỗ dựa cụ thể. Mỗi dòng nhật ký như thể hiện rõ hơn vết dấu mong manh của cái cuộc đời tưởng chừng đã mất ấy.

Jeremy Matheson có thật.

Và ai mà biết được, có thể anh vẫn còn sống, ở một nơi nào đó...

Tháng Ba năm 1928.

Mùi rượu vẫn còn váng vất trong phòng, xông lên khiến anh nhức đầu và muốn nôn mửa. Jeremy hé một mắt, trí óc anh quyết liệt tìm cách thoát khỏi mớ hỗn độn bầy nhầy của trạng thái mơ hồ buồn ngủ. Từng nút từng nút một, ánh sáng tìm được đường đến não anh.

Mùi hôi khiến nó phát ngợp. Một cơn quặn xoắn giày xéo dữ dội dạ dày viên thám tử. Anh vội đổ ụp người để nôn xuống sàn tàu thay vì lên người mình, nhưng không có gì thoát ra khỏi cái miệng đắng ngắt.

Những xung động từ tim anh bắt đầu dâng lên vọng dưới trán, nặng nề. Âm ảnh. Như thể toàn bộ lượng rượu anh hấp thụ tối qua đang dồn tụ lại sau mắt anh sau khi đã hút khô cơ thể anh, quay cuồng tới mức hút lấy cả nhãn cầu cùng não bộ anh trong một chuyển động không thể kiểm soát.

Anh vừa rút tóc vừa lau bầu chửi rủa.

Một bóng đen xuất hiện ở nơi anh những tưởng sẽ nhìn thấy một khoảng trắng mờ, đối diện cửa sổ. Anh chớp mắt liên hồi cho đến khi nhìn rõ hơn.

Một người đàn ông đứng đó, nhìn anh khinh bỉ đã được một lúc. Jeremy từ người lên một khuỷu tay. Khuôn mặt rõ dần, các đường nét hiện lên trong bóng ngược sáng.

“Azim à?” Thám tử người Anh nói bằng giọng âm u.

“Ngài mặc quần áo vào đi, chúng ta cần nói chuyện.”

Jeremy lau bầu.

“Nào, đứng dậy,” Azim ra lệnh, không chút nể nang.

“Mấy giờ rồi?”

“Đến giờ tán gẫu rồi.”

Jeremy nhượng một bên mày, rồi đứng dậy. Anh biến mất vào phòng tắm và Azim nghe thấy anh càu nhàu trong khi tắm nước lạnh.

Vài phút sau, Jeremy vụng về chải đầu trước mặt người đồng nghiệp đang ngồi bên bàn làm việc của mình.

“Sao nào?”

“Tại sao ngài lại không nói với tôi?”

Jeremy ngừng chải đầu, cái lược vẫn nằm trên tóc.

“Nói cái gì?”

“Àyyy! Đừng có coi tôi như một tên ngốc với lý do tôi không phải người Anh, hoặc tệ hơn, vì tôi là người Ả Rập! Tôi biết tại sao ngài lại muốn cuộc điều tra này bằng mọi giá! Tôi biết rồi!”

“Ô, không, Azim ạ, anh không biết gì cả...”

“Vụ giết người ở Shubra. Cũng tàn bạo như thế, một cơn điên rồ phi nhân tính, cũng những biểu hiện của khoái cảm đòi bại y hệt. Ngài đã có mặt ở đó, chính ngài đã chỉ đạo cuộc điều tra! Tôi đã đọc bản báo cáo của ngài!”

Jeremy quăng chiếc lược lên một cái bàn sơn mài. Anh chậm rãi quay người lại, rồi đi tìm bao thuốc lá và châm một điếu.

“Nói cho tôi biết tại sao anh lại nổi giận?” Jeremy hỏi, đột nhiên bình thản hơn.

“Ngài biết những tình tiết có thể có ích cho cuộc điều tra của chúng ta, đáng lẽ ngài phải cho tôi biết chứ!”

“Chưa có gì sáng tỏ cả. Tôi không biết gì có thể giúp chúng ta. Lẽ ra tôi nên nói với anh, nhưng tôi cần thêm chút thời gian.”

Viên thám tử người Anh đã lấy lại được sự bình tâm, anh nhìn Azim chăm chăm qua đám khói thuốc lá đang phủ kín người mình, tìm cách dò đoán Azim.

“Chúng ta là đối tác hay là đối thủ cạnh tranh đây?” Anh chàng Ả Rập gạn hỏi. “Nếu cùng nhau hành động, tôi muốn chúng ta có thể chia sẻ mọi

thứ. Tôi không hề do dự khi nói với ngài mọi suy đoán điên rồ nhất, chuyện *ghûl* là một ví dụ. Đối lại tôi cũng chờ đợi sự thẳng thắn tương tự, ngài Matheson ạ.”

Jeremy phá hai cột khói qua hai lỗ mũi.

“Tôi rất tiếc. Tôi không muốn làm anh tổn thương.”

Anh chìa bàn tay với điều thuốc lá kẹp giữa ngón trỏ và ngón giữa để chỉ cho Azim cái xô pha. Hai người đàn ông ngồi đối diện nhau. Jeremy dùng tay còn lại xoa gáy, tìm từ ngữ thích hợp để cất lời.

“Vụ giết người ở Shubra là vụ thẩm sát một kẻ khốn cùng, một tên vô gia cư. Khi tôi đến nơi, lúc đó đã... tôi tệ hơn cả một cái hố do đạn trái phá bắn vào một tiểu đoàn. Kẻ vô gia cư đó bị đứt đôi, theo đúng nghĩa đen. Quai hàm bị kéo trật ra để dễ dàng bẻ răng và rút lưỡi. Hãn bị băm thành nhiều mảnh. Hôm đó thuộc ngày trực tối thiểu, tôi phải làm mọi việc một mình. Kể cả việc thu nhật thi thể hãn giữa khu ổ chuột lụp xụp đó.”

Jeremy ngừng lời để rít một hơi thuốc.

“Đó là một tội ác vượt ngoài lý trí. Một sự dã man tôi chưa từng chứng kiến. Một vụ giết người hoàn toàn vô cớ. Tôi có hỏi những người xung quanh, người ta chỉ biết loáng thoáng về nạn nhân, một kẻ vô gia cư trong khu vực, hãn không có quan hệ với ai, càng không có tài sản gì có thể khiến người khác nhòm ngó. Kẻ kia chỉ đơn giản và thuần túy là xé nhỏ hãn cho vui. Vậy là tôi làm việc của mình, tôi tìm kiếm bằng chứng, lời chứng, nhưng không thấy gì. Vụ giết người đó hoàn toàn không có chút manh mối. Tôi không tìm thấy gì hết. Vụ điều tra vẫn ở điểm chết.”

Anh rít hơi cuối cùng rồi gí đầu mẫu thuốc lá vào một cái cốc bắn lăn lóc trên bàn từ tối qua, và nói tiếp:

“Khi nghe thấy hai viên cảnh sát nói chuyện với nhau trong hành lang về vụ thẩm sát đứa trẻ, miêu tả gần giống những gì tôi từng chứng kiến một tháng trước, tôi nổi giận. Chỉ tại tôi không có khả năng lần theo dấu vết của tên... bệnh hoạn đó, một đứa trẻ đã phải chịu những đau đớn tương tự không chấp nhận được.”

Lần đầu tiên kể từ lúc bắt đầu thú nhận, Jeremy nhìn thẳng vào mắt người đồng nghiệp.

“Tôi phải là người bắt kẻ đã làm điều này. Tôi phải giải quyết chuyện này càng nhanh càng tốt, tôi chứ không phải ai khác. Nếu như tôi có thể tóm được thứ thối tha đó ngay từ vụ giết kẻ vô gia cư, thì bốn đứa trẻ kia đến nay vẫn còn sống.”

Tiếng vọng kim khí từ một đoàn tàu chạy qua gần đó khóa lấp khoảng im lặng dài tiếp theo.

“Chúng ta sẽ tóm được nó,” cuối cùng Azim nói. “Tôi đảm bảo với ngài rằng chúng ta sẽ tóm được nó. Giờ thì, ngài nói ngài hoàn toàn không tìm thấy gì có thể giúp chúng ta ở tội ác đầu tiên ư?”

“Không gì cả.”

“Thôi được...”

Jeremy lấy lại vẻ vững vàng, anh rút điều thuốc thứ hai nhưng cầm nó trên tay chứ không châm lửa.

“Tối nay chúng ta được mời đến nhà Mạnh Thường Quân của quý đó,” anh thông báo. “Kẻ khốn kiếp ấy đã có được một bản sao báo cáo của anh, giờ thì ông ta biết mọi việc liên quan đến vụ điều tra của chúng ta.”

Azim có vẻ phật ý trước tin này.

“Hả? Ông ta có thể lực đến thế sao?”

“Ông ta giàu có. Và ông ta ở Cairo đã từ lâu. Hai con bài chủ đảm bảo thắng mọi ván bài.”

“Tôi nghĩ ngài sẽ phải đến đó một mình, tôi đã lên thời gian biểu cho mình mất rồi. Vì chuyện *ghul* có vẻ vô lý với ngài, tôi tự cho phép mình đảm nhiệm vấn đề đó và tìm hiểu sâu hơn chút nữa.”

“Thế nghĩa là sao?” Thám tử người Anh hỏi.

“Tôi có hai ba ý tưởng nhỏ cần được khai thác kỹ hơn. Tôi muốn giữ kín trước đã, hiện giờ chúng cũng không ăn nhập vào đâu cả.”

“Azim, đừng có mất thời gian vào hướng đi sai lầm đó.”

“Chúng ta hãy sáng suốt, hiện giờ chúng ta không có gì cả, tôi không hữu ích với ngài, vậy nên tôi sẽ làm theo ý tôi.”

Jeremy mở miệng định nói thêm nhưng hiểu rằng đồng nghiệp đã rất quyết tâm, nài nỉ chỉ tổ vô ích.

“Thôi được, nếu anh không có gì thú vị hơn để làm...”

“Thế còn ngài? Ngài định sẽ làm gì cho hết ngày hôm nay?”

“Lục lợi quá khứ của Keoraz.”

* * *

Trong lúc Azim nện gót giày trên mặt đường lát đá của khu phố phía Đông, Jeremy làm một vòng qua các nguồn thông tin của mình, bắt đầu là vài phóng viên anh tuyệt đối tin cậy. Tiếp đó, anh mò đến đại sứ quán Anh nơi anh có thể vào kho lưu trữ mà không cần viện tới các mối quan hệ.

Anh tập hợp một cách có phương pháp mọi thông tin có thể liên quan đến Francis Keoraz. Keoraz sinh ra trong một gia đình khá giả ở Luân Đôn, ông ta từng học tại đại học Oxford trước khi tiếp quản một doanh nghiệp gia đình về nhập khẩu. Ông ta không tham gia Đại chiến. Trong khi những người khác chết nơi chiến trận, ông ta gặp người vợ đầu tiên, cũng là một trong những nạn nhân cuối cùng của dịch cúm Tây Ban Nha vào năm 1919, đúng lúc bà vừa sinh hạ. Ngay sau đó, Keoraz đi Cairo, cùng cậu con trai non nớt, chạy trốn nước Anh và nỗi buồn. Ông ta điều hành ngân hàng của cha mình, và làm nó phát đạt theo năm tháng.

Keoraz nổi tiếng vì những cơn thịnh nộ kỳ dị, ham thích quyền lực và thống trị. Những kẻ vô ý thức hiểm hoi từng cố tình cản đường ông ta đã bị quét sạch, bị giẫm nát; và trong cơn điên giận vì không được nghe lời một cách mù quáng, Keoraz riết róng tìm cách hủy hoại, thậm chí làm ô danh họ. Ông ta thuộc loại người tự tạo cho mình những kẻ thù muốn báo hận.

Đám cưới thứ hai của ông ta đã làm im miệng những kẻ đồn đại ông ta đồng tính - dù ông ta đã có một cậu con trai - vì không ai nghe gì về chuyện chinh phục phụ nữ từ khi ông ta đến ở tại Ai Cập. Ông ta chỉ cần gặp Jezabel Leenhardt, thế là đủ. Chỉ một lời đề nghị đơn giản, Keoraz có bên mình mọi nhân vật có ảnh hưởng trong thành phố, thậm chí cả các thành viên chính phủ.

Ông ta yêu thích, hay đúng hơn từng yêu thích trò mã cầu mà ông ta đã chơi đến phát chán, điều ông ta từng làm với phần lớn các sở thích khác. Keoraz là một kẻ lang thang qua những đam mê, để lại dấu ấn rồi ở rịt lại trong tâm trạng u uẩn, các thú vui và cuộc sống của ông ta nói chung không phù hợp với ông ta. Một khi ông ta đã đạt được và làm chủ được điều gì đấy thì mọi thứ đều trở nên nhạt nhẽo.

Đó chính là điều khiến ông ta mê mẩn ở Jezabel, Jeremy hiểu. Không gì và không ai dễ thay đổi như Jezabel. Cũng không ai khó thuần hóa như cô. Cô là một thách thức khiến ông ta không bao giờ nhàm chán.

Keoraz là một trong những người đáng ghét với nhân loại nói chung. Ông ta sinh ra trong giàu có, biết cách thao túng nó để tạo chỗ đứng cho mình, và dù ông ta có thử nghiệm kiểu gì, thành công luôn chờ đợi ông ta ở cuối chặng đường. Rất nhiều người thốt ra những lời ‘có của’, ‘gặp may’ sau lưng ông ta, ông ta chỉ giải thích cho những thành công của mình bằng một bí quyết: ‘lao động’.

Chính vì có mọi thứ, Keoraz đánh mất thú vui thường ngày. Điều này giải thích tại sao ông ta quay sang các hoạt động bảo trợ. Một người đàn ông dày dạn như ông ta, khi đã chinh phục được tất cả những gì mình ao ước, khi đã chỉ sống cho bản thân mình, giờ hướng tới những người khác. Ông ta tìm kiếm những sự thỏa mãn mới. Những thú vui mới.

Jeremy đọc lại các ghi chép để tổng hợp những gì anh biết. Keoraz vẫn có thể tự nâng mình thành một hình mẫu, dù tính cách nóng như lửa và khí chất quá thống trị.

Jeremy đọc lại những câu cuối. Một cái nhếch mép xuất hiện trên mặt anh.

Một hình mẫu. Hoặc, tại sao lại không, một người từng vượt qua những rào cản cuối cùng chống lại ông ta trên trái đất này. Rào cản của đạo đức.

Chính vì khát khao quyền lực, sự bạo ngược và thành công vĩnh cửu, ông ta đã trượt chân, mất kiểm soát trước những ham muốn, tham vọng của bản thân. Để lắng nghe khía cạnh cuối cùng chưa từng được thỏa mãn trong con người mình: kẻ săn mồi. Bỏ mặc, một lần trong đời, sự kiểm soát bản thân chặt chẽ. Để cho con vật - kẻ đi săn! - được phô diễn

Ông ta rời ngôi biệt thự sang trọng để rải bước trên những con phố không tên của những khu phố nghèo, quần mình trong áo choàng đen. Và tên vô gia cư đầu tiên đã dựng nên ngôi đền cho ông ta. Để chứa đựng lòng tin của ông ta vào sự hung bạo đã bị kìm nén bao lâu nay. Một ngôi đền nơi cơn điên của ông ta được thả tự do.

Một ngôi đền tạm thời, mà sự hoàn hảo của nó nằm ở chỗ dần biến mất theo sự giải thoát của những ham muốn không thể thú nhận, ngôi đền tan đi và mang theo nó những gì không thể ở lại, không được ở lại. Cái lễ vật nhục nhã đó.

Và lần đầu tiên, Keoraz bị cuốn vào cuộc chơi. Thay vì no nê thỏa mãn hoặc nhẹ nhõm, ông ta lại thấy cần điều đó. Thấy cần phải lặp lại lần nữa. Lần này, ông ta đã vượt qua giới hạn cuối cùng, đạt đến độ thuần khiết tuyệt đối của sự ghê rợn, tinh hoa của sự hủy hoại.

Những đứa trẻ.

Và vì không còn làm chủ được nữa, vì con quái vật bên trong dẫn đường cho những dục vọng, ông ta không thể dừng lại. Việc này sẽ không bao giờ kết thúc. Không bao giờ.

Trừ phi giải quyết bằng máu.

Jeremy nhắm mắt lại để suy ngẫm về sự rõ ràng của lập luận này. Sao ta lại có thể không biết nhỉ? Liệu có phải anh đang ở trạng thái được ban ơn để có thể nhìn rõ mọi yếu tố liên kết với nhau ra sao? Không, không thể kết luận rằng ghen tuông đã khiến anh mù quáng, hoàn toàn không phải. Logic của giả thiết này quá chặt chẽ.

Một buổi chiều. Đó là tất cả những gì anh cần để lôi Francis Keoraz ra ánh sáng.

Một con chim hót líu lo bênậu cửa sổ.

Marion mở mắt. Cô lập tức nhận ra sức nóng giữa hai xương chậu, phần giữa hai đùi. Bóng ma của một người đàn ông đã rời làn da cô, uốn lượn dưới lớp ga trải giường rồi biến mất cùng những lớp cuộn cuối cùng của màn đêm.

Marion chớp mắt nhiều lần. Vú cô căng cứng, cô cảm thấy ngậy ngất như thể vừa làm tình xong. Cơ thể cô đang đòi hỏi. Mông cô cứng lại và nhẹ nhàng đung đưa, để tìm kiếm lạc thú đã biến mất. Cô đã mơ. Đến anh ta.

Jeremy đã đến thăm cô. Để làm tình với cô.

Ký ức trong những trang vừa đọc quay trở lại trí óc cô. Suy luận của viên thám tử về nhân cách của Francis Keoraz. Sự đòi hỏi nảy mầm từ một cuộc sống dư thừa, từ những thành công không ngừng.

Các cơ của Marion dãn ra, cơn hưng phấn tụt xuống. Cô kéo chăn, dang cơ thể trần trụi cho buổi sáng mát rượi.

Cô cần tắm một chậu cho đã. Để làm ấm cơ thể, để tỉnh ngủ, và xóa đi những lang thang trong đêm cùng vị mặn của chúng trên da.

Trước cốc cà phê và lát bánh mì nướng phết mật ong, Marion vẫn còn đi theo viên điều tra người Anh trong cuộc kiếm tìm của anh.

Anh có khiếu suy luận tội phạm. ‘Đầu óc thợ săn’, như anh nói. Tuy nhiên Marion thấy anh hơi quá vội vã khi suy luận rằng Keoraz là kẻ giết những đứa trẻ. Tất nhiên, ánh sáng tàn ác mà Jeremy gán cho nhân cách của ông ta chỉ có thể khẳng định nghi ngờ đó, nhưng cô vẫn thấy anh quá

hấp tấp. Bất chấp những lời chối bỏ, phải chăng một sự ghen tuông bệnh hoạn nào đó đã khiến anh, dù cố ý hay không, nhìn thấy trong Keoraz tên tội phạm lý tưởng? Tuy nhiên, lập luận anh đưa ra về những gì sâu thẳm trong con người ông triệu phú hoàn toàn có cơ sở.

Marion rất hay nói chuyện với các điều tra viên của cảnh sát tư pháp thường lui tới Viện Pháp y, cô nhớ chuyện của một cảnh sát trẻ say mê truyện trinh thám và tội phạm học. Anh ta từng giải thích với cô ngành nghiên cứu tội phạm đã có bước tiến khổng lồ thế nào trong vòng ba mươi năm qua, cùng với máy tính, phiếu lưu trữ vân tay mà ta có thể tra cứu từ mọi nơi trên đất nước, cùng với những gì khoa học và phân tích ADN mang lại, chưa kể việc giám định mùi cũng đang chuẩn bị xuất hiện. Ngày nay công tác điều tra dựa trên những việc cụ thể, những bằng chứng sờ thấy được, trong khi trước đây một vụ án có thể khép lại chỉ dựa trên sự suy luận thiếu chặt chẽ từ những niềm tin cá nhân và bằng ‘tập hợp các yếu tố có chiều hướng chứng tỏ rằng’. Sự trừu tượng khiến bao đàn ông và phụ nữ phải vào tù, đôi khi dẫn họ đến cái chết.

Trước đây, người ta tiến hành một vụ điều tra dựa trên sức mạnh của những lời chứng, và nhất là những lời thú tội. Nếu thiếu cái này hay cái kia, thì chỉ suy luận logic của thanh tra là đủ để cho phép xác định kẻ tình nghi. Đó là việc Jeremy đang làm. Không có bằng chứng cụ thể, anh chỉ dựa vào suy luận của mình để tìm ra thủ phạm, để chặn đứng việc thẩm sát những đứa trẻ, càng sớm càng tốt.

Vì thiếu chứng cứ xác thực, anh phải chấp nối các sự việc để tìm cho chúng một tác giả hợp lý, chỉ với sự trợ giúp duy nhất là trực giác và kinh nghiệm của mình. Jeremy hướng vội theo giải pháp Keoraz vì hiện giờ chỉ có mỗi giải pháp đó, hay là do anh có cái ‘nhạy bén’ của những thám tử tài ba để nhanh chóng tìm đúng hướng điều tra?

Marion sốt ruột muốn đọc tiếp.

“Trước tiên hãy ra ngoài cho thoáng đã,” cô tự nói to với mình. “Điều đó sẽ giúp mày dễ chịu.”

Cô ních áo khoác vào và không quên một lần nữa mang theo cuốn sách bìa đen. Cô đã quyết định rồi, cô sẽ không bao giờ rời khỏi nó nữa.

Con chim cô nghe tiếng hót lúc mới thức dậy vẫn ở đó, phía trên cô hai mét, trên bức tường con bên thềm nghĩa địa. Cô không biết nó thuộc loài chim gì. Đen và trắng, mà cũng có thể là xanh da trời... Một con chim dũng cảm khi dám đương đầu với mùa đông trên Đỉnh.

Ý mày muốn nói là một con chim lạc hướng... đáng nhẽ phải không còn ở đây từ lâu rồi.

“Chính là dựa vào hoạt động của chúng mà ta có thể phán đoán tình trạng trái đất,” một người đàn ông nói sau lưng cô.

Giọng nói điềm tĩnh và hồ hởi chỉ có thể là của Joe. Marion quay lại chào ông.

“Xin chào Marion.”

“Chào ông.”

“Khi trái đất không khỏe lắm, con cái của nó bắt đầu làm những việc kỳ cục. Loài chim không còn di cư đúng thời điểm, chim cái không cho con bú nữa, và đôi khi chính bụng của trái đất sôi ùng ục và đánh vào nền văn minh của chúng ta. Cô thấy đấy, chẳng có tí thù hận nào, chỉ là một cú cảnh cáo, một cú cào bằng vượt để báo hiệu. Sự thù hận là đặc tính riêng của con người.”

“Sự cảnh báo đôi khi giết chết hàng nghìn đàn ông, phụ nữ và trẻ em.”

“Một thảm kịch, một chấn thương đối với chúng ta. Một cái búng nhẹ so với sự sống. Chính con người với tính cá nhân và thái độ sống chỉ biết đến hiện tại đã tạo nên xúc cảm mạnh mẽ, cái chết của một con người là khủng khiếp, nhưng mọi việc lại bớt nghiêm trọng hơn khi nói về cái chết của mười ngàn con người khoảng năm một nghìn năm trăm. Nhìn bề ngoài... Vấn đề là ở quy mô.”

“Tôi thấy sáng nay ông có vẻ triết lý tợn.”

“Đó là vì cô bắt gặp tôi trên đường đến nhà thờ.”

Khuôn mặt Marion sáng rỡ lên.

“Vậy là ông hay giao du với dòng tu dịu dàng của chúng ta ư!”

Joe đan hai tay sau lưng, ông vẫn luôn cao lớn và lôi cuốn.

“Nhằm rồi, cô gái ạ.”

Ông quay người liếc nhìn nhà thờ giáo khu sừng sững phía sau mình.

“Tôi hay đi dạo buổi sáng trước khi đến cầu nguyện Đức Chúa trời độ lượng của chúng ta, ngay tại đây. Tôi nhường các buổi cầu kinh tại tu viện cho khách du lịch và những người ham thích sự vĩ đại của tôn giáo.”

Marion bĩu môi ý rằng ông đã lừa được cô.

“Nhưng có thể cô sẽ khiến tôi rất vui nếu đến dùng bữa tối nay với tôi,” ông đề nghị. “Tôi tin rằng tuổi tác già nua cho phép tôi đưa ra lời mời thẳng thắn như vậy mà không có vẻ sỗ sàng.”

Marion tặng ông nụ cười quyến rũ nhất.

“Tôi có thể mang gì đến nào?”

“Ồ, cô sẽ không tìm thấy gì trên cái hòn đá này đâu, cứ đến ăn tối với tâm trạng vui vẻ, nó sẽ giúp chúng ta say sưa còn hơn cả thứ rượu vang đắt tiền. Hai mươi giờ ở cửa nhà tôi nhé. Chúc một ngày tốt lành, Marion.”

Marion nhìn ông đi vào nhà thờ thánh Pierre qua cửa ngách rồi cô đi về lối vào làng. Lần đầu tiên từ khi đến đây, cô ngạc nhiên thấy nhiều du khách đi đi lại lại trên các mạch giao thông có từ thời Trung cổ. Hôm nay là ngày cuối tuần. Marion lên đê và bắt đầu một cuộc đi bộ dài bên chân chính điện. Tranh thủ lúc triều xuống, cô đi qua khu Fanils, vòng qua tháp Gabriel nơi gợi lại cho cô kỷ niệm về câu đố rồi cuối cùng đến điện thờ thánh Aubert ở phía Tây Bắc của Đỉnh. Những cái cây xác xơ do tháng Mười một quá dài kêu kẻo kẹt trong gió, vươn tay ôm lấy nhau trên con dốc trải dài dưới Kỳ Quan.

Nhìn từ đây, gác chuông tạo ra cảm giác về một sức mạnh khiến ta e sợ. Các lỗ cửa chạm khắc bao quát vịnh chắc chắn hơn cả một ngọn hải đăng tinh thần, áp đặt cách cư xử của mỗi người nhân danh các giới luật, và thông qua độ cao mà nhắc nhở những trừng phạt dành cho kẻ không tuân lời. Bóng của nó đè lên Marion.

Cô ngồi xuống chiêm ngưỡng biển cát âm cùng những dải đất lấn biển nơi xa, phía bên trái mình. Cô ngồi một lúc, rồi đi về.

Lúc băng qua bãi rộng ở lối vào làng, Marion chợt thấy vui khi một bé gái đâm sầm vào cô rồi vụng về xin lỗi. Cô bé mười tuổi là cùng, đôi kính đỏ của bé lệch sang một bên. Marion ngồi xổm xuống ngang tầm với cô bé, vừa chỉnh kính cho cô vừa giả vờ làm mắt lác và được cô bé thưởng cho một trận cười rộ. Cha mẹ cô bé đi ngay phía sau, canh chừng thái độ của cả hai. Marion chào họ khi đi ngang qua.

Ngực cô chợt nhói lên, không khí đột nhiên có vị đắng đắng. Vị của đời tư cô. Của nỗi cô đơn. Của cuộc sống độc thân. Của tuổi tác. Tiếp xúc với trẻ con khiến trái tim cô được an ủi. Nhưng lại trả cô về với chính mình một cách tàn ác không kém. Thông thường, Marion tránh những suy nghĩ thế này. Chúng không dẫn đến đâu. Không đến nơi nào dễ chịu cả.

Chờng nửa tá du khách ngồi bên bàn của nhà hàng Mẹ Poulard và biểu hiện của những cuộc đời mới này làm Marion hứng khởi, cô bước vào tiệm ăn để hòa nhập cùng những khuôn mặt đó. Cô gọi món trứng tráng trứng danh và còn nhấm nháp nhiều hơn nữa những câu chuyện - dù rất vô vị - ở xung quanh mình.

Cô gọi tất cả bốn chén trà và tự cho phép mình dùng hai phần bánh táo, kéo dài giờ phút thư giãn đến tận giữa buổi chiều. Khi đi ra Phố Lớn, cô gặp xơ Gabriela, nữ tu có giọng nói du dương. Họ tán gẫu vài phút trước khi Marion đề nghị giúp xơ hoàn thành nhiệm vụ: dán các tờ quảng cáo cho một buổi hòa nhạc giao hưởng tại tu viện tối thứ Hai tới. Marion đón nhận tin này vừa ngạc nhiên vừa thích thú, ít ra buổi hòa nhạc cũng sẽ lấp đầy một trong các tối của cô.

Cô về ngôi nhà nhỏ của mình vào cuối ngày, để vừa tắm bồn nước nóng vừa nghe nhạc rỗng lên từ dàn âm thanh nổi ở tầng trệt.

Tiếp đó là sự lưỡng lự khi phải chọn đồ mặc đi ăn tối. Cô không có nhiều lựa chọn lắm vì đã để lại Paris phần lớn tủ áo quần của mình. Không nên trang trọng quá khiến Joe khó xử, cũng không nên xuề xoàng quá khiến ông mất lòng. Cuối cùng cô quyết định mặc quần đen chiết ly, áo len mỏng

- cô đã phải trả cả một gia tài cho nó vào một ngày lên cơn sốt tiêu xài - cùng gi lê len thuộc loại cổ điển nhất. Cái gương phản chiếu hình ảnh một phụ nữ vẫn còn đẹp, làn da mềm mại, dáng vẻ chăm chút, đường nét đáng ao ước.

Không được bao lâu nữa đâu nếu mà cứ tiếp tục ngốn như hiện nay...

Một phụ nữ biết tự chăm sóc bản thân. Hình ảnh một phụ nữ gần bốn mươi tuổi...

Độc thân.

Cô căn môi dưới.

Những sợi tóc trắng lẫn lộn trong mái tóc vàng không hề lạc lõng, trái lại, chúng mang đến cô một vẻ đặc biệt, gần như ngoại lai, rất hợp với tiếng cười giòn tan và những cái nhìn mặt tinh nghịch của cô.

Marion lấy kẹp luồn vào tóc và cột tóc cao phía trên gáy. Trang điểm một thoáng thế là cô cảm thấy đã sẵn sàng. Như thể cho một cuộc hẹn. Với một người đàn ông ít ra cũng phải tám mươi tuổi... Cô tự thấy mình hơi đáng thương.

Nhưng để thi thoảng được cảm thấy mình cũng khá đẹp thì mọi lý do đều chính đáng...

Và đúng hai mươi giờ cô gõ cửa nhà Joe.

Ông già chọn một bộ đồ màu be cho dịp này, với áo sơ mi cổ cồn thắt kèm khăn quàng màu boóc đô, tuy nhiên ông không cạo râu.

Cô đưa ông một chai vang đỏ.

“Tôi thấy nó trong tủ ở nhà, quà từ dòng tu cho những đêm tôi tuyệt vọng,” cô hài hước. “Phòng khi tâm trạng vui vẻ của tôi chưa đủ cho chúng ta...”

Ông cầm chai rượu và dẫn cô vào nhà.

“Hy vọng cô đói bụng,” ông báo trước. “tôi tin rằng bao năm đã qua tôi vẫn không đủ khả năng định lượng một cách hợp lý, tôi đã chuẩn bị cho cả một tiểu đoàn cũng nên!”

Marion nhận thấy ông đã bày bộ đồ sứ đẹp cho bữa ăn tối, trên tấm khăn thêu trải bàn.

“Đó là vì hôm nay là tối thứ Bảy,” ông vừa nhìn theo ánh mắt cô vừa giải thích. “Mời cô ngồi.”

Marion dùng vodka vì không có gin.

Một ván cờ vua được bày trên cái bàn thấp ở phòng khách, các quân cờ đang bày theo một ván cờ dở dang.

“Cô có chơi cờ vua không?” Joe hỏi.

“Tôi từng rất mê, nhưng tôi sợ mình chơi tồi.”

“Thế thì phải thử thôi! Tôi không có người chơi cùng ở nơi này.”

“Hôm nay đối thủ là ai vậy?”

Joe xoa tay.

“Grégoire, con trai Béatrice. Một tay cờ rất khá.”

“Cậu bé đó ư? Tôi không nghĩ cậu ta lại chơi cờ...”

“Vậy mà lại thế đấy. Đó là một cậu bé rất cừ. Cậu ta héo hắt ở nơi này, tôi sợ là vậy. Cậu ta cần cuộc sống, cần sự hiện diện của đàn ông, riêng điều này thì tôi nghĩ mình không làm. ”

Marion nhìn chăm chăm vào khuôn mặt ông già. Ông không rời mắt khỏi bàn cờ, gần như rầu rĩ.

“Ông quý cậu bé lắm phải không?”

Joe gật đầu.

“Grégoire ư? Cậu bé thường đến chơi với tôi, chúng tôi tán gẫu đủ thứ trên trời dưới biển. Đó là một cậu bé cần cha, chỉ vậy thôi. Sống cùng mẹ ở một nơi xa cách mọi thứ là việc rất khó khăn với cậu. Béatrice chọn nơi này vì bản thân, một ước muốn cá nhân. Grégoire xoay xở kém hơn với cảnh cô độc.”

Joe đứng dậy và vui vẻ trở lại.

“Nào, mời cô, chúng ta ăn thôi.”

Ông đái cô món sò điệp và họ vừa nghiêng ngấu ăn vừa nói đùa về việc thật khó giữ được bí mật nào khi sống trong cái làng bé tẹo thế này. Mọi

người đều biết về mọi chuyện của nhau.

“Chính vì vậy đó lại là một cái bẫy,” Marion vặn lại. “Đây chính là nơi ta có thể đến để chôn vùi một quá khứ nặng nề, trong cái đời thường rất rõ nét này, dưới lớp mặt nạ ta tự tạo cho mình chỉ trong một thời gian ngắn. Và chính bởi vì ai cũng tưởng mình biết mọi chuyện về người khác, nên các bí mật sẽ được vùi sâu chôn chặt.”

Khuôn mặt Joe sáng lên với một nụ cười lớn.

“Tôi thấy cô bắt đầu nắm bắt được tinh thần của Đỉnh rồi đấy,” ông nói đầy tự hào.

“Đó là tinh thần của những cộng đồng nhỏ. Tinh thần của đảo cũng vậy. Tôi đã nói chuyện này với Béatrice.”

Ông giơ ngón trỏ nhấn mạnh ông đã hiểu từ đâu cô có những lập luận như vậy.

Món cá sói và khoai tây nghiền do chính tay ông làm ăn kèm tỏi tây cho phép họ hiểu nhau hơn, đi xa hơn trong sự riêng tư của mỗi người. Joe thồ lộ trước giờ ông luôn sống độc thân trước khi tìm cách khiến cô kể về mình. Chai vang với dần theo bữa tối, Marion cảm thấy mình bị cuốn theo chất cồn. Một cảm giác sáng khoái nhất định dần dần xâm chiếm cô, cô cảm thấy dễ chịu bên cạnh ông già, bữa tối ngon lành, cô sẵn lòng để cơn say xâm chiếm.

Cuối cùng cô tự tả mình như một phụ nữ hơi quá ‘lấn lướt’, quá đòi hỏi, chẳng bao giờ hài lòng. Chỉ vừa dấn thân vào một mối quan hệ nghiêm túc là cô đã thấy ngay những điểm xấu của đối tác để rồi không thấy gì khác ngoài những điểm xấu đó và nhanh chóng bỏ rơi họ. Trong công việc, cô không hòa đồng lắm, vì không đánh giá đúng mức các đồng nghiệp. Xét cho cùng, cô sống hơi đạ m bạc, cùng hai ba ‘cô bạn’ để thỉnh thoảng đi chơi, những khi họ có thể thoát khỏi chồng họ và sắp xếp được việc con cái... Suýt nữa thì cô nói đến Jeremy Matheson, so sánh giữa cô và anh, nhưng vừa vặn tránh kịp sai lầm lớn đó.

Trong khi ăn tráng miệng, Joe vẽ lên chân dung kém hào nhoáng của các thành viên dòng tu mà ông quen. Thầy Gilles là mục tiêu yêu thích của ông,

ông nhìn thấy ở con người có dáng dấp chim săn mồi ấy một con chim ưng còn đáng sợ hơn cả những người đương nhiệm tại Nhà Trắng. Hay điều khiến người khác, ông ta càng trở nên nguy hiểm khi ý định mới chớm nhằm vào một chức danh cao quý hơn của ông ta bị đập tan, các bề trên đã nhìn rõ trong ông ta một con người tham vọng nhiều hơn là đức tin. Niềm vui duy nhất còn lại của ông ta là thể hiện quyền lực ở vị trí thấp hiện thời với các thành viên dòng tu và lấy làm hãnh diện vì điều đó.

Thầy Serge cũng không hơn gì, xứng đáng làm một boss mafia theo lời Joe, luôn canh chừng kỹ càng các con chiên, ông ta nổi danh là rất độc đoán và hơi quá khắt khe, nhưng Joe và ông ta luôn giữ khoảng cách, trong khi Joe lại rất yêu mến vị quản lý dòng tu trước đây, người đã ra đi cách nay gần mười năm.

Joe tiếp tục tả đến thầy Christophe - đối với Marion là thầy thiếu máu - như một con cú lớn hơi cuồng tưởng, và ông làm Marion phì cười khi thú nhận mình sẽ không lấy làm ngạc nhiên nếu phát hiện ra thầy Christophe, người phủ đầy vết xăm bí hiểm, đang làm nghi thức thánh hóa tên của quý... Ông ta có vẻ quá tốt bụng đến mức khó có thể là chân thành.

Xơ Luce là hình ảnh mang tính nữ đối xứng với kẻ đồng đảng của mình là thầy Gilles, gian xảo và nhiều mách khéo. ‘Trái tim cần cỗi’ là lời ông dùng để tả bà ta, và Marion tự hỏi trong vòng một giây không biết liệu điều đó có che giấu bí mật nào đấy trong quá khứ chung giữa họ. Cô tưởng tượng ra một tình yêu thuần khiết giữa Joe và xơ Luce, dưới cái nhìn ghen tuông của thầy Gilles, điều giải thích thái độ xa cách hiện nay giữa hai người đàn ông.

Joe thú nhận không biết gì về thầy Damien, chỉ vừa mới đến dòng tu, ngoài việc ‘mặt anh ta có vẻ ngây thơ của một kẻ đần độn’. Ông nói đến xơ Anne, người gần gũi với Marion nhiều hơn cả, là một phụ nữ tốt bụng và thông minh, một người đáng tin cậy. Những người còn lại, thầy Gaël và xơ Gabriela cùng xơ Agathe, đối với ông, chỉ là ‘những người tu hành trẻ tuổi còn đầy hy vọng và hứa hẹn’.

Tin tưởng vì những lời tâm tình trên, Marion giải thích với chủ nhà cô có tật gán cho tất cả mọi người một biệt danh thâm hại nào đấy và Joe phải khó khăn lắm mới kiềm chế nổi khi nghe cô nói về ‘thầy lạc đường cùng đồng bọn’. Ông yên tâm khi biết mình không có biệt danh gì.

Marion hơi chũnh choáng khi trở về nhà, vào tầm hai mươi ba giờ, trước đó cô đã hứa sẽ sớm quay lại để tiếp tục được cười ngặt nghẽo.

Cô đi nằm với tinh thần vui vẻ, hai mắt long lanh. Ý muốn đọc một chút trước khi thiếp ngủ len lỏi vào hơi rượu. Cô xuống nhà lấy quyển nhật ký trong túi áo khoác rồi nhanh chóng leo lên tìm lại hơi ấm của chăn đệm.

Chẳng mấy chốc, chỉ còn lại ánh sáng hắt ra từ đèn ngủ. Cô mở cuốn nhật ký chưa đầy năm giây thì một ánh chớp lóe lên chiếu sáng nghĩa địa phía bên kia cửa sổ.

Những giọt mưa đầu tiên bắt đầu rơi, chậm rãi, dè dặt. Marion cuộn mình trong chăn và tiếp tục đọc.

Ai cũng biết mình phải làm gì.

Nếu ta phối hợp tốt mọi người, kế hoạch đó có thể thực hiện được. Azim tổng hợp lại một lần nữa để chắc chắn mình không bỏ qua chi tiết nào.

Các tình nguyện viên sẽ vào vị trí trong chưa đầy một giờ nữa. Nguyên một ngày đi ngang dọc El-Gamaliya của anh thực không uổng phí. Ông già nghiện ngập đã lập tức đồng ý, mặc dù vẫn sợ. Người bán hàng nhượng bộ ngay khi Azim nhắc ông ta rằng việc này là để cứu bọn trẻ. Hai người họ còn lập tức tìm thêm những người tình nguyện khác. Họ tìm được phân nửa số đàn ông cần thiết trong số người nhà của các nạn nhân. Nửa còn lại được tập hợp trước khi chiều xuống, vào giờ *Maghrib**

Ý tưởng của Azim nói tóm lại rất đơn giản, và dựa cả vào khả năng rải quân trong khu phố lẫn may mắn. *Ghûl* từng bị bắt gặp bốn lần, ở khoảng cách gần, lần nào cũng trong khu El-Gamaliya. Azim hy vọng với những người đàn ông được bố trí trên mái nhà tại các vị trí chiến lược, nếu phải đi qua khu phố, *ghûl* sẽ không thể không bị bắt gặp. Để làm được điều đó cần phải bao vây trên diện rộng gồm nhiều hẻm nhỏ và những khu nhà hỗn độn. Với sự giúp đỡ của ông già, người bán quần áo và các nhân chứng còn lại, Azim đã lôi kéo và khuyến khích được cỡ ba chục người rình phục. Từng người một được phân lên sân thượng của mỗi khu nhà và phải tuân thủ nghiêm luật không được di chuyển vì bất cứ lý do gì. Sự tham gia của một thầy cả khiến những kẻ cọt nhả im miệng và đảm bảo cho Azim rằng họ sẽ tôn trọng cam kết của mình, vì e sợ về mặt tôn giáo nhiều hơn vì tinh thần trách nhiệm. Thầy cả tham gia cùng họ bởi có người rỉ tai ông về việc đang được chuẩn bị. Người ta đồn rằng một con *ghûl* đang hoành hành, rằng

người ta sẽ tìm ra nó ngay trong đêm. ‘Nếu một tín đồ gặp phải nó thì anh ta sẽ làm gì?’ thầy cả kêu lên rồi yêu cầu được dẫn đến gặp những người tình nguyện. Chỉ duy nhất những lời cầu nguyện thánh Allah là có thể đuổi con quái vật, ông khẳng định trước toàn thể những ánh mắt kính cẩn. Nếu có một sinh vật như vậy đang đi lại trên các con phố của họ, thì đuổi nó đi là việc của ông.

Dù mang phù hiệu cảnh sát, Azim biết mình chẳng có ý nghĩa gì khi đối diện thầy cả, anh chỉ nói là nếu con *ghûl* bị phát hiện, anh sẽ là người đến tận nơi để chắc chắn rằng đó là một con quái vật và như vậy thì chỉ có thầy cả là người có thể loại bỏ nó. Nếu đó là một tên tội phạm bằng xương bằng thịt thì cảnh sát sẽ lo liệu và bắt hãm.

Azim biết mình quá mạo hiểm. Nếu họ thật sự bắt được tên tội phạm, anh sẽ phải hành động thật nhanh lẹ và khôn khéo. Đám đàn ông này chẳng ngại ngần gì mà không tự tay thi hành án, bỏ qua cả tòa án lẫn xét xử. Thật ra thì anh hy vọng bắt được gì? Một con người hay một con... *ghûl*? Sở dĩ anh đi đến nước này là vì hai người làm chứng kiên quyết khẳng định rằng thứ họ bắt gặp không phải là người. Azim không biết nên nghĩ gì. Tất cả đều thiên về giả thiết mang tính huyền thoại... Tuy nhiên, cỗ xe lu của nền giáo dục phương Tây và những niềm tin lý tính đã ăn sâu vào nếp nghĩ của anh, từ khi học trường cảnh sát. Anh không thể chối cãi rằng sâu thẳm tâm can, anh tin phía sau thảm kịch là một lời giải thích hèn hạ thuộc về con người.

Mặt trời lặn trong lúc mọi người chuẩn bị vài món đồ ăn và một cái chăn để chống chọi với đêm dài đang chờ đợi phía trước tận về vị trí quan sát của mình. Một người bán văn phòng phẩm ở Khan el-Khalili*, có cháu nằm trong số những người tình nguyện, chấp nhận cho tất cả những người canh gác mượn đèn để dùng làm tín hiệu. Ai nhìn thấy một hình thù đội mũ trùm đầu đi lại khác thường người đó được lệnh phải thắp đèn ngay lập tức và huơ nó về hướng điểm quan sát cao nhất, nơi Azim trấn giữ.

Đêm tràn xuống các con hẻm. Các cánh cửa chớp lần lượt đóng lại, trong khi những ngọn đèn đường hiếm hoi chiếu sáng phố xá dần được thắp lên.

Sức nóng giảm dần, cùng với đó là hàng trăm mùi hương bông bành khắp El-Gamaliya dồn ngược về phía các quán hàng đóng kín, các chuồng bò và tầng áp mái bình yên trở lại. Những câu chuyện, những cuộc tán gẫu, tiếng hò hét và cãi cọ chìm vào sau những bức tường cổ.

Những ngôi sao bắt đầu lấm tấm mọc trên trần nhà của thế giới, ngày càng nhiều. Azim im lặng ngắm nhìn chúng. Như thể trái đất chỉ còn là một tòa nhà và bầu trời là một tòa nhà khác, anh nghĩ, hai vị hàng xóm trong vũ trụ gửi ánh sáng cho nhau, ánh sáng của những gia đình đang quan sát nhau nhưng không nhìn thấy nhau, hàng triệu cuộc sống ở cách nhau hàng triệu ki lô mét.

Bóng hình các tháp Hồi giáo như chao đảo trên nền nổi của vũ trụ. Phía xa, các thầy báo giờ kinh đang lên tiếng gọi cầu nguyện.

Nhiều giờ trôi qua.

* * *

Héliopolis, thành phố bằng phẳng, thành phố của những cây cột với những vòm cung hình móng ngựa và vòm trang trí hình ngoặc nhọn, thành phố với những con phố rộng rãi và sạch sẽ được xây theo phong cách Hồi giáo hợp một.

Jeremy xuống tàu điện đối diện quảng trường Héliopolis rồi từ đó đi bộ thêm một đoạn để đến biệt thự Keoraz nằm ngay cạnh sân gôn. Một bức tường bao cao ba mét bảo vệ chốn tôn nghiêm của nhà triệu phú. Con người này ưa riêng tư và yên tĩnh.

Một nơi để tránh những cái nhìn tò mò, bảo vệ những hoạt động đen tối của ông ta... Jeremy rung cái chuông nhỏ trước hàng lưới thép, người gác cổng nhanh chóng xuất hiện và đưa anh vào ngay khi biết anh là ai.

Tòa biệt thự theo lối kiến trúc La Mã được xây trên đỉnh một ngọn đồi nhân tạo nhỏ, ta vào đó qua một lối đi rải sỏi kêu lạo xạo giữa một biển cỏ

được chăm sóc hoàn hảo. Lên đến trên cao, Jeremy dừng lại vì sửng sờ. Hai mươi mét cuối cùng chạy trên một mặt nền lát đá hoa cương màu đen, hai bên sườn trồng sung Ai Cập mạ bạc và vàng, cùng hai bể nước rất dài đổ đầy thủy ngân phản chiếu dải Ngân hà cực kỳ rõ nét. Những ngọn nến được thắp cách nhau năm bước chân để làm nổi rõ vẻ hào nhoáng của hàng hiên. Bên cạnh đám lá làm bằng bạc và vàng là những chiếc chuông cùng chất liệu treo lủng lẳng trên cành, nhạy đến mức rung rinh theo cả bước chân các khách mời.

Jeremy nhón chân đi qua cảnh trí phi thường đó, ngạc nhiên trước vẻ nhịp nhàng của bước chân mình trên sàn. Người gác cổng vẫn đi trước anh, làm đám lá kim loại rít lên khi ông ta bước qua.

Keoraz xuất hiện cuối đường, đi ra từ tiền sảnh và đứng đợi giữa hai hàng cột trên bậc tam cấp.

“Anh Matheson! Anh thấy khu vườn nhỏ theo kiểu Lưỡng Hà của tôi thế nào?”

“Sạch sẽ.”

Keoraz, hẳn đang mong đợi những lời nhận xét choáng ngợp theo thói thường, sửng lại một giây.

“Và rất rực rỡ,” Jeremy nói thêm.

“Tôi phải thú nhận mình không phải tác giả... Tôi cho xây theo mẫu khu vườn của Khumarawayh, một thủ lĩnh Hồi giáo vào triều đại Tulun, anh biết chứ?”

“Không hề.”

“Cuối thế kỷ thứ 9. Cần phải quan tâm đến lịch sử, thám tử ạ, đó là nền tảng của tương lai chúng ta.”

‘Hơn nữa, ông ta còn am hiểu lịch sử, và rất có thể cả những truyền thuyết Ai Cập!’ Jeremy nhận xét, khó lòng che giấu một cái nhếch mép hài lòng. Ông ta ngày càng tương thích với hình mẫu lý tưởng. Keoraz có kiến thức cho phép che giấu tội ác của mình bằng một dàn cảnh gợi nhắc sự tồn tại của con *ghûl* trứ danh kia.

“Anh lại đây, vào đi nào, ta sẽ dùng khai vị ở sân trong.”

Ông ta cho người gác cổng lui rồi dẫn Jeremy vào nhà, rồi lại từ đó đi ra sân trong, lát gạch vuông, với một bể hứng nước mưa - kiểu La Mã - ở giữa sân. Hai cái xô pha màu tía được trang điểm bằng những chiếc gối dựa màu đen thêu chỉ vàng đã đợi sẵn. Những ngọn đuốc treo bao bọc họ bằng thứ ánh sáng nóng rung rinh. Các bức tường giữa hai cánh cửa phủ đầy tranh vẽ phong cảnh đồng quê.

“Anh ngồi đi. Anh muốn uống gì?”

Jeremy không kịp trả lời.

“Whisky.”

Jezabel đứng giữa khung cửa dẫn tới gian phòng chính.

“Anh luôn uống whisky, phải vậy không?”

Anh gật đầu không nói một lời.

Cô đang vận váy bó màu đỏ, tay cầm ống hút thuốc lá, đầu ống đốt một điếu thuốc.

Keoraz quan sát phản ứng của mỗi người trước khi lên tiếng.

“Tôi có một loại tuyệt hảo. Tôi sẽ đi lấy, anh thứ lỗi nhé, nhưng tôi không chịu nổi đám người làm trong nhà này, tôi đuổi gần hết rồi, nói cho cùng thì không gì bằng tự phục vụ cả.”

Dứt lời ông ta đi ra theo một cửa ngách.

Jeremy, lúc đó đang ngồi, đứng dậy khi Jezabel đi tới.

“Bỏ cái tạt ga lãng đó đi,” cô vừa nói vừa ngồi xuống phía đối diện. “Thế nào, đến đây không khó lắm chứ?”

“Anh biết địa chỉ từ trước rồi.”

“Em không nói đến đường đi. Mà là quyết định.”

Một nụ cười mỉm giễu cợt xuất hiện trên đôi môi son của cô.

“Anh, người vốn không chịu gọi em là ‘bà’, đi đến tận ngôi nhà nơi vợ chồng em viên mãn thế này, hẳn lòng tự ái của anh cũng bị tổn thương kha khá nhỉ.”

“Lòng tự ái chẳng liên quan gì ở đây cả.”

“Ồ, vậy hả, thế là gì nào? Đơn giản là sự *cảm mến* ư?”

“Một sự dịu dàng liên quan đến quá khứ của chúng ta.”

Nụ cười mỉm của cô nở rộng hơn.

“Tất nhiên rồi... Em quên mất, xin lỗi anh nhé.”

Keoraz xuất hiện trở lại với một cái khay trên đặt ba cái ly. Ông ta mời viên thám tử whisky, dành một ly sâm banh cho vợ và ly còn lại cho mình, rồi ngồi xuống sát bên cô.

“Anh bạn ạ, tôi đã dành cả buổi tối cho anh,” ông ta nói.

“Trước tiên, thưa ông, tôi muốn hỏi ông đã đọc bản báo cáo điều tra chưa?”

Nhà triệu phú vừa nhướng một bên lông mày vừa nhìn anh chăm chăm, ánh mắt thích thú.

“Theo ý anh thì sao?”

“Đáng nhẽ mọi việc không nên diễn ra như vậy, tôi rất lấy làm tiếc, xin ông biết cho.”

“Chuyện này liên quan đến lợi ích của tôi, tôi cho rằng mình có toàn quyền bảo vệ những lợi ích đó, dù việc mâu thuẫn với định nghĩa về các trình tự của anh thì cũng mặc. Nơi đây chúng ta ở xa chính quốc, nên các quy định cũng trở nên mềm dẻo hơn, mềm dẻo là lợi thế duy nhất ở xó xỉnh này, không dùng đến nó thì quả là nực cười.”

Jeremy hớp một ngụm rượu rồi quyết định tấn công:

“Ông có thể nằm trong số những người bị tình nghi, việc đọc bản báo cáo điều tra có thể là một vấn đề.”

“Tôi, bị tình nghi ư?”

Điều đó lộ bịch đến mức ông ta chỉ có thể bật cười.

“Anh mất trí rồi sao, Jeremy?” Jezabel chế nhạo.

“Tôi rất nghiêm túc. Thêm nữa, ông làm gì vào ban đêm, ông Keoraz?”

“Thám tử! Anh ở đây để giải quyết vụ này và giúp tôi hay để tìm cách hại tôi? Anh hãy rõ ràng đi, để tôi còn biết đâu là bạn đâu là thù.”

Jeremy vừa lấy một miếng thuốc lá từ trong bao và châm lửa vừa từ tốn giải thích:

“Tôi không tìm cách gây phiền hà cho ông, thưa ông, tôi chỉ làm việc của mình. Nếu tôi không làm, người ta có thể lợi dụng sai lầm này trong phiên tòa để giải tội cho thủ phạm.”

Anh lấy giọng cao hơn nói thêm:

“‘Làm sao anh có thể loại bỏ bất kỳ ai, thám tử Matheson, trong khi anh thậm chí còn không tra hỏi tất cả những người chủ chốt?’ Câu đó sẽ gây bất lợi cho việc buộc tội của chúng ta khi được nói ra từ miệng các luật sư.”

Keoraz uống một hơi hết nửa ly sâm banh còn lại.

“Rất hay, vậy thì tiếp tục đi, anh muốn biết gì nào?”

Jeremy quan sát ông ta, tìm cách chọc thủng cái vỏ bọc thương nhân kia, để dò xét trạng thái tinh thần thật sự. Không có gì lộ ra ngoài cả. Không gì ngoài vẻ nhẵn nhụi, thể hiện qua đường rẽ ngôi hoàn hảo. Ông ta lạnh lùng hết một con thăn lẫn.

“Tôi đánh giá cao việc này,” cuối cùng viên thám tử nói. “Để bắt đầu thì, ban đêm ông thường ở đâu?”

Thích thú trước câu hỏi, Keoraz đặt một tay lên tay vợ.

“Tại đây, nhà tôi. Và đôi khi tại Mena House, ở Giza.”

“Ông ngủ một mình ư?”

“Câu hỏi này thuộc loại gì đây?”

“Xin ông hãy trả lời.”

Jezabel nói thay:

“Anh biết em mà, Jeremy, lẽ ra anh phải biết mới đúng chứ.”

Jeremy vừa chịu đựng ấn ý đó vừa cấm trí tưởng tượng của mình trôi dạt.

“Ông nhà mới là người tôi muốn nghe trả lời,” anh đáp lại.

“Không,” Keoraz khẳng định, “tôi không ngủ một mình, Jezabel luôn ở cùng tôi.”

“Vậy thì cô ấy là bằng chứng ngoại phạm của ông vào những đêm xảy ra tội ác?”

“Tất nhiên! Nếu như tôi cần phải có một bằng chứng ngoại phạm... Nhưng tôi không nghĩ là chúng ta sẽ đi đến nước này, thám tử ạ.”

Jeremy uống thêm một ngụm rượu bỗng rất.

“Ông cũng phải thừa nhận rằng đó là một bằng chứng ngoại phạm khá mơ hồ,” anh nói, “chỉ cần ta ngủ say, thì có lẽ khó mà khẳng định được người ngủ cùng có mặt suốt đêm hay không.”

“Tuy nhiên, em khẳng định điều đó,” Jezabel nhấn mạnh.

Jeremy tự ngăn mình không được trả lời. Anh đã đi quá xa, vượt khỏi khuôn khổ nghề nghiệp để thói ghen tuông lẫn vào lập luận, tự anh sẽ làm lời nói của mình mất trọng lượng, biến mình thành kẻ nực cười. Anh giơ một bàn tay lên trước ra hiệu xin lỗi.

“Tốt rồi, tôi cần phải hỏi những câu đó, tôi chắc chắn rằng ông sẽ thông cảm.”

Jezabel uể oải ném đầu mẫu thuốc lá vào cái bể giữa sân. Chồng cô nghiêng rặng, tránh một cuộc cãi nhau trước mặt viên thám tử. Ông ta chờ cơn giận nguôi đi rồi mới nói:

“Tôi nghĩ đã hiểu rằng đến tận hôm qua vẫn không có hướng điều tra xác đáng nào, mọi việc có tiến triển hơn không?”

“Tôi rất tiếc, nhưng tôi không thể nói chuyện này với ông được, ông đừng coi đây là chuyện cá nhân. Cứ cho là cuộc điều tra vẫn được tiến hành.”

Keoraz định trả lời nhưng đột nhiên thay đổi hoàn toàn thái độ. Từ vẻ bí hiểm và xa cách, ông ta trở nên gần như dịu dàng.

“Kìa? Sao con lại đứng đây?”

Jeremy dõi mắt nhìn theo khi ông ta đứng dậy đi đến bên một đứa bé trai chừng mười tuổi vừa hiện ra từ sau một trong những cánh cửa bằng gỗ. Đứa bé cũng có dáng dấp sắc sảo như người cha; nó cầm trên tay một con gấu bông và tay kia cầm huy hiệu rửa tội.

“Xin giới thiệu với ông con trai tôi, thừa thám tử. Georges Keoraz.”

Jeremy khẽ ra hiệu cho đứa bé nhưng không nhận được gì đáp lại.

“Nào, lại đây với cha,” Keoraz tiếp tục nói với đứa trẻ bằng giọng dịu dàng không hề hợp với ông ta. “Đáng nhẽ con phải nằm trên giường rồi, ngày mai con có buổi học piano với cô Lentini, và nếu con không ngủ, thì con sẽ không đủ sức để đi tàu điện, việc đó cũng giống như khi đi học, con...”

Ông thương gia ôm con trai vào lòng và thì thầm với cậu bé.

Một bàn tay nóng bỏng lướt qua gối Jeremy.

“Anh sẽ ở lại ăn tối chứ? Chẳng mấy khi anh lại đây, thật tiếc nếu không tận dụng một chút...”

* * *

Mái của tòa nhà nơi Azim đứng canh ở vào trạng thái phản ánh tuổi tác của nó: gầy ẳng tượng thì ít mà gầy lo ngại thì nhiều. Các vết nứt rạch mặt sàn từ đầu này sang đầu kia, còn chi chút hơn cả đường chỉ tay. Ta lên đó qua một cánh cửa sập để ngỏ, từ đó thò lên hai thanh dọc của một cái thang giống như hai cái sừng của một con quỷ đang ẩn nấp.

Những cái chân gỗ chọc vào những cái lỗ thô kệch, được dùng để chống một cái mái bằng vải, bên dưới là hai cái vồng rập rình. Một chum nước và một bình đựng quả chà là trên tấm thảm là toàn bộ đồ ăn dự trữ đồng hành với họ.

Azim ngủ lơ mơ trên một cái vồng, hơi thở của anh rít lên qua bộ ria. Bạn cùng gác với anh, một tay Khalil nào đó, ngồi tựa vào gờ viền mái thượng, hai cánh tay tựa trên bức tường xây cũ kỹ lung lay. Anh ta đang canh chừng màn đêm.

Trong khi toàn bộ phần còn lại của khu phố ngủ yên trong bóng tối, từ các mạch giao thông chính tỏa lên một thứ ánh sáng dịu do những ngọn đèn

đường đang cháy dần lên.

Cả nhóm canh chừng khu El-Gamaliya đã từ nhiều giờ, không có dấu hiệu gì của sinh vật đó.

Khalil nhìn bao quát toàn bộ các địa điểm nơi tín hiệu có thể phát ra. Không một động thái, không một ánh sáng nào.

Giấc ngủ dột tẩm áo choàng im lặng phủ lên thành phố, nhấn chìm những tiếng động, làm trí óc đờ đẫn và thân xác ngã gục.

Chàng thanh niên lặn ra phía sau rồi đứng dậy để lấy một nắm chà là. Viên thám tử ngáy nhè nhẹ, nổi bồn chồn trong lúc nằm nghỉ khiến anh không được thoải mái lắm.

Phía xa, một cánh cửa đập chát một tiếng, làm Khalil giật nảy mình.

Azim mở miệng nhiều lần rồi lại chìm sâu vào sức nóng của những cơn mê.

Khalil bắt đầu đi đi lại lại trên mái nhà, vè uế oải. Toàn bộ nỗi phẫn khích của ngày hôm qua đã tan biến, giờ này tẩm lưới thời gian đã lọc hết mọi xúc cảm, chỉ còn lại sự nhàm chán. Khalil đến ngòi lên lan can. Anh vừa nhắm nháp một quả chà là vừa rùng mình.

Chăn của anh ở trên cái võng, anh do dự không biết có nên đi lấy chăn quấn lên người hay không. Đêm bắt đầu trở nên lạnh cũng tương tự như ngày có thể nóng đến ngạt thở, năm nay hơi thở của hoang mạc đã quyết định nuốt chửng mùa xuân để chụp lên Ai Cập một mùa hè sớm. Nếu có thể tránh nạn châu chấu thì đó ít ra cũng là một cái được rồi, Khalil nghĩ. Anh vừa vươn tay lên trời vừa ngáp.

Một mẩu đá rơi ra từ chỗ ngòi tạm bợ của anh, biến mất ngay lập tức trong bóng tối của con phố, dưới đó mười lăm mét. Khalil ngã người ra phía sau.

Trong im lặng tuyệt đối.

Anh chỉ kịp nấc lên vì kinh ngạc. Hai tay anh thông xuống, lao vùn vụt về phía bờ tường thấp đang lôi anh vào khoảng không. Các ngón tay anh quờ quạng giữa hư không. Và móng tay anh cào phải lớp vữa. Anh dồn sức

siết chặt bàn tay và thót bụng lại, phần thân trên nghiêng về phía cái chết đầy nguy hiểm.

Rồi Khalil khê khàng lật người theo hướng có lợi, không dám thở. Anh ngã vào giữa những vết nứt của mái nhà rồi run rẩy thì thầm cảm ơn Đức Allah. Chỉ suýt chút nữa, anh đã rơi tan xác xuống nền đất nện phía bên dưới, xương sọ vỡ vụn như một món đồ sứ, óc bắn tung tóe trên đồng rác rưởi. Khalil chăm chú nhìn lên các vì sao.

Thật sự là chỉ suýt chút nữa thôi... Nếu cuốn mình trong chăn hẳn anh đã không thoát được.

Không khí với anh đột nhiên trở nên ngọt ngào.

Cái thang gỗ kêu rảng rặc. Khalil quay người về phía cửa sập. Không có ai. Anh tiến đến gần, kéo lê đôi giày da mộc trên lớp bụi rồi cúi nhìn xuống hố, tay nắm vào một bên chân thang.

Phía dưới đen ngòm. Khalil không nhìn ra gì cả.

Một bậc thang lại cọt kẹt. Khalil ngồi xổm và thò đầu vào cái hố vuông đen ngòm. Có thể là cô gái ở tầng một chăng?

“Có ai ở đó không?” Anh thì thầm. “Mina, có phải cô không?”

Một hình thù hiện ra, cách mặt anh một mét. Và một cái đầu kỳ lạ trôi ra khỏi đêm đen đối diện anh. Một cặp mắt vàng. Không phải là người.

Khalil nhảy dựng về phía sau và hét lên. Anh tì vào thang để tránh ra xa hơn, cái thang rung lảo đảo. Một tiếng meo dữ tợn từ dưới hố vọng lên, con mèo bị đuổi vừa chạy trốn vừa càu nhàu.

Azim nhanh nhẹn nhảy bật ra khỏi vũng và chạy ngay đến bên người cùng gác, một tay đặt lên bao súng đeo bên thắt lưng.

“Có chuyện gì vậy?” Anh lúng túng hỏi, vẫn chưa tỉnh ngủ.

Khalil bật cười, một cái cười nhẹ nhõm.

“Sao? Có chuyện gì?” Azim hỏi, không chung cảm hứng với người cùng gác.

“Không có gì, chỉ là một con mèo. Một con mèo làm tôi sợ.”

Azim thở một hơi rõ dài trút bỏ toàn bộ sự căng thẳng vừa dồn đống trong lồng ngực. Anh đưa một tay lên vuốt mặt.

Bỗng Khalil nhảy dựng lên.

-Có tín hiệu! Có tín hiệu!

Toàn bộ dấu tích vui vẻ đã rời bỏ chàng thanh niên lúc này đang chỉ ngón trỏ về phía Bắc, đôi mắt muốn lộn tròn.

Azim nhìn theo hướng được chỉ và phát hiện ra, trên đỉnh một tòa nhà nhỏ, một luồng ánh sáng được vẫy từ phải sang trái.

Azim siết chặt nắm tay. Cuối cùng cũng đến lúc.

Con *ghûl* vừa ra khỏi hang.

Toàn bộ phần Marion vừa đọc được viết rất kỳ lạ. Vừa kết thúc những quan sát về dấu hiệu phạm tội của Francis Keoraz, tác giả, Jeremy, đã vẽ ngay mũi tên chỉ thẳng đến những trang cuối cùng của cuốn nhật ký. Marion đọc được ở đó một chương phụ rất dài dành riêng cho Azim và cái đêm vây đồn con quái vật. Hẳn Jeremy đã sử dụng một phần những gì người đồng nghiệp kể lại với anh, thêm cả những lời kể khác nhau mà anh ít nhiều thu thập được, giả dụ như của Khalil, người mà anh đã gặp trực tiếp.

Tuy nhiên Marion không tin Jeremy lại bị thuyết phục trước những khác biệt hoàn toàn là tưởng tượng trong cảm xúc của Azim. Đôi khi, anh viết như thể mình chính là viên thám tử Cairo nhỏ bé.

Cô lấy làm lạ về phần chú dẫn ở cuối cuốn nhật ký, như thể đó là phần được viết thêm vào phút chót, không thể lồng được bằng cách nào khác ngoài việc dùng mũi tên vẽ ở đầu trang. Vậy là cô quyết định đọc xen kẽ với chương cô đang đọc, thuộc phần nửa cuối câu chuyện. Cô tuần tự chuyển từ cuộc săn đuổi trong những con hẻm thuộc khu phố phía Đông của Azim sang bữa ăn tối của Jeremy tại nhà Keoraz. Nỗi hồi hộp chỉ càng tăng thêm.

Cô khẽ rướn người trên giường và kiểm tra giờ trên đồng hồ báo thức. Mười hai giờ rưỡi đêm. Đã muộn rồi.

Thế thì sao hả cô mình? Mai là Chủ nhật... Mà ở đây thì...

Cô sẽ đọc, đọc tiếp, đọc nữa. Đọc cho đã. Ít ra là kết thúc phần dẫn đến đoạn cuối cuốn nhật ký, phần nói về Azim.

Bên ngoài, mưa đã ngừng rơi. Marion liếc nhanh ra phía cửa sổ. Hàng hiên nghĩa địa bàng bạc dưới ánh trăng cuối cùng cũng ra khỏi màn mây phủ. Gió thổi qua phố, dọc theo các mặt tiền và uốn lượn quanh các bia mộ.

Mỗi cây thánh giá bằng đá của khu rừng tang tóc này mang trên mình một hình thánh Giêsu, kết quả thần thánh minh chứng cho sự chuyển mùa thông qua tình trạng ít nhiều suy tàn sớm. Giữa những cơ thể méo mó và rời rạc đó, Marion nhìn ra một khuôn mặt.

Một cái đầu tròn trắng lên dưới ánh trăng. Đôi mắt trông thật hơn cả thật. Nổi bật mỗi và vùng tranh tối tranh sáng giảm đi. Và Marion hiểu rằng cái đầu đó không được đặt trên một chữ thập. Mà là trên một cơ thể sống. Đó thật sự là một con người.

Cô giật nẩy mình. Có một người đàn ông trong nghĩa địa. Hẳn theo dõi cô.

Marion vội vã tắt đèn để bóng tối phủ lên căn phòng. Cô rời giường đi đến chỗ cửa sổ con. Cô cẩn thận ẩn mình sau bức tường, chỉ ló mỗi mắt phải để nhìn ra bên ngoài.

Người đàn ông đang đứng giữa những ngôi mộ. Hai tay đút trong túi áo gió. Anh ta đung đưa trong đêm để xem việc gì vừa xảy ra trong căn phòng của Marion. Đó là Ludwig. Người gác đêm.

Marion thở phào. Một đám mây hơi nước hình thành trên kính cửa sổ ngang tầm với miệng cô. Ludwig nghiêng người về phía trước, lưỡi thè ra. Anh ta giơ một tay lên, lưỡng lự, không chắc đang nhìn thấy gì, rồi thân thiện ra hiệu một cách đầy ngẫu hứng với Marion.

Cô kìm mình để không đáp lại. Cô đợi cho đến khi anh ta nhún vai và ưỡn oải bước ra khỏi nghĩa địa mới quay trở lại giường trùm chăn.

Chỉ còn thiếu mỗi nước đó thôi. *Một tay gác đêm rình trộm!* Anh ta rình cô từ bao lâu rồi? Anh ta không có việc gì thú vị hơn để làm hay sao?

Vào giờ này, trên Đỉnh... chắc là không rồi, không...

Nếu là một thằng nhóc mười lăm tuổi tìm cách nhìn cô thay đồ thì sẽ làm cô khẽ cười, nhưng Ludwig... Một người trưởng thành có trách nhiệm... *Một thằng ngu chính hiệu, đúng thế đấy!* Cô nổi khùng. Cô tự hứa sẽ khiến

anh ta mất mặt khi họ gặp nhau lần tới, phải tìm những lời đối đáp ra trò để xạc cho anh ta một trận, để lần sau anh ta không dám lặp lại nữa.

Giờ thì ham muốn đọc tiếp đã tiêu tan. Cô không còn tâm trí nào đắm mình vào Cairo những năm 1920 nữa. Thắp đèn lên lại càng không!

Marion ngã người xuống đồng chần để đỡ giấc ngủ và cô trần trọc rất nhiều trước khi nhắm mắt, đầu vẫn nghĩ đến Ludwig. Nỗi sững sờ càng lúc càng biến thành cơn tức giận.

Gió mạnh dần, hú lên như một phi đội chim đêm thực thụ. Gió lượn lờ phía trên khu làng còn biến xô đến đập vào những cánh cửa trên bức tường thành.

Marion vịn vào lan can để bước lên các bậc thang dọc theo tường thành.

Con bão ập đến lúc sáng sớm. Các cánh cửa chớp đập vào tường với sức mạnh chết người. Những ngọn sóng biển như những chiếc chũm chọe uốn lượn va mạnh vào nhau làm bắn lên những chùm bọt run run đập vào các ngọn tháp, làm ô uest vách đá bằng thứ lạt thú cuồng nộ.

Marion khom người tránh bớt luồng gió thốc, bên tay còn rảnh giữ chặt lấy áo khoác, chiếc túi đập qua đập lại bên sườn đau nhói. Ngay khi thức dậy, cô quyết định không đọc trong phòng khách mà trong một khung cảnh thích hợp hơn, một phòng của Kỳ Quan.

Chính trong lúc đi lên cầu thang dẫn tới Bạc Lớn bên trong, cô mới nhận ra được mức độ nguy hiểm. Ham muốn đọc của cô trở thành một ý tưởng ngu ngốc, một thói đổng đánh đáng tiếc. Ở đây gió còn mạnh hơn cả trong làng; nó lao từ trên đỉnh xuống qua các bậc thang, hút sâu vào con hẻm giữa một bên là vách cao của khu nhà ở tu viện và một bên là nhà thờ. Sự bạo liệt của nó còn đáng sợ hơn cả những tiếng gầm rú đứt đoạn, nó quấn chân Marion, thổi phần phật vào quần áo cô như muốn hít hà chúng trước khi quật cô ngã. Mỗi lần nhấc chân lên, cô lại có nguy cơ bị mất thăng bằng và lộn ngược về phía sau. Con gió này có phần ma quái.

Cô, thường ngày vốn thuộc kiểu người lý trí, không thể không nghĩ đến bộ phim *Quý ám*. Cô có cảm giác một sức mạnh siêu nhiên đang lao xuống từ phía trên cao các bậc thang để cuốn theo tất cả, rằng gió chính là hơi thở của quỷ. Giữa cảnh hỗn loạn đó, bài hát lễ của dòng tu cất lên sáng Chủ nhật nghe đượm vẻ cứu thế.

Marion cố đẩy một cánh cửa rồi dồn tất cả trọng lượng cơ thể đóng sập ngay lại.

Cô lắc đầu.

Chưa bao giờ thấy cơn bão nào thế này!

Vừa hoàn hồn cô đã nghĩ ngay đến sự điên rồ quý quái của mình khi muốn tự quăng mình ra giữa trời. Thật chẳng ra sao cả, nhưng chuyện đó không làm cô ngạc nhiên cho lắm, cô vẫn luôn có trí tưởng tượng rất kỳ dị.

Cô đi qua một hành lang, xuống cầu thang và phát hiện một căn phòng nhỏ hơn. Gió hát ê a câu thần chú của nó vào trong tận các bức tường của tu viện, găm rít và dội lại giữa lòng nhà thờ rồi đập các cửa sổ cao hai bên tường.

Marion kiểm tra xem cuốn nhật ký có còn trong túi không. Cô chọn đến đây đọc thật đúng ngày.

Có phần nhón nhác, cô đi thơ thẩn theo bản năng cho đến khi gặp một cánh cửa khóa. Lục lọi trong chùm chìa khóa của mình, cuối cùng cô cũng tìm thấy chìa và bước vào một phòng dài ở tầng giữa Kỳ Quan, phòng đón khách. Việc ít khách du lịch vào mùa đông cho phép dòng tu chuyển phòng này thành phòng làm việc. Nhiều bàn học bằng gỗ được xếp đối diện nhau, giữa các bàn chất đầy sách cổ. Marion kiểm tra để chắc chắn là không có ai rồi mới tiến lại gần. Nhiều văn bản có từ thế kỷ 13. Các thầy tu đã thu thập được một số lượng lớn giấy cổ, cũ ở nhiều mức độ khác nhau, và dùng nhiều loại mực cho việc phục chế. Những mảnh da chưa viết chồng chất lên nhau giữa những lọ đựng màu cùng tất cả các loại dụng cụ tương xứng với đồ nghề của Tòa án dị giáo dùng để khôi phục các bản viết tay.

Marion di chuyển giữa những chiếc ghế. Nơi này rất lý tưởng để đọc sách. Than ôi, rất có thể các thầy và các xơ sẽ đến đây trong ngày; ngoài việc cô có lẽ không được chào đón thì cô còn mất đi sự yên tĩnh đang tìm kiếm.

Marion đóng cánh cửa lại sau lưng và còn đi thơ thẩn thêm chút nữa rồi đẩy một cánh cửa khác, từ đó cô nhìn bao quát phòng Hiệp Sĩ, phòng trước đây dùng để sao chép sách bằng tay. Lần này, cô sẽ được yên thân.

Cô đến ngồi dưới một cửa sổ để mắt không phải găng sức trong bóng tối bao quanh, kiểm tra thêm một lần nữa để chắc rằng chỉ có mình cô, rồi quay trở về cái đêm tháng Ba năm 1928, khi Azim lần theo con *ghûl* bí hiểm kia trong lúc Jeremy trải qua buổi tối ở nhà Keoraz.

Đúng lúc đó, gió xô đến, đập vào kính cửa sau lưng cô, tiếng đập khô khốc như một linh hồn đang dán mặt vào đó, để đến lượt mình, cũng đọc câu chuyện kỳ lạ nọ.

Bữa tối kết thúc, họ đi sang phòng khách nhỏ.

Jeremy từng tìm cách từ chối lời mời, có thể viện ra hàng nghìn lý do chính đáng để thoát thân, nhưng không lý lẽ nào ra khỏi tâm trí anh được, và anh đã cảm lặng cho đến khi không thể lùi bước.

Francis Keoraz là người dẫn dắt câu chuyện, tập trung vào chính mình, vào thành công của bản thân mình, miêu tả vinh quang của mình với vẻ chán nản đáng ngạc nhiên. Sau một giờ đồng hồ, Jeremy coi thử thách này như một cơ may không ngờ để có thể nắm rõ hơn nữa về con người Keoraz. Dò dẫm thái độ ông ta để tìm ra kẽ hở, để hiểu thấu đầu óc ông ta nhằm lập bản đồ những ngoắt ngoéo quanh co trong đầu óc ấy. Nghe thì tự phụ, nhưng ý nghĩ này khá hấp dẫn Jeremy.

Anh cẩn thận không để lộ thông tin cá nhân khi Keoraz hỏi han anh, tuy nhiên Jezabel thỉnh thoảng lại thích thú xen vào vài lời châm chọc. Một điều lạ là, dần dà theo bữa tối, cô bớt châm chích và trở nên chăm chú hơn, thậm chí có lúc còn đồng lõa. Hai lần liền, cô nhắm hỏi Jeremy xem anh có nhớ ngày nọ ngày kia cùng những chi tiết trong cuộc sống trước đây của họ không. Lần nào viên thám tử cũng nhận thấy mắt Keoraz ánh lên vẻ loang loáng đặc trưng của con dao ghen tuông. Ít ra thì anh và ông ta cũng có một điểm chung, anh tự nhủ với vẻ mỉa mai chua chát.

Chủ nhà rót cho cả ba người họ một loại rượu tiêu cơm do ông ta nhập thẳng từ Scotland, rồi mở một hộp thuốc lá Nestor bằng sắt rất đẹp để Jeremy lấy ra một điếu.

“Thám tử này, anh có chơi bi a không?”

“Cũng đôi khi.”

Keoraz nhếch mép thích thú nhìn anh và ra hiệu cho anh theo ông ta sang phòng bên. Một bàn bi a tuyệt đẹp bằng gỗ sáng bóng hiện ra dưới cây đèn rú tua.

Jeremy rít một hơi thuốc lá và thốt lời cầu nhàu thỏa mãn.

“Thuốc ngon, phải không nào?” Keoraz cười khùng khục vẻ đồng lõa. “Tôi mua nguyên thùng ở Groppi’s, cả một gia tài đấy! Nhưng thứ thuốc lá này đáng giá từng đồng bạc bỏ ra...”

“Đối với những người có khả năng làm vậy,” Jeremy không thể ngăn mình thêm vào.

Mỗi người cầm lấy một cây cơ rồi Jeremy mở cuộc. Jezabel ngồi xuống một cái ghế băng bọc nhung, tay cầm ly.

“Anh có chơi ở câu lạc bộ nào không?” Keoraz hỏi khi ván bi a bắt đầu được vài phút.

“Tất cả các câu lạc bộ ngoài đường. Bất cứ nơi nào có một cái bàn bi a, một bạn chơi và một lời mời.”

Keoraz nghiêng người xuống lớp dạ đệm màu xanh lá cây.

“Nếu có dịp, hãy đến Sporting Club ở Gezira chơi cùng chúng tôi, anh sẽ có dịp hạ kha khá kẻ ba hoa tự phụ.”

“Tôi sẽ suy nghĩ chuyện đó.”

Keoraz chỉnh đường ngắm bằng cách trượt cây gậy trong lòng bàn tay, khuôn mặt nghiêm nghị. Ông ta thực hiện cú đánh và quan sát độ lệch của đường đi do cú đánh tạo ra.

“Tại sao lại dừng quỹ?”

Keoraz, rõ ràng không chờ đợi câu hỏi này, bỏ mặc cú đánh cộng và nhìn Jeremy soi mói.

“Tại sao ư?” Ông ta nhắc lại với vẻ nghiêm trọng bất ngờ. “Theo anh tôi là loại người gì? Một kẻ gian ác keo kiệt và khó chơi? Hay một người bác ái giấu mình dưới vẻ doanh nhân quàu quạu? Ồ, đừng mất công trả lời, nhìn mặt anh là tôi biết anh nghĩ gì. Và anh muốn biết ư, anh Matheson? Anh

chỉ đúng một nửa, còn một nửa là sai. Tôi là cả hai, thám tử ạ. Như mọi sinh linh trên hành tinh này. Tôi không trắng, không đen, không gì ngoài không màu sắc và vất vả tìm cách để không bị lạc đường vì mù quáng trước màu này hay màu khác. Từng bước một, tôi dần nhuộm màu thuộc phía tôi đi chệch vào trước khi tìm lại được sự cân bằng. Và cứ tiếp tục như vậy...”

Jeremy đi một vòng quanh bàn để xác định góc tốt nhất trước khi ra ghế.

“Mọi sinh vật trong thế giới của chúng ta không nhất thiết phải là màu xám, nếu tôi có thể cho phép mình nói vậy,” anh bình luận.

“Tôi đâu nói thế. Chúng ta không có màu gì cả, chúng ta nhuộm màu từ ý nghĩ và hành động của bản thân. Mà những thứ đó thì hay thay đổi và đa dạng hết như bảng màu của họa sĩ.”

Keoraz đưa cây cào cho Jeremy, anh từ chối bằng một cái hất cằm.

“Quỹ của tôi là tất cả những gì tôi có thể làm để nói với đất nước này rằng tôi yêu quý nó, thám tử ạ, theo kiểu của tôi. Tôi có nhiều tiền không sao đếm nổi, tôi có thể làm gì để tỏ lòng cảm ơn thành phố này đây? Chăm sóc con cái của nó, những công dân tương lai. Theo truyền thống Cairo, tôi đã lập ra một quỹ giáo dục, gần giống một *waqf** vốn cho phép xây dựng những đài phun nước khổng lồ ta thấy trên các phố, với một phòng trên tầng, để dạy kinh Coran. Khác biệt duy nhất là quỹ của tôi theo hướng giáo dục phổ thông, và dành cho các gia đình hiếm hoi chịu cho con gái cũng như con trai mình đi học.”

“Ngài Keoraz đáng sợ tặng văn hóa cho trẻ em Ai Cập!” Jeremy thốt lên, giọng cường điệu. “Khâm phục!”

“Anh không tin thế, phải vậy không? Anh thuộc những kẻ nghi ngờ muốn tìm xem tôi giấu giếm gì sau hành động trặc ẫ, hào phóng, không thể có từ một nhà triệu phú cứng rắn trong kinh doanh đó. Tôi xin nói lại ở đây: không gì cả. Không gì ích kỷ hơn ngoài việc để tôi cảm thấy nhẹ nhõm mỗi buổi sáng. Chắc anh sẽ nói rằng tôi tạo nên quỹ đó để cứu chuộc lương tâm, tôi thì tôi nói rằng nó mang lại cho tôi một kiểu thanh thản, vấn đề quan điểm thôi, tôi nghĩ vậy. Tôi không phải là con quỷ mà ai cũng muốn

tìm thấy nơi tôi. Như tôi đã nói với anh: tôi giống với mọi người khác, không hoàn toàn xấu, không thật sự tốt.”

“Tuy nhiên, vẫn có những người xấu. Những con quái vật có thể làm điều tồi tệ nhất.”

Keoraz cầm cây gậy bi a trước mặt, dựng thẳng đứng, hai tay tì lên chuôi gậy, ngang tầm với xương ức.

“Vấn đề là ở chỗ đó, anh bạn thân mến ạ. Vết rạn của cái ác.”

Jeremy vào tư thế chơi.

“Vết rạn của cái ác?” Anh hỏi. “Tôi chưa bao giờ nghe nói.”

“Sự phân cách giữa những người nghĩ rằng lũ quái vật tồn tại và những người nghĩ rằng con người sinh ra bản tính đã lương thiện, hoặc ít nhất cũng trung tính, rồi trở thành con người anh ta hiện nay sau các thử thách. Cái ác là một phần hay là sự biến chất của xã hội của chúng ta?”

“Rousseau phải không?”

Keoraz nháy mắt với vị thám tử.

“Tốt. Nhưng không chỉ vậy. Vết rạn của cái ác, đó là câu hỏi đã ám ảnh loài người ngay từ nền văn minh đầu tiên. Chúng ta là kết quả của kinh nghiệm hay chúng ta sinh ra đã được định sẵn các lãnh nghiệm? Những tên tội phạm tồi tệ nhất là tội phạm vì chúng đều đã trải qua những đau đớn tồi tệ nhất trong quá trình hình thành nhân cách hay vì chúng được sinh ra với khuynh hướng bạo lực?”

Jeremy ngừng cú đánh trong khi nghe câu hỏi.

“Chẳng phải mới đây một nhóm các nhà tư tưởng đã bàn ý kiến cho rằng chính trẻ em, qua sự phát triển của chúng, đã tạo nên nền tảng tính cách của chúng ta ư? Một đứa trẻ bị những đứa trẻ khác ở trường hành hạ có thể phát triển một thứ kiểu như... cơ chế tự vệ, bằng cách căm thù những đứa trẻ khác, không hề phân biệt và...”

“Tút-tút-tút, thám tử, tôi cắt lời anh. Vấn đề không phải là biết tình huống đó làm nảy sinh những gì trong đầu đứa trẻ, mà là ‘tại sao ta lại rơi vào tình huống đó?’ Tại sao đứa trẻ đó lại khiến các bạn nó giận dữ và căm

thù? Vì những hành động xấu của nó, vì những lời nói độc ác hay vu khống của nó, tôi giả dụ vậy. Tại sao nó lại có thái độ tồi tệ như thế?”

Keoraz bước vào trạng thái lâng lâng của các nhà hùng biện lớn, bị cuốn hút bởi phép màu cũng như xúc cảm họ truyền cho từng lời nói của mình. Ông ta tiếp tục:

“Cái ác là một chứng bệnh ta nhiễm phải qua quá trình sống, giống một căn bệnh tâm hồn, giống nổi u sần theo cách nào đó, hay nó là thứ sức mạnh bí hiểm nằm trong mỗi tế bào của chúng ta ngay từ những tia sáng đầu tiên khi chúng ta thành hình? Hai cái nhìn tách biệt về bản chất cái ác. Đó chính là vết rạn của cái ác. Một cuộc tranh cãi bất tận về sự tồn tại của cái thiện và cái ác, hay về bản chất không màu và tính đối màu như loài tắc kè của con người?”

Jeremy thọc gậy nhưng bị trật mất cú đánh.

“Ờ kìa, Jeremy, cuộc tranh luận về bản chất giữa chúng ta làm trời dậy điều mâu thuẫn nào đó trong đầu anh hay sao?” Jezabel chế nhạo, lần này cô đã lấy lại vẻ ngạo nghễ.

Viên thám tử nhường chỗ cho nhà triệu phú, không đếm xỉa đến Jezabel.

“Tôi thú thật là không xác định được mình ở phía bên nào của vết rạn của cái ác đó, tôi... Tôi từng có những lần chứng kiến bản chất kinh khủng của một số người trong chúng ta. Tôi không nói là chúng ta sinh ra đã ác hay trở nên ác, tôi sợ rằng hai điều này không cách xa nhau là mấy. Nhưng tôi biết sự sống mang trong mình cái ác. Và rằng ngay cả những kẻ tốt đẹp nhất cũng có đôi lần trượt sang phía bên kia, bị nhiễm bệnh mà không có hy vọng thuyên giảm. Con người có khả năng làm tất cả mọi chuyện.”

Giọng điệu và biểu cảm trên khuôn mặt anh buộc Jezabel phải tôn trọng.

“Anh nói như thế chính anh từng là nạn nhân của sự biến đổi đó vậy.”

Không có chút chất vấn nào trong câu nói của cô, chỉ là một nhận xét bối rối.

“Theo một cách nào đó.”

“Thám tử nào cũng mang trong mình vết thương đó sao?” Cô hỏi, gần như dụi dằm.

“Chuyện đó không liên quan gì đến nghề nghiệp của tôi cả.”

Keoraz chột hiều ra. Ông ta đặt cây gậy xuống bên cạnh bàn.

“Chiến tranh...,” Ông nhấn giọng.

Jeremy ngược mắt nhìn ông ta. Keoraz giải thích:

“Anh đủ tuổi, đủ điều kiện thể chất và trí tuệ để phục vụ trong Đại chiến.”

Jeremy liếm môi. Anh đưa mắt tìm cốc của mình. Jezabel đứng dậy, không nói một lời, mang nó lại cho anh.

“Chính trong những tình huống cực điểm mà con người thể hiện bản chất thật của mình, đó không phải là một lời sáo rỗng được xác nhận hay sao?” Anh vừa nói vừa nhấp một ngụm. “Qua kinh nghiệm, tôi nói rằng cái ác cũng là một bản chất trong vũ trụ, giống như một cơn sốt trong xã hội chúng ta.”

Keoraz lại gần, tay cầm một cái bình pha lê, rót tiếp cho Jeremy.

“Chúng quả là kinh khủng, những hành động dã man trong quân đội, nhưng tiếc thay chúng lại mang tính đặc thù của hoàn cảnh,” nhà triệu phú thuyết trình.

Jeremy lại uống tiếp, hai cốc đầy tràn.

“Hoàn cảnh chỉ là một cái cớ. Điều tôi nói với ông không liên quan đến các vụ giết người chống lại quân Đức. Mà là những gì xảy ra trong lòng một đơn vị. Giữa những người Anh hào hoa phong nhã.”

Jezabel khoanh tay trước ngực.

“Trong thời kỳ đỉnh cao của tàn sát có tổ chức, tôi đã chứng kiến một cuộc tra tấn bi ối nhất. Một nhóm hạ sĩ quan, đời bại, hỗn loạn vì đã quá lâu sống trong máu và bùn. Và một người lính trẻ, quá trong trắng. Trẻ trung và đẹp tựa bãi cát sau khi biển vừa rút, không tì vết.”

Đôi mắt ướt của anh run rẩy dưới ánh đèn phòng bi a.

“Tôi đã chứng kiến họ tra tấn anh ta. Biến anh ta thành một kẻ để hiếp đáp, thành một nơi để hết kẻ này đến kẻ khác giải tỏa cả về thể xác, tinh thần lẫn tình dục. Họ không từ bất cứ điều gì. Không điều gì hết. Việc đó kéo dài tám tháng. Rồi giữa mỗi cuộc tra tấn là những trận chiến, xương thịt nát nhừ bắn tung tóe trong tiếng gầm của đạn pháo, tiếng rú của những người cách đó ba giờ đồng hồ còn chơi bài với ta, và mặt đất khô khan là điểm mốc duy nhất, một trảng đất bị vũ khí giày xéo và ngập ngụa máu, nơi chỉ mọc lên mầm mống của tuyệt vọng.”

“Không ai can thiệp cứu người lính trẻ đó ư?” Jezabel phẫn nộ thì thầm, giọng lộ rõ xúc động.

“Chúng tôi bị tách rời khỏi phần còn lại của đại đoàn, một đồn cô lập, chỉ huy là một sĩ quan quá mù quáng vì phẩm hạnh đạo đức nên không chịu chấp nhận chuyện cấp dưới của mình có thể làm những việc như vậy. Trong chiến tranh, bộ máy chỉ huy là hằng số duy nhất phải tôn trọng. Anh có thể chết vì đói, vì rét hay vì bom đạn, nhưng không bao giờ được quyền nghi ngờ cấp trên. Hình phạt sẽ là cọc xử bắn. Và những kẻ tra tấn toàn là hạ sĩ quan. Gây hấn với họ đồng nghĩa với tự sát.”

Jeremy cầm lấy bình nước mà không xin phép và tự rót cho mình thêm cốc nữa.

“Một ngày kia, có một người, tên anh ta là Dickey, đã can thiệp. Anh ta không chịu nổi tiếng gào khóc của người lính trẻ kia nữa. Khi thấy ba, bốn tên hạ sĩ đến gần để tra tấn ‘món đồ’ của chúng, Dickey đứng dậy chặn đường. Anh ta đã phải ra trạm xá mất ba ngày, khi trở về, đám hạ sĩ đối xử với anh rất khắc nghiệt. Một tuần sau thì anh chết, trong một hố đạn súng cối. Kể từ đó, cả đơn vị phải nhắm mắt bịt tai mỗi khi cần. Phần lớn những người đàn ông đó đều có người yêu hoặc vợ con, họ muốn được về nhà. Cái chết rình rập quá thường xuyên trên chiến hào và các dãy thép gai nên họ không muốn kéo nó vào tận trong chăn mình nữa. Thời buổi chiến tranh, nhắm mắt lại vẫn dễ hơn.”

“Bản thân anh thì sao?” Keoraz hỏi.

“Tôi chờ cho qua.”

“Việc đó kết thúc thế nào?” Jezabel hỏi, giọng xúc động.

“Trong máu.”

Jeremy uống cạn cốc rượu, ném cái nhìn vô hồn vào hư không.

“Đến một ngày,” anh tiếp tục,. “người lính trẻ đó không chấp nhận phục tùng nữa. Đó là khi anh ta không thể chịu đựng thêm, tôi đoán vậy. Đám hạ sĩ quan mua vui với anh ta bằng lưỡi lê. Tất cả những người lính khác lần lượt ra khỏi lều. Cuộc hành hạ kéo dài nhiều giờ. Ga trải giường sau đó thấm đầy máu. Lần ấy, đám đao phủ đó không thể che giấu sự dã man, và người lính trẻ bất hạnh được chuyển đến trạm xá. Nghe đồn anh ta không mở miệng nói gì suốt nhiều ngày, không một lời nào, không một tiếng kêu đau, anh ta chỉ ỉa ra máu. Với khuôn mặt sưng vù và một vết rạch khổng lồ trên ngực.”

Trong khoảng im lặng sau đó, Keoraz châm một điếu xì gà, mắt không rời khỏi vị thám tử. Jezabel khóc. Đôi đồng tử màu xanh lá cây sồi sục của cô phủ một màn nước mắt, cô mím môi ngăn những tiếng nức nở đang dâng lên dồn dập.

“Chuyện gì xảy ra với đám hạ sĩ quan?” Keoraz hỏi.

“Chúng bị tòa án quân sự kết án. Nhưng cho đến khi bị tòa xử thì chúng đã tàn sát hơn nửa đơn vị trong những trận càn mang tính tự sát.”

“Còn người lính trẻ thì sao?”

“Tôi không biết. Anh ta chết hoặc cũng gần như thế, tôi cho là vậy. Trừ phi cái ác đã ngấm vào anh ta do quá thường xuyên tiếp xúc với nó. Dù thế nào thì cuộc sống của anh ta cũng đã bị hủy hoại.”

Jeremy quay người về phía Jezabel đang nhìn anh không chớp mắt, nước mắt chảy xuống viền môi cô, đọng thành một viên ngọc long lanh.

Từ nay về sau cô sẽ nhìn thấy gì ở anh? Hình ảnh nào sẽ được gọi lên khi cô nghe tên anh, khi cô nghĩ đến những kỷ niệm chung giữa họ? Anh vẫn luôn nói dối khi cô hỏi về quá khứ của anh, về việc anh tham gia chiến tranh, vẫn luôn ngụy trang sự thật đó bằng những lời nói dối lặp lại không dứt đến mức bản thân anh cũng tin rằng chúng là sự thật.

“Keoraz, ông thấy đấy,” Jeremy nói bằng giọng trầm và run rẩy một cách bất thường. “những kẻ ác tồn tại, chúng có thể làm những việc tồi tệ nhất. Có thể tồn tại cả những người trở nên ác, vì từng là nạn nhân của cái ác, họ mang nỗi đau của mình như những hồn ma không tìm được sự xá tội. Tuy nhiên, có những kẻ làm việc ác mà không hề tranh đấu với chính mình, không cần nguyên cớ, không có dẫn vật nội tâm, ngược lại, chúng còn hả hê. Những kẻ đó là những con quái vật.”

Anh cúi xuống đưa cho Jezabel một cái khăn mùi soa vải anh rút ra từ túi áo vest. Không buồn nhìn người đối thoại với mình, anh tiếp tục vẫn bằng giọng chất chứa giận dữ và đau đớn:

“Và những kẻ đó không xứng đáng được xử tội, chúng chỉ xứng đáng với cái chết. Chỉ cái chết mà thôi.”

* * *

Đùi căng ra vì gắng sức, Azim trèo lên những bậc cuối cùng của tòa nhà trước khi leo thang lên mái. Khalil chìa một tay chờ anh.

“Sao? Anh nhìn thấy gì? Có đúng là cái... con quỷ không?”

Azim ngồi phịch xuống thảm, tay với lấy chum nước.

Khalil múc nước cho anh.

“Báo động nhầm,” Azim lau nhàu giữa hai ngum nước.

“Nhưng... Nhưng cái tín hiệu...”

“Một người quá kích động, anh ta nhảy bổ đến cái đèn khi vừa thấy một hình thù có dáng đi kỳ dị. Hóa ra là một người què, chứ không phải con vật của địa ngục.”

Vẻ thất vọng hiện trên mặt chàng thanh niên.

“Anh tin rằng ta sẽ gặp nó thật ư?” Khalil hỏi.

“Tôi không biết, Khalil ạ, kế hoạch của tôi dựa trên một xác suất điên rồ. Vài tuần vừa rồi con *ghûl* bị bắt gặp nhiều lần trong khu này, nếu chúng ta

gặp may, thì có thể... Thôi, giờ anh nghỉ đi, tôi canh rồi anh sẽ thay phiên tôi những giờ cuối cùng trước khi trời sáng.”

Khalil trèo lên một cái vông và chẳng mấy chốc đã chìm vào giấc ngủ chập chờn. Azim quán người trong chăn rồi ngồi canh, ở một góc mái nhà, quan sát vẻ mờ dần của khu phố. Lớp màn do các ngôi sao tạo nên chiếu sáng dáng hình hỗn loạn của Cairo.

Azim không còn mệt chút nào, cuộc chạy đua trong các con hẻm khiến anh tỉnh táo trở lại, nỗi sợ hòa trộn với sự kích thích thành một món cocktail hưng hực. Ấy vậy mà, mới hồi hộp làm sao! Việc đến gần kẻ tình nghi làm anh rùng mình hết cỡ. Tay đặt lên báng súng lục, sẵn sàng rút ra và xả đạn.

Nếu quả thật đó là con *ghûl*, phát bắn của anh có lẽ sẽ không giúp được gì nhiều. Theo truyền thuyết, chỉ sức mạnh của những lời cầu nguyện mới có thể xua đuổi con quái vật.

‘Này, cứ thú thật đi,’ anh thì thầm với chính mình. ‘Mày không tin điều đó. Không thì mày đã lao đầu vào nó dù biết rằng vũ khí là vô ích. Mày nghĩ rằng phía sau nó là âm mưu của một người.’ Thế thì hẳn là ai? Tại sao hẳn lại nhắm vào những đứa trẻ trong đêm? Hít người quần áo chúng, tìm cách vào phòng chúng như người bán hàng đã kể?

Azim đưa ánh mắt bối rối dò tìm trong các vết nứt của mái nhà. Anh không biết nên nghĩ gì nữa. Cơn mệt... Nỗi xúc động... Tập trung, không ngủ gật, chờ tín hiệu. Không gì khác...

Azim chờ đợi. Với sự cảnh giác cao nhất.

Nhiều giờ dần trôi qua, từng chút từng chút một. Các con phố vẫn tĩnh lặng. Giá lạnh đặc quánh, những cái chăn như ép sát thêm vào da và quần áo, theo bước chân đêm đen.

Azim ăn không biết bao nhiêu chà là trong khi chờ đợi. Một điều hết sức ngạc nhiên, ông thầy cả đến thăm anh vào tầm hơn một giờ sáng. Ông cảm thấy vô dụng khi ngồi đợi người đến nhà thờ tìm nên đã quyết định làm một vòng đi gặp những người canh gác để động viên họ. Azim và ông trao đổi một hồi, chủ yếu là về con *ghûl*, ông thầy cả chỉ dám nói khẽ đến tên

nó. Viên thám tử nhỏ bé bối rối khi phát hiện ra ông có vẻ sợ con quái vật. Trán ông đầm mồ hôi khi họ nói đến vai trò quyết định của thầy cả trong chuyện này nếu yếu tố con người bị loại bỏ.

Một tiếng sau ông bỏ đi, hứa sẽ để mắt đến các mái nhà và đèn hiệu. Nếu tín hiệu nổi lên, ông sẽ đợi năm phút, để Azim có thời gian xác định tình huống tại chỗ, rồi mới đến hỗ trợ, và sẽ giữ khoảng cách chỉ đủ nghe nếu cần.

Azim trở lại với sự tỉnh mịch và cô độc. Ý nghĩ của anh thơ thẩn linh tinh. Và dừng lại nơi người đồng nghiệp. Matheson không tin vào siêu nhiên. Anh ta từ chối để ngỏ một cánh cửa cho hướng điều tra này mặc dù đã có hai người khác nhau làm chứng. Tay người Anh có tiếng là kém thân thiện trong giới cảnh sát Cairo. Anh ta làm việc một mình, và khi không thể làm khác được thì anh ta cũng không chia sẻ, chỉ tiến hành điều tra theo cách riêng, giữ im lặng tuyệt đối. Thật là một đối tác tồi. Nhưng lại là một thám tử tài tình.

Tiếng tăm ‘người tin cậy’ đảm bảo cho mọi cánh cửa anh ta gặp đều mở, hoặc gần như vậy. Người ta nói anh ta rất bí mật về cuộc sống riêng tư. Azim, người bắt đầu hiểu anh ta, thích tính từ ‘kín đáo’ hơn. Matheson không chia sẻ, cả công việc lẫn cuộc sống riêng. Và thái độ tự vệ của anh ta hoang dại tựa những con thú bị thương, thích người ta để mình được yên, để băng bó các vết thương, ở đây là vết thương lòng. Phải rồi, nếu nghĩ cho kỹ, Matheson là...

Azim nhảy dựng về phía trước, đột ngột đứng dựng lên.

Một ngọn đèn cuống cuồng rung lên phía xa. Mạnh đến mức ngọn lửa khó lòng chịu nổi. Người phát tín hiệu đang thật sự khiếp đảm.

Anh ta không chỉ ra hiệu, không...

Anh ta kêu cứu.

Marion ngược mắt khỏi cuốn nhật ký.

Cơn bão cản bước mặt trời, trùm bóng tối lên căn phòng Hiệp Sĩ. Bóng các cột dài ra phủ lên những đường ranh giới trong phòng, chỉ thêm mấy ngọn đuốc gắn tường nữa là đủ để ta ngỡ mình quay về thời Trung cổ.

Trong giờ đọc đầu tiên, Marion nghe tiếng hát thánh ca vọng từ nhà thờ xuống, càng khiến cô thêm cảm giác đang đứng ngoài thế giới. Giờ chỉ còn mưa gió giật dữ ngoài kia làm bạn đường với cô, liên tục lao vào cửa sổ phía sau cô, gõ đập và gào thét trên mặt kính khiến cô giật nảy mình. Chốc chốc, một tiếng rên dài chói tai lại lượn quanh các hành lang bằng đá, yếu dần qua mỗi cánh cửa, cho đến khi chìm hẳn vào nền móng của Đỉnh.

Marion lục trong túi xách tìm một hai cái bánh quy mang theo. Cô chậm rãi ăn, thưởng thức từng miếng một. Lời tâm sự về trải nghiệm chiến tranh của Jeremy làm cô đặc biệt xúc động. Nó xuất hiện đúng lúc khiến người ta không thôi ngẫm về cái ác, và nguồn gốc của cái ác. Bên cạnh đó, cuộc canh chừng các con hẻm Cairo mà Azim cùng người của mình tiến hành cũng thật hồi hộp. Tình huống trở trêu, suy cho cùng lại thật nực cười. Người này vây đồn cái ác trong khi kẻ kia tìm hiểu bản chất của nó.

Marion vận động chân tay bằng cách đi bách bộ quanh cái lò sưởi gần nhất, dưới những vòm cung chìm trong bóng tối, cho đến tận lối đi trên cao phía Nam căn phòng. Cô tưởng tượng nơi này, tường phủ thảm dày vừa để giữ ấm vừa để ngăn thành các phòng nhỏ, lửa hừng hực trong lò sưởi, trong khi đám thầy tu cùng người trên bàn viết để tô chữ trang trí cho những bản thảo viết tay trên giấy nửa cứng. Mùi nến hắt phải thấm vào từng khuôn đất, đến tận những tấm thảm phủ sàn. Và ánh sáng hắt phải là một sinh vật

to lớn luôn di chuyển, luồn qua những màn trướng, làn da báo ma quái đốm đen đốm vàng hổ phách của nó uốn lượn trên trần nhà loe rộng.

Cô đang ở đó. Cô gần như nghe thấy tiếng ngòi bút lông cọ trên những miếng giấy da, tiếng lọ mực leng keng, tiếng ghế cọt kẹt, và tiếng tay áo sột soạt trên mặt bàn gỗ.

Marion len lỏi giữa đám thầy tu đang làm việc, giữa những cột đá lạnh, để đến gần khung cửa sổ và các đồ dùng của mình.

Các thầy tu biến mất dần, chỉ để lại một màu xám ẩm ướt phía sau. Marion uống một ít nước trong chai, cất nó vào túi xách và quay người để nhìn quang cảnh phía sau tấm kính. Cây cối bên dưới rung lắc đầy nguy hiểm, cành cây đập vào nhau muốn gãy, tất cả các bụi cây đều bị hơi thở cuồng bạo của gió lốc thổi không dứt tấn công.

Mưa xẻ nhỏ không khí khi rơi theo chiều gần như nằm ngang. Ở độ cao này, mặt biển hòa với bầu trời, những xoáy nước mưa bốc lên rồi rơi xuống rải rác khắp nơi mỗi khi không thể quyện vào nhau để nổ tung ra.

Marion hít một hơi rõ mạnh trước cảnh tượng ấy, rồi quay lại với cuốn sách bìa đen, để mặc Đỉnh chống chọi với thiên nhiên và thời tiết.

Cô đang đọc đoạn liên quan đến Azim, cái chương trừ danh bị đẩy đến tận cuối cuốn nhật ký.

‘Tôi dễ dàng tưởng tượng ra cảnh Azim chạy trên nền đường vẫn còn ấm nóng của khu phố, giữa cái đêm đầy sao đó, rồi trên nền đất các con hẻm, buộc phải chú ý người ở những chỗ ngoặt để chuyển hướng dễ hơn, chỉ vừa vặn tránh khỏi những đồng rác bên đường. Khi đến gần khu vực có tín hiệu báo động, Azim chắc chắn sẽ bình tĩnh lại, để vừa đi vừa lấy lại hơi, để khó bị phát hiện hơn. Anh ta phải thận trọng. Anh ta đang lần theo vết con ghê... Tâm trí anh ta bị giằng xé giữa những niềm tin của tổ tiên và kiến thức khoa học tiếp thu được từ nền giáo dục thuộc địa. Đó hẳn là thế tiến thoái lưỡng nan. Rốt cuộc, anh chờ gặp cái gì? Một con quái vật thật sự hay một kẻ bệnh hoạn cải trang? Sức nặng của khẩu súng lục hẳn không còn là niềm an ủi thật sự với anh. Azim đang ở trong...’

Marion dừng đọc.

Cánh cửa lối đi phía trên vừa mở ra. Một bóng người trùm mũ choàng xuất hiện. Cái bóng bắt đầu vừa đi dọc căn phòng vừa đảo mắt nhìn quanh rồi đứng lại. Nó quay về phía Marion, cái mũ trùm rơi xuống. Thầy Gilles đặt hai bàn tay nhăn nheo lên lan can bằng kim loại và nhìn cô chăm chăm.

“A, ra là cô...,” Cuối cùng ông ta nói, vẻ không vui.

“Chào thầy.”

“Cô không nên ở đây, đang bão, cô nên ở trong phòng mình thì hơn.”

Marion kéo cái áo choàng một cách kín đáo nhất có thể để che cuốn sách bìa đen. Cô không biết ông ta có nhìn thấy nó không.

“Tôi muốn tận hưởng khung cảnh này,” cô giải thích.

“Cô chọn không đúng thời điểm rồi, và từ giờ trở đi, cô nên nhờ người đi cùng nếu lên tu viện.”

Marion chìa ra chùm chìa khóa nặng trĩu mà thầy Serge đã giao cho cô.

“Tôi có người hướng dẫn tốt nhất đây rồi,” cô khinh khỉnh chỉ vào chùm chìa khóa. “Chỉ cần kiên nhẫn một chút, tôi có thể mở mọi cánh cửa và vào bất cứ lúc nào tôi muốn.”

Marion há hê. Ông ta là người vốn không ưa gì khác ngoài chi phối mọi việc trên Đỉnh nên chắc giờ sẽ phải giận điên.

Thầy Gilles nhìn thấu cô bằng đôi mắt long lanh.

“Cô sẽ không đến than phiền nếu cô bị lạc hoặc chết...”

Ông ta nói thêm gì đó giữa hai hàm răng nhưng Marion không nghe rõ, rồi tiếp tục đi đường mình, ra khỏi phòng và mở cửa phía sau.

“Lão già ngu ngốc...,” Đến lượt cô thì thầm.

Cô vừa quay lại với cuốn nhật ký vừa hy vọng ông thầy không phát hiện thấy gì.

Marion không biết mình đã dừng ở chỗ nào nữa.

Azim.

Tín hiệu.

Con ghêl.

Chính nó, phải rồi. *Con ghêl...*

Azim chạy hết tốc lực qua các con hẻm, đôi giày đế da của anh vang dội trên mặt đường lát đá hoặc kê bồm bộp trên nền đất nện.

Anh đổi điểm tựa và hạ trọng tâm ở mỗi khúc ngoặt quá gấp, sửa chữa sai lầm vào phút cuối bằng cách tì khuỷu hay bàn tay vào tường một ngôi nhà, rồi lại lao vào con phố tiếp theo. Bóng đêm không thuận lợi cho anh, trong khi chạy anh không thể nhìn ra nào hổ, nào rác rưởi và đồ vật cồng kềnh chắn đường, và nhiều lần suýt ngã nhào.

Khi đến gần khu nhà nơi tín hiệu được phát ra, Azim giảm tốc độ, anh không được phép gây tiếng động. Các điểm mạnh trong kế hoạch của anh cũng kèm cả điểm yếu. Ở dưới này, ta không thể nhìn thấy tín hiệu nữa. Azim không có cách nào để nhanh chóng biết xem người canh gác còn trực ở đó không, vẫn đang vẫy đèn, hay đã dừng lại. Anh chỉ còn phải chạy qua một ngã tư nữa thôi.

Anh chàng người Ai Cập nhỏ bé men theo bức tường, cố gắng thở đều trở lại. Hướng anh phải đi đợi anh cách đó mười mét, há ngoác và độc địa. Azim lấy tay áo lau mồ hôi và đưa ngón tay vuốt ve khẩu súng lục. Sự tiếp xúc với nó không hề có tác dụng kỳ diệu nào, không hề giúp anh yên lòng. Anh đang theo dấu con *ghûl*.

Anh bước vào con hẻm tối tăm. Những vuông vải được treo rải rác trước cửa các ngôi nhà, để cản nắng. Nhưng vào giờ này, chúng làm cho con hẻm còn tối hơn cả một đêm không trăng.

Azim nhìn nhanh đỉnh tòa nhà nơi có thể người canh gác đang đứng. Làm sao anh ta có thể thấy con quái vật đi phía dưới qua cả mớ vải này?

Tất nhiên, chúng không che toàn bộ lối đi, nhưng chúng làm giảm trường nhìn...

‘Có thể anh ta nhìn không rõ!’ Azim nghĩ. ‘Lại là một báo động giả...’

Anh nhớ ngay đến các chuyển động hoảng hốt của cây đèn. Không, người phát tín hiệu phải thật sự hoảng hốt, đến mức không nhận thấy mình đang rung cây đèn quá mạnh, làm giảm ánh sáng của cây đèn, khiến hành động của anh ta gần như vô ích. Anh ta đã nhìn thấy cái gì đó.

Azim bước đi, các giác quan căng lên, anh tiến từng bước một, sục sạo trong bóng tối, sự tập trung của anh hòa lẫn vào nỗi sợ hãi bắt đầu nảy sinh. Anh gần như không nhìn ra gì cả. Sự cẩn trọng ra lệnh cho anh dừng lại và quay lui không chậm trễ. Nhưng anh không làm vậy. Giá như anh đúng thì sao? Nếu kẻ giết bọn trẻ con đang nằm trong tầm tay anh? Azim không có quyền từ bỏ. Nếu một đứa bé nữa bị tàn sát, anh sẽ cảm thấy thế nào?

Đang từ từ tiến lên thì anh cảm thấy một hơi thở. Chậm và sâu.

Con vật hằn đang núp trong một chỗ thụt vào, hơi xa một chút về bên phải. Azim cởi nút bao đeo súng và lôi khẩu súng lục ra. Anh biết là vô ích, nhưng sự tiếp xúc với nó cho anh sức mạnh cần thiết để tiến lại gần.

Đó không phải là con ghû... Đó là một con người... Azim không còn chắc chắn nổi điều gì.

Thêm một mét nữa.

Tim anh đập thành thịch, giục anh bỏ chạy, dẫn từng cú cảm lạnh rằng nó không muốn phải ngừng đập. Azim tiếp tục, tiến lên thêm một mét.

Khẩu súng lục của anh không còn chút sức nặng nào. Azim nhận thấy mình đang thả lỏng tay cầm súng, anh vừa lập tức nắm chắc tay trở lại vừa cố huy động toàn bộ sự tập trung, nỗi sợ hãi ngoạm lấy anh.

Anh gần đến nơi rồi. Hơi thở trở nên rấp hơn. Azim giơ tay cầm súng lên phía trước. Chỗ thụt vào đã nằm trong tầm nhìn của anh.

Anh nhẹ nhàng cúi người về phía trước. Bóng tối trong cái xó này càng dày hơn. Azim bắt đầu nhìn ra một thứ hình chữ nhật.

Một cánh cửa con.

Rồi anh hiểu ra. Một người đang ngủ và ngáy phía sau cánh cửa. Toàn bộ sự căng thẳng đang xâm chiếm viên thám tử nhỏ bé đột ngột dần ra, chảy xuống gót chân anh cho đến khi tan đi, nhường chỗ cho nỗi sợ duy nhất, trả lại cho anh đôi chân nhẹ bẫng, sẵn sàng quy xuống dưới sức nặng cơ thể anh.

Anh phải tiếp tục.

Một con mèo chột điên cuồng gào lên từ một lối đi phía xa hơn. Rồi có tiếng vọng của nhiều hộp gỗ đổ, và tiếng bước chân dồn dập.

Sự im lặng lại chiếm lấy El-Gamaliya ngay lập tức. Azim cất khẩu súng, đi hết quãng đường chia cách anh với lối đi đó. Anh dấn người vào góc ngoặt, chỉ để lộ ra một phần mặt.

Tất cả đều tĩnh lặng và trống trơn.

Đúng lúc đó con mèo hiện ra. Nó đứng bất động ở chỗ giao giữa các lối đi, tai vểnh về phía sau. Từ chỗ anh nấp, Azim cho rằng đó rất có thể là một con mèo hoang. Con mèo không hấn sợ người, chỉ đơn giản là dè dặt khi có người.

Azim ra khỏi chỗ nấp để đến gần con vật đang đứng rình. Con mèo hoang kêu một tiếng khàn như thể chân nó bị mắc vào một cái bẫy đau đớn rồi biến mất trong đêm. Azim không động dậy nữa. Hoàn toàn trợ trợ, ở giữa con hẻm.

Một hình thù dài nổi dần lên trong một góc ngã tư. Thân trên của nó dang lên giữa không trung, đầu nó ngẩng lên sau cùng. Nó được bọc trong một bộ quần áo thầy tu bằng vải, giấu đi hình dáng, khuôn mặt bị một cái mũ trùm che mất.

Hơi thở của Azim tắc lại.

Hình thù đó trèo lên một cái thùng hỏng rồi ngồi xổm xuống. Viên thám tử thấy hình như nó đang khẽ ngửa đầu về phía sau để... ngửi mùi.

Đột nhiên, nó nhảy về phía trước, không một tiếng động, với một tốc độ không ngờ. Nó đuổi theo con mèo.

Azim chờ người, anh không dám đuổi theo nó.

Anh đã nhìn thấy nó.

Con *ghûl*.

Nó có thật.

Con mèo lại gầm gừ, rồi phát ra tiếng khè khè dữ tợn. Trong một giây, tiếng kêu khàn chuyển thành tiếng kêu đau đớn.

Rồi lại không một tiếng động.

Azim phải hành động, nếu anh đứng đây, con *ghûl* có thể chạy mất, hoặc nhìn thấy anh nếu nó đi ra và lần theo vết anh. Anh hít một hơi, rón rén đi đến ngã tư, rồi lặng lẽ đi đến góc tường nơi anh nhìn thấy con vật biến mất. Lưng vừa chạm tường, anh đã nhận thấy một chuyển động qua khóe mắt trái.

Nó đi ra.

Azim ra sức dán chặt người vào vùng bóng tối. Con quái vật ở cách anh chưa đến ba mét. Bất động. Nó cầm con mèo trên tay. Con vật khốn khổ thông thượt, mềm oặt, một dòng chất lỏng đen nhỏ xuống đất. Chẳng mấy chốc sẽ có đủ máu trên mặt đất để tạo ra tiếng động ẩm ướt của một dòng chảy không ngừng.

Con *ghûl* đưa con mèo lên ngang tầm miệng và Azim nghe tiếng nó hít người. Những tiếng hít liên tục, ngắn và rít. Như thể nó tìm cách nhận biết mùi, viên thám tử nghĩ, nửa mê hoặc nửa khiếp sợ.

Vẫn không thể nhìn rõ khuôn mặt con quái vật dưới cái mũ trùm không lồ.

Không rời chiến lợi phẩm của mình, nó đi tiếp.

Và bước vào một ngõ cụt.

Azim nhắm mắt trong một thoáng khi nhận ra địa điểm đó. Đó chính là cái ngõ cụt mà ông già nghiện đã chỉ cho anh.

Azim chăm chú nhìn vào bóng tối để không bị mất dấu cái bóng cao lớn. Một mét chín mươi có thừa, ít nhất là vậy, anh nhận xét. Thật tốt khi thấy bản năng hình thái học của người cảnh sát nơi anh vẫn chưa mất đi.

Con *ghûl* dừng lại trước một cái cửa ở tận cùng con hẻm, mở cửa ra và biến mất vào trong.

Ba mươi giây sau, Azim đã đứng trước cánh cửa.

Từ một ngôi nhà bỏ hoang, tiếng cọt xát của một đồ vật nặng bị đẩy vào tường vọng ra.

Azim đợi thêm một phút. Không có thêm dấu hiệu nào của sự sống. Rồi đến lượt anh đẩy cánh cửa và bước vào miệng sói.

Bất chấp mọi cản trở, anh bật cái bật lửa dùng xăng. Ngọn lửa sáng lên, rụt rè, vẽ một vòng hào quang màu cam trong tầng trệt ngổn ngang gạch vụn, một cái cầu thang bị sụp một phần dẫn lên tầng trên.

Trong góc phòng đối diện với cửa vào, một cái thùng lớn mục nát được dùng để đựng nước đọng. Mặt nước dao động như thể người ta vừa vứt vào đó một vật khá lớn.

Hoặc như thể người ta vừa dịch chuyển cái thùng!

Azim đến quỳ gối bên cạnh và tìm cái tay cầm. Con *ghûl* không thể trèo lên tầng, đường lên đó không thể đi được.

Anh điên rồi. Nếu cần phải làm điều gì thì đó chính là bỏ chạy xa khỏi nơi đây. Báo cho ông thầy cả để ông ta đến chấm dứt sự ghê tởm này. Nhưng Azim không thể bỏ đi. Anh muốn biết sự thật. Bám sát con quái vật cho đến khi không còn nghi ngờ gì nữa. Khám phá hang ổ của nó, biết sự thật.

Cái thùng đựng nước không có tay cầm. Azim dùng hai tay ôm lấy nó và ra sức kéo. Nó vừa trượt đi vừa kêu xào xạo.

Rồi một cái cầu thang dẫn xuống tầng hầm hiện ra. Azim nhìn thấy một vết dính nhớt trên một bậc thang bằng đá. Máu của con mèo.

Viên thám tử giơ cái bật lửa ra phía trước, một quầng sáng màu hổ phách giữa bóng tối hiện lên. Anh đi xuống cầu thang, gần như run rẩy, bước vào một căn phòng chật hẹp bốc mùi mốc ẩm. Hai cái thùng gỗ bị hơi ẩm ăn mòn là những thứ đồ đạc duy nhất.

Azim giơ cái bật lửa lên cao hơn một chút, phía trên đầu mình.

Một con mắt không lồ chĩa vào anh. Đen như Giếng Joseph* vào ban đêm. Con mắt đen như đang khóc dưới ánh sáng chập chờn từ bật lửa của viên thám tử.

Đó là một cái lỗ được đục vào vách, ở độ cao một mét. Một lối đi đủ rộng để quỳ gối chui vào, vài cái rễ cây từ đó trồi ra. Đất nhơm nhớp, mở một lối đi khá bẩn thỉu dẫn vào căn hầm, với lớp da thịt màu nâu rỉ nước, những mạch máu trắng nhợt lòng thòng cùng mùi hôi thối khiến anh buồn nôn. Azim quay người một vòng để chắc chắn là không có lối ra nào khác.

Nếu muốn đuổi theo con *ghûl*, anh phải dẫn thân vào cái đường hầm kinh khủng đó. Azim ngồi xổm xuống và đưa bàn tay cầm bật lửa vào lỗ cửa.

Con quái vật đào sào huyết của nó như con rắn lẩn vào đất để thưởng thức con mồi. Viên thám tử ghé vai chui vào lòng ngôi nhà. Không khí lập tức đặc hơn, ánh sáng tù hãm hơn.

Azim bắt đầu bò bằng cả tứ chi, dùng khuỷu tay phải làm điểm tựa để không làm rơi nguồn sáng duy nhất. Chỉ ba lần chuyển động, người anh đã phủ đầy đất. Những cái rễ cây lòa xòa cào vào tóc anh, trong khi sỏi đá gồ ghề cào xước chân anh. Anh không thể nhìn xa quá năm mươi xăng ti mét về phía trước.

Thứ đang đợi anh ở phía trước chỉ là một hình tròn tăm tối. Chuyển động nối tiếp chuyển động, anh dần dần sâu hơn vào chốn hư không đó, rời bỏ thế giới con người để đến với thế giới quái vật.

Anh thở khó nhọc; đường hầm hẹp làm anh tức thở. Ngọn lửa bắt đầu dao động. Lối đi phía trước há miệng rộng nhả ra thứ bóng tối ùng ùng bò về phía Azim.

Ngọn lửa rùng mình rồi tắt ngấm. Azim chỉ kịp nhận ra cái lỗ đen phía trước đang ngoác miệng như nụ cười hau háu.

Và đêm tối vĩnh cửu trong hang lè lười về phía anh rồi phủ lên toàn thân anh.

Đang đọc dưới ánh ngày nhạt nhoang, trong lòng một công trình lắc lư vì thời tiết cực đoan, thì Marion nhìn thấy hình phản chiếu của một cái bóng đồ sộ lướt qua lưng cô, trùm lên cả căn phòng trước khi biến đi cũng nhanh như lúc xuất hiện.

Marion liền bỏ dở câu chuyện của anh chàng Ai Cập. Cô ở cao hơn con đường bên dưới mười lăm mét và ở đây không có ban công.

Cô quỳ gối lên ghế băng và nghiêng người ra phía cửa sổ. Phía bên ngoài cơn bão đang tàn phá cây cối. Đột nhiên, gió nhào xuống dưới một cành cây rồi rút ngược nó lên trời. Khúc cây không hề gãy tung, quay tròn trong không trung rồi nhắm thẳng hướng Marion.

Cô nhảy lùi lại phía sau và hét lên một tiếng kinh ngạc. Cô thấy cành cây lướt dọc theo vách Kỳ Quan, in một cái bóng lớn dưới sàn khi bay ngang qua cửa sổ. Gió mưa đang nổi cơn cuồng nộ, có lẽ đã đến lúc nên lo ngại nhiều hơn, đến khu nhà ở của tu viện gặp dòng tu, hoặc quay về nhà.

Mày an toàn ở đây, trong lòng pháo đài nhỏ bằng đá này, hơn là trong ngôi nhà nhỏ nực cười của mày! Và dù sao đi nữa thì mày cũng không thể ra ngoài trong điều kiện thời tiết thế này, thế nào cũng có ngôi rơi vào đầu.

Đó chỉ là một cơn gió, thế thôi.

Cơn bão tạo ra nhiều tiếng động lạ trong Kỳ Quan, rít, đập, kéo kẹt lúc thì ở phía dưới, lúc thì ở phía trên.

Marion quay lại ngồi xuống ăn cái sandwich cô chuẩn bị hồi sáng trước khi đến đây. Cô gỡ nó ra khỏi miếng giấy bạc rồi nhai uể oải.

Căn phòng Hiệp Sĩ giờ giống với một hầm mộ cổ trong trí tưởng tượng của Marion. Cô nhìn thấy ở đó một dòng người mặc áo choàng dài và áo choàng La Mã cổ đỏ, đi lại với một cây nến trên tay, đang chuẩn bị một lễ hiến tế ghê tởm tôn vinh ác quỷ.

Marion bật cười khế. Chỉ cần thả mình là cô có thể nhìn thấy tất cả và bất cứ thứ linh tinh gì ở đây, cô có trí tưởng tượng của một đứa trẻ con.

Cô đưa cái sandwich lên miệng.

Cô ngược mắt lên lối đi trên cao.

Một bóng người ẩn mình trong bóng tối của cái cửa mà thầy Gilles bỏ ngõ. Không thể nhìn ra là gì từ chỗ Marion ngồi. Cô chỉ thấy đâu như một mớ vải tối màu, và một cái mũ trùm rộng phủ lên khuôn mặt. Một phúng dụ của thần chết.

Marion đứng dậy.

Người đàn ông hoặc phụ nữ đang đứng trong khung cửa chột lùi lại.

“Này!” Marion gọi.

Bóng người đó biến mất trong bóng tối.

“Này!” Cô tiếp tục gọi to hơn.

Và cô vội vã băng qua căn phòng, bước lên các bậc thang và đi qua cánh cửa. Nhiều lối vào đợi cô ở phòng bên.

Cô nhận ra ở phía trước có tiếng quần áo sột soạt và tiếng gót giày nện đùng đục vào đá nên lao theo phía đó.

Hành lang rẽ về bên phải, rồi ngoặt khuỷu gấp hơn. Marion lao vội theo góc đó và chỉ kịp bám vào tường để khỏi đâm sầm vào dáng hình cao lớn trong cái áo choàng kiểu La Mã đang đứng trước mặt cô.

Marion trượt chân và vừa vịn bám vào một chỗ nhô ra bên cạnh.

“Thế nào! Có chuyện gì xảy ra với cô vậy?” Người đó hỏi cô, không hề vồn vã, với kiểu ngắt câu thành những từ rõ rệt mà chỉ thầy Christophe mới dùng đến.

Marion vừa lấy lại hơi vừa khinh khỉnh nhìn ông ta. Ông ta không hề có vẻ mệt mỏi, chỉ thoáng ngạc nhiên.

“Tôi... Tôi tìm một người...,” Marion giải thích.

“Bằng cách chạy ư? Ở đây nguy hiểm đấy, cô có thể vỡ đầu khi đâm vào một cái gờ hay ngã ở một trong số rất nhiều cầu thang.”

“Vừa rồi ông không gặp ai sao?”

Thầy Christophe - thầy thiếu máu - lắc đầu không hề suy nghĩ.

“Không, hoàn toàn không. Cô tìm ai mà vội thế?”

“À...,” Marion tranh thủ hít một hơi trước khi nói tiếp. “Người đã tặng cho tôi một... trò đùa.”

“Ai vậy?”

Marion xòe rộng bàn tay trước mặt để ra hiệu nghi.

“Tôi không biết, một người mặc áo choàng như thầy, nhưng che kín mặt. Tôi đang ngồi đọc trong góc phòng thì người đó quan sát tôi, vậy đó, giờ thầy biết mọi chuyện rồi. Và tôi nghĩ rằng người đó thật sự đã đi qua chỗ này.”

“À không. Cô biết đấy, ở đây rộng lắm, rất dễ nhầm các lối đi với nhau khi không biết đường, và tiếng động thì vang vọng khắp mọi phương hướng, nhất là khi có gió như hôm nay. Nay, ít ra cô cũng không bị đau chứ?”

Marion gật đầu trấn an ông ta.

Lúc đó cô chợt nhận ra mình đã để cuốn nhật ký trong phòng Hiệp Sĩ. Trong tầm tay của bất kỳ ai.

“Cảm ơn,” cô nói, “hẹn gặp thầy sau.”

Ông thầy chưa kịp trả lời thì cô đã vội vã quay đi.

Cô quay lại căn phòng rộng có những cột tròn khổng lồ. Cô thấy đồ đạc của mình đặt dưới chân ghế băng phía trong cùng. Áo khoác của cô trải ra.

Cô rảo bước.

Cuốn sách bìa đen còn đó. Cái bánh sandwich nằm ngay bên cạnh. Cô thở phào, tay chống nạnh.

Lần này thì chứng cuồng ám không bị khiển trách, rõ ràng cô thấy có người rình mình. Chuyện này đã đi quá xa. Cô phải nói chuyện với xó

Anne mới được. Nhưng nếu xơ Anne đã biết chuyện thì sao? Kể ra cũng hơi rắc rối... Nhưng dẫu thế thì bà sẽ nói gì nhỉ? ‘Cô cứ bình tĩnh, ở đây không ai canh chừng cô cả...’ Rất có thể là câu gì đó đại loại như vậy... Vậy thì kể với ai đây? Joe ư? Béatrice ư? Béatrice có lẽ là người khách quan nhất. Marion biết rằng chị sẽ không khinh khỉnh nhìn cô với nụ cười ranh mãnh.

Không có gì để làm ngoài việc tóm lấy kẻ đó để lột mặt nạ hăn và tính số với hăn. Tuy vậy, ý nghĩ được chia sẻ chuyện này với một người khác khiến cô bình tâm lại. Phải rồi, cô sẽ xuống làng và cậy nhờ người bạn mới đó.

Marion đến bên cửa sổ và nhận thấy cơn bão vẫn chưa nguôi.

Trong một hay hai giờ nữa, nếu điều kiện tự nhiên cho phép, cô sẽ trở về nhà. Cô cầm lấy cuốn nhật ký của Jeremy Matheson. Từ giờ đến lúc đó, cô biết mình sẽ làm gì.

Bẹp rúm vì cái vuốt ve nghệt thờ của bóng tối, Azim dùng cả hai tay cầm lấy bật lửa và vôi vàng ấn ngón cái vào bánh xe bật lửa. Tia sáng lóe lên không đủ xua bóng tối.

Azim hoảng loạn. Anh biết mình không thể quay bước, lùi lại ở chỗ này rất khó và mất rất nhiều thời gian. Vậy là anh tưởng tượng điều gì có thể xảy ra nếu con *ghûl* quay bước, đến xuất hiện trước mắt anh, ngay dưới mặt anh.

Cũng có thể ngay lúc này đã thế rồi. Có thể nó đang tiến lại gần, lặng lẽ bò về phía anh, những móng vuốt ghê hồn đang cào xé mặt đất cách anh chưa đầy một mét. Nó đang ở rất gần...

Tại sao bật lửa của anh lại tắt? Hết xăng. Azim giơ bật lửa ra trước mặt và khẽ lắc. Không, vẫn còn gần đây xăng.

Một làn gió.

Không! Một cử động tạo ra gió!

Một vật gì đó - hoặc một ai đó! - đang chuyển động trong đường hầm và tạo nên một luồng gió đột ngột làm tắt ngọn lửa của anh, giống như ta thổi tắt một ngọn nến. Như thế có nghĩa là anh không chỉ có một mình trong đường hầm này.

Azim cố bật lửa thêm lần nữa. Ngọn lửa bốc lên với vẻ duyên dáng khiến anh yên lòng.

Azim gần như không dám quay đầu nhìn về phía trước mình, nỗi khiếp sợ những gì sẽ thấy ở đó làm anh run rẩy đến tận gót chân. Khuôn mặt dị dạng của con *ghûl*, bộ răng nhọn hoắt chìa ra từ cái miệng đầy nước dãi.

Đôi mắt anh chậm chậm đảo quanh. Không có gì cả. Không gì ngoài cái đường hầm đào bằng tay.

Anh lại tiếp tục di chuyển. Cuối cùng anh nhìn thấy một đoạn nổi rộng. Nó dẫn vào một hành lang. Azim chui nhanh ra khỏi cái lỗ, nghệt thở. Anh duỗi chân duỗi tay trong cái hành lang bụi bặm. Đất đá sụt lở chặn một trong các lối vào, chỉ để lại một con đường duy nhất.

Anh đang ở đâu? Các bức tường làm bằng đá; khi đưa ngọn lửa lại gần, Azim cho rằng mình đã nhận ra trên đó những vết tích trang trí cổ xưa. Những bức tranh bị cục tẩy thời gian gạch xóa.

Anh bước lên chừng mười bước và phát hiện ra những mẫu gốm vỡ khi bước qua chúng. Trần rất cao, chừng bốn mét. Không nghi ngờ gì nữa, anh đang đi trong một đường hầm bí mật thuộc các công trình huyền bí của Qahira*. Cái hành lang cuối cùng cũng dẫn đến một căn phòng rộng hơn.

Khi đến bậc cửa, Azim biết mình đang thất thế, bị lộ vì đứng ở vùng sáng, nhưng anh không thể làm khác được. Anh chỉ còn hy vọng rằng con *ghûl*, vì vội vã, đã không nhận ra có kẻ đuôi theo và không lẩn vào một góc để tóm anh.

Chân viên thám tử va vào một đồ vật có kích thước nhỏ. Anh nhìn xuống. Nó giống một tờ giấy cói cũ mục dưới sàn. Azim quỳ gối và hạ bật lửa xuống.

Văn bản được viết bằng tiếng Ả Rập. Trông giống một giấy tờ hành chính thời xưa. Kể từ thế kỷ 8, ngôn ngữ chính thức được viết trên giấy cói là tiếng Ả Rập chứ không phải tiếng Hy Lạp, điều này có chiều hướng chứng tỏ rằng nơi Azim đang đứng thuộc về thời sau - hoặc ít ra là được dùng trước khi bị lãng quên. - Azim nhặt tờ giấy lên, nhẹ nhàng cuộn lại rồi bỏ vào túi áo vest.

Tin vào khả năng định hướng của mình, Azim cho rằng anh còn cách khu chợ Khan el-Khalili không xa lắm. Hiểu biết về lịch sử Cairo dẫn anh đến những suy luận logic quan trọng và anh gật đầu khẳng định, một mình trong bóng tối. Anh đã có khái niệm về nơi anh đang đứng. Trong khu Qahira cổ, nơi Gawhar bắt đầu cho xây dựng nhiều cung điện khổng lồ vào

cuối thế kỷ 10, cung điện lớn nhất trải dài trên hơn chín héc ta. Các nhà sử học của cộng đồng Ả Rập đã khám phá ra hàng nghìn điều kỳ diệu được cất giấu nơi đây. Trong đầu Azim bỗng bật ra cái tên Nâsir-i Khusraw, một nhà thám hiểm thế kỷ 11, đã khám phá ra sự tồn tại của một đường hầm lộng lẫy cho phép nhà vua đi từ cung điện lớn sang cung điện nhỏ, nằm ở phía Tây. Một đường hầm đủ rộng để ta có thể đi ngựa qua. Truyền thuyết về đường hầm đó vừa được cụ thể hóa dưới chân anh, giờ thì Azim đã nhận ra.

Viên thám tử thở hắt ra thứ khí bám đầy bụi đang ngập tràn phổi mình. Trí óc anh lang thang trong lịch sử trong vòng mười giây, thời gian cần thiết để đẩy nỗi sợ đi và lấy lại tự chủ. Nhiều câu chuyện lịch sử khác chen lẫn trong đầu anh, rùng rợn hơn.

Nếu đúng là anh đang ở cạnh khu móng của Khan el- Khalili, thì có nghĩa là anh đang ở không xa một địa điểm bị nguyền rủa. Quả thật, khu chợ rộng lớn được xây trên một ngôi mộ cổ bị người ta bức xương thánh đi. Con *ghûl* có mơ cũng không thể tìm thấy hang ổ nào hợp với bản chất tà ác của nó hơn.

Azim đi vào căn phòng, ánh sáng yếu ớt trên tay anh chỉ chiếu sáng được một phần rất nhỏ. Vì muốn giữ nó thật chắc, anh bị bóng khi dán chặt ngón trỏ vào phần kim loại của cái bật lửa. Anh nén nỗi đau bằng cách cắn vào môi trên.

Anh nhanh chóng nhận ra một vết máu khác dưới đất. Con *ghûl* đã đi qua đây cùng con mèo, chỉ trước anh chưa đầy năm phút. Azim không thể nén một cái rùng mình làm người anh rung chuyển. Cơn điên rồ nào đang ám vào người anh? Vẫn còn thời gian để quay ngược trở lại, chạy đi báo thầy cả... Azim không nghe theo lý trí, đôi chân anh đã bước tiếp giữa những mảnh vỡ đất nung có tuổi thọ cả ngàn năm.

Dù ở phía xa có là gì, anh vẫn cầu nguyện gặp được một cái cầu thang. Không phải quay trở lại đường hầm bẩn thỉu, không phải bò trong cái địa ngục đó nữa.

Ba phần tư căn phòng không nằm trong tầm nhìn của anh, ánh lửa không đủ mạnh. Azim tiến lên bằng cách men theo bức tường gần nhất, theo

hướng mà hình như con quái vật muốn vẽ ra bằng những giọt máu ngày càng hiếm hoi nó bỏ lại phía sau.

Có một cái cửa ở phía bên trái. Một căn phòng khác. Con đường vấy máu thụt vào trong đó.

Azim bước qua khung cửa đá, qua một hành lang dài hai mét và đi vào một nơi mà anh thấy - cứ theo tiếng bước chân nghẹn lại - thì có vẻ khiêm tốn hơn.

Một mùi nước tiểu chua khùng khiếp bốc ra. Một mùi khác nhanh chóng hòa vào, hôi khét hơn, mùi thịt lạnh, thứ mùi ta hay gặp trong hầm các cửa hàng thịt.

Thoạt tiên Azim chiếu sáng một cái mắc áo bằng sắt mới được gắn vào tường không lâu. Một phần mắc áo biến mất trong cái áo choàng lớn có mũ mắc lên đó.

Cánh tay viên thám tử nhỏ bé nổi da gà. Đó là bộ quần áo của con *ghûl*. Nó đang ở rất gần.

Lần này anh tóm lấy khẩu súng lục, không hiệu quả cũng không sao, anh cần cảm nhận lớp vỏ đầy uy lực của nó.

Vầng sáng màu cam hạ xuống một cái thùng tô nô dựng đứng, đựng đầy thứ chất lỏng màu đen. Azim chậm rãi tiến lên, canh chừng xung quanh, rình đón dấu hiệu của một hiện diện, một chuyển động, sợ có kẻ đến gần mà anh không nhận ra.

Anh cúi người xuống thấp đủ để mắt ngang tầm với cái thùng. Thứ chất lỏng đó thật ra là nước. Yên tâm, Azim đứng thẳng người lên.

Nỗi kinh hoàng xuất hiện đúng giây phút đó. Lộ ra trong ánh sáng bật lửa chập chờn. Ngay bên cạnh thùng chứa nước. Xác một người đàn ông.

Treo trên tường, một phần khuôn mặt bị bóc hết da, lớp thịt vẫn còn rỉ ra những chất dịch. Một phần mũi cùng phần lớn má và môi hẳn đã bị rút ra, để trơ lộ cái miệng và toàn bộ hàm răng. Lớp men vàng trên những cái răng xấu xí sáng lên dưới ánh lửa.

Hắn là một người da đen, rất có thể là người Sudan, Azim phỏng đoán, thân thể hắn hoàn toàn nhẵn nhụi. Hắn chết cách đây không quá một hoặc hai tiếng đồng hồ, nhãn cầu còn ướt, mắt trái phồng lên khác thường.

Có điều gì đó khiến Azim thấy không ổn, ngoài những vết thương mà con người khốn khổ đó phải chịu đựng, có một chi tiết không xác định được khiến anh thấy bất ổn. Azim bước giật lùi rồi quay người lại. Anh hạ cánh tay để soi một cái bàn cũ rích.

Anh chờ người. Xác con mèo đặt trên đó.

Anh đột ngột nâng súng lên phía trước, như một cái khiên, sục sạo trong bóng đêm trải rộng sau lớp màn ánh sáng mỏng tỏa ra từ ngọn lửa.

Con *ghûl* ở cách đây không xa, anh chắc chắn như vậy. Thật ra, rất có thể nó đang ở ngay tại đây, bên cạnh anh. Nó đang rình anh.

Azim không nhận ra một chuyển động không khí rất nhẹ phía sau lưng mình.

Bóng tối như bức tường sau lưng anh vừa để lộ ra hình bóng cao lớn của gã người Sudan. Và trong bóng đen dày đặc đó, cái xác động đậy.

Cái đầu ngẩng lên rất nhẹ. Hai con mắt long lanh ở phần bắt ánh sáng, lồi rộng và tròn. Chúng nhìn Azim chăm chăm. Bộ hàm đầy răng sứt mẻ hơi há ra, một vệt nước đục chảy từ miệng xuống cằm, rồi rơi xuống đất. Rồi toàn bộ cái xác biến vào bóng đêm không một tiếng động.

Azim, không hề nghe thấy gì, vẫn đang kiểm tra căn phòng. Thức ăn thừa còn mới vương vãi trong một cái đĩa trên bàn. Những mẫu bánh mì nhai dở, ở trạng thái bột nhão, và một lát thịt với một đầu bị mút lâu đến mức nhiều chỗ xơ cả thớ ra.

Azim giẫm chân vào một thứ mềm mềm. Anh hạ bật lửa xuống và phát hiện ra một đống những bộ lông cùng lòng ruột hôi thối. Trên đó lúc nhúc đám giòi béo mẫm.

Chó, mèo, thậm chí cả vài con chó rừng, tất cả đều bị mổ phanh. Azim đi vòng qua đống xác chết, dừng lại trước một tấm đệm rơm bẩn thỉu, một cái chăn cũng bẩn thỉu không kém phủ lên một phần đệm.

Những gì anh thấy bên cạnh đó làm bụng anh quặn lên. Những sợi xích đóng vào bức tường mới dựng, không có gì liên quan đến lịch sử khu vực. Đầu xích có gấn vòng tay bằng da, cỡ nhỏ. Cho cổ tay và mắt cá chân của một đứa trẻ.

Một cái bát tô rỗng nằm cạnh một cái rương nhỏ xíu. Azim lại gần nhìn vào trong. Sự tương phản giữa đồ vật đó và môi trường xung quanh thật đau đớn.

Một món đồ chơi. Cái rương đựng một cái tàu hỏa bằng gỗ, một cái đầu tàu, toa than nước và hai toa tàu, tất cả đều lắp bánh xe để có thể đẩy được bằng ngón tay.

Azim nghe như có tiếng sột soạt phía sau, anh quay phắt lại. Ngọn lửa run rẩy, bóng tối mờ đục hơn, ngọn lửa uốn mình, rúm ró lại trong khi mắt viên thám tử nhòa đi. Rồi ngọn lửa ổn định và lấy lại sức sống mong manh của nó. Azim không nhìn thấy gì bất thường.

Ra khỏi đây. Đó là những gì anh phải làm. Anh đã thấy đủ rồi. Anh biết nơi con quái vật ẩn náu. Ở lại đồng nghĩa với tự sát.

Có một chi tiết không ổn.

Azim không thể quên khuôn mặt khủng khiếp của cái xác. Có cái gì đó bất thường trên khuôn mặt ấy, ngoài những dấu vết tra tấn.

Không, không phải là sự bất thường. Không phải thế...

Azim tìm cách xua nỗi ám ảnh đó khỏi tâm trí nhưng nó vẫn bám lấy anh, như một điều tất yếu. Như một bản năng sống sót. Anh đã thấy một cái gì đó nhưng không thể biết là cái gì.

Hắn chỉ vừa mới chết. Nhưng không chỉ có thế.

Nó có liên quan tới... sự chuyển động.

Tên đen đã không nhúc nhích, chắc chắn rồi. Vậy tại sao anh lại nghĩ đến điều đó?

Không, không phải là chuyển động, mà đúng hơn là... cái nhìn. Đôi mắt.

Đột nhiên, sự thật lộ ra trước mắt anh rõ ràng như con thú lao thẳng vào con mồi. Đôi chân anh một lần nữa bị rút hết toàn bộ sức lực, sức vóc phản

bội anh bằng cách lẩn trốn vào hư không.

Đôi mắt không hoàn toàn bất động.

Không thể! Azim thầm hét lên. Không thể! Đáng nhẽ mình phải nhìn ra rồi!

Không thể nhìn ra nếu như chuyển động đó rất nhẹ. Không thể nhìn ra ngay được. Và dù thiếu ánh sáng, Azim nhớ rằng hai đồng tử đã có một phản xạ. Hình ảnh hiện ra trong đầu anh như một cảnh quay chậm, chiếu những phần ký ức của anh như chiếu một bộ phim. Cảm lạnh nhưng rất rõ ràng.

Anh nhận ra chi tiết mà anh đã không ý thức được ngay lúc trước. Sự thay đổi cực nhỏ trong đồng tử. Quá khớp với lúc ngọn lửa sáp lại gần nên khó có thể là một phản xạ *post mortem**.

Tên người Sudan lúc đó chưa chết.

Azim chìa súng và ngọn lửa về phía cái xác và bước ba bước vừa đủ để phát hiện ra bức tường trống trơn. Tên đen to lớn không còn ở đó nữa.

Cuối cùng, Azim cũng hiểu điều mình vừa trải qua. Anh đã lướt qua con *ghûl*.

Anh đã đứng cách mười xăng ti mét thứ mà anh tưởng là một xác chết bị treo vào móc nhưng thật ra là một con quỷ tựa lưng vào bức vách.

Con *ghûl* đã để anh tiến lại gần. Và giờ đây, nó đang đứng đâu đó, không xa anh.

Azim đánh rơi khẩu súng xuống đất. Những viên đạn này không thể khiến một con quái vật bị thương.

Tại sao lại chối bỏ sự thật? Giờ đây khi anh đã biết. Anh không thể phủ nhận một điều hiển nhiên. Những con quỷ là có thật. Và anh sẽ chết ở đây. Bị ăn tươi nuốt sống. Anh hình dung ra cảnh mình hét lên trong lúc con quái vật nhai đồng ruột anh lòi ra rơi xuống đất.

Khi một dòng nước mắt chảy xuống má anh, Azim lấy lại hồn vía. Anh hoảng loạn. Hai chân anh lù lị trong khi anh muốn tiến lên phía trước.

Quần anh dính chặt vào đùi. Anh đã đá ra quần. Chạy trốn. Anh phải chạy. Đến cái đường hầm đào trong lòng đất, tìm lại mặt đất, tìm lại bầu không khí ban đêm.

Azim muốn nhảy dựng lên nhưng cơ bắp không nghe theo lệnh anh. Anh bước lập cập như thể con rối bị giật dây vụng về. Bàn tay anh tìm thấy điểm tựa trên tường để bầu vú. Anh dùng nó như một đường ray, đi nhanh nhất có thể, cố gắng tiến về phía hành lang nhỏ. Rồi đến căn phòng lớn. Không khí ở đây dễ thở hơn, mùi cũng đỡ hôi hơn.

Azim hầu như không nhìn thấy gì nữa. Nước mắt che nhòa mắt anh và ngọn lửa từ cái bật lửa chấp chới dưới những cử động giật cục của anh. Tuy nhiên anh vẫn tìm thấy cái hành lang cao dẫn đến lối ra duy nhất anh biết.

Có người theo vết anh. Anh chắc chắn vậy. Điều đó như sờ được trong không khí, sự hiện diện của cái Ác.

Viên thám tử Ai Cập biết phải nhân sức lực của mình lên gấp bội. Không giây phút nào anh không chuẩn bị tinh thần cho nỗi đau khủng khiếp mà

một hàm răng cắm sâu vào gáy mình gây ra. Điều đó sẽ xảy đến, chắc chắn vậy.

Nhanh nữa lên.

Lối vào đường hầm trong lòng đất hiện ra. Azim cảm thấy vui mừng, nhưng ngay lập tức niềm vui bị nỗi khiếp sợ quét sạch.

Một mẫu gốm vỡ răng rắc phía sau anh. Con *ghûl* đang lần theo vết anh.

Azim lao vào cái lỗ dính nhớp.

Bật lửa tắt phụt. Viên thám tử không còn muốn bật lên. Anh vút nó trong lúc hoảng hốt bỏ.

Anh bò như điên. Chỉ còn ba hoặc bốn mét là anh sẽ ở trong cái hầm. Chỉ còn ba mét nữa thôi, không hơn.

Chỉ còn chưa đầy ba mét. Anh sắp đến nơi rồi. Anh thấy màn đêm như bớt dày hơn phía trước.

Căn hầm tiến lại gần. Anh vẫn có thể sống sót.

Chỉ còn ba mét hoặc ít hơn. Có thể là hai. Và anh sẽ thoát chết. Và anh sẽ th...

Azim nhắm mắt lại. Rồi anh vừa khóc vừa há họng hét lên một tiếng khàn hơn cả tiếng thú.

Mắt cá chân anh vừa bị tóm bởi một bàn tay với những ngón tay dài và cong queo.

* * *

Jeremy Matheson nằm dài trên xô pha trong phòng khách lớn, một khúc gỗ vừa rã ra trong lò sưởi, mở toác cái bụng đầy khói với một tiếng vang cọt kẹt, trái bộ ruột đỏ rực ra giữa đám tro khiến chúng bay lên như những bông tuyết chết nhỏ bé.

Anh đang ở trần dưới tấm chăn mỏng. Đầu anh nặng trĩu, họng khô rát vì uống quá nhiều rượu.

Ngồi biệt thự rất tĩnh lặng, Keoraz đã đi ngủ được một lúc. Họ đã nói chuyện, rất lâu. Và uống rượu.

Keoraz, kẻ tình nghi hoàn hảo.

Jeremy quan sát Jezabel rất nhiều, vẻ đẹp lạnh lùng của cô, cái nhìn quá sắc sảo của cô.

Đột nhiên có tiếng sột soạt sau lưng anh. Tiếng một tấm vải nhẹ trượt trên nền đá trải thảm.

Jeremy nhòm dậy và quay người lại.

Một bàn tay lướt qua má anh, những móng tay dài sượt qua miệng anh. Rồi người đó nhẹ nhàng đưa tay che miệng anh, chặn không cho anh thốt lên lời nào.

Jezabel xuất hiện trong chiếc váy lụa dài, mở ra để lộ thân thể trần trụi. Đầu vú cô màu hồng nhạt đến mức như tan vào làn da trắng. Cô thở mạnh, tạo thành một vệt dọc trên bụng, phía trên rốn, bộ ngực nhỏ nhắn phập phồng trên những xương sườn nổi rõ. Vùng mu rậm vừa mở ra một góc tam giác như châu thổ sông Nile, một lời hứa hẹn màu mỡ và hoan hỉ.

Cô đẩy Jeremy cho đến khi anh ngã hẳn người ra, rồi cô lột bỏ quần anh trước khi nhấc chân ngồi lên anh. Vùng kín của cô ẩm ướt, đôi môi mở ra vì ham muốn. Cô hẳn phải nghĩ đến giây phút này từ lâu lắm rồi, đến mức trí óc cô còn căng hơn cả nơi thâm kín của cô.

Ham muốn đột ngột lan tỏa khắp người Jeremy, tựa như giải phóng khoái lạc, làm cương cứng dương vật anh, huy động toàn bộ nam tính trong anh; anh gồng các cơ bắp ở cánh tay và vòng ngực, ôm vai Jezabel kéo sát vào người mình. Hai bầu vú gọn nhỏ của cô vuốt ve bộ ngực trần mát lạnh của anh. Làn da họ mơn trớn lẫn nhau, trao đổi với nhau, nổi da gà cùng lúc. Jeremy giữ người tình phía trên anh một xăng ti mét, mơn trớn cổ cô bằng đầu lưỡi đột ngột ẩm ướt hơn.

Cô nhích hông và vùng kín của họ gặp nhau. Giống như hai người bạn gặp lại sau một thời gian dài chờ đợi, chúng chỉ khẽ chạm vào nhau, nhắm nháp nhau, thưởng thức nhau, rồi khẽ rời nhau ra, run rẩy với ý tưởng quẩn

chặt lấy nhau mạnh mẽ như chúng muốn. Rồi Jeremy bấu chặt cổ Jezabel buộc cô phải đầu hàng.

Anh nhẹ nhàng luồn sâu vào bên trong cô. Sức nóng dầm ướt tỏa ra khiến anh rùng mình đến tận chân lưng. Rồi lấy đi lý trí của anh. Cô nhận ra hơi ấm dịu dàng của người tình đang xâm nhập vào mình, mở ra con đường hoan lạc cùng những cú cọ xát tuyệt diệu. Ngọn lửa êm dịu nơi đôi vú cô bắt đầu bốc lên.

Jeremy nhấp nhô trong da thịt cô, được ru vỗ trong chất dịch của cô, thứ nhựa đọng lại nơi cánh cửa chống cự của cô, sẵn sàng nổ tung để nở hoa. Jezabel quên mất mình là ai, đang ở đâu. Những tiếng rên rỉ bị bóp nghẹt trào lên trong họng cô, không thoát ra khỏi cửa miệng. Ngón tay cô cào cấu Jeremy, tạo thành một vết hằn trên da anh. Cô vẫn rên rỉ. Hai mắt nhắm chặt.

Lại nữa.

Những âm thanh rung lên thay thế tiếng rên rỉ sung sướng của cô. Những âm thanh chói tai... chạy bằng điện.

Chuông điện thoại reo lên phía xa. Sau lưng Jezabel. Cô bốc hơi khỏi cơ thể anh, cái chần rơi xuống đất. Jeremy mở mắt, váng vất, đột nhiên chua chát.

Phòng khách rất tối. Chuông điện thoại đổ liên hồi. Jeremy cuối cùng cũng ngồi dậy được trên xô pha, một tay áp chặt vào vùng trán giữa hai lông mày. Óc anh lùm bùm. Anh nhớ mình đã uống rượu. Câu chuyện trao đổi với Keoraz. Và Jezabel năn nỉ anh nằm lại đây.

Tiếng chuông không ngừng khoan vào không khí. Có người nhắc máy. Giọng Jezabel trả lời.

Nỗi tuyệt vọng khoan một lỗ trong ngực Jeremy, mở toác tấm áo giáp do xương ức và xương sườn tạo thành rồi dúi nắm tay vào ép nghẹt tim anh.

Anh đã không có được cô. Cô đã không đi về phía anh. Tất cả chỉ là ảo tưởng.

Khí quản anh chột thu hẹp lại, một khối phiến muện phồng lên trong anh trước khi trời lên đau đớn qua cái cuống họng quá nhỏ đó. Anh muốn cô.

Điều này không thể là sự thật, không thể, không, không, cô đã không cưới lão ấy, cô không bỏ anh, cô yêu anh, cô dâng hiến cho anh sự hiện diện và thân thể của cô, cũng như anh dâng hiến tâm hồn anh cho cô.

Trong một giây đồng hồ, cô hiện ra trước mắt anh. Đôi mắt mênh mang màu xanh lục nhìn anh chăm chăm. Cô quần người trong bộ quần áo mặc nhà bằng xa tanh, lạnh lùng và đẹp như một người chết thanh thản.

“Gọi anh đấy,” cô nói.

Anh nhắm mắt, vẫn chưa bình tâm.

“Có vẻ khẩn cấp,” cô nói bằng giọng êm mượt vẫn còn ngái ngủ.

Jeremy đứng dậy và loạng choạng đến bên điện thoại.

“Vâng,” anh yếu ớt nói, giọng lúng búng.

“Tôi đây, Azim đây! Tôi tìm ngài đã mười phút rồi, tôi gọi đi khắp nơi! Tôi...”

“Bình tĩnh nào, tôi đã nói với anh rằng tối nay tôi đến đây, có việc...”

“Không, ngài nghe tôi nói đây!” Viên thám tử người Ả Rập hét lên.

Giọng anh ta giật cục vì xúc động, anh ta gần như hét lên trong máy.

“Tôi đã phát hiện ra kẻ giết bọn trẻ con! Tôi đã lần theo nó, tôi biết hang ổ của nó ở đâu, đó là một con *ghûl*! Ngài có hiểu không? Một con *ghûl*. Khủng khiếp! Chính vì thế mà tóc trắng bé bạc trắng! Chính vì thế đấy! Tôi tưởng mình suýt chết! Tôi cứ tưởng nó tóm được tôi nhưng đó là một cái rẽ cây, chỉ là một cái rẽ cây thôi! Và tôi biết nó trốn ở đâu!”

Jeremy tỉnh ngay rượu chỉ trong vòng ba câu nói.

“Bình tĩnh lại đi, Azim. Chính xác chuyện gì đã xảy ra, hãy kể cho tôi!”

Anh chàng Ai Cập kể lại chuyến đi đêm từ ý tưởng vây đồn con quái vật đến cái rẽ cây vướng vào chân mình. Tốc độ nói của anh ta thật kinh khủng, anh ta chỉ mất chưa đầy ba phút đã kể lại xong mọi chuyện cho Jeremy. Tuy nhiên, anh ta không thể giải thích lối vào đường hầm bí mật nằm ở đâu, các đường phố không tên càng khiến nhiệm vụ này thêm phần khó khăn, anh ta chỉ có thể tự quay lại đó với hy vọng không bị lạc giữa đường.

“Rất tốt Azim ạ. Tôi sẽ đến gặp anh. Anh đang ở đâu?”

“Trên quảng trường nhỏ bên cạnh giáo đường Huisein trong khu phố El-Gamaliya. Tôi đang ở trạm chuyển tiếp điện thoại của cảnh sát, trong góc quảng trường.”

“Quảng trường Huisein,” Jeremy lặp lại, “tốt rồi, tôi sẽ không thể không nhìn ra anh. Đừng làm gì nữa nhé, không được làm gì khác và phải đợi tôi, tôi sẽ tìm ra anh. Tôi đến ngay đây.”

Anh cúp máy. Keoraz bước vào phòng khách không một tiếng động, ông ta hỏi anh:

“Có việc gấp ư?”

“Tôi phải đi thôi. Có thể đồng nghiệp của tôi đã nhận dạng được kẻ giết người.”

“Tôi có thể chở anh. Tôi đã mua cái Bentley mới, tôi có thể đi hơn một trăm năm mươi ki lô mét một giờ, anh sẽ đến nhà thờ Hồi giáo Huisein nhanh gấp ba. Tôi có nghe đúng không? Đúng là anh phải đến đó chứ?”

Jeremy quay lại xô pha để lấy áo và đi giày vào.

“Ông thật tử tế nhưng tôi muốn đến đó một mình hơn.”

Keoraz chuẩn bị nói tiếp thì Jeremy thêm vào:

“Tôi sẽ mượn xe chỗ mấy người đồng nghiệp tại đồn Héliopolis. Tôi cảm ơn vì sự hợp tác và lòng hiếu khách của ông, ông sẽ sớm có tin của tôi, thưa ông.”

Không hề nhìn Jezabel lấy một lần, anh mặc quần áo và đi vào đêm lạnh để đến đồn cảnh sát cách đó chưa đầy năm phút đi bộ. Anh không để viên sĩ quan trực có thời gian phản đối mà tự lấy một cái xe rồi nổ máy ngay lập tức. Anh xuống đến Cairo và lái ngoằn ngoèo trong những con phố đan xen ngoắt ngoéo trước khi đỗ xe lại gần nhà thờ Hồi giáo nơi Azim đợi anh.

Jeremy đi đi lại lại ngang dọc khắp quảng trường. Anh không thấy bất kỳ dấu vết nào của người đồng nghiệp. Trạm điện thoại ở ngay đây, nhưng Azim thì không còn ở đó. Jeremy đợi thêm một tiếng đồng hồ nữa, hy vọng thấy anh ta xuất hiện từ một con hẻm nào đấy.

Rồi anh quay về phát tín hiệu báo động.

Béatrice dọn đồng đĩa rồi đặt hai cốc rượu tiêu cơm lên mảnh vải nhựa trải bàn ăn.

“Em uống chút calvados chứ?” Cô hỏi Marion.

Marion chưa kịp trả lời thì đã thấy trước mặt một liều rõ mạnh thứ rượu trắng đó.

“Thế em cho là ai nào?” Béatrice giục.

“Đó chính là vấn đề, em không thể biết được. Tất cả bọn họ đều có thể là cái bóng người hay rình rập em.”

Marion đã kể hết cho chị bạn trong bữa tối. Từ câu đố liên quan đến tháp Gabriel đến cảnh thường xuyên rình rập mà cô cảm thấy mình là nạn nhân.

“Xét cho cùng thì... Cái thầy Gilles kia, em không ưa ông ta,” Marion nói thêm.

“Cái ông già căn cõi đó hả? Chị không tưởng tượng được cảnh ông ta chạy khắp các hành lang tăm tối của tu viện, chị xin lỗi nhé.”

“Chuyện đó chỉ kéo dài vài giây, sau đó em đã mất dấu hẳn. Ngay cả ông ta cũng có thể làm được như vậy.”

Một tiếng rú kính hãi làm rung chuyển các ô kính của cánh cửa ngăn phòng khách với bếp.

Grégoire đang xem một bộ phim kinh dị trên ti vi, vừa xem vừa nhấc một cái tạ nhỏ tập cơ tay.

“Greg!” Mẹ cậu kêu lên. “Vặn nhỏ tiếng xuống chút đi.”

Rồi quay về phía Marion:

“Nó mê mẩn loại phim hoang tưởng đó, nhưng thật chị thề là...”

“Em không biết phải làm gì, chị Béa ạ. Em không tin vào dòng tu, họ thật kỳ quặc.”

“Kiểu giáo phái huyền bí phải không? Em thấy họ như vậy ư? Xin lỗi em nhé, không thể thế được. Họ rất đúng mực. Cuồng tưởng nếu em muốn, nhưng họ không thể chuẩn mực hơn. Họ ở trên Đỉnh từ lâu rồi, ai cũng biết họ, em không có gì phải lo cả.”

“Tuy nhiên có người đã vào nhà em, mà không chỉ một lần! Có người rình em và... này, tối hôm nọ là Ludwig! Anh ta ở trong nghĩa địa rình em.”

Béatrice làm nóng cốc rượu calvados bằng cách chao nó qua lại trong lòng bàn tay.

“À, Lulu...,” chị nói, chán nản. “Đã vậy, chị phải nói với em điều này, cái anh béo Ludwig ấy, anh ta phải lòng em. Điều đó không còn là bí mật nữa. Anh ta cứ hy vọng em sẽ gọi điện cho anh ta, hình như có hôm anh ta đã đưa em số điện thoại.”

Marion gục đầu vào lòng bàn tay, khuỷu tay chống lên bàn.

“Trời ạ, cho em xin...”

“Ờ thế đấy! Và đến khi giữ được em trong vòng một giờ đồng hồ, anh ta sẽ giở bài ‘tôi từng là một cầu thủ bóng bầu dục cừ đấy, cô biết không’. Anh ta giở bài đó với mọi cô gái hơi xinh xinh trên Đỉnh này, em cứ hỏi chỗ Mẹ Poulard mà xem, em sẽ biết các cô phục vụ nói thế nào! Họ chịu không nổi nữa. Anh ta kể mình từng chơi cho một câu lạc bộ khá, ở Lille thì phải, rằng anh ta đáng nhẽ chuyển sang chơi chuyên nghiệp nếu tiếp tục theo đuổi... và mọi lời hươu vượn nhằm nhí khác để khoe khoang.”

Chị ngừng lời để hít hà cốc rượu.

“Em xin chị đấy, giữ anh ta xa em ra,” Marion cầu xin.

“Chị thì không có khả năng đó. Em tránh ra ngoài vào buổi tối đi, chỉ có vậy thôi!” Cô nói đùa.

“Dù thế nào đi nữa thì cách đó cũng không giải quyết được vấn đề của em. Ai quấy rối em đây? Em đã rà qua một lượt tất cả mọi người rồi, em

không tìm ra ai cả. Thậm chí em còn nghi ngờ cả Joe!”

“Không có gì phải e sợ hết. Ông ấy hiền lành và hòa bình chủ nghĩa như một thành viên của tổ chức Hòa Bình Xanh say ma túy tới bến.”

Marion mỉm cười trước hình ảnh đó.

“Tối nay chị trữ tình tuyệt quá,” cô bình luận.

“Có những ngày như vậy đó... Còn ông già Joe, nếu chị được phép cho ý kiến, thì ông ấy không ra khỏi nhà trừ khi đi dạo ở Tombelaine, còn lại là ru rú trong nhà suốt.”

“Thế thì ai nào?”

“Chị chứ ai.”

Marion nhìn chị chăm chăm. Béatrice vừa nhấp một ngụm calvados lớn, không còn bất cứ vết tích nào của sự vô lo trên mặt chị, chị có vẻ trầm ngâm, ánh mắt u ám.

“Gì cơ?” Marion ngạc nhiên.

Đôi đồng tử của Béatrice trượt về phía cô.

“Chị. Chị chính là người theo dõi em. Em biết tại sao không?”

Đôi môi cô ẩm ướt.

“Bởi vì chị đồng tính nữ và yêu em đến phát điên!” Cô vừa hét lên vừa cười hết cỡ.

Marion chùng người xuống.

“Đồ dở hơi... Tí nữa thì...”

Béatrice sững điên.

“Em tưởng thật, phải không hả? Thôi, đừng có căng thẳng nữa. Chị sẽ nói với em chuyện gì xảy ra. Thứ nhất, có thể dòng tu quá chu đáo, và họ vào nhà em để chắc chắn là em không có thuốc phiện hay thứ gì đó tương tự, hai là, em ở trên đó quá lâu, lại chỉ có một mình, và cứ kéo dài như vậy thì cái tảng đá cổ xưa này sẽ chơi khăm em, em nhìn thấy các thầy tu trong bộ trang phục bằng len thô, đó là điều bình thường, đó là nơi họ sống, trí tưởng tượng của em cường điệu hóa tất cả... Và, ờ... thứ ba, những bức thư đó chỉ là một trò chơi, một thầy tu hơi quá buồn chán, và không có đủ

Đấng Tối Cao để chăm sóc. Không cần phải cuồng ám như thế, chị đảm bảo với em là em lo lắng vớ vẩn.”

“Em ở đây còn chưa đầy hai tuần, em không biết có chịu nổi lâu không.”

Béatrice dành cho cô một cái bĩu môi đồng tình.

“Tất nhiên là có rồi! Nếu không thì em làm gì nào? Trở về nhà em ở Choisy-le-Roi, và gặp lại Paris ảm đạm ư?”

Marion ngấm nghĩa màu nóng của thứ rượu tiêu cơm.

“Em tìm cho mình sự nghỉ ngơi nơi đây, nên hưởng thụ nó đi!” Béatrice nhấn mạnh.

Marion đẩy cái cốc ra.

“Béa, em phải nói với chị điều này...”

Người đối thoại với cô nắm ngay được vẻ nghiêm trọng của bạn mình.

“Em đến đây không phải để ở ẩn.”

Một ngọn đèn đỏ bật lên trong đầu Marion. Cô đã đi quá xa. Cô đang làm hỏng nét rào chắn của mình.

“Em đến đây vì em cần phải biến mất khỏi thế giới vài tuần hay vài tháng, chính bản thân em cũng không biết. Mọi người phải quên em đi, trong khi chờ có chuyện gì đó xảy ra ở Paris. Hiện giờ em dao động giữa không biết bao nhiêu là cơ quan, bao nhiêu là khả năng, bao nhiêu là thủ tục, giờ chính là lúc em dễ bị tổn thương nhất.”

Chuông báo động nổi lên trong cô. Không thể lùi bước được nữa. Trong vòng năm giây, cô đã làm nổ tung mọi đối trá trước đó. Cũng như mọi cố gắng của UBGSLT. Có chuyện gì xảy ra với cô vậy? Tại sao cô lại quy ngã lúc này?

Béatrice nuốt đánh ực một tiếng rõ to. Chị không còn có vẻ gì của một người muốn đùa. Chị liếc mắt để chắc chắn rằng cánh cửa ngăn với phòng khách được đóng kín.

“Chính UBGSLT đã dẫn em đến Đình, vào một đêm nọ.”

“UBGSLT á?”

“Mật vụ Pháp. Họ có nhiệm vụ bảo vệ lãnh thổ. Và đôi khi đảm bảo cả sự vững chắc của chính phủ. Sự cân bằng của nó.”

“Mẹ kiếp,” Béatrice thì thầm. “Thế em đã làm gì?”

Marion nóng nảy vuốt lông mày. Cô đã bắt đầu rồi, giờ phải tiếp tục thôi.

“Không gì cả. Em ở đó vào thời điểm không phù hợp, thế thôi.”

“Em dọa giết Tổng thống hay sao?”

Marion ra hiệu không và hất đầu về phía sau.

“Em không làm cho một hãng quảng cáo. Thật ra em là thư ký. Ở nhà xác của Paris.”

Béatrice trợn mắt, sừng sốt.

“Khi đi nghỉ về, một buổi sáng, rất sớm, em đi qua phòng phẫu tích. Có một bản báo cáo khám nghiệm tử thi rơi dưới đất. Em nghĩ có một ca khám nghiệm tử thi đêm trước, thỉnh thoảng việc đó cũng xảy ra, trong những trường hợp vô cùng khẩn cấp, và bác sĩ đã mang bản báo cáo vừa hoàn thành xuống đây, để gửi cho cảnh sát tư pháp. Rồi có thể ông bỏ quên một bản sao bị rơi dưới đất. Vậy là em nhặt lên. Và em đọc.”

Cô dừng lại, cảm xúc từ ký ức đó và những hậu quả của nó dồn dập đổ về.

“Cuối tháng Chín, một chính trị gia nổi tiếng chết vì nhồi máu cơ tim tại nhà.”

“Phải, việc này ấy à, ta không thể không nghe đến! Nhất là với những gì hiện đang được bàn tán.”

“Ông ta được phẫu tích kín đáo tuyệt đối tại Viện Pháp y Paris, vào một đêm. Và đó chính là bản báo cáo mà em nhặt được.”

Béatrice nhú mày trong khi Marion nói một hơi không nghỉ:

“Bác sĩ pháp y khám nghiệm xác chết đã chỉ rõ rằng ông ta không hề bị nhồi máu cơ tim, mà bị đầu độc, các báo cáo giám định độc chất học đã chứng tỏ điều này. Người đó chết vì hấp thụ một lượng quá lớn Arpamyl, một loại thuốc thuộc nhóm chẹn kênh canxi, được kê cho các trường hợp rối loạn nhịp tim. Khi đọc được điều đó, em chỉ ngạc nhiên, không hơn

không kém, em không ý thức được điều gì. Đối với em đó chỉ là một vụ việc chính trị. Em mang bản báo cáo lên xếp vào chồng tài liệu của mình trong lúc chờ muộn hơn một chút để mang trả cho bác sĩ liên quan khi ông ta đến viện. Nhưng ngày hôm đó trôi qua mà không thấy ông ta đến. Trên đài, người ta vẫn nhắc nhồi máu cơ tim như là nguyên nhân của cái chết, người ta còn khẳng định nguyên nhân này được xác nhận qua khám nghiệm tử thi tối qua. Em cảm thấy có gì đó không ổn. Thế là em giữ bản sao lại. Tối đó, người ta vẫn nhắc lại luận điệu tương tự. Sáng hôm sau, vị bác sĩ đã trực tiếp thực hiện cuộc khám nghiệm tử thi trứ danh ấy quay lại làm việc, em đi gặp ông ta để nói chuyện. Ông ta lập tức đóng cửa phòng và đề nghị em trả lại bản báo cáo. Ông ta thú nhận với em rằng đó là một vụ việc quốc gia, rằng em và ông ta không có phận sự phán xét, và cần phải quên hết mọi chuyện. Em thấy rõ là ông ta sợ, ông ta toát mồ hôi vì lo lắng, tuy nhiên em đã từ chối. Đối với em, bí mật ngành y và những thứ còn lại vào lúc đó đều là phù phiếm. Ta đang nói đến một sự dối trá nghiêm trọng, một cái chết đáng ngờ, điều đó thay đổi tất cả. Ông bác sĩ gần như đe dọa em khi em ra khỏi phòng. Em lập tức fax bản báo cáo đến tòa soạn của các nhật báo lớn tại Paris.”

“Em làm gì cơ?”

“Em sợ. Và em nghĩ rằng đó là việc tốt nhất nên làm. Và em cũng gọi cho một viên cảnh sát tư pháp, một người em quen, để nói hết với anh ta. Trước khi trời tối, có hai người đến gặp em nói chuyện riêng. Người của UBGSLT. Và thế là mọi khốn nạn bắt đầu.”

“Họ đe dọa em ư?” Béatrice muốn biết.

“Không, ngược lại. Họ bảo em rằng mọi việc sẽ trở nên khó khăn với em. Rằng lúc này em cần phải im lặng, và nhất là không nói gì về việc em đã làm. Tuần tiếp đó, khi người ta biết được rằng người cuối cùng đến thăm nạn nhân của vụ đầu độc tuy chưa bị phát hiện danh tính nhưng đi một trong những xe ô tô thuộc Điện Élysée*, thì vụ tai tiếng thực sự nổ ra. Báo chí không chậm trễ đăng các tin đậm mùi thuốc súng. Rằng vợ Tổng thống điều trị cao huyết áp bằng cách thường xuyên dùng Arpamyl, thứ dược chất

đã giết chết người đàn ông đáng thương nọ. Truyền thông nhấn mạnh rằng giữa hai chính trị gia lớn xảy ra nhiều vụ tranh chấp tầm cỡ, rằng họ cản trở lẫn nhau trong đợt bầu cử tới.”

“Chuyện này thật hết sức điên rồ. Chị biết chứ. Ai cũng nói rằng Tổng thống không thể liên quan đến vụ giết người, dù gần hay xa, nhưng đồng thời lại có những người khác nói ngược lại, rằng đó là hành động đỉnh điểm của một người bị ngợp vì quyền lực, vì cái tôi, đến mức không còn khái niệm về việc mình làm chừng nào ông ta còn sống trong ảo tưởng về thành công thường trực, họ nói đó là khuyết tật của quyền lực, mặt khuất của nó, chị đọc hết các tin đó. Nhưng việc em là nguồn gốc của cảnh hỗn loạn đó... thì thật là!”

Marion không thể dừng lại được nữa.

“Công luận bắt đầu rộ lên thực sự, đồng loạt, khi có lệnh giám định lại cái xác và người ta phát hiện ra nó đã biến mất. Nó đã bị lấy khỏi ngăn đựng ở nhà xác mà không ai hay biết, bốc hơi mãi mãi. Chính lúc đó, em mới ý thức được đầy đủ tầm quan trọng của các sự kiện đang diễn ra.”

“Chị nhớ rồi, thậm chí ở đây mọi người cũng dọa sẽ lên thủ đô nếu người ta không cho họ biết sự thật. Đến giờ họ vẫn còn bàn cãi trong các quán cà phê!”

Marion tiếp tục giải thích như để gột rửa tâm trí:

“Vị bác sĩ pháp y từng khám nghiệm tử thi chối bỏ hoàn toàn khả năng mới, mà khẳng định người đó chết vì nhồi máu cơ tim. Vậy là bản thân ông ta cũng như người giám định chất độc đều đã được chỉ dẫn tường tận. Em không biết người ta nói với ông ta những gì, chỉ biết là nó rất hiệu quả. Họ khẳng định rằng đó là một trò lừa đảo. Bản báo cáo khám nghiệm mà các tòa soạn nhận được là một bản báo cáo giả. Tuy nhiên số fax người gửi trùng với số fax của Viện Pháp y. Báo chí bắt đầu tìm kiếm người gửi fax. Em.”

“Họ có tìm thấy em không?”

“Không, viên cảnh sát em từng liên lạc đã giữ được bí mật. Trong thời gian đó, họ đã chính thức quan tâm tới vụ việc này và mở một cuộc điều

tra. Họ nói rằng có thể em sẽ bị gọi ra làm chứng nếu có vụ kiện. Đúng lúc đó thì UBGSLT quay lại tìm em. Họ giải thích với em rằng sự việc đã đi quá xa, rằng em cần phải được bảo vệ.”

“Chính họ là mật vụ thì họ còn e ngại ai nữa?”

“Đội cận vệ của Tổng thống. Những người trong bóng tối của đảng phái ông ta. Ai biết được? Họ không nói gì với em cả.”

“Chị không hiểu, nếu UBGSLT chăm lo cho thế cân bằng của quốc gia thì tại sao họ lại bảo vệ em? Thông thường, cứ như trong phim thì họ không bận lòng với tiểu tiết làm gì, pằng pằng, một phát đạn giảm thanh và thế là kẻ làm chứng phiền hà sẽ nuôi lũ cá bấu trên sông Seine.”

“Trong phim thôi... Trên thực tế, UBGSLT không phải là lính đánh thuê của Tổng thống. Họ thực sự hành động vì lợi ích quốc gia. Họ nói với em như vậy. Và họ còn chứng minh điều đó nữa. Một vụ tai tiếng khiến Tổng thống liên lụy đến một vụ giết người mang tính chính trị, chuyện gây tiếng vang chứ chẳng đùa, nếu đằng sau vụ tai tiếng, người ta lại phát hiện ra ông ta cho ám sát cô nàng đã làm bung bét vụ này thì sẽ có nội chiến ấy chứ! Em cho rằng mình đã hiểu được là những đấu đá quyền lực bất tận luôn tồn tại giữa tất cả các cơ quan chính thức của quốc gia, UBGSLT dè chừng đám vệ sĩ của Điện Élysée, vài tay cảnh sát hoặc hiến binh, và cứ như thế. Vậy là họ giấu em ở một chỗ xa tất cả mọi người, trong lúc chờ phanh phui và làm rõ mọi việc. Để sau đó đưa em trở lại cuộc đời. Và nếu cần truy tố ra tòa, có thể em sẽ phải lên tiếng, với tư cách nhân chứng... Tất cả chỉ vì một bản báo cáo khám nghiệm tử thi bị thất lạc, đúng kiểu một việc ngu xuẩn đến mức ta không tin nổi là có thể xảy ra. Nếu cho vào phim thì ai cũng thấy là lỗi bịch. Rồi thực tế chứng minh cho ta thấy nó còn đơn giản và lỗi bịch hơn. Trong khi chờ đợi, em phải lẩn trốn.”

“Vậy là em đến đây. Việc này có kéo dài không?”

Marion day day thái dương, cô thấy mệt.

“Em không biết. Dù để vụ việc lắng xuống, họ nói với em thế. Để vụ việc lắng xuống... Đó chính là điều tồi tệ nhất. Không biết bao giờ em mới được về.”

Béatrice uống nốt cốc rượu.

“Khiếp quá...”

Chị đưa tay xoa lưng cô bạn gái.

“Em phải đi đây,” Marion nói.

“Em có muốn ngủ lại đây không? Chị có thể dọn chỗ cho em trên xô pha...”

“Không, chị tốt quá. Em về đây, và sẽ đọc một chút, như vậy em có thể nghĩ đến chuyện khác. Chắc chắn ngày mai em sẽ gặp lại chị.”

Marion giã từ người bạn tâm giao trên thềm nhà, cô cảm thấy ánh mắt Béatrice dõi theo mình đến tận khi cô mất hút sau góc phố.

Chín giờ sáng, trời nóng hầm hập đến mức người Tây nào ra ngoài cũng phải cầm ô trên tay.

Jeremy Matheson trả tiền cho một drogman dẫn anh đến các khu phố Abbasiya và Gamaliya để lần lại lịch trình của Azim ngày hôm trước. Qua người hướng dẫn kiêm thông dịch, anh đặt ra hàng nghìn câu hỏi, từ từ lần lại từng sự việc, từng thao tác của đồng nghiệp.

Vào đầu giờ chiều, anh kết thúc cuộc trò chuyện dài với ông thầy cả đi cùng những người gác đêm hôm qua. Tên ông ta nhanh chóng tới tai Jeremy, vụ canh chừng mang dáng dấp một cuộc vây ráp suốt đêm theo sáng kiến của viên thám tử người Ả Rập đã được tất cả đàn ông đàn bà ở Gamaliya biết đến. Ngược lại, việc Azim biến mất lại khiến những cái miệng trở nên khó mở ra hơn, nhưng Jeremy chẳng mấy chốc đã tìm thấy chìa khóa thích hợp, bằng cách sử dụng sự dịu dàng, hối lộ hay thậm chí cả một chút bạo lực nếu cần.

Khalil, người đã đợi trên mái nhà với Azim, đi theo họ theo yêu cầu của Jeremy. Ông thầy cả và anh ta kể lại toàn bộ câu chuyện ban đêm, kế hoạch của Azim và việc anh đáp lại tín hiệu đầy sợ hãi của một trong những người gác ở khu vực phía Nam El-Gamaliya. Người canh gác đó nhìn thấy Azim đến gần nhưng không thể dõi theo anh được lâu, viên thám tử đã tan vào mê cung những con hẻm để rồi không bao giờ thoát ra nữa. Rạng sáng, những người gác tản ra hết, đồng thời cảm nhận được rằng con *ghûl* đã lại tấn công, lần này là vào một người lớn.

Khi ra khỏi nhà thờ Hồi giáo, Jeremy biết được hai điều về con *ghûl* hình dáng bên ngoài của nó do Azim nhanh chóng tả qua điện thoại, và rằng

hang ổ của nó nằm trong một tầng hầm ở phía Nam Gamaliya. Jeremy nhanh chóng quay về toa tàu của mình và tắm. Nước lạnh không đủ loại bỏ cảm giác nhớp nhúa đang làm da anh dính chặt vào quần áo. Nỗi bất an vẫn đè lên tim anh, nặng nề như một cơn đau đầu đè lên trán.

Jeremy nhắc điện thoại gọi cho thư ký của Keoraz. Anh muốn nghe giọng ông ta. Biết được những gì ông ta đã làm. Anh không thể buông lời ông ta nữa. Người ta giải thích với anh rằng không thể liên lạc với ngài Keoraz được. Jeremy cố nài, tự xưng là thám tử và cô thư ký tiết lộ với anh rằng ông chủ của cô đang ở trên phố, đi mua đồ làm quà bất ngờ cho vợ mình, hai giờ nữa ông ta sẽ quay về.

Jeremy cúp máy mà không nói thêm lời nào. Anh há miệng hớp từng ngụm lớn không khí. Anh đã trêu ghẹo con rắn, giờ anh phải chấp nhận đến lượt mình bị cắn.

Tưởng tượng Keoraz dáng vẻ quàu quạu đang tặng một bộ váy mới cho Jezabel khiến anh ghệt thờ. Sao họ có thể rơi vào tình cảnh này? Jeremy đứng dậy định rót một cốc nước rồi dừng lại giữa chừng. Bây giờ không phải lúc. Anh có việc cần làm hơn.

Anh đến đồn cảnh sát, bên bờ sông Nile, vào cuối buổi chiều, nỗi đau trong ngực anh nhạt đi.

Tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dưa.

Tin buồn đợi anh đã gần một giờ. Azim đã được tìm thấy. Trong một ngôi mộ thuộc khu mộ cổ của các vua Thổ Nhĩ Kỳ.

Jeremy cho người chở mình đến hiện trường, đầu ngả ra phía sau suốt quãng đường, hai mắt nhắm lại. Về ngoài thanh thản.

Anh không nói một lời, bước trên cát đến tận khu nhà cổ đã lún sứt một phần, và đi vào nơi giống với một sảnh lớn. Mặt trời hoàng hôn chiếu sáng gian trung tâm qua những lỗ mở lớn không có cửa sổ, tỏa ánh sáng qua những vũng đỏ lấp lánh, làm ánh lên những hạt cát màu hồng, cam và đỏ son.

Azim quỳ gối, mặt vùi hoàn toàn trong cát, chỉ chừa ra mái tóc đen. Hai tay anh bị trói sau lưng, sợi thừng cũ sờn nhưng chắc hơn cổ tay một người

đàn ông. Anh không mặc quần. Một thanh gỗ, kích thước cỡ một cái cán xẻng, lòi ra khỏi hậu môn anh, một chất trắng sùi bọt vẫn còn phủ lên một phần cây gậy. Phần lớn lượng máu chưa khô hết vấy lên vùng giữa hai chân viên thám tử, rồi vương khắp đùi anh. Đầu kia của cây gậy bị lèn chặt, nứt ra vì những cú va chạm mạnh.

Sự việc thật rõ ràng. Có người đã đóng thanh gỗ vào người Azim bằng cách quết xà phòng lên sau đó dùng búa gỗ lên đầu gậy để ấn nó vào cơ thể anh sâu chừng nào tốt chừng đó. Một cái chết từ từ và không thể chịu thấu.

Các thanh tra, phần lớn là người Ả Rập, đi lại bên cạnh hiện trường, họ đổ xô đến từ khắp thành phố để chứng kiến cảnh tượng hãi hùng. Họ thì thầm trao đổi, ghé tởm, rút ra những kết luận cá nhân. Hiển nhiên là Azim đã bị giết tại chỗ, khu mộ cổ hoàn toàn hoang vắng vào ban đêm, không ai có thể nghe thấy tiếng anh kêu gào, thật tiện lợi. Vậy là kẻ giết người phải có xe ô tô để đến đây cùng nạn nhân, điều này loại bỏ chín mươi phần trăm dân số.

Jeremy nghe có người thì thầm rằng anh ta nhận ra hình thức tra tấn, đó là một hình phạt cổ có từ thời vua Thổ Nhĩ Kỳ trị vì Ai Cập. Thủ phạm của sự quái gở này đang đùa giỡn với lịch sử. Francis Keoraz từng chứng tỏ ông ta am hiểu lịch sử, rằng ông ta say mê nó, Jeremy nghĩ, thêm một lần nữa.

Viên thám tử ra hiệu cho một nhóm người tin cẩn và ra lệnh cho họ phải đảm bảo việc khám nghiệm tử thi phải được tiến hành ngay đêm đó, bởi bác sĩ Cork, đích thân ông ta chứ không ai khác. Rồi Jeremy trở lại chỗ cái xe đã đưa anh đến, và không đợi người lái xe, anh cầm lái phóng hết tốc lực về phía bức tường cổ được coi là thứ bảo vệ Cairo.

Trở lại đồn cảnh sát trung tâm Cairo, anh lao thẳng đến bàn làm việc của Azim và ngồi vào cái ghế kéo kẹt. Anh mở từng hồ sơ lẫn lóc trên tấm lót tay và trong các ngăn kéo, anh xem xét tỉ mỉ từng ghi chép mới nhất của người đồng nghiệp nhưng không tìm thấy gì hết.

Cấp trên trực tiếp của họ, Calvin Winscott, đang đi qua lối đi giữa chia căn phòng lớn làm đôi, thấy Jeremy ngồi bên bàn, ông ta lập tức đổi hướng,

đi thẳng về phía anh.

“Matheson, chúng tôi tìm anh khắp nơi từ hơn một giờ nay, trời ạ, việc khẩn cấp đấy! Chúng tôi đợi anh ở dưới nhé, anh nhanh lên!”

Jeremy, vẫn đang làm nốt việc lần giở cuốn sổ ghi chép của Azim, không trả lời.

“Chúng ta cần nói chuyện một chút,” Winscott tiếp tục. “Vụ này đi xa đấy, giờ thì không có chuyện anh tiếp tục một mình nữa, tôi sẽ điều hẳn một tiểu đoàn cảnh sát. Tôi muốn biết chúng ta đã điều tra đến đâu rồi. Anh nghe tôi nói chứ?”

Matheson mơ hồ gật đầu.

“Lạy Chúa lòng lành, anh có chú ý chút nào đến những gì tôi đang cố nói với anh không?” Winscott nổi xung. (Ông ta nắm lấy vai anh để buộc anh phải nhìn mình.). “Jeremy, chúng ta vừa biết tin là toàn bộ Héliopolis đang trong tình trạng giới nghiêm. Tất cả các lực lượng đều bị điều động.”

Winscott nhăn mặt căng thẳng, để lộ cả hàm răng, sau đó nói thêm:

“Con trai ngài Keoraz bị bắt cóc chiều nay. Ngài Humphreys, thuộc quý Keoraz, đang đợi anh dưới kia, ông ta muốn đích thân nói chuyện với anh.”

Humphreys đợi trong căn phòng giáp với phòng lễ tân, phần thân trên đồ sộ của ông ta làm cái áo sơ mi căng phồng lên dưới chiếc áo vest may đo. Ông ta dùng mấy ngón tay chải bộ râu dài như thể đó là một cái lược. Khi thấy Jeremy bước vào, ông ta bật dậy còn nhanh hơn cả đang ngồi trên lò xo.

“Thám tử...”

Không nói một lời, Jeremy ra hiệu cho ông ta đi theo anh, họ ra khỏi tòa nhà và bước vào một quán cà phê do một người Hy Lạp làm chủ, cách đó hơi xa. Chỗ này chỉ người Tây mới lui tới, Jeremy gọi hai whisky và hất cằm ra hiệu cho Humphreys đang ngồi đối diện mình.

“Tôi đến đây thay mặt ngài Keoraz,” ông giám đốc mở đầu. “Anh biết đấy, con trai ngài ấy đã bị bắt cóc chiều nay. Ngài Keoraz muốn đảm bảo rằng anh sẽ làm hết khả năng để tìm được con trai ngài trong thời hạn ngắn nhất. Đứa bé rất yếu đuối và...”

“Điều gì khiến chủ của ngài muốn nói chuyện với tôi?”

Không chút trặc ẩn nào lộ ra qua giọng vị thám tử, anh lạnh lùng như đá.

“Ngài Keoraz lo ngại vụ bắt cóc này có liên quan đến những vụ giết trẻ em anh đang điều tra. Đầu tiên là lũ trẻ được quỹ của ngài ấy giám hộ, giờ đến lượt chính con trai ngài...”

Jeremy vung tay ra trước mặt để ngăn ông ta nói.

“Kẻ giết người tấn công những đứa trẻ đó vì chúng ở ngay trước mũi hăn. Chúng chính là những con mồi đáng thèm thuồng, và dễ dàng.”

“Làm sao có thể khẳng định điều đó, không thể...”

“Có chứ!” Jeremy dứt khoát. “Bởi ta biết kẻ giết người có mối quan hệ mật thiết với quý. Đó là kẻ biết rõ bọn trẻ, hẳn có thể đến gần chúng mà không làm chúng sợ. Một đêm hẳn đột nhập vào quỹ để bí mật xem xét hồ sơ của chúng, để biết tối đa về chúng, và hẳn nắm rõ địa điểm, hẳn không hề phá cái cửa nào ngoài cửa phòng chứa hồ sơ, tôi biết điều đó từ chính lời thú nhận của ông, ông Humphreys ạ.”

“Anh nghi ngờ người trong quỹ chúng tôi ư?” Ông giám đốc phẫn nộ, một tay đưa lên vuốt râu.

“Một người có biết tôi.”

“Điều này không có nghĩa gì hết!”

Jeremy đặt cái cốc xuống dù đã định đưa nó lên miệng.

“Kẻ đó đã cẩn thận chọn lựa những đứa trẻ từng tham gia lớp đọc sách của tôi.”

“Anh nghĩ rằng tôi, hay thậm chí... bà Keoraz có thể làm một việc như vậy! Thật ra, anh trật lất rồi!”

“Không, đó là một người đàn ông, điều này loại bỏ Jezabel, và cũng không phải ông, ông có chìa khóa của quỹ, ông sẽ không mất công phá cửa để vào đọc phiếu thông tin về bọn trẻ. Đó là một người rất ngăn nắp, có đủ quyền lực để có thể tiếp cận với những thông tin liên quan đến công việc của tôi. Đó là một người có thể biết rằng tội ác đẫm máu xảy ra tại Shubra vào ngày tôi trực sẽ được giao cho tôi, và rằng sớm muộn gì tôi cũng sẽ liên hệ nó với vụ thảm sát bọn trẻ, cùng một kịch bản dã man. Một người đã dàn dựng tỉ mỉ mọi chuyện từ đầu, để kéo tôi vào cái mớ chằng chịt này. Một người muốn làm tôi hiển nhiên dính dáng đến các vụ giết người đó, muốn tôi biết rằng hẳn đang nhắm đến tôi, rằng một phần việc đó là vì tôi, chống lại tôi. Người ta dệt một cái lưới bằng máu, cả Jezabel cũng bị dính vào. Tôi chỉ thấy một người duy nhất có thể làm việc này.”

Humphreys lắc đầu thật mạnh, ông ta không chịu tin vào giả thuyết vô lý đó.

“Anh mất trí rồi! Con trai ngài Keoraz vừa bị bắt cóc! Ngay giữa ban ngày, khi cậu ấy một mình về nhà trên tàu điện ở Cairo, vào một giờ đồng

người lẽ ra phải đủ để đảm bảo an toàn cho cậu ấy. Cô giáo dạy piano đã cẩn thận dắt cậu ấy lên tàu điện, và cô bảo mẫu sẽ đón cậu ấy ở bến xuống. Có cả một mạng lưới xảo quyệt ở phía sau vụ này, vậy mà anh, anh lại buộc tội cha ruột của cậu ấy! Anh là loại thám tử gì vậy?”

“Ngược lại, không hề có mạng lưới nào phía sau vụ bắt cóc này cả, chỉ có duy nhất một người. Một người biết cậu bé. Để cậu bé có thể chấp nhận đi theo mà không gây chú ý. Hành trình giữa Cairo và Héliopolis rất dài, nhiều bến đỗ, cả hai có thể xuống bất kỳ đâu. Sự thể là tôi đã gọi cho ông chủ của ông chiều nay. Ông biết ông ta ở đâu không? Trong thành phố. Để tìm một món quà bất ngờ cho Jezabel. Trong vòng ít nhất hai giờ đồng hồ. Còn có bằng chứng ngoại phạm nào tốt hơn thế? Chỉ cần ông ta ghé qua một cửa hiệu, mua món quà rồi đi tìm con trai mình để dẫn cậu ấy đến một nơi nào đó, rất có thể là một ngôi nhà ông ta mua hoặc thuê dưới một cái tên giả bất kỳ. Ông ta sẽ viện cớ là đã đi hết cửa hiệu này đến cửa hiệu khác vì biết rằng các cô bán hàng có nhiều khách đến nỗi không thể khẳng định là có nhìn thấy ông ta hay không. Sự nghi ngờ, khi nó liên quan đến những người tầm cỡ như Keoraz, luôn chuyển sang chiều hướng có lợi cho họ.”

“Anh nói bậy!”

Jeremy sà vào người đối thoại và túm lấy bộ râu ông ta, dán mặt anh vào khuôn mặt đầm đìa mồ hôi của ông giám đốc.

“Ông quay về gặp nhà Mạnh Thường Quân yêu quý của ông và nói với ông ta rằng tôi sẽ khiến ông ta phải trả giá cho những gì ông ta đã làm,” Jeremy thì thầm cảnh báo. “Sớm muộn gì ông ta cũng sẽ phạm sai lầm.”

Anh lao bổ ra khỏi quán cà phê mà không quay đầu lại.

* * *

Đã gần nửa đêm.

Dưới tầng hầm bệnh viện, bác sĩ Cork thè cái lưỡi dày ra liếm bờ môi nứt nẻ.

“Tại sao lúc nào cũng là tôi?” Ông ta hỏi, bằng giọng lộ rõ vẻ mệt mỏi không phải về thể chất.

“Tôi tin ông,” Jeremy đáp. “Không có nhiều bác sĩ khám nghiệm tử thi giỏi tại Cairo.”

“Ở Cairo cũng không có nhiều thám tử cuộc điều tra nào cũng ra lệnh khám nghiệm tử thi.”

Jeremy gạt đầu và châm một điếu thuốc.

“Ta tạo thành một đôi lý tưởng đấy,” anh bình luận trong đám khói đang phủ kín người. “VẬY sao, Azim thì thế nào?”

Ông bác sĩ khoanh tay trước ngực rồi lại liếm môi thêm lần nữa.

“Chết từ từ, rất có thể là vài giờ. Cơ hấp hối đau đớn khủng khiếp. Người ta đã đóng cái cọc này vào hậu môn anh ấy”

Ông chỉ khúc gỗ dài một mét năm mươi và đường kính ít nhất cũng năm xăng ti mét đặt trên bàn. Một nửa cây cọc phủ máu gần khô.

“Người ta đóng cây gậy bằng cách đập vào phần đầu gậy thò ra ngoài, cho đến khi xuyên dần qua ruột, dạ dày... Tóm lại là, cho đến khi nổi đau đớn làm anh ấy hoàn toàn bất động. Hành động đó tàn bạo đến nỗi Azim không thể cử động nổi sau khi chịu nhục hình đóng cọc, chắc chắn thế. Điều này cũng đồng nghĩa với việc kẻ tra tấn không cần ở lại để đợi anh ấy chết.”

Trước vẻ mặt không biểu lộ cảm xúc của Jeremy, ông bác sĩ nói thêm:

“Thủ phạm làm điều này với anh chàng khốn khổ đó giữa các ngôi mộ, và sau khi tội ác hoàn tất, hẳn có thể bỏ đi, để Azim ở lại chịu đau đớn, máu chảy từ từ cho đến chết. Kẻ giết người chỉ cần có mặt tại hiện trường trong năm phút, tôi cho là vậy. Sau đó, về phần Azim, mỗi cái rùng mình sẽ dội vào tận ruột, làm anh hét lên hoặc phát khóc, tôi cũng không thể biết được một người sẽ phản ứng thế nào nếu rơi vào tình trạng đó. Anh ấy không thể đứng dậy, hoặc thậm chí tìm cách kéo cây cọc ra. Tay anh ấy bị

trói quặt ra sau và một lần nữa tôi nhấn mạnh: cây gậy chọc sâu đến tận xương ức, chỉ một cử động nhỏ cũng đủ làm anh ấy phát điên vì đau đớn.”

“VẬY là anh ta chỉ chờ chết...”

Jeremy khạc khói thuốc lá ra.

“ĐỢI một phút!” Anh ngạc nhiên. “Nếu kẻ giết người không ở lại, thì làm sao đầu Azim lại bị vùi trong cát?”

Cork giơ một ngón trỏ trước mũi.

“Chính vậy, Azim đã không đợi đến hơi thở cuối cùng. Tôi nghĩ rằng sau một giờ đồng hồ, nỗi đau đớn dữ dội đến mức anh ấy đã tìm cách đẩy nhanh mọi việc. Vì không thể di chuyển thân người, có lẽ anh ấy đã bắt đầu bằng cách đập đầu vào một hòn đá. Người ta kể với tôi là bên cạnh anh ấy có hai hòn đá lớn, có dính một ít máu. Và trán cùng thái dương phải của anh ấy vỡ toác. Chỉ thiếu chút nữa là vỡ sọ. Anh ấy đã bỏ cuộc đúng lúc đó. Nhiều khả năng là anh ấy đợi một lúc, và rồi vì tuyệt vọng mà thử một cách khác.”

Cork nhìn chăm chăm Jeremy, ánh mắt u ám.

“Azim đã vùi mặt vào cát, bằng cách chúi người xuống, tôi nghĩ vậy, để tự làm mình ngạt thở.”

Ông bác sĩ nhấn mạnh bằng một cái gật đầu.

“Chính điều đó đã khiến anh ấy chết hẳn. Thiếu ôxy. Anh ấy có tất cả các triệu chứng.”

Jeremy vừa thở dài vừa nhìn cây cọc bết máu.

“Một việc nữa,” ông bác sĩ nói thêm. “Người ta mang anh chàng khốn khổ này đến chỗ tôi nguyên xi như lúc anh ấy được tìm thấy, không có quần. Nhưng vẫn mặc áo vest và tôi đã tìm thấy ví tiền cùng... một thứ như giấy gói cuộn lại. Trên đó viết tiếng Ả Rập.”

Lần này Jeremy không giấu vẻ ngạc nhiên:

“Một tờ giấy gói ư?”

“Phải, nhỏ và trong tình trạng rất tệ. Nó hẳn có từ lâu lắm rồi.”

“Tôi có thể lấy nó về không?”

Cork nhún vai.

“Tất nhiên, chỉ có điều hiện giờ nó nằm trong tay một người đồng nghiệp Ồ, không có gì đáng lo cả, đó là một người đáng tin cậy! Ông ta làm việc ở trường đại học Mỹ, người ta gọi ông ta khi phát hiện được mấy bộ xương trong quá trình khai quật, đó là một nhà nhân chủng học, và ông ta đảm bảo là sẽ nhanh chóng kiếm cho tôi một bản dịch. Tôi sẽ đưa tất cả cho anh ngay khi có được nó.”

Jeremy gạt đầu và đang có vẻ định bước đi thì lại đặt một tay lên vai bác sĩ.

“Bác sĩ, khi khám nghiệm tử thi thằng nhỏ, ông đã nhận ra nó, đúng không?”

Cork mở miệng để thoát ra tiếng ùng ục từ dạ dày. Nhưng không thốt lên được từ nào, ngoài một hơi thở, dài và mệt mỏi.

“Đó là một trong những đứa trẻ mà ông từng theo dõi sức khỏe dưới sự bảo trợ của quỹ Keoraz, phải không?” Jeremy nhấn mạnh.

“Đó là một đứa trẻ tôi từng biết, đúng vậy. Và... Tôi đã tìm cách làm anh hiểu, thám tử ạ.”

Jeremy buồn bã mỉm cười.

“Và lời nói của tôi không phải để coi nhẹ,” bác sĩ Cork nói thêm. “Khi anh tìm ra kẻ đã làm điều đó, hãy bắn hãn một phát cho phần tôi. Cá nhân tôi, nếu có cơ hội, tôi sẽ không do dự dù chỉ một giây.”

Tinh thần Marion cũng đồng điệu với màu của cốc cà phê cô đang khuấy. Tại sao tối qua cô lại mất cảnh giác? Một buổi tối vui vẻ cùng chị bạn, một chút sóng gợn trong tâm hồn, cảm giác hoàn toàn lơ đãng, quá lơ đãng, và thế là cô đã để lộ hết.

Béatrice đã biết tất cả.

Marion vừa mới quen biết chị, lòng tin của cô chỉ dựa vào một trong những bản năng chông chênh nhất. Sau khi thú nhận mọi chuyện, cô những tưởng sẽ cảm thấy ổn hơn, cô hy vọng việc chia sẻ bí mật sẽ làm cô nhẹ nhõm hơn. Nhưng hoàn toàn không phải. Thậm chí còn tồi tệ đi.

Không những cô không cảm thấy mạnh mẽ lên, không cảm thấy được trợ giúp mà chứng cuồng tưởng trong cô lại trở dậy. Nếu Béatrice kể lại hết cho các cư dân trên Đỉnh thì sao? Tệ hơn, nếu chị nhấn các tòa báo để bán cho người nào trả giá cao nhất danh tính của người cung cấp thông tin bí hiểm thì thế nào? Lại nữa, vì luôn là họa vô đơn chí, cô không thể dứt ra khỏi đầu điệp khúc của Johnny Hallyday: ‘Đen tối, tất cả đều đen tối, không còn hy vọng gì...’* mà cô nghe được trên đài trong khi tắm.

Cô không biết phải làm gì nữa. Lớp vỏ bọc của cô đã cháy rụi, như ta thường đọc thấy trong các tiểu thuyết tình báo. Cô có nên gọi UBGSLT và yêu cầu họ đến đón cô không? Cô sẽ nói gì với họ để giải thích mọi chuyện? Rằng một tối vì mệt mỏi, cô đã kể hết ư? Ngoài việc bị mất mặt, chuyện này còn cho thấy cô là người vô cùng cầu thả. Họ không có quyền trả lời cô rằng họ từ bỏ cô, rằng không thể bảo vệ cô nếu chưa gì trong vòng mười ngày cô đã suy sụp tinh thần và kể hết cho người đầu tiên cô gặp chứ?

Marion ngán ngẩm. Từ tháng Mười, cuộc sống của cô chỉ còn là lo lắng, canh chừng, không ngơi nghỉ; những kẻ muốn cô im lặng đã lần theo vết cô, chúng đủ mạnh và có tổ chức cho việc này, thậm chí còn phái một tên đi xe máy đến bãi đậu xe nhà cô để khủng bố cô. Chúng không ngờ lúc ấy cô có liên lạc với UBGSLT, kể từ đó mọi việc nhất định đã khác đi. Kẻ thù hằn là đang truy lùng cô, thăm dò từng khả năng để tìm ra cô. Nếu đúng vậy thì hằn chúng sẽ ít khoan dung hơn, Marion suy luận, chúng sẽ không chịu rủi ro nữa, và sẽ chấp nhận được ăn cả ngã về không, để thanh toán cô.

UBGSLT có nhiệm vụ tìm cho cô một góc nhỏ hẻo lánh để mọi người quên cô đi, trong khi chờ đợi cảnh sát tư pháp gọi cô ra làm chứng. Nếu trong trường hợp đó... Tình hình của cô chỉ còn là một khoảng mênh mông mờ mịt, không có đường chân trời.

“Mình đã làm gì vậy...,” Cô đưa hai tay ôm đầu.

Liệu cô có được lựa chọn không? Đáng lẽ cô phải chờ đợi. Cho đến khi UBGSLT ra hiệu cho cô. Đáng lẽ nên thế thì hơn.

Và để giết thời gian, cô vẫn còn có cuốn nhật ký. Nghĩ cho kỹ thì câu chuyện đó cũng không kém phần điên rồ. Cô sống trong một cuộc điều tra từng diễn ra cách đây bảy mươi năm.

Với một chút may mắn và một buổi sáng trên mạng, cô có thể tìm thêm thông tin về cuộc điều tra đó. Thậm chí còn có thể tìm ra toàn bộ câu chuyện đó đã kết thúc thế nào.

Rồi khỏi khám phá nó qua cuốn nhật ký ư?

Không, cô muốn đọc hết, đọc đến cùng. Làm việc có tuần tự.

Đột nhiên, một cục lo lắng làm dạ dày cô thắt lại. Thế nếu cuốn nhật ký kết thúc ở ngõ cụt, không kể lại kết cục câu chuyện thì sao? Vậy thì cô sẽ xoay xở để có thể vào mạng, và cô sẽ tự tìm ra sự thật. Nếu từng có một bài báo trong *Tin Văn*, thì chắc chắn sẽ có thêm chi tiết ở chỗ khác, trong báo chí Anh ngữ thời bấy giờ, trong kho lưu trữ trên mạng.

Thế nếu kẻ giết trẻ con vẫn còn sống thì sao? Marion tự hỏi mình sẽ làm gì nếu có ngày gặp hằn. Một lão già. Có thể cô sẽ tố cáo hằn với cảnh sát, chuyện này thì không có gì phải nghi ngờ nữa.

Sau một thời gian dài như vậy, liệu mọi chuyện có còn hiệu lực? Theo cô thì có, nhất là khi ta giết hại những người vô tội.

Đọc sẽ giúp cô khuây khỏa, mang cô xa nơi này, xa khỏi những lo lắng trong cô.

Marion lên nhà mặc thật ấm, và như hôm trước, cô chuẩn bị một cái sandwich rồi cho thêm một cái chần vào túi. Cô ra khỏi nhà vào cuối buổi sáng và đi lên phía đỉnh tu viện. Cô gặp lại căn phòng Hiệp Sĩ cùng những bóng đen vừa lịch lãm vừa đáng e ngại của nó. Đó là khung cảnh tuyệt hảo cho chuyến du ngoạn của cô.

Marion đang đọc đến đoạn cuối, số trang sách còn lại giảm dần, nhịp điệu kể dồn dập hơn. Cô giở chán dưới khung cửa sổ cô chọn, rồi chuẩn bị rời xa thế kỷ 21. Khi giở trang bìa cuốn sách, cô cảm giác như đang mở một cánh cửa.

Ngôn từ là một câu thần chú màu nhiệm. Cô chậm rãi niệm chú khi bắt đầu, rồi tăng tốc dần.

Mont-Saint-Michel biến mất.

Mặt trời lại chói chang. Những mùi hương lạ lan tỏa dưới mũi cô. Và những tiếng ồn ào của một thời đại đã qua dâng lên xung quanh Marion.

Sáu giờ sáng, Jeremy Matheson lang thang vô định dưới dãy tường thành Saladin, các tòa tháp cao của nhà thờ Hồi giáo Mehmet Ali sừng sững như hai ngọn nến canh giữ chút ánh sáng hắt lên bóng thành phố.

Đôi chân anh mỏi nhừ, anh đã lang thang như thế được một lúc lâu. Tâm trí mơ hồ. Anh đi qua nhiều khu phố với những con hẻm ngoằn ngoèo và hẹp tới mức ba người không thể đi ngang hàng, rồi đến một thành phố đông chật chội, đông huyền bí, và đi qua những mạch giao thông thẳng và hùng vĩ như đại lộ Champs-Élysées ở Paris. Vẫn còn quá sớm nên không có mấy ô tô qua lại, chỉ trong vòng hai hay ba giờ nữa tiếng động cơ sẽ át tiếng gió và tiếng những người thợ thủ công đã bắt đầu làm việc.

Jeremy rà đi rà lại toàn bộ vụ điều tra. Anh tìm kẻ hở. Keoraz phải bị hạ. Mới đầu Jezabel sẽ không hiểu. Tệ hơn, hẳn cô sẽ thù hận anh, vì đã phơi bày bản chất kinh tởm của chồng cô. Tuy nhiên, theo thời gian, cô sẽ nhìn ra mọi việc một cách rõ ràng hơn, cô sẽ chấp nhận sự thật. Cùng với sự thấu hiểu, cô sẽ nhận ra những gì anh đã làm được, chính anh, Jeremy. Cô sẽ phải mạnh mẽ. Và anh sẽ có mặt trợ giúp cô. Để ngăn cô vấp ngã.

Anh sẽ nắm tay cô, theo bước cô, âm thầm, lâu chùng nào cũng được. Vì cô. Không đòi hỏi gì đổi lại. Cô sẽ khắc nghiệt với anh, như cô vẫn vậy, cố chấp và tàn nhẫn. Bĩ ối nữa, đôi khi thế. Do cơ chế tự vệ. Đó là kiểu tự vệ của cô. Chống lại xúc cảm do anh gây ra. Anh không thể tin rằng tình yêu của họ đã đảo ngược, cho đến khi trở thành mối hận thù bất kham; sâu thẳm trong lòng, cô vẫn cảm thấy một tình cảm dịu dàng lớn lao dành cho anh, và chính điều đó khiến cô phát điên. Cô bắt anh phải trả giá cho cái tình

cảm luôn vượt quá lý trí của cô mỗi lần họ gặp gỡ. Anh sẽ phải tỏ ra kiên nhẫn. Cả thương yêu nữa. Nâng đỡ cô.

Jeremy nhận ra mình vừa đi qua quảng trường Saladin, giờ anh đang ở dưới chân tường nhà tù. Bầu trời trắng lên phía sau bức tường thành. Tiếng đạn nổ đôm đốp, điên cuồng đập vào không khí khô khốc của buổi sáng, vang vọng trên các bức tường cao vây quanh cái sân trong.

Jeremy đứng bất động, nhắm mắt. Anh lục trong túi quần cho đến khi lôi ra được bao thuốc để châm một điếu. Họ có bao nhiêu người? Jeremy vừa tự hỏi vừa rít khói thuốc. Họ đã nghĩ gì những phút cuối cùng đó? Trong lúc anh đi lại trên quảng trường, thì họ ra khỏi phòng giam, biết rằng mình đang bước những bước cuối cùng, rằng đây là bình minh cuối cùng, và rằng họ đang rời bỏ cuộc sống, rời bỏ toàn bộ cõi đời, vì đã không biết thuận theo cái xã hội đang vĩnh viễn loại bỏ họ này. Anh đang hút thuốc ở đây, bình thản, còn họ thì không còn thế nữa. Những cái xác bất động, lỗ chỗ vết đạn. Các tử tù bị xử bắn trong sự im lặng trang nghiêm của buổi sớm, gần như vô danh, như thể có một nỗi hổ thẹn nào đó khi bản án được thi hành.

Sau đường ray tàu điện, ngay sau một dãy nhà dân bị nhà tù che khuất một phần, là một nghĩa địa khổng lồ trải dài, rộng cỡ năm khu phố ở Cairo hợp lại, nơi mà thế hệ tiếp nối thế hệ, mỗi người đàn ông, mỗi người phụ nữ từng lấp đầy thành phố này giờ đã rơi vào quên lãng. Những người đàn ông từng một ngày kia dừng lại để nghĩ về cái chết của người khác, những người đàn bà từng khóc thương cho sự ra đi của một người thân.

Jeremy bắn đầu mẩu thuốc lá ra xa bằng một cú búng nhẹ ngón giữa rồi đi qua quảng trường theo chiều ngược lại, theo hướng nhà thờ Hồi giáo Hasan, nặng nề và đồ sộ, để quay ra đại lộ chính. Anh cảm thấy kiệt sức, tách rời khỏi thế xác, một kiểu say lơ mơ.

Anh đợi chuyến tàu điện đầu tiên rồi đi lên phía Bắc Cairo, đến tận tổng hành dinh của cảnh sát Ai Cập nơi có phòng làm việc của mình. Để chống lại cơn mệt mỏi, anh lấy tấm bản đồ chi tiết của thành phố và bắt đầu liệt kê tất cả những bệnh viện gần khu phố Shubra. Anh có chiến lược riêng. Kế hoạch tác chiến. Nếu vụ giết kẻ vô gia cư ở Shubra đúng là tội ác đầu tiên

của tên giết trẻ con - cùng những triệu chứng điên cuồng phi nhân tính giống nhau - thì thủ phạm có thể đã từng ra vào những bệnh viện xung quanh. Trong lần nói chuyện qua điện thoại cuối cùng, Azim đã kể lại ngắn gọn cuộc phiêu lưu của anh ta, và việc anh ta phát hiện ra con quái vật: một gã khổng lồ hói đầu da đen, má mở hoác lộ ra bộ hàm hồng. Anh ta đã gào lên rằng đó là một con *ghûl*. Lý giải theo dân gian về bản chất quái vật của kẻ đó không phải cách lý giải duy nhất. Nếu một kẻ như vậy từng giết người ở Shubra, thì rất có thể các bệnh viện địa phương đều biết hẳn vì đã từng băng bó cho chứng bệnh kỳ dị của hẳn.

Quanh vùng không có nhiều cơ sở chăm sóc y tế cho lắm, bệnh viện Do Thái đã là quá xa so với một người chắc hẳn không có phương tiện di chuyển gì khác ngoài đôi chân. Và gần như chắc chắn là hẳn ta di chuyển vào ban đêm, để không bị nhìn thấy.

Jeremy mượn một chiếc ô tô và bỏ ra hai giờ đồng hồ ở bệnh viện Lord Kitchener, nơi anh biết rõ vì đây chính là nơi làm việc chính thức của bác sĩ Cork, người anh dứt khoát giao phó mọi vụ khám nghiệm tử thi. Có vẻ như không ai nhớ gì về một tên đen khổng lồ với khuôn mặt bị trầy trụa một nửa.

Vậy là anh đi về hướng bệnh viện thứ hai và cũng là cuối cùng, bệnh viện Bulaq. Một nữ y tá nhận ra kẻ được Jeremy miêu tả, rồi một bác sĩ. Đó không phải là loại bệnh nhân ta có thể quên được. Người đàn ông đó từng đến điều trị một lần tại đây, cách đây hơn một tháng rưỡi, hồi cuối tháng Giêng. Họ thậm chí còn tìm cách cho hẳn vào nhà cứu tế, ít nhất vài tuần, đủ thời gian giúp hẳn bình phục, nhưng hẳn đã bỏ trốn trước khi xe cứu thương đến. Hẳn sống trên phố, tựa như loài chó hoang, hẳn không nói năng gì, toàn thân trầy xước, và bị đói. Hẳn được đưa đến đây, do cưỡng bức, bởi các cảnh sát đồn Shubra khi họ thấy hẳn nằm co quắp trong một ngôi nhà đổ nát của khu phố. Về ngoài khung khiếp của hẳn lúc đầu khiến họ tưởng rằng đó là một xác chết, má bị thú vật ăn mất, cho đến khi hẳn cử động. Sợ hãi, sau đó là tò mò, hai cảnh sát khu vực đã chờ gã khổng lồ không có biểu hiện chống đối gì đến đây.

Kể từ đó họ không thấy hăn nữa, hoặc hăn đã chết, hoặc hăn sống rất kín đáo, lẩn trốn trong xó xỉnh nhớp nhúa nào đó quanh đây. Về chứng bệnh của hăn, vị bác sĩ tỏ ra hoài nghi. Nó giống với bệnh hủi nhưng lại không phải là bệnh hủi. Đôi má hăn bị ăn nát, không có thịt, mũi cũng bị gặm mất một phần, và một con mắt mở to bất thường, gần như treo lơ lửng trên mặt. Hàm răng gã khổng lồ không thể mở ra, như bị dính ở trạng thái ngậm lại, điều đó giải thích tại sao hăn bị suy dinh dưỡng, người bệnh chỉ còn có thể nuốt thức ăn dạng lỏng qua kẽ hẹp giữa những cái răng sâu.

Sau giờ ăn trưa một chút, Jeremy lên đường về.

Francis Keoraz có cả một đại đội người quen, hoàn toàn có thể là câu chuyện đen tối về người-thú đã đến tai ông ta và ông ta tìm cách gặp lại sinh vật đó, điều này, với một sự tổ chức tốt, sẽ không khó khăn gì. Người mà Azim gọi là con *ghûl* hiện đang bị giam hoặc rất đơn giản là trọ ở đâu đó. Keoraz giữ hăn lại bằng cách cho hăn một mái nhà và thức ăn.

Jeremy ngồi vào hiên một quán cà phê trong vườn Royal Yacht's Administration, ngay gần văn phòng mình, đối diện sông Nile đang phản chiếu ánh mặt trời màu bạch kim. Anh thầm chuẩn bị trong đầu bản báo cáo của mình.

Gã đen khổng lồ chắc chắn là một người Sudan nhập cư, gia đình hăn đã ruồng bỏ hăn vì sự xấu xí do căn bệnh của hăn gây ra, không cần biết là bệnh gì. Hăn lớn lên ở một trong các khu ổ chuột của Shubra, một khu hoang dã tựa đồng cỏ của những con thú săn mồi châu Phi. Nơi không cảnh sát, cũng không cơ quan hành chính nào thâm nhập được, giữa một thế giới nằm ngoài mọi nguyên tắc, mọi ánh mắt. Đơn độc và dị dạng, hăn dựng lên hình ảnh bản thân qua những điểm nhấn tinh thần chỉ thuộc về mình, tự tạo ra những quy tắc riêng. Cũng có thể chỉ đơn giản là hăn không trưởng thành trong trí tuệ. Hăn vẫn còn là đứa trẻ đau đớn vì bệnh tật, bị cha mẹ hắt hủi và đám bạn đồng trang lứa giễu cợt, đánh đập.

Phải rồi, giả thuyết đó hợp lý. Và thù hận trời dậy. Sự dã man chỉ là tấm gương phản chiếu những đau đớn trong hăn, và đám trẻ, dưới mắt hăn,

chính là nguyên nhân đau đớn, nguồn gốc cô đơn của hắn. Hắn bộc lộ sự đau khổ ra ngoài. Đó chính là điều đã xảy ra.

Và Keoraz... Biết được tính cách của Francis Keoraz, Jeremy tạo cho mình một miêu tả khá rõ ràng, một con người quyền lực, quen với việc có mọi thứ, luôn chiếm hữu nhiều hơn nữa, làm tốt hơn nữa, không giới hạn, cho đến khi đánh mất chính mình.

Sự thèm muốn quyền lực đã tạo ra một vòng xoáy điên rồ. Nhưng Keoraz là một người đã được văn minh hóa, chịu ảnh hưởng quá lớn của giáo dục, và dẫu giờ đây có cảm thấy mình đi xa khỏi phạm trù đạo đức thì ông ta cũng không thể làm mấy chuyện tàn ác đến thế với đám trẻ đã chết. Nên ông ta dùng con *ghûl*. Ông ta điều khiển gã đen khổng lồ, như một người điều khiển rối thực thụ, ông ta kéo dây, dẫn dắt người đàn ông bị tổn thương đó trên con đường thù hận, khai trí cho hắn về hình thức giải thoát bằng tội ác. Một sự giải phóng tuyệt đối, cuối cùng là một nguồn vui thú cho hắn. Còn Keoraz thì hưởng thụ uy quyền đó, ông ta lùi sau, quan sát những hành động ghê tởm của con quái vật của ông ta. Như một Frankenstein, ông ta là hình bóng phía sau sinh vật mà tất cả đều dồn mắt vào.

Không, Jeremy nghĩ tiếp, cần phải nêu rõ trong bản báo cáo cuối cùng của anh rằng Keoraz không chỉ hưởng thụ quyền tuyệt đối trước người khác cũng như trước cuộc sống và cái chết, mà ông ta còn nhớp nhúa hơn nữa: ông ta thật sự thấy khoái cảm! Tinh dịch tìm thấy trên nóc nhà nơi xảy ra vụ thảm sát trẻ con gần nhất đã chứng minh điều đó. Trong khi con *ghûl* đánh đập nạn nhân, Keoraz đứng sau ngắm nhìn cảnh tượng, để nuôi dưỡng những ảo ảnh đồi bại của mình.

Jeremy ủ dột gật đầu. Keoraz phải chết. Lão triệu phú gian xảo và quý quyết. Đến mức bắt cóc chính con trai mình để chắc chắn được công luận ủng hộ và để củng cố thêm hình ảnh vô tội khi lão ta cảm thấy bị cuộc điều tra đe dọa. Đối với Jeremy, không còn gì phải nghi ngờ nữa, Keoraz thuộc loại người, trên cả ích kỷ, luôn ở trong trạng thái thường trực tìm cách sống sót, nghĩa là không có một găng bó thực sự nào, ít cảm xúc, và nhất là: dừng

dưng hoàn toàn với thế giới này. Trong chính mắt mình, Keoraz cũng chỉ là một ý thức giữa một cuộc chơi; mọi vật khác, mọi dạng sống khác chỉ là công cụ cho vui thú cá nhân của ông ta, cho sự phát triển của riêng ông ta.

Câu hỏi còn bỏ ngỏ: ông ta có thể lạnh lùng và đứng đưng đến mức nào? Liệu ông ta có khả năng giết chết cốt nhục của chính mình không?

Jeremy siết nắm tay lại. Keoraz phải bị hạ gục. Chỉ còn thiếu một điều cho việc đó thôi: bằng chứng. Một dấu hiệu cụ thể kết nối ông ta với các tội ác, với cái... con *ghûl* đó.

Chỉ còn là vấn đề thời gian.

Jeremy trả tiền cà phê rồi qua đồn cảnh sát để chắc chắn mình không có lời nhắn nào. Sự sôi sục đang lên đến cực điểm, những kẻ chủ trương độc lập đi lại trong thành phố, lao vào những hành động phá hoại, và tất cả đàn ông tráng kiện đều được gọi tăng viện hùng trấn áp đám nổi loạn. Các cuộc biểu tình chuyển sang chiều hướng xấu và những cái chết liên quan đến chính trị nối tiếp nhau từ nhiều năm nay nhưng vẫn không tìm ra được thỏa thuận nào thỏa mãn tất cả các phía.

Jeremy tìm cách tránh bị hỏi giấy tờ, anh đi về hướng các khu phố phía Đông của Cairo, cẩn thận vòng xa về phía Bắc, né những vụ ẩu đả trên các phố trung tâm.

Anh tìm kiếm một tiếng đồng hồ, cho đến khi tìm ra drogman đã giúp anh nói chuyện với những người bản địa hôm trước. Anh trả tiền cho người hướng dẫn để đổi lại một việc: thống kê và định vị tất cả những người đã giúp Azim vây đồn con quái vật vào đêm Azim biến mất, để siết gọng kìm quanh hang ổ con *ghûl*. Phải bắt đầu bằng thầy cả anh gặp hôm hươc, ông ta hẳn biết phần lớn cư dân xung quanh, nên sẽ là điểm xuất phát hoàn hảo. Trong số các lời chứng, có thể có các yếu tố cần phải khớp lại, và nếu may mắn, anh sẽ tìm ra hang ổ sinh vật đó. Drogman phải đặt tất cả các câu hỏi, và nếu thu lượm được kết quả đáng chú ý thì anh ta sẽ được trả công tương xứng.

Jeremy ăn tối ở khu vực nhà ga, nơi có vẻ không chịu ảnh hưởng gì của đám nổi loạn. Rồi anh quay về nhà, tầm nhìn bị mờ đi do hơi bốc lên từ

lượng rượu vang anh vừa nốc.

Đêm buông xuống Cairo.

Anh không say, còn lâu mới đến mức đó, chỉ hơi chuếnh choáng một chút, đủ để sưởi ấm con tim, và để giúp anh thêm dũng cảm.

Khi chui qua bên dưới mái che của toa tàu, viên thám tử phải mất năm bước mới dừng lại được sau khi nhận ra có vật bất thường trong tầm nhìn của mình. Một ống bằng bìa các tông được đặt trên một cái thùng, ngay cạnh cửa vào, dài bốn mươi xăng ti mét, giống ống cất bản đồ trong thư viện.

Jeremy mở ra và thấy một mẫu giấy cói. Cùng vài dòng của bác sĩ Cork. Trời chưa tối lắm, gí sát mũi vào, Jeremy vẫn đọc được.

‘Đó là một tài liệu hành chính có từ thế kỷ 13, liên quan đến việc bảo dưỡng tầng hầm một cung điện và chi phí xây dựng bệnh viện của vua Qalawun. Trong đó có nói đến khả năng lắp các đường hầm nối cung điện nhỏ với cung điện lớn. Bạn tôi có kèm thêm chú thích, những đường hầm này nằm trong phạm vi giữa nhà thờ Hồi giáo Huisein hiện nay và trường đại học El-Azhar, chúng chưa từng được khai quật nhưng nhiều nhà khảo cổ đã nghiên cứu chúng. Và anh biết gì không? Trong danh sách những nhà khảo cổ mà bạn tôi đưa có tên một trong những khách hàng của chúng tôi: Fredricks Winslow, kẻ tội nghiệp đã bị ám sát bằng súng cách đây tháng rưỡi, cuộc điều tra ‘chó chết’ của anh như anh từng nói. Ông ta tuyên bố đã tìm ra lối vào những đường hầm đó, có vẻ là vậy, ngay trước khi bị giết.

Sáng mai anh gọi cho tôi hoặc qua chỗ tôi. Thân mến. Bác sĩ Cork.’

Jeremy định vò nhàu tờ giấy nhưng cản được các ngón tay nghe theo cơn giận dữ trong mình. Rượu vang làm đầu óc anh quay cuồng trong thoáng chốc.

Winslow không chỉ là một nhà khảo cổ bị ám sát vội vã, đó còn là một người quen. Jeremy và ông ta từng thường xuyên tán gẫu trong những dạ tiệc sang trọng của thành phố. Winslow có tiếng tăm không tốt lắm, người ta nói ông ta thuộc loại ‘khôn vặt’, sẵn sàng thu xếp sao cho các khám phá

có giá trị cao hơn giá trị thật của chúng, ông ta không tuân thủ các nguyên tắc, thích đánh quả lẻ, không làm việc cho bất kỳ bảo tàng nào, thường chọn làm cho nhà sưu tầm nào trả nhiều tiền nhất. Đó từng là một cuộc điều tra ‘chó chết’ thì chắc rồi, Jeremy không chần chừ nhấn mạnh số người tình nghi mà anh có thể tìm ra. Giữa những đồng nghiệp khảo cổ ám muội chuyên đi đánh thuê, sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì, với một kẻ cuồng tưởng nhiệt thành sùng bái việc bảo toàn các địa điểm cổ, các hướng điều tra có thể tỏa ra mọi nhánh, và Jeremy vẫn chưa tìm ra gì vào lúc anh phải bỏ vụ này sang một bên để lo vụ thảm sát trẻ con.

Jeremy nhanh chóng điếm lại sự việc.

Kể từ nay, ngay cả viên quan tòa trì độn nhất cũng không thể chối bỏ các kết luận của anh. Có nhiều hơn một mối liên hệ giữa anh với các vụ giết người. Tất cả những gì tên giết người làm đều nhằm mục đích hãm hại anh. Bủa vây anh.

Thêm một lần nữa sự thật vượt xa mọi tưởng tượng. Không có gì nhằm lẫn, chỉ duy nhất một thủ phạm hiển nhiên ngay từ đầu và theo thời gian đã bị lộ mặt. Không có chuyển biến bất ngờ như trong tiểu thuyết của Agatha Christie, chỉ có sự đơn giản của các bằng chứng, một sự thật hiển nhiên đáng buồn. Keoraz là kẻ tình nghi đầu tiên của anh, và cuối cùng cũng chính là thủ phạm.

Trong truyện viễn tưởng, ông bác sĩ pháp y hãn đã làm vụ này, Jeremy nghĩ, ông ta sống trong máu, một cựu chiến binh, bị chấn thương tâm thần... Ông ta biết đến lũ trẻ thông qua quỹ, và hoàn toàn có thể gặp con *ghûl* một ngày tại bệnh viện khi phải điều trị cho nó. Và chính ông ta đã khám nghiệm tử thi cho nhà khảo cổ học Winslow, rất có thể ông ta đã vào nhà Winslow để xem xét các ghi chép của ông này.

Và trong một tiểu thuyết do một nhà văn nữ viết, Jezabel sẽ là một thủ phạm hoàn hảo. Một phụ nữ mất thăng bằng tinh thần, không có cội rễ thực thụ, một đứa trẻ mồ côi tìm kiếm điểm mốc cho mình...

Toàn những giả thuyết điên rồ.

Jeremy cẩn thận cuộn tờ giấy cói lại và nhét vào túi áo vest. Anh đang chuẩn bị bước vào toa tàu thì chân anh trượt đi vì dừng lại quá đột ngột.

Cửa ra vào mở toang. Anh không để ý điều này lúc trước. Rượu chảy ngược từ nhận thức của anh xuống ruột, giải phóng một phần sự tập trung của anh.

Vừa đúng lúc để anh nghe thấy tiếng sột soạt nhẹ của một bàn chân thận trọng bước lùi lại trên lớp thảm trải sàn.

Francis Keoraz.

Marion gần như thất vọng. Thủ phạm có vẻ quá hiển nhiên. Tuy nhiên, như Jeremy đã nhấn mạnh, thực tế thường chỉ đơn giản như vậy. Không có chuyển biến bất ngờ vào phút chót, không có mưu mô quỷ quái, chỉ là một hành trình cá nhân tầm thường dần biến thành thảm kịch. Cứ theo kinh nghiệm cô có được với tư cách thư ký Viện Pháp y Paris, cô biết rằng các cuộc điều tra tội phạm đều chủ yếu xoay quanh một nguyên nhân: ghen ghét, hám lợi, ham muốn. GHH. Phần lớn những cái chết tàn bạo có cùng một thủ phạm: GHH. Ghen ghét, Hám lợi, Ham muốn. Một trong số chúng dẫn dắt bàn tay, hoặc trí óc, của những kẻ giết người trong thế giới chúng ta.

Trừ những kẻ giết người hàng loạt.

Chúng thì khác. Không thể so sánh với những tội phạm khác. Khái niệm chinh phục hoặc hình thành nhân cách, cân bằng, phản xạ sống; là một phần trong cỗ máy chết chóc của chúng. Nhưng gần như toàn bộ các tội ác không phải do những con quái vật khác thường đó thực hiện đều ít nhiều chứng tỏ sự hiện diện của GHH.

GHH đã lên tiếng. Con người đã thực hiện.

Keoraz thuộc kiểu hoàn toàn khác: Marion thích thú xếp loại hẳn theo biệt ngữ của cô. Từ chỗ cuồng bạo lực, hẳn trở thành kẻ toàn năng cuồng ám, làm tay sai cho một tham vọng bị chính thành công của mình tàn phá. Hai tính cách trộn lẫn vào nhau cho đến khi tạo ra một kẻ hủy diệt đời bại. Cách nói này có thể hơi quá, nhưng Marion tự hào với lối phân tích đó. Cô

chợt nghĩ đến nữ tiểu thuyết gia người Mỹ, Patricia Cornwell, người từng làm chuyên viên tin học trong một nhà xác trước khi sử dụng những gì học và nghe được để tạo ra những tác phẩm hư cấu của chính mình.

Mình không tài năng bằng, và nhất là không giàu bằng!

Xét cho cùng, Jeremy Matheson đã cảm nhận ngay từ đầu ai là thủ phạm của những tội ác đó. Trong một giây, Marion những muốn mở riêng một cuộc điều tra, lên mạng để khám phá xem mọi việc kết thúc thế nào. Cô gạt ý nghĩ đó đi ngay lập tức. Cô chỉ còn phải đọc vài trang nữa thôi. Ai có thể kể hay hơn người ngồi ngay lơ đầu tiên về kết cục tấn thảm kịch đầy xáo động này?

Chỉ còn cùng lắm là hai chục trang nữa, và cô sẽ biết. Và nói thế nào về con... *ghûl* đó nhỉ?

Marion để mình bị cuốn theo lời kể, thực sự bán khoán cùng Jeremy, không tự tìm câu trả lời cho các câu đố khác nhau trong khi cô có thể xuyên thấu được ngay một vài bí mật. Sau đó, cô dành thời gian khoanh vùng vấn đề.

Con *ghûl*. Đó tất nhiên là một người, không phải một con quỷ. Một người đàn ông bị một căn bệnh gặm nhấm dần làn da. Mới đầu, Marion nghĩ đến bệnh hủi như được gợi ý trong lời kể của Jeremy, nhưng điều đó không có cơ sở. Vậy là cô cố gắng nhớ lại tên căn bệnh cho tới tận ngày nay vẫn tiếp tục tàn phá cơ thể, nhất là ở châu Phi.

Bệnh cam tẩu mã. Một căn bệnh thuần túy đau khổ. Căn bệnh hoại tử gặm nhấm các mô ở miệng và trên khuôn mặt. Marion càng nhớ rõ vì có lần, sau khi xem một phóng sự về căn bệnh này trên truyền hình, cô đã đánh máy một báo cáo dài như một thông báo gửi đến các bệnh viện và cơ sở y pháp trên cả nước sau khi một bé sơ sinh được tìm thấy đã chết vì bệnh này trong một căn nhà trái phép hôi hám ở ngoại ô Paris.

Cái tên ‘bác học’ trở lại trong trí nhớ cô. *Cancrum oris*. Chưa được nhiều người biết đến, nhưng lại vô cùng đáng sợ. Bệnh không lây nhiễm và chỉ xuất hiện ở những nơi cực kỳ nghèo khổ với điều kiện vệ sinh răng miệng và ăn uống tồi tệ; ngoài một số hiếm hoi người nhập cư, ta không gặp bệnh

này ở Pháp. Tuy nhiên các chuyên gia đã ghi nhận toàn bộ sự khủng khiếp của bệnh, khủng khiếp vì cơ thể què cụt, khủng khiếp vì những dị dạng đi kèm, khủng khiếp vì tất cả các hậu quả tâm lý xã hội.

Những năm 1920, mắc phải căn bệnh đó đồng nghĩa với bị hắt hủi, bị ruồng bỏ, và hận thù. Người đàn ông bị gặm nhấm vì nhiễm trùng đó đã bị chế nhạo, hành hạ, hiếp đáp. Cho đến khi phải lánh xa, sống cuộc đời đau đớn. Phải vất vả tìm kiếm đồ ăn, rồi nấu nhuyễn đồ ăn đó thành xúp, phải chắt vật sống sót cùng nổi cô đơn, phải buộc mình ăn náu. Đó là một cá thể hoàn toàn bị hủy hoại về mặt tâm lý.

Marion tưởng tượng ra cuộc đời người đó đã sống. Nhưng hành động đã man đối với bọn trẻ của hắn là không thể tha thứ. Tuy nhiên điều bi thảm nhất với Marion là hiểu từ đâu hắn lại có khả năng hủy diệt sự ngây thơ. Chính bản thân hắn cũng không còn khái niệm đó từ lâu. Hắn chắc chắn chỉ còn hận thù với người khác, nhất là những đứa trẻ từng chế nhạo cũng như e sợ hắn trên phố. Jeremy đã định vị hắn rất rõ. Người thợ săn đã mồi xẻ ngắn gọn nhưng tinh tế quá trình hình thành con quái vật trong con quái vật.

Cuộc điều tra sắp kết thúc.

Marion đọc tiếp, kéo chăn lên đùi cho ấm. Cơn bão đã ngớt, nhưng bên ngoài gió vẫn gào thét khá điên dại, thọc sâu một cánh tay của nó vào tu viện ngay khi có bất kỳ kẽ hở nào lộ ra. Một tiếng rên rỉ cao vút trỗi dậy từ trong lòng khu nhà, dâng lên các cầu thang hình xoắn ốc như thể đang luồn qua một cây sáo trời, rồi toàn bộ Kỳ Quan rít lên.

Gió đột ngột ngừng. Đường dẫn bằng đá chột trống rỗng, các khe dưới cửa vốn là các miệng thoát khí giờ trở nên yên lặng, các bậc thang mép vát giờ không bị mài giữa nữa.

Giữa lúc chuyển tiếp đó, Marion nghe tiếng ổ khóa lách cách mà ai đó đang tìm cách nén lại.

Cô chờ người. Có người nhốt cô ư? Đó là cánh cửa đối diện, phía lối đi trời cao lên cánh cửa cô đã mở để vào phòng, cách đây một tiếng rưỡi đồng hồ. Marion nhớ là đã khóa nó lại sau lưng.

Có người đang mở nó ra. Rất chậm, để không bị phát hiện. Lợi dụng tiếng gió để che giấu sự hiện diện của mình. Có người đang đứng phía bên kia cánh cửa, và muốn đến gần mà không cho Marion biết.

Kẻ đội mũ trùm bí ẩn. Chắc chắn vậy.

Sự giống nhau giữa hắn và con *ghûl* đi lang thang trên đường phố Cairo năm 1928 thật trớ trêu trong khi hai hoàn cảnh hoàn toàn khác nhau.

Marion đặt quyển sổ lên tấm chắn và đứng dậy không một tiếng động. Không phải cô đang đi điều tra như cảnh sát, nên nếu chỉ từ từ nhặt nhạnh đầu mỗi thì sẽ không đủ để lộ mặt nạ kẻ đang rình mò. Cô phải chủ động. Khởi mào sự việc.

Marion nhón bước trên đầu ngón chân, đi qua giữa các hàng cột, rồi leo lên cầu thang của lối đi và đứng yên trước cánh cửa. Cô nín thở rồi quỳ gối xuống. Miệng cô tứa nước bọt. Cô khẽ nuốt xuống.

Marion tì hai bàn tay lên cánh cửa, rồi ghé mắt vào ổ khóa. Ổ khóa tối đen. Cô sục sạo trong bóng tối. Không nhận ra hình bóng vừa nhẹ nhàng xuất hiện sau lưng mình.

Một cái bóng di chuyển dưới bộ áo choàng La Mã cổ cùng mũ trùm lên mặt. Đang đi qua phòng Hiệp Sĩ. Marion không nhìn ra gì cả, chỉ chắc chắn một điều là không có chìa trong ổ khóa, tuy nhiên những gì ở phía bên kia thì không thể xác định. Cô chuẩn bị mở cửa, càng nhanh càng tốt.

Lợi dụng hiệu ứng bất ngờ. Nếu đúng là thầy Gilles, ông ta sẽ bị bắt quả tang tại trận.

Phía sau cô, cái bóng di chuyển thật nhanh.

Marion đặt tay lên nắm cửa bằng sắt. Cô nghe thấy tiếng vải sột soạt. Mi mắt cô sụp xuống cũng là lúc cô hiểu ra.

Phía sau...

Cô quay phắt người lại. Bóng người kỳ quái ở cách đồng hồ đặc của Marion chưa đầy một mét. Cô hiểu ra chính là kẻ đó khi hắn đưa một bàn tay đeo găng hướng về phía cuốn nhật ký.

“Này!” Marion hét lên.

Bàn tay hạ xuống cuốn sách bìa đen, chộp lấy rồi giấu vào nếp gấp áo choàng.

“Bỏ nó xuống ngay!”

Marion chạy xuống các bậc thang. Bóng người giống với thần chết xoay người và lao về phía trước. Marion thấy hấn chạy ngay trước mặt cô đến chỗ một cái cửa ngấm ở góc Tây Bắc.

Marion bám sát gót hấn. Kẻ đó chạy ào xuống một cầu thang xoắn ốc, về phía hầm thực phẩm. Người đeo bám nó chạy chậm lại để không bị bước hụt mà ngã sấp. Cô chạy vào một căn phòng rộng phía bên dưới. Không có dấu hiệu gì của kẻ chạy trốn.

Một cánh cửa bên phải cô đang khép lại, để lọt vào ánh sáng ban ngày và cơn gió lạnh tháng Mười một. Marion đẩy cánh cửa và phát hiện ra bóng người đó đang chạy gấp gáp trong khu vườn phía dưới. Khoảng cách giữa họ lớn dần.

Điên tiết, Marion chạy xuống vài bậc đầu rồi nhảy qua các bậc cuối cùng và rơi xuống đám cỏ cần cỗi mùa đông. Cô lao theo tên trộm. Hấn chạy dích dắc giữa đám cây trong vườn, nhảy qua các bụi cây nhỏ và giẫm đạp lên hoa. Hấn biết rõ mình đang chạy đi đâu. Marion tăng tốc. Bằng tất cả sức lực. Tuy nhiên, kẻ đó dần bỏ xa cô. Hấn đột ngột quay ngoắt người chuyển hướng.

Tiếp đó là một đường thẳng chạy dài, dưới chân Kỳ Quan. Marion nhắm mắt một giây để lấy sức. Cô tập trung vào nhịp thở của mình. Vào nhịp vung của hai cánh tay, nhịp vẩy hai bàn tay. Vào nhịp điệu của cả hai đùi.

Nhấc gối lên, nâng gót về phía môn.

Mục tiêu của cô không cử động được dễ dàng như vậy. Do cái áo choàng kiểu La Mã vướng vào chân. Dần dần, Marion rút ngắn khoảng cách. Không khí, thay vì tiếp sức sống cho cô, lại đang thiêu đốt phổi cô.

Đúng lúc đó kẻ chạy trốn dừng lại trước một cánh cửa ở phía cuối bãi đất. Hấn lôi từ áo choàng ra một chùm chìa khóa giống hệt chùm chìa khóa của Marion và bắt đầu tìm chìa thích hợp.

Chùm chìa khóa của cô. Trong lúc lộn xộn, Marion đã không cầm theo. Nếu kẻ kia khóa được cánh cửa sau lưng hẳn thì hết chuyện, cô sẽ hoàn toàn mất dấu hẳn. Cùng với cuốn sách bìa đen.

Cô buộc mình thở ra hết sức, và hít vào thật nhiều khí mát. Cô tăng tốc thêm một chút. Cô chuẩn bị hụt hơi, cô cảm thấy vậy.

Và cái bóng giơ một chiếc chìa khóa lên ngang mặt rồi cắm vào ổ khóa.

Marion chạy hết tốc lực đến cuối đường. Cô chạy quá nhanh. Cô phải nhanh chóng phanh lại mới được.

Kẻ lấy trộm cuốn nhật ký mở cánh cửa ra. Hẳn sắp biến mất. Marion không giảm tốc độ, ngược lại, trong nỗ lực tuyệt vọng, cô gắng dồn hết sức lực còn lại vào đôi chân. Bức tường đột ngột tiến lại gần.

Cái bóng rút chìa khóa ra khỏi ổ, nó sắp bước qua ngưỡng cửa. Marion thấy khung cửa hiện ra trong tầm nhìn của cô, nhanh quá. Cô chỉ kịp vòng hai tay ra phía trước để tự vệ.

Thế là cô đâm bổ vào kẻ đang định chạy trốn. Cú va chạm mạnh đến mức khiến hai người đâm sầm vào nhau, đè mạnh kẻ chạy trốn vào bức tường đá.

Marion như đứt hơi, toàn bộ không khí đột ngột bị tống ra khỏi lồng ngực. Tên trộm đã làm lớp giáp xóc cho cô, hẳn hứng chịu phần lớn cú va chạm, rồi đâm vào tường. Hẳn đánh rơi chùm chìa khóa. Và cuốn sách rơi xuống đất.

Marion dù sao cũng bị choáng, cô chệnh choạng lùi lại theo bản năng. Cái bóng trùm mũ chụp lấy nắm tay cửa để không bị ngã. Nó lóng ngóng nhặt chùm chìa khóa. Marion chậm chạp lấy lại nhận thức. Cô hiểu rằng kẻ kia cũng ở trong tình trạng không tốt hơn cô là mấy. Hẳn đưa bàn tay đeo găng quờ quạng tìm cuốn sách.

Marion, đầu vẫn quay cuồng, tiến lại gần.

“Ôi không,” cuối cùng cô cũng thở được. “Việc đó thì không... Nếu mà muốn... cuốn sách... Phải... Phải trực tiếp hỏi tao.”

Cô tiến lại gần hẳn. Ngay lập tức, cô nhận ra nỗi sợ hãi nơi kẻ đối diện. Hẳn nhảy về phía trước một bước rồi kéo sầm cánh cửa lại phía sau.

Marion phân tích tiếng động tiếp theo đó là tiếng chìa khóa khóa cánh cửa lại. Hẳn đang thoát khỏi tay cô. Rồi phía bên kia tường vang lên tiếng bước chân hẳn cồm cộp không đều. Hẳn khó nhọc bỏ đi, vẫn còn bị sốc vì cú va chạm.

Hẳn đã thoát khỏi tay cô. Dù sao thì vì thế hẳn cũng đã phải từ bỏ cuốn sách.

Marion ngồi sụp xuống, siết cuốn sách vào lòng.

Jeremy bước lên các bậc thang để vào toa tàu, các giác quan ở tình trạng báo động, tập trung vào tư thế tránh người có thể phải thực hiện nếu nhận thấy đối thủ lao vào mình. Bóng tối quá dày đặc nên không thể nhìn rõ xung quanh, bên trong, đêm càng tối hơn do cửa sổ toa tàu chật hẹp.

Lúc đầu, anh nghe tiếng nó tiến đến gần. Rồi anh nhìn thấy nó. Một bóng người nhảy về phía anh.

Anh không động đậy. Cái bóng vung một tay đánh anh. Jeremy không thể hiện bất cứ hành động trốn chạy nào. Và anh nhận một cú tát dữ dội giữa mặt.

“Sao anh lại có thể nghĩ vậy?” Jezabel kêu lên, giọng vẫn còn nghẹn ngào.

Anh đã nhận ra hình bóng cô, dáng đi và mùi nước hoa của cô ngay khi cô xuất hiện trong bóng tối.

“Humphreys đã đến nhà kể lại là anh nghi ngờ Francis. Con trai ông ấy bị bắt cóc! Anh còn muốn gì nữa? Há? Anh nói cho tôi biết đi, Jeremy, anh còn muốn gì nữa? Muốn chính ông ấy phải chết ư? Rồi anh sẽ tiếp tục bám riết lấy xác của ông ấy ư? Rốt cuộc thì ông ấy đã làm gì anh?”

Cô quay ngoắt lại và bực tức đi đi lại lại trong phòng khách.

Jeremy thở hắt ra bằng mũi, rượu và nỗi mệt mỏi đột ngột đè nặng lên anh thêm chút nữa. Anh lấy diêm, bật một que châm vào đèn dầu, ánh sáng liếm nhẹ lên lớp nhung và lớp gỗ trong phòng.

Jezabel giờ đang đứng thẳng, đối diện anh. Ngọn lửa nhỏ hắt ánh lung linh lên màu ngọc thạch, màu gỗ mun và màu ngà của đôi mắt cô, tôn thêm

những nét mượt mà trong vẻ đẹp của cô, đôi môi hồng phớt, làn da màu men sứ cùng những lọn tóc làm say lòng người. Cô lấp lánh như một viên đá quý.

Jeremy chiêm ngưỡng cô như một tác phẩm nghệ thuật, ánh mắt anh hướng vào nốt ruồi ở giữa má cô như chữ ký của một bậc thầy.

“Đừng có nói là vì tôi,” cô nói với vẻ ngờ vực tựa như tiếng thì thầm.

Một viên nước mắt dâng lên dưới mí mắt cô. Cô vẫn tiếp tục thì thầm, nỗi đau đớn giết chết âm điệu câu nói:

“Tại sao anh không thể quên tôi, hả Jeremy?”

Đôi vai rũ xuống, Jeremy đứng dậy, đầu ngẩng cao hơn mức cần thiết, anh nuốt nước bọt rồi tự rót một cốc whisky và uống một cốc đầy tràn.

“Xin anh đừng bám riết lấy ông ấy,” cô thì thầm. “Ông ấy là gia đình duy nhất của em, anh biết không.”

Jeremy xoa lòng bàn tay vào cằm, làn da kêu xào xạc dưới bộ râu mới mọc, rồi xoa thái dương.

“Em nhìn trên bàn xem,” cuối cùng anh nói.

Jezabel do dự rồi tiến lại phía cái bàn.

“Em thấy cuốn sổ ở giữa bàn không?” Anh hỏi. “Đó là cuốn nhật ký anh viết từ đầu cuộc điều tra này. Tối nay anh sẽ viết thêm vào đó những suy nghĩ cuối cùng, những kết luận mới nhất của anh, và nó sẽ gần như kết thúc. Sự thật nằm trong đó. Nếu có bất kỳ chuyện gì xảy ra với anh, tất cả là ở đó. Anh muốn em biết điều này.”

Anh quay đầu lại nhìn cô.

“Em vẫn thích Puccini chứ?”

Rồi anh bật máy hát, những nốt mở đầu vở opera *Turandot* vang lên.

Jezabel sững lại một lát rồi ngồi xuống bên bàn, kẹp một lọn tóc giữa hai ngón tay rồi mân mê. Bàn tay kia vuốt ve mặt bàn gỗ, lướt qua các đồ vật bày trên đó; cô dừng lại trên một chồng sách cũ rách. *Nghìn lẻ một đêm*, cô đọc trên gáy sách.

“Francis thích chúng đến phát điên,” cô yếu ớt thú nhận.

Jeremy đáp lại ngay:

“Anh biết, giờ anh mới nhớ ra rằng nhờ những câu chuyện này mà ông ta quyến rũ được em tại đêm hội năm mới... Người đồng nghiệp bị ám sát của anh đã tin rằng đó là một hướng điều tra cho vụ này. Anh nghĩ kẻ giết người sử dụng chúng để đùa giỡn với huyền thoại, để tái tạo một truyền thuyết. Bởi vì điều đó giúp hắn trở nên bất tử, mà vẫn tránh xa đám dân bản địa mê tín.”

Jezabel chạm đầu ngón tay vào giữa hai lông mày và lắc đầu.

“Tại sao anh lại cố chấp vậy?” Cô muốn hỏi cho ra nhẽ. “Anh biết Francis không phải là một con quái vật, ông ấy không giết ai cả, anh biết điều đó.”

Giọng cô dịu dàng đến đau lòng, Jeremy tin mình đã nhìn thấy một giọt nước mắt chảy trên sống mũi cô.

“Anh biết em rồi đấy,” cô tiếp tục,. “em cảm nhận được mọi người, em không nhầm khi đánh giá họ. Điều đó có sẵn trong em. Em là một đứa trẻ mồ côi của Alexandria, một đứa bé gái bị bố mẹ người ngoại quốc bỏ rơi trên vùng đất này, nơi em không là gì cả, và em đã trở thành một người phụ nữ đáng kính. Nhờ vào cái tài đó. Em cảm nhận được con người. Em tự tạo nên mình, anh biết rõ mà, phải không, em đã bước qua các bậc thang xã hội mà không có một sự trợ giúp nào. Ngày hôm nay em tìm thấy Francis, và em biết ông ấy là người thế nào, em biết phẩm chất cũng như khiếm khuyết của ông ấy. Ông ấy rất nghiêm khắc, điều đó là đúng, nhưng ông ấy hoàn toàn không phải người như anh nghĩ. Anh không thể bám riết lấy vợ chồng em, anh không thể.”

Jeremy uống một ngụm whisky, nghe những lời nói của người phụ nữ anh từng yêu. Puccini chơi ngày càng mạnh.

Anh sẵn sàng đánh đổi bất cứ thứ gì để được cảm thấy cô nép vào anh. Làm tình với anh, thêm một lần nữa. Anh nhớ sức nóng của cơ thể cô, những nếp gấp của làn da cô, mùi vị của phần thầm kín nơi cô, vị lưỡi có mùi ngọt của cô. Cô ngồi đó, cách anh không đầy ba mét, gần gũi. Vậy mà sao xa quá.

“Anh phải chấp nhận là em không còn thuộc về anh nữa,” cô tiếp tục. “Em sẽ nói thẳng với anh, Jeremy ạ. Em cảm nhận được từng người, còn anh, em chưa bao giờ có thể biết anh là người thế nào. Ban đầu đó là điều hấp dẫn em nơi anh, sự quyến rũ hoang dại của những nhà thám hiểm lớn. Rồi đó cũng là điều làm em bức tức, trước khi... trước khi làm em khiếp sợ.”

Cô nhìn anh chăm chăm trong ánh sáng mờ tỏ màu hổ phách đang vẫy quanh căn phòng.

“Anh chưa bao giờ hiểu tại sao em lại khắc nghiệt với anh đến vậy từ khi chúng ta chia tay nhau, phải không? Để giúp anh quên chúng ta đi. Và vì sự chung thủy cũng như niềm hy vọng ngây thơ của anh đã khuất phục sự kiên nhẫn của em theo thời gian. Không ngừng quấy rối em với những câu hỏi thiếu tế nhị về mối quan hệ giữa em và Francis, anh đã đẩy em đến bước đường cùng. Sở dĩ em và anh không thành, là vì anh làm em lo lắng, Jeremy ạ.”

Màu xanh lục trong mắt cô hút hồn viên thám tử.

“Trong tâm hồn anh có sự lạnh lùng của những người từng đi quá xa, quá xa trong thiên nhiên, quá xa trong cô đơn, và không quay lại nữa. Anh không bao giờ hoàn toàn có mặt ở đây cả, Jeremy ạ. Luôn có một phần của anh ở lại đó, trên những mảnh đất xa lạ chỉ có mình anh biết, trong những kỷ niệm về chiến tranh, những lần đi lang thang giữa đồng cỏ, và ở đây (cô giơ hai bàn tay để ngửa lên trần toa tàu), trong khoảng không êm mượt của toa tàu này. Những gì trong anh tuột khỏi em, và làm em sợ. Em nghĩ rằng anh là một người tình ngọt ngào, nhưng anh sẽ không bao giờ là một người chồng chu đáo, một người cha tốt thì lại càng khó hơn. Lòng tốt và sự dâng hiến cho người khác trong anh không còn là điều khả dĩ nữa, mười năm gần đây, trong cuộc đời sóng gió, anh đã đánh mất chúng. Tối nọ, khi anh kể câu chuyện nhợt nhúa anh từng chứng kiến những năm chiến tranh, em đã hiểu ra, chính vì vậy mà em đã khóc. Em đã hiểu, anh có biết không. Anh mãi là cái... bóng ma đó, anh không bao giờ thật sự có mặt ở đây cả. Anh không giống chúng em. Em rất tiếc...”

Cô lau mắt thật nhanh, rồi buông câu chốt hạ:

“Nhưng anh không thể căm thù Francis vì ông ấy đã mang lại cho em những gì anh không thể.”

Không một lời nào chen thêm vào ánh nhìn dữ dội họ đang hướng về phía nhau, Puccini cùng những giai điệu kịch tính đưa họ đến cuộc trao đổi giữa hai tâm hồn. Cuối cùng, Jeremy đặt cái cốc rỗng xuống và phá vỡ mối liên kết đó bằng việc quay người đi tìm một đồ vật bọc trong một miếng vải.

“Em sẽ sớm hiểu ra anh là ai thôi,” cuối cùng anh thốt lên. “Anh là thiên thần hộ mệnh của em, Jezabel ạ. Và cũng như mọi thiên thần hộ mệnh, anh chỉ lộ mình một nửa. Có thể một ngày nào đó, em sẽ nhìn ra anh đúng như con người thật sự của anh.”

Anh lấy ra một khẩu côn MI911 bán tự động và băng đạn đi kèm quần trong miếng vải, nạp đạn rồi cất khẩu súng vào cái bao anh nhặt trên giá.

“Còn Francis là một con quỷ trá hình, em đã bị nó lừa, có vậy thôi.”

Jezabel chĩa vào anh đôi đồng tử cháy bỏng và giận dữ hất đổ mọi thứ trên bàn.

“Đủ rồi!” Cô thét lên.

Cô giậm chân rồi lao ra ngoài.

Jeremy siết bàn tay lại. Anh đặt bao súng vào bên trong áo vest, nhặt quyển nhật ký rồi dúi nó vào một túi áo và lao theo dư âm giận dữ của nàng tiên cá thanh tao đó.

Anh chạy theo cô đến tận phố Abbas nơi cô nhảy lên chuyến tàu điện đầu tiên đúng lúc cửa tàu đóng lại. Jeremy tăng tốc, rượu làm máu anh nặng trĩu, bộ óc thiếu khí của anh nặng hơn gấp ba lần, và đôi chân không chịu vâng lời mà chạy nhanh như anh muốn. Anh cố hơn nữa, hơi thở dồn dập, rồi nhảy lên bậc thang phía sau đoàn tàu điện vừa lúc nó tăng tốc.

Ánh sáng thành phố rì rầm trong đêm, trải dài sau lớp cửa kính đoàn tàu điện, chìm vào đoàn người đoàn xe đi ngược chiều.

Jeremy mở cửa tàu điện và đi vào khoang tàu. Anh đẩy các hành khách ra rồi nắm lấy cổ tay Jezabel.

“Em sẽ căm thù anh,” anh nói liền,. “anh biết. Anh sẽ là kẻ gánh mọi tội lỗi em muốn, nhưng một ngày, một ngày nào đó, em sẽ hiểu. Em sẽ chấp nhận sự thật. Hãy biết rằng anh sẽ ở đó, để đợi em.”

Cô thô bạo giăng tay ra khỏi viên thám tử.

“Anh phạm một lỗi khủng khiếp, Jeremy ạ, khủng khiếp. Ghen tuông đã làm anh mất hết lý trí. Khi anh buộc tội Francis cũng là lúc anh làm sự nghiệp của anh tan thành mây khói.”

Cô sắp chạy thoát khỏi anh thì anh tóm lấy thanh bám ở giữa và xoay quanh nó để lại xuất hiện trước mặt cô.

“Chồng em là thủ phạm. Ông ta có đủ ảnh hưởng để tìm ra người mà ta gọi là con *ghûl*, rồi sử dụng hẳn vào những việc đòi bại, ông ta biết rõ các huyền thoại Ả Rập nên có thể đùa giỡn với chúng, đó là màn khói ảo của ông ta để đánh lạc hướng điều tra. Nạn nhân là những đứa trẻ ông ta biết bởi chúng ở ngay trước mặt ông ta, trong quỹ của ông ta, xét cho cùng thì tại sao lại phải đi tìm xa hơn chứ? Chỉ cần một đêm bí mật tiếp cận hồ sơ của bọn trẻ là đủ. Những đêm có người bị giết, em nói là ông ta ngủ với em, nhưng sao em có thể chắc chắn đến vậy? Em ngủ rất say nếu anh nhớ không nhầm... Và cái đêm Azim bị giết, ông ta đã nghe thấy anh nhắc đi nhắc lại địa chỉ nơi anh phải đến. Với cái xe công suất lớn của mình, ông ta có thể đã đến đó trước anh.”

“Francis không ra ngoài đêm đó!” Jezabel kêu lên. “Sau khi anh vội vã bỏ đi, vợ chồng em cùng đi ngủ, điều anh nói không có căn cứ gì cả...”

“Thế à, thế em thức được bao lâu? Hả? Bao lâu? Hai phút? Năm phút? Cũng không quan trọng, ông ta đã đợi, và cái xe Bentley trứ danh chạy nhanh đến thế của ông ta sẽ giúp ông ta bù đắp khoảng thời gian đã mất và đến chỗ Azim trước anh.”

Jezabel hất viên thám tử ra trước vẻ hoảng hốt của các hành khách đang phải chứng kiến cảnh tượng.

“Francis không phải kẻ giết người!”

Jeremy lấy từ áo vest ra tờ giấy cói được tìm thấy trên quần áo của Azim.

“Chồng em lại say mê lịch sử Cairo. Ông ta đứng đầu một ngân hàng tài trợ cho rất nhiều nghiên cứu khảo cổ, ông ta hẳn đã biết được sự tồn tại của những đường hầm cổ nơi ông ta giấu con *ghúl*. Chẳng mấy chốc anh sẽ có toàn bộ những bằng chứng cần thiết chống lại ông ta.”

Jezabel không nghe anh nữa, cô đi về phía đầu tàu.

Đoàn tàu điện chạy chậm lại, đám đông ngày một dày đặc chiếm vỉa hè và phần giữa phố từ khoảng cách một trăm mét. Đoàn tàu cuối cùng dừng hẳn lại và cửa mở ra. Jezabel chạy ào ra ngoài, Jeremy theo sát gót.

Bên ngoài, trong màn đêm đang sẫm dần, người biểu tình lẫn vào đám đông những kẻ tò mò, những thanh niên hiếu kỳ, khẩu hiệu chống người Anh xen lẫn khẩu hiệu ca tụng đất nước Ai Cập hùng mạnh, do các đại diện của quần chúng cầm quyền. Người ta đã kích việc chính phủ hiện thời quá nuông chiều kẻ chiếm đóng Anh quốc. Ai cũng đi thật nhanh, vừa đi ngược đại lộ vừa hò hét.

Jezabel luồn vào giữa hai nhóm người và biến mất trong đám đông.

“Jezabel!” Jeremy kêu lên. “Jezabel!”

Anh xô đẩy những thân người đứng sững trước mặt mình, luồn lách trong rừng người, nơi tiếng hò hét và sự thù địch ngày càng dâng cao. Những cánh tay giơ lên phản đối, những khuôn miệng đập vào anh những lời mắng mỏ hung hăng.

Jeremy chống chọi để không bị mất mục tiêu. Mái tóc đen của Jezabel nhấp nhô mỗi lần cô chao đảo di chuyển tạo ra những cú giật đột ngột. Jeremy cảm giác như mái tóc dài mượt ấy nằm ngoài mọi quy luật sức hút trái đất, như đang bồng bênh trong nước. Jezabel len lỏi giữa đoàn người.

Một khuôn mặt giận dữ đột ngột choán hết tầm nhìn của anh. Ông già người Ả Rập đang chửi mắng anh bằng thứ tiếng của nhà tiên tri Muhammad. Jeremy thẳng thừng đẩy ông ta ra, để tìm lại bóng dáng quyến rũ kia. Anh tìm kiếm nhưng vô ích. Hàng chục mái đầu, phần lớn đội khăn, mũ fez, mũ tarboosh, nhưng không còn Jezabel với những chuyển động nổi bật nữa.

Jeremy càng lúc càng khó thở, mồ hôi chảy dọc sống lưng anh. Mọi lời phản kháng, rống rít, hét gào quay cuồng quanh tai anh, một vòng quay như óc của những lộn xộn, ngột ngạt.

Những cửa sổ vỡ tung, cửa kính bị gạch xuyên thủng, loảng xoảng vỡ vụn. Tiếng những kẻ bất bình la ó gầm lên như con sóng, đổ dồn về phía sau con rãnh hợp thành từ những cơ thể người.

Con phố rẽ ngoặt, một vầng hào quang khổng lồ màu ngọc lam uốn lượn trên mặt tiền các tòa nhà. Các mặt tiền ốp đá được phủ một lớp da sáng rực màu xanh đèn điện, chuyển động giống như nước bốc cháy, vẩn vện những đường vân đỏ, và trên ô kính các cửa sổ lồi phản chiếu hình ảnh tựa như núi lửa khạc ra đồng dung nham màu ngọc lam sôi sục.

Ngoặt vào lối rẽ, Jeremy sửng sốt khi khám phá ra vầng hào quang khác thường phủ lên toàn bộ con phố đó. Tất cả đèn đường đều bị chém ngang đầu, hơi ga phụt ra từ độ cao nhiều mét, cháy bùng lên trời thành cột lửa rừng rực, một mạch lửa thực thụ sôi sục, với màu xanh như có từ tính ngả cam ở phía ngọn cùng những tiếng rít chói tai.

Đúng lúc ấy anh nhận ra Jezabel, cách đó hai mươi mét, đang cố đẩy lùi hai người đàn ông lớn tiếng với cô. Một trong hai tên đi ra sau túm lấy tóc cô. Jeremy điên cuồng xô đẩy những kẻ hiếu kỳ trước mặt, rẽ đám đông.

Jezabel bắt đầu hét lên trong khi chúng hành hạ cô. Một gã choai choai, cuồng nhiệt vì không khí nổi loạn bao trùm đám đông nhận ra Jeremy là đại diện của bọn chiếm đóng người Anh, nhảy ra chặn đường anh, không cho anh đi xa hơn.

Viên thám tử người Anh nhìn qua vai kẻ chặn đường và thấy Jezabel bị lôi sang một bên, rồi bị tát liên hai cái. Năm tay anh siết lại và vung lên, nhanh như chớp, đập thẳng vào vùng gan gã choai choai nọ. Hấn gập người làm đôi, rồi đổ sụp xuống và thở hắt ra tất cả không khí có trong phổi. Không phí thêm thời gian, Jeremy bước qua người hấn.

Kẻ thứ nhất không thấy anh đi đến và lập tức bị đâm thẳng vào giữa hai bả vai, hấn chúi về phía trước, đập mũi và răng xuống vỉa hè. Kẻ kia buông Jezabel ra, chạy lại tóm cổ viên thám tử. Jeremy bước sang bên một bước

để tránh và co đầu gối thúc vào giữa hai chân hẵn. Cú đánh trúng đích nhưng cũng làm anh mất thăng bằng, Jeremy thấy con phố quay vòng và chỉ kịp giơ hai tay ra phía trước để giảm nhẹ cú ngã. Anh chớp mắt, rượu giờ không còn ảnh hưởng đến các giác quan của anh nữa. Từ khóe mắt, anh nhận ra đối thủ đang tìm cách đứng lên, ngay dưới chân anh. Jeremy nhấc đùi và dồn hết sức đạp vào cẳng kẻ gây sự. Có thứ gì đó vỡ vụn sau cú đạp.

Jeremy vịn vào hàng rào sắt trước tòa nhà để đứng dậy. Jezabel lùi lại, hoảng hốt.

Viên thám tử quay người lại và phát hiện ra một nhóm người giận dữ đang lao vào anh, cầm đầu là gã choai choai tay đang ôm bụng. Sự hận thù lộ rõ trên mặt họ. Họ có chùng nửa tá, chẳng mấy chốc đã lên đến chục người, đang tiến lại gần.

Họ sẽ nghiền anh thành từng mảnh. Anh, rồi đến Jezabel. Jeremy tháo dây đeo bao súng ra và vung khẩu súng lên trên đầu.

“Dừng lại!” Anh hét lên.

Nhóm người dừng bước, trong khi hàng trăm người khác dồn bước đi qua về phía đầu đám đông, không để ý chuyện đang xảy ra giữa cặp người phương Tây và một nhóm người trong số họ. Không còn gì phải nghi ngờ về kết cục cuộc đụng độ nữa.

Dạn dĩ vì số lượng đông đảo, gã choai choai lao vào Jeremy. Anh hạ tay.

Đèn đường đổ xuống những mái đầu một dòng thác rực rỡ. Đám đông dẫn giọng hát những lời lẽ nhai về quốc gia chủ nghĩa. Có đến hàng trăm người đi qua, họ gần như chạy.

Tiếng khẩu .45 ACP vang lên nho nhỏ trong không khí hỗn độn, bị bóp nghẹt vì lồng ngực của gã choai choai đứng sát sạt khi Jeremy bóp cò.

Đôi mắt hẵn lập tức thay đổi. Cơ sốt trả thù biến thành nỗi hoang mang, Jeremy không thấy ở đó sự đau đớn, chỉ là vẻ khó hiểu, rồi nỗi sợ hãi.

Gã choai choai chết một cách hoảng loạn, hẵn vừa ngã gục xuống vừa đưa mắt tìm một lối thoát khả dĩ, một sự an ủi, nhưng chỉ thấy vực thẳm đang dần nuốt chửng mình. Hẵn nhắm mắt, không chấp nhận chết đuối

trong hư vô như thế, cả người rung lên trong cơn co giật cuối cùng. Đôi tay hẳn rũ rượi buông thõng xuống nền đất và bắt đầu lạnh dần.

Những tên đi cùng nhìn hẳn chết rồi nhìn chăm chặp vào Jeremy. Viên thám tử hiểu rằng chúng sắp tấn công. Bất chấp việc anh có vũ khí, chúng sẽ nhảy bổ vào anh, cùng một lúc, để đè nghiêng anh, bắt anh phải trả giá vì hành động vừa rồi.

Một tiếng xì xào to dần từ phía đầu dòng người hỗn loạn. Âm thanh gầm gừ chuyển thành hoảng hốt.

Tiếng đạn nổ vang trước mặt tiền các tòa nhà. Khô khốc và chát chúa. Tiếng súng trường, Jeremy đoán. Quân đội đang tấn công. Đã có những người biểu tình chạy ngược chiều, hoảng hốt.

Jeremy quay trở về với mối nguy hiểm đang trực tiếp rình rập anh. Nhiều gã đang tiến lại gần, đầy đe dọa. Anh chắc chắn Jezabel đang ở ngay sau mình rồi mới đặt ngón trỏ lên cò súng. Nỗi sợ chảy ngược lại từ phía đầu dòng người rồi tỏa nhánh đến tận chỗ họ.

Hơn một nửa số bóng người bao quanh họ bắt đầu chạy ngược lại. Tiếng súng trường vẫn vang lên lộp độp.

Jeremy thấy hai bóng người tách ra khỏi đám người bỏ trốn để đi vòng ra sau và tìm cách đánh úp anh. Kẻ thứ ba lao vào anh, trực diện, chỉ vừa kịp tránh đám người chạy trốn giận dữ.

Jeremy không thể bắn, quá nhiều người náo loạn xung quanh, một phát đạn bắn về phía trước sẽ xuyên qua nhiều người trước khi chạm vào kẻ tấn công anh.

Đột nhiên, dòng người đặc lại và dữ dội đến mức tất cả đều bị cuốn theo, như trong cơn sóng thần. Không thể chống cự mà không bị ngã hay bị giày xéo, Jeremy để mình bị làn sóng người ấy cuốn, đẩy, thúc đi. Đám tấn công anh cũng bị quét theo, chúng tản mát, ra sức quấy đạp để không bị ngã.

Cơn sóng vỡ ra khi chảy đến một quảng trường, thọc sâu cánh tay của nó vào các con phố nhỏ tỏa rộng về tứ phía. Jeremy nhảy vào chỗ lõm của một khung cửa và đợi cho dòng người đông đặc trôi qua. Anh tìm Jezabel giữa các khuôn mặt. Rồi anh thấy cô, ở phía bên kia, hoảng hốt nhưng bình an

vô sự. Anh lạc mất cô khi cô vội thoát khỏi một mạch đường đông đúc để rời xa đám nổi loạn qua con phố liền đó.

Jeremy ngửa đầu ra phía sau, tựa người vào tường, và thở.

Điều tồi tệ nhất đang tới.

Đêm nay sẽ là đêm dài nhất và đen tối nhất của anh ở Cairo.

Tiếng trẻ con cười đánh thức Marion.

Miệng cô đắng nghét, một cơn đau buốt lan khắp đầu cô. Cô không biết mình đang ở đâu nữa. Khung cảnh quay cuồng.

Trong toa tàu... Mình ở cùng Jeremy, trong toa...

Không, cô đang ở Cairo, cô bị tấn công trong cuộc nổi loạn.

Cô nhớ ra một bóng người giống với thần chết đang đuổi theo cô. Không! Chính cô mới là người đuổi theo nó.

Cuốn nhật ký.

Mont-Saint-Michel.

Marion nhớ ra. Cô đang ở nhà cô. Trong ngôi nhà nhỏ. Trong một phút, cô không biết mình là ai nữa. Giống như Kim Novak trong *Chóng mặt*, bộ phim của Hitchcock, cuộc sống của cô biến thành cuộc sống trước đó, cuộc sống của Jezabel.

Cô là Marion.

Cô đã đoạt lại được cuốn sách bìa đen. Cuốn nhật ký của Jeremy Matheson. Và cô đã quay lên phòng Hiệp Sĩ, tức tối nhiều hơn là lo lắng. Người ta đùa giỡn cô. Cô có nghe nhầm tiếng lách cách trong ổ khóa không? Hay thật ra đó là tiếng cửa ngầm, hoặc tên trộm đã đánh lạc hướng cô ở cửa chính rồi chạy một vòng để lẩn vào sau lưng cô nhằm thó cuốn sách? Cô không tìm được câu trả lời. Nói cho cùng thì cũng không có gì quan trọng.

Tiếp đó Marion đi xuống làng. Để gặp Béatrice, cô muốn nói chuyện.

Cửa hàng đóng cửa. Đóng cửa vào thứ Hai. Và không có ai ở căn hộ phía trên cả.

Marion nhìn thấy Ludwig đi ra từ con phố bên cạnh, cô lẩn vào bóng râm để tránh anh ta rồi về trốn trong nhà. Đây không phải lúc để anh ta đến nói chuyện luyên thuyên với cô.

Cô đứng trong phòng khách năm phút, sau đó bật khóc. Cô bị mất phương hướng. Không thể đưa ra quyết định đúng đắn. Điện thoại nằm trong tay cô, cô bấm số ghi trên một tấm danh thiếp đựng trong ví. Người đàn ông thuộc UBGSLT.

Cô đập máy trước khi điện thoại đổ hồi chuông đầu tiên.

Rồi đi đi lại lại.

Cô ngồi xuống khi chân bắt đầu đau, rồi uống một cốc rượu gin pha nước cam. Rồi một cốc nữa. Và cứ thế tiếp tục.

Tâm trí cô tỉnh lại, cô vợ lấy quyển sách, lần giở, và mong muốn chưa kịp nảy ra thì cô đã bắt đầu đọc đoạn tiếp theo.

Cô đã thiếp đi vào đoạn cuối cuộc nổi loạn, cùng cuộc chạy trốn của Jezabel.

Gục ngã vì rượu. Cô đã ngủ suốt hai giờ đồng hồ. Giờ thì bọn trẻ con đang làm âm ỉ dưới cửa sổ nhà cô.

Đêm đã xuống. Mà trên Đình không có trẻ con.

Marion chớp mắt, thật chậm rãi, không nhấc người dậy. Cô mở miệng, hai môi cô tách nhau ra như thể ta kéo một miếng kẹo cao su dính vào lớp vải sơn lót sàn nhà. Cô giơ tay bám vào thành xô pha và kéo người dậy. Cô bước đến gí mũi vào ô cửa kính lạnh lẽo hướng ra vịnh.

Bên dưới, trên phố, hàng chục người đang đi về hướng tu viện, mỗi người một nhịp bước, đi đầu là bọn trẻ.

Buổi hòa nhạc giao hưởng.

Marion từng giúp xơ Gabriela dán áp phích quảng cáo trên quảng trường dưới làng chiều thứ Bảy vừa rồi.

Cô nhìn cổ tay trần rồi nhớ ra mình không còn đeo đồng hồ kể từ khi tới nơi này. Cô xem giờ trong bếp. Mười chín giờ hai mươi. Buổi hòa nhạc bắt đầu trong chưa đầy một giờ đồng hồ nữa.

Marion không hề có ý định đến dự. Cô muốn ở nhà. Ở nhà thật của cô, ở Paris. Cô muốn mỗi tối đi ngủ và đặt báo thức cho sáng hôm sau, chính đồng hồ báo thức sẽ là thứ khiến cô cáu gắt vào lúc bảy giờ kém mười lăm, để đi làm. Cô ước ao có thể quên hết mọi việc.

Tại sao người ta lại tìm cách truy hại cô? Ai mới được chứ?

Cuốn nhật ký của Matheson rơi xuống xô pha, mở ra đúng trang cô đang đọc dở trước khi ngủ thiếp đi. Không thể có bất cứ mối liên hệ nào giữa cuốn nhật ký này và những gì xảy ra với cô ở Paris, câu chuyện về cái chết chính trị đáng ngờ. Nếu vậy kẻ truy đuổi cô ở đây chỉ đơn giản là tìm cách lấy lại quyển sổ. Có gì trong đó mà hẳn phải ngoan cố đến thế?

Marion chộp lấy nó. Chỉ còn phải đọc vài trang nữa. Và có thể sau đó, cô sẽ biết tại sao.

Cô thở hắt ra như để trút hết nỗi lòng và ngồi xuống trước chai rượu gin. Cuốn nhật ký mở ra trên đùi, cô lật giở hết trang này đến trang khác rồi giữ chúng bất động, lơ lửng trong không khí.

Marion đẩy chai rượu ra. Và giở lại chỗ cô đang đọc dở.

Đêm Ai Cập ấy, khi điều tồi tệ nhất sắp xảy ra.

Jeremy quay về khu phố phía Đông, đến nhà drogman anh từng trả tiền để tìm lại những người đã tham gia cuộc săn đêm cùng Azim.

Azim đã khám phá ra một đường hầm cổ nơi con *ghûl* ẩn náu, ở đâu đó bên dưới El-Gamaliya, anh ta đã mang ra một tờ giấy cói cũ xác định đường hầm đó là một phần thành phố, đoạn giữa nhà thờ Hồi giáo Huisein và đại học Al-Azhar. Chỉ còn việc xác định lối vào.

Anh chàng drogman ở nhà, cùng vợ con, không ai ngủ dù lúc đó đã muộn. Tin đồn về vụ nổi loạn ở trung tâm thành phố đã đến tai họ, và cả nhà đang đợi tin cập nhật. Anh ta vừa đón Jeremy với nụ cười rộng mở vừa đếm những đồng tiền Ai Cập mà Jeremy vừa đưa anh ta thay lời mời.

Anh chàng drogman đã tìm ra nhiều người, hỏi han họ, và trình bày thông tin thu thập được cho viên thám tử, không bỏ sót bất kỳ chi tiết nào. Jeremy uống trà cùng anh ta, và họ mang cho anh một nắm chà là, anh lặng lẽ nhấm nháp.

Sau một bài trình bày cẩn thận - anh chàng drogman có trí nhớ khác thường, anh ta nhớ tên tất cả những người tham gia đêm trước - nhưng Jeremy không cần điều đó, anh ta kết thúc bằng điều anh ta cho là ít quan trọng nhất:

“Không chỉ có vậy, *effendi** ạ, chiều nay người ta còn chỉ tôi đến gặp hai ông già. Họ không ngừng nói về con vật đó, con *ghûl*, với tất cả mọi người, họ đã bị ám ảnh, họ làm đám người trong các quán *qahwa* phát bực. Ông thứ nhất nói là biết ai đứng sau những chuyện này, tôi vừa gặp ông ta lúc này, tôi tin là ông ta không còn tỉnh táo. Theo ông ta, con *ghûl* chính là tay

hàng xóm của ông ta cải trang, ông ta nói tay hàng xóm đó bị điên, rằng hẳn là kẻ giết trẻ con và rằng...”

“Ông già đó sống ở đâu?” Jeremy hỏi, nôn nóng muốn kết thúc câu chuyện.

“Phía Tây Bắc Gamaliya, khu Bab el-Nasr, ngay gần...”

“Xa quá,” viên thám tử thẳng thừng. “Thế còn ông kia?”

“Đó là một ông già nghiện, ông ta lui tới các quán *ghoraz* từ lâu rồi. Ông ta nói biết con quý đó sống ở đâu. Trong một cái ngõ cụt, phía Đông Nam khu phố.”

Jeremy nhổ quả chà là ra.

“Không xa nhà thờ Hồi giáo Huisein phải không?”

“Phải, đúng vậy.”

Thám tử người Anh nhảy chồm lên.

Anh nhớ đến Azim cùng hai nhân chứng của anh ta, hai người từng nói đã nhìn thấy con *ghûl*. Một trong hai người đó là một ông già nghiện *haschisch*. Và đó chính là nơi gần khu vực có thể có đường hầm.

“Dẫn tôi đến gặp ông ta,” anh thốt lên. “Đi thôi, không có nhiều thời gian đâu.”

* * *

Họ tìm ra ông già ở đằng sau một tiệm hút thuốc quen thuộc trong khu đó, hai mắt ông đỏ ngầu ươn ướt. Ông ta không hề cau có mà dẫn hai người đến tận lối vào cái ngõ cụt trứ danh sau khi Jeremy hứa sẽ cho ông ta ít tiền.

Các con hẻm vắng vẻ và tối tăm.

Họ vừa đi vừa cầm đèn lồng trong đó một ngọn nến nhỏ run rẩy theo nhịp chân người cầm đèn. Bộ ba di chuyển không một tiếng động dưới các bức sáo gỗ càng làm các lối đi chật hẹp tối hơn, vòng tránh các quầy hàng

trống, cho đến khi xuống một mớ lộn xộn những lối đi chỗ thì có mái che chỗ thì đổ nát được dùng làm lối đi tắt.

Nhìn từ xa, họ giống một con đom đóm nhỏ đang tìm lối ra trong một mê cung bằng đá kích thước khổng lồ. Cuối cùng, họ kết thúc chuyến đi dạo đêm ở lối vào một ngõ cụt tạo bởi những ngôi nhà đổ nát.

“Ở đây,” ông lão thì thầm bằng tiếng Ả Rập. “Tôi không ở lại lâu đâu, nguy hiểm lắm.”

Anh chàng drogman dịch lại cho viên thám tử.

Rồi ông lão túm lấy tay áo Jeremy chờ đợi.

Thám tử người Anh thở dài, lấy từ trong túi ra một tờ tiền và đưa cho ông ta. Ông ta chuẩn bị rời gót thì Jeremy túm vai ông ta giữ lại.

“Trong ngôi nhà nào?”

Anh chàng drogman làm trung gian giữa hai người.

“Ông ta nói là ông ta không biết gì hơn,” anh ta dịch.

“Nếu vậy thì hỏi xem ông ta có biết nhà thờ Hồi giáo Huisein và đại học Al-Azhar ở đâu không?”

Ông già do dự rồi mỗi cánh tay chỉ một hướng nhưng đều nằm về bên phải. Nghĩa là công cuộc tìm kiếm sẽ chủ yếu hướng đến những ngôi nhà phía bên phải ngõ cụt.

“Thế này còn hơn là không có gì,” thám tử người Anh vừa làu bàu vừa trả lại cái đèn lồng cho chủ nó.

Anh chàng drogman lập tức dịch vài lời ông già vừa nói:

“Ông ta nói là ngài có thể giữ nó, ngài sẽ cần đến nó hơn ông ta nếu ngài muốn đi vào trong đó.”

Ông già đã rời xa.

“Thế nào, ngài thật sự muốn đi vào trong đồng đổ nát đó để tìm con *ghûl* ư?” Anh chàng drogman lo ngại.

Jeremy đưa anh ta số tiền đã hứa.

“Không cần phải đi theo tôi. Chuyến đi của anh dừng lại ở đây, anh bạn ạ.”

Viên thám tử quay lưng lại với anh ta không chút chần chừ và chìm vào giữa những mặt tiền nham nhở, những ô cửa mở hoác ra như những cái miệng hau háu. Jeremy nghe tiếng chân tay dẫn đường vội vã rời xa.

Ngôi nhà đầu tiên ở bên sườn phải không thể đi qua được, sàn tầng trên bị sụt xuống, không cách nào vào nổi. Jeremy qua xem ngôi nhà thứ hai, bên trong không có gì ngoài vôi gạch vụn. Ngôi nhà thứ ba khiến anh tốn nhiều sức lực hơn, nó có một căn hầm và anh cẩn thận xem xét.

Bên trong ngôi nhà tiếp theo, anh ngạc nhiên vì không có lối xuống hầm, anh lục lọi các xó xỉnh, ánh đèn lồng yếu ớt trên tay. Cho đến khi anh dừng lại trước thùng gỗ to đựng nước đọng.

Anh đặt đèn xuống đất và dùng hết sức đẩy để cái thùng trượt trên nền đất.

Cái hố ở bên dưới.

Jeremy lại cầm đèn lên, bước xuống thang rồi nhanh chóng leo lên để với tay kéo được chùng nào hay chùng nấy cái thùng gỗ đầy nước vào chỗ cũ, nhằm che lối vào và không làm lộ sự hiện diện của mình.

Khi đã ở phía dưới, anh không thể không nhìn ra cái lỗ trong lòng đất. Một lối mở còn mới. Chính tay Fredricks Winslow đã đào nó để đến được đường hầm khảo cổ mà ông ta từng thèm muốn? Điều đó rất có thể, Winslow thuộc loại đào bới một mình, trong góc của ông ta, chỉ cho người thân và người có thể là chủ nhân tương lai của mình biết những gì ông ta phát hiện được. Hoặc cũng có thể ông ta đã không kịp kết thúc và chính Keoraz đã hoàn thành công trình này để đảm bảo có một sào huyệt không ai biết, một khi nhà nghiên cứu bị loại bỏ?

Jeremy cúi người và phải thò cánh tay cầm đèn lồng vào trong để dò độ sâu không cùng của đường hầm. Đất còn ẩm, đôi chỗ rỉ nước, và vô vàn rễ cây ngoằn ngoèo treo lơ lửng, giống như những bàn tay khô quắt. Thấy vậy, Jeremy hiểu ra những lời của Azim... ‘Tôi cứ tưởng mình chết đến nơi rồi! Tôi cứ tưởng nó tóm được tôi nhưng hóa ra đó là một cái rễ cây, chỉ là một cái rễ cây thôi!’ Giọng anh chàng bé nhỏ người Ai Cập vang vọng phía cuối đường hầm, xa cách và ma quái. ‘Chỉ là một cái rễ cây thôi!’

Jeremy quỳ gối và thò đầu vào đường hầm.

Anh ra sức bò thật nhanh, chú ý đến từng tiếng động nhỏ nhất. Chẳng mấy chốc anh phải thở gấp, lặn ngụp trong mớ hỗn độn những bùn và thực vật thối rữa.

Tiến lên cùng cây đèn lồng phía trước thật không dễ dàng gì, anh buộc phải tiến từng tí một, lửa nến nhiều lần suýt tắt lụi do những cú va chạm quá mạnh. Đi sâu vào lòng đất, anh phát hiện ra một cái bật lửa. Bật lửa của Azim, anh nhận ra ngay lập tức, đồng nghiệp cũ của anh rất hiếm khi hút thuốc, nhưng không rời nó bao giờ, luôn tự hào khi được châm thuốc cho người khác.

Không được phép sợ không gian kín, Jeremy nghĩ. Anh dung đưa như một con giun trong lòng đất, uốn éo phần trên cơ thể để ngoi lên trong cái ruột đầy mùn này.

Cuối cùng Jeremy cũng đến được đường hầm. Bụi xộc vào mũi anh.

Khi đứng lên được, viên thám tử cầm súng bên tay phải, tay trái giơ đèn lồng thật xa phía trước. Bóng tối nuốt gọn xung quanh, xén gọt những góc quá nhọn và nhấn chìm hoàn toàn cảnh vật nằm ngoài khoảng cách hai mét.

Anh đi vào một căn phòng lớn, cảm giác bất an đột nhiên trở nên dai dẳng hơn.

‘Không gây tiếng động,’ anh nhắc lại với chính mình. ‘Không đi lại tùy tiện... Cảnh giác. Tiến lên không vội vã... Cứ như vậy... Không vô ý bỏ qua bất kỳ điều gì, nhìn kỹ để chắc rằng phía sau mình không có gì.’

Anh quay người lại thực hiện chỉ thị đó.

Bóng tối khép lại phía sau anh, làm mất mọi điểm mốc của anh. Liệu anh có tìm lại được đường đi không? Azim đã làm được điều đó, chỉ cần men theo bức tường...

Jeremy bước lên một bước và cuống quýt mở đèn lồng để thổi tắt ngọn lửa. Mùi nến tắt xộc thẳng lên mũi anh. Anh vừa phát hiện ra một tia sáng. Yếu ớt và chập chờn, nhưng vẫn là một tia sáng. Nó phát ra từ một hành lang phía bên trái.

Jeremy tiến lại gần, nín thở để không bị lộ. Hành lang, rất ngắn, dẫn đến một căn phòng nhỏ, anh không thể nhìn kỹ chi tiết từ nơi anh đứng. Anh đặt đèn lồng xuống và cầm khẩu côn bằng hai tay. Anh đi tiếp đến ngưỡng cửa.

Chấn đó vừa thê thảm vừa hôi thối.

Hai ngọn nến nhảy múa trên một cái bàn cũ nát. Phía bên kia cái bàn là một đồng thú vật chết. Một số lúc nhúc những con giòi béo mẫm.

Có người đang đánh hơi. Một cái hít vào dài và nhầy nhụa.

Jeremy chĩa khẩu súng lục về phía tiếng động. Và toàn bộ người anh cứng đờ vì sốc.

Con *ghûl* đúng là đang ở đây.

Cao và dị dạng. Cái sọ trọc lóc của nó bóng lên dưới ánh nến, một con mắt lồi to bất thường, gần như treo lủng lẳng, cái mũi bị căn bệnh hủy hoại, không có má và môi, hàm răng lộ hết ra ngoài. Nó mặc áo choàng dài bằng vải, cũng đen như màu da, với mũ rộng trùm xuống tận cổ. Và nó đang chơi.

Con vật đang bế Georges Keoraz, chín tuổi, trên tay. Thằng bé đang ngủ, bất động, một phần thân thể ở trần. Con *ghûl* cầm một tay thằng bé, và dùng nó để đẩy một đoàn tàu nhỏ bằng gỗ.

Nó vẫn đang hít hít, đầu ngửa ra phía sau. Hít vào giữa các kẽ răng thứ nước dãi đang chảy ra vì không có lớp da chặn lại. Làm vậy, trông nó giống một con ác thú đang hít không khí.

Jeremy không cử động nổi nữa.

Đúng lúc đó nó nhận ra anh. Con mắt còn lại của nó chĩa vào anh, rồi chuyển sang thứ vũ khí đang chĩa vào nó. Con mắt hướng về một cái gì đó, đặt trên ghế đầu.

Jeremy nhìn theo ánh mắt nó. Đó là một lô những chiếc vòng dài ngoẵng, có thể phủ hết đốt ngón tay cuối cùng và còn dài hơn cả ngón tay. Những cái vòng kim loại, đầu mút gắn một cái vuốt bằng xương. Đó chính là bí mật của bàn tay có những ngón dài bất tận và những móng tay ma quái. Một thợ kim khí ngoài chợ đã làm chúng, chỉ cần trả tiền, kim loại và xương thì ở Cairo không thiếu.

Jeremy hiểu rằng tên khổng lồ da đen chuẩn bị nhảy xổ vào đồng vũ khí của hắn. Nỗi sợ mở khóa cho cơ thể anh và anh vừa bước lên phía trước một bước vừa siết chặt tay vào báng súng.

“Ssssuyt...,” Anh vừa ra hiệu vừa hy vọng thuyết phục được con *ghûl* không tấn công.

Nó có biết mỗi nguy hiểm do một khẩu súng gây ra không?

Nó thả Georges Keoraz ra, thằng bé mềm oặt rơi xuống.

“Đừng làm thế!” Jeremy vừa thốt lên vừa muốn tiến lại gần hơn.

Nó nhảy về phía ghế đầu. Jeremy vừa kịp giữ tay lại không bắn, đứa trẻ nằm trong đường đi của viên đạn. Anh nhảy lùi ra sau, tìm cách tựa lưng vào tường để tạo khoảng cách giữa mình và con *ghûl* và có điểm tựa phù hợp để ngắm bắn. Hai vai anh đập vào bức tường.

Anh chỉnh kính ngắm và chỉ kịp thấy khuôn mặt ghê tởm của con *ghûl* lao về phía hai ngọn nến.

Rồi thôi tắt chúng.

Một nỗi sợ trẻ con.

Một cảm giác bất lực và bất an quay ngược lại những dò dẫm đầu tiên của sự sống. Khắc sâu trong gen, một báo động của phần não bò sát*, có từ thuở con người còn sợ loài thú săn mỗi ban đêm, thuở toàn nhân loại biết rằng bóng tối có thể che giấu những điều gì khủng khiếp. Đó là thứ đang xâm chiếm Jeremy lúc này.

Nỗi sợ chảy từ sự hồi tổ trong trí óc anh, giống như máu con mỗi khi biết mình tử thương.

Jeremy bắt đầu thở hỗn hển. Con *ghûl* biết vị trí của anh khi nó thổi tắt nến. Anh phải di chuyển. Ngay lập tức.

Jeremy dịch hông về một bên, anh gặp rất nhiều khó khăn trong việc điều khiển cơ thể.

Các móng vuốt vụt vào không khí ngay phía trước anh. Rồi lại một lần nữa. Nhát thứ ba cào vào cẳng tay viên thám tử làm anh hét lên. Anh ngã quỵ gối và làm khẩu côn tuột xuống đất.

Con *ghûl* rạch lên bức tường ngay phía trên anh. Jeremy lăn về phía trước, anh nhận thấy một thứ gì đó sượt qua vai mình. Anh lăn tiếp, để tránh ra xa.

Con quái vật đánh hơi phía sau anh. Jeremy nín thở, hơi thở làm anh yếu thế vì tiết lộ vị trí của mình. Anh mò mẫm mặt đất dưới lòng bàn tay, tìm kiếm khẩu súng. Anh nhẹ nhàng tiến lên phía trước, hết sức lặng lẽ.

Con *ghûl* va vào một thứ cồng kềnh phía bên phải nó. Trong giây tiếp đó, có một tiếng nứt lớn rồi cái thùng gỗ vỡ toác khi rơi xuống đất và nước trào

ra lênh láng. Thứ chất lỏng đó lập tức chảy đến chỗ Jeremy, làm ướt chân và tay áo anh.

Anh vội vàng mò mẫm xung quanh. Súng của anh, anh phải tìm thấy khẩu súng. Anh chạm vào một làn da, ấm nóng. Mắt cá chân đưa bé.

Anh lùi ra xa và tiếp tục cuộc tìm kiếm tuyệt vọng. Anh bắt đầu thiếu không khí, anh phải hít thở nhiều hơn, anh sẽ không thể tiếp tục nếu không thở thật sâu.

Con *ghûl* di chuyển đâu đó sau lưng anh, sẵn sàng cắm sâu những cái móng chết người vào cổ họng mềm mại của anh. Một bề mặt kim loại lướt qua tay anh. Ngay lập tức anh lùi tay lại.

Đó là khẩu côn. Anh tóm chặt lấy nó và chĩa ra trước mặt. Đầu óc anh quay cuồng. Nhưng anh không thể hít thở mạnh như cần phải làm, không thể để bị phát hiện vì tiếng động. Bây giờ họ là hai thợ săn. Sai lầm đầu tiên sẽ là sai lầm chết người.

Anh quay người thật chậm, về phía mà anh cho là một thoáng trước đã nghe tiếng con *ghûl*.

Không gì hết. Nước chảy tràn qua bắp chân anh.

Con *ghûl* rít nước dãi qua kẽ răng. Ngay phía trước. Cách anh chưa đầy một mét.

Jeremy dồn sức bóp cò.

Nửa.

Nửa.

Nửa.

Hai tai anh rít lên.

Một cơ thể khổng lồ đổ ập xuống vũng nước và Jeremy há miệng ra để hít vào càng nhiều không khí càng tốt.

Rồi một hơi thở khàn nổi lên từ vùng tối ẩm ướt. Lẫn vào đó là tiếng ọc ọc. Con người biến dạng vì bệnh tật, bị hủy hoại vì xã hội, đang hấp hối trong ngôi mồ lạnh lẽo này. Hắn bắt đầu co giật thở gấp.

Rồi im lặng bao trùm.

Viên thám tử đứng im không nhúc nhích suốt nhiều phút. Không thể đứng dậy. Anh đợi một dấu hiệu từ sinh vật nọ.

Khi sự tê mõi đe dọa làm nghẽn máu, anh đứng lên và tìm cách dùng bật lửa châm nển.

Tên khổng lồ da đen nằm dưới đất, ba viên đạn trên ngực. Hẳn mang theo những đau khổ của chính mình và của các nạn nhân.

Jeremy đặt khẩu côn xuống bàn và lao về phía đứa trẻ.

Georges Keoraz được đặt trên một cái đệm rơm đầy rận, nửa thân dưới trượt xuống nền đất ẩm ướt. Viên thám tử lấy tay nhắc đầu cậu bé lên rồi cúi xuống nghe nhịp thở. Anh không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu sự sống nào.

Jeremy chuẩn bị mở áo sơ mi của cậu bé thì nhận thấy nó đã được mở sẵn. Anh vừa hất một vạt áo ra vừa xua đuổi những hình ảnh tục tũ do chi tiết này gợi lên.

Rồi anh áp chặt tai vào ngực cậu bé. Làn da cậu ấm nóng. Không có tiếng động nào phập phồng trong lồng ngực. Mặt hình thánh rửa tội trượt trên cổ cậu, rơi xuống đầu sợi dây chuyền nhỏ. Jeremy tách đôi môi nhỏ ra rồi lấy ngón trỏ và ngón giữa dò trong miệng cậu. Thoạt nhìn thì không có gì bị nhét vào họng.

Chính lúc đó viên thám tử nhìn thấy các vết hằn trên cổ cậu. Thứ anh cứ nghĩ là bóng hắt lên ở nơi chứa đầy bóng tối này thật ra là những vết bầm sâu.

Georges Keoraz đã bị bóp cổ. Con *ghûl* đã đùa giỡn với cậu bé, bế cậu ngồi lên đầu gối nó, rồi siết cái cổ yếu ớt của cậu trong hai bàn tay khổng lồ, càng lúc càng mạnh, cho đến khi chân cậu không còn giãy giụa nữa. Cho đến khi cậu trở thành con búp bê dễ bảo, để hẳn có thể dùng mà chơi đùa.

Jeremy buông cái xác xuống, dùng hai bàn tay vẫn còn ướt ôm lấy mặt. Cơ thể dạt trong anh vang dội vào các vách đá đường hầm, tiếng vọng

lớn dần như những vòng xoáy nước trong trò ném thia lia.

Anh liền đứng dậy, đập phá căn phòng.

Anh đập đổ vài đồ đạc lung lay, lộ bì bõm trong vũng nước ngập khắp nền nhà. Rồi anh ngồi xuống, kiệt sức, trên chiếc ghế đầu duy nhất còn đứng vững, đối diện cái bàn.

Những lọ đựng chất lỏng màu nâu rơi xuống nền nhà vỡ tan. Ruột mèo và chó bị rút ra dính vào nhau giữa đồng thủy tinh vụn. Jeremy nhận thấy tất cả các xác chết đều bị lột da ở phần thân sau. Người thợ săn trong anh lập tức hiểu ra vấn đề.

Nó đã lấy đi tuyến hậu môn của các con vật. Chỉ có thể có một lý do cho việc đó. Để làm các con vật khiếp sợ.

Đó hẳn là một tập tục xưa cũ của tên khổng lồ da đen, vào thời hắn còn sống một mình trên phố, để tự vệ trước đám chó hoang đói khát, một kỷ niệm thời thơ ấu từ những chuyến đi săn trong làng, một tín ngưỡng bản địa cho rằng bôi lên người bọn trẻ thứ chất đó sẽ làm các con thú săn mỗi lánh xa. Tập tục này Jeremy từng thấy ở miền Nam Sudan. Mùi các tuyến đó trộn với nhau trên da người làm một số loài thú kinh tởm.

Khi được bảo vệ bằng cách đó, con *ghûl* đi trên phố và làm lũ chó định tấn công nó khiếp sợ.

Một thứ da trắng nhợt nổi bập bênh, trong ánh tranh tối tranh sáng trông nó giống như bóng một con sứa. Nó trôi về phía viên thám tử.

Jeremy nhìn không rõ lắm; anh điếm lại tình hình qua cơn giận dữ đang lắng dần.

Đó là một cái quần. Anh nhảy tới nhặt lên. Không nghi ngờ gì nữa, đó là chiếc quần Azim mặc vào đêm anh ta bị giết. Keoraz đã mang nó đến đây, trong hang ổ của hắn, như một chiến lợi phẩm bệnh hoạn.

Khi nhìn ra ánh kim loại phản chiếu ánh nển, anh bắt đầu run rẩy. Jeremy quỳ gối và cầm cái hộp sắt lên. Thuốc lá Nestor. Anh mở nắp. Trong đó còn chừng hai chục điếu.

Giọng Keoraz, ngọt ngào và ân cần, trở lại trong tâm trí anh: ‘Tôi thường mua cả thùng ở Groppi’s, cả một gia tài đấy! Nhưng thứ thuốc lá này đáng giá từng đồng bạc bỏ ra...’

Anh nhắm mắt lại. Francis Keoraz đã hy sinh chính con trai mình để hòng sống sót.

Jeremy đưa mắt nhìn đường cong nguy hiểm của khẩu côn. Anh biết mình phải làm gì. Nhưng trước đó, phải ra làm chứng đã. Giải thích mọi điều. Đảm bảo cho tương lai của anh. Của Jezabel.

Jeremy lấy cuốn nhật ký ra khỏi túi áo vest và ngồi xuống bên bàn tròn một giờ. Anh kể lại mọi việc anh vừa làm. Chú ý sao cho không thiếu điều gì.

Anh quay lại phần trước cuốn nhật ký và vẽ một mũi tên vào phần kể về cái đêm anh ở nhà Keoraz. Mũi tên này chỉ đến câu chuyện của Azim. Jeremy viết phần này theo những gì người đồng nghiệp đã kể lại ngắn gọn cho anh đêm hôm đó, qua điện thoại, anh bổ sung thêm lời kể của thầy cả và Khalil cùng suy luận của chính anh từ những gì anh vừa khám phá được, tự cho phép thêm vào vài điều hoàn toàn do anh tưởng tượng.

Tất cả nằm trong này. Các suy nghĩ cá nhân của anh. Và cuộc điều tra của anh.

Để hiểu ra con người thật của Francis Keoraz. Để hiểu ra hẳn thật sự thuộc loại quái vật nào, còn hơn cả kẻ khốn khổ bị hãm hại tống để thực hiện tội ác.

Sau khi dấu chấm hết được đặt xuống dưới ánh nến, Jeremy để mở cuốn nhật ký và cầm lấy khẩu súng.

Anh sẽ báo qua điện thoại cho các đồng nghiệp cảnh sát về sự tồn tại của căn hầm ghê người này, để họ đến mang đứa trẻ đi và có được mọi bằng chứng. Anh sẽ không nói gì thêm qua điện thoại nữa.

Trong lúc đó, anh sẽ tự mình giải quyết dứt điểm vấn đề.

Trước khi cả xã hội và các vết nứt của nó nằm được vụ việc. Trước khi tên triệu phú có thể sử dụng ảnh hưởng của hẳn để giải nguy, trước khi hẳn có thể đùa giỡn với các mối nối dễ bị thấm thấu của hệ thống xã hội. Vết

rạn của cái ác hẳn từng say mê sẽ không vươn vòi đến nền văn minh, tham những ung hoại không thể ảnh hưởng được tới Jeremy Matheson, hẳn biết rõ điều này.

Francis Keoraz sẽ thú nhận tất cả. Hoặc biến mất.

Một ngọn nến dao động, rồi một vết rạn nứt ra trên rìa thân nến, từ đó sập nến trong suốt rỉ xuống. Phía sau quầng sáng nóng bỏng, bóng dáng viên thám tử mờ dần.

Sáp nến chảy ra chùng chục xăng ti mét, càng lúc càng nhiều. Càng chảy xa khỏi tâm nến, dòng máu đó càng đông đặc lại. Cuốn nhật ký của Jeremy Matheson được đặt bên cạnh, cái rãnh sáp nến nóng bỏng tiến dần về phía đó. Rồi cái mạch đó dừng lại, phồng lên ở phần đầu.

Nó bắt đầu cứng lại. Rồi trở nên trắng đục. Và lạnh.

Hai ngọn nến tắt phụt.

*‘Francis Keoraz sẽ nói. Hoặ**c** biến mất. Tôi để cuốn nhật ký lại đây, và chuẩn bị lên đường, bỏ lại phía sau cái xác không hồn của đứa trẻ. Và có thể sau khi tôi ra đi, cái chết sẽ việ**n** đến sự e lệ vốn vô hình với người sống, và sẽ phủ lên năm mộ này tấm áo choàng của nó, phủ lên căn phòng tắm vải liệm lạnh lẽo, trong khi mấy ngọn nến tự lụi tắt, như có bùa phép.’*

Cuốn nhật ký kết thúc bằng những lời khó hiểu.

Marion giở các trang tiếp theo, không còn gì mới mẻ, chỉ có chương được viết thêm ở cuối kể về lần Azim vây bắt con quái vật, cô đã đọc đoạn này rồi. Cô tìm kiếm trên gờ sách để chắc chắn không trang nào bị thiếu. Tất cả đều nguyên vẹn. Cũ nhưng không hư hại gì.

Vậy là cuốn phim kỳ lạ Marion tự dựng lên cho mình suốt quá trình đọc cuốn nhật ký dừng lại như thế. Những hình ảnh về một thời kỳ đã qua kết thúc bằng một dấu chấm hỏi.

Sau đó thì sao? Cô gập cuốn sách bọc da lại và nhìn ngăm một lúc. Sau đó thì sao?

Không thể kết thúc như vậy được. Không kết luận, không lời kết, không gì cả.

Một tiếng nói nhỏ trong cô bào chữa: ‘Câu chuyện mà vừa đọc không như những câu chuyện khác, đó là một câu chuyện có thật. Mà chờ đợi gì từ sự thật? Nó không được sắp đặt hoàn hảo, có cấu trúc, sự thật luôn đầy rẫy những lỗ hổng, những khoảng trắng, và đầy những dấu hỏi mà các câu trả lời không bao giờ được đưa ra hết ở đoạn kết. Sự thật là vậy, không thể khác. Không hoàn hảo và không đầy đủ.’

Jeremy Matheson đã không thể cứu đứa bé, anh đã đối mặt với con *ghùl* trước khi đến nhà Keoraz, được vũ trang bằng niềm tin sâu thẳm trong mình, và một số lượng quá lớn các yếu tố buộc tội nên khó có thể là trùng hợp ngẫu nhiên.

Chuyện gì đã xảy ra sau đó? Keoraz có thú nhận không? Trước khẩu côn đầy đe dọa của Jeremy, rất có thể là có... Trước ánh mắt sững sờ của vợ ông ta. Francis Keoraz có bị buộc tội không? Hay ông ta đã tự tử trong một cơn tỉnh táo bất ngờ?

Đọc xong cuốn nhật ký, ta có thể nghĩ đến một giả thiết khác, khả dĩ dù rất kịch tính.

Jeremy chĩa súng vào tên giết trẻ con để buộc hẳn phải thú tội. Cơn điên giận và nỗi ghê tởm đã siết cò súng.

Marion lớn tiếng chửi thề. Chỉ cần có kết nối mạng, cô sẽ nhanh chóng tìm ra trong đồng lưu trữ báo chí phần kết của vụ này.

Vẫn còn một vấn đề nữa.

Giờ đây, khi đã đọc xong, Marion vẫn không hiểu nổi tại sao có kẻ muốn lấy lại cuốn nhật ký bằng mọi giá. Nó chứa đựng điều gì quý giá đến vậy? Không gì cả... không gì ngoài sự thật về câu chuyện giết hại trẻ con đã rất xưa cũ.

Sự thật... và những lời tâm sự của một người đàn ông bị tổn thương. Jeremy đã thổ lộ hết không hề giấu giếm.

Jeremy...

Marion làm phép tính nhanh. Nếu còn sống đến hôm nay chắc anh cũng đã hơn trăm tuổi một chút. Khó đấy. Nhưng có thể.

Joe và thầy Gilles là những người nhiều tuổi duy nhất trên Đỉnh. Cả hai đều không có vẻ già đến thế. Tuy nhiên, cô có thể đoán tuổi họ không? Không...

Cả xơ Luce nữa. Jezabel chẳng?

Không, không có gì nơi bà giống với vẻ thanh lịch và duyên dáng mà Jeremy thường nói tới, dù là qua năm tháng, Jezabel cũng không thể mất tất

cả, còn xơ Luce thì có dáng vẻ đáng sợ, sắc nhọn như chính tính cách của bà.

Jeremy.

Marion không ngừng nghĩ đến anh. Một cái nam châm. Anh chính là thế. Anh cuốn hút cô đến mức ở đâu cô cũng nhìn thấy anh.

Nếu mà suy luận ngược lại thì sao?

Cô có dữ kiện gì để có thể xác định danh tính của bóng người bí ẩn đang quấy rối cô?

Hẳn là hẳn biết rõ Đình, và tu viện.

Mọi người ở đây đều có khả năng đó.

Hẳn có chìa khóa của tu viện, và của nhà mình nữa. Giống hệt chùm chìa khóa của dòng tu.

Vậy là hẳn nằm trong số các thầy tu và các xơ.

Có thể họ đã đánh chìa đúng.

Cô còn biết gì nữa?

Hẳn rất thể thao, cái bóng đó...

Hẳn đã thể hiện điều này trong cuộc rượt đuổi vừa rồi.

Thầy Damien. Ông ta hay chạy buổi sáng.

Ludwig. Cựu cầu thủ bóng bầu dục.

Đừng quên thằng bé. Grégoire. Nó luyện cơ bắp.

Ba khả năng.

Còn gì nữa không?

Câu đố... Đó là một người thích đùa. Ngay từ khi mình đến, hẳn đã đưa ra trò thách đố trí tuệ. Theo như bức thư thứ hai, sẽ còn các bức thư khác nữa, có thể hiểu điều này, nếu lúc đó mình không tìm ra cuốn nhật ký, điều làm hẳn phật ý.

Thầy Damien thích đùa giỡn, thích chơi giải ô chữ. Tuy nhiên ông ta không có tư chất đó. Liệu ông ta có giấu mình dưới một cái mặt nạ không? Có vẻ ít có khả năng đó...

Marion không thể gạt thầy Gilles ra khỏi tâm trí.

Quá yếu đuối nên khó có thể chạy trong thư viện. Không...

Một bộ đôi. Thầy Gilles ra lệnh, và thầy Damien phục tùng, sử dụng sức mạnh thể chất của mình để phục vụ bề trên. Kịch bản đó không phù hợp.

Ông thầy tu già nua quá râu rĩ và trì độn để có thể hứng thú với các trò giải trí trí tuệ, với các câu đố lại càng ít hơn. Marion không tưởng tượng được cảnh ông ta thích thú ngồi trong phòng mình viết một câu đố dành cho ngày cô đến, chỉ để chào đón và thử khả năng đối đáp của cô. Đó hoàn toàn không phải kiểu của ông ta.

Hắn phải có liên hệ trực tiếp đến một trong các nhân vật trong cuốn nhật ký của Matheson, nếu không hắn chẳng tìm cách lấy lại nó bằng mọi giá để làm gì.

Suy luận về bộ đôi là hợp lý. Sự hiển nhiên treo lơ lửng trước mũi cô. Marion không thể bác bỏ lâu hơn điều mà, rất hiển nhiên, chỉ có thể là câu trả lời duy nhất cho các câu hỏi của cô.

Đã nhiều ngày nay, cô vừa nghĩ đến nó, vừa từ chối thừa nhận. Cô quá yêu mến ông già.

Hãy nhìn thẳng vào sự việc. Ngay cả tên ông cũng rất hiển nhiên!

Chỉ đơn giản vậy thôi.

Joe là Jeremy.

Vậy là mọi việc xoay sang chiều hướng mới.

Marion bật đèn phòng khách.

Ánh sáng làm nổi bật sự ấm cúng của các chất liệu trong phòng. Vải, nhung, gỗ lát tường. Lần đầu tiên cô thấy căn phòng giống toa tàu của Jeremy Matheson.

Joe là tên gọi tắt của Jeremy.

Ông chơi cờ vua, rèn luyện thú vui trí tuệ, đúng là tính cách của người thích thú với các câu đố bí hiểm. Ông không hành động một mình, tất nhiên rồi. Grégoire. Chàng thanh niên còn gần gũi với Joe hơn cô từng nghĩ.

‘Cậu ta cần cuộc sống, cần sự hiện diện của đàn ông, riêng điều này thì tôi nghĩ mình không làm’, Joe đã nói như vậy trong bữa tối của họ.

Grégoire là người thừa hành của ông. Như con *ghûl* là kẻ thừa hành của Francis Keoraz. Chính cậu thiếu niên mới là người cô đuổi bắt chiều nay. Cậu ta hoảng sợ khi nghĩ sẽ bị bắt nên đã thoát thân bằng cách bỏ lại cuốn sách. Grégoire mê mẩn người đàn ông này, người có thể là người cha lý tưởng của cậu, người chắc chắn đã kể cậu nghe những câu chuyện điên rồ như trong những bộ phim quái dị cậu vẫn hằng say mê. Và rốt cuộc cậu đã tìm thấy ở Joe cách thoát khỏi sự nhàm chán trên Đỉnh.

Jeremy di cư đến Pháp trước khi có chiến tranh, để trốn khỏi đất nước mình. Vì lý do gì? Có phải anh bị truy lùng vì tội giết Francis Keoraz? Hay anh muốn những người đồng hương quên mình đi sau vụ việc chấn động hẳn đã mang lại cho anh danh tiếng đáng buồn và dĩ nhiên là anh sẽ vui lòng từ chối? Anh đã dạt tới đây, xa rời tất cả, núp dưới bóng nhà thờ. Gìn

giữ cuốn nhật ký như bằng chứng cuối cùng về cuộc sống trước đây của mình.

Marion khoác áo khoác và cầm cuốn nhật ký của Matheson rồi ra ngoài trong khí lạnh ban đêm.

Cô đi thẳng về hướng nhà Joe.

Sau nhiều cú đập thẳng thừng, cuối cùng cánh cửa cũng mở.

Marion co người lại khi đoán ra phía sau cánh cửa không phải ông già. Cô chùng người xuống ngay khi nhận ra Grégoire. Cậu nhìn cô chăm chăm, vẻ cam chịu.

Hai người không nói một lời.

Marion cầm cuốn nhật ký trong tay, cậu thanh niên nhận ra điều đó và ngược mắt nhìn vào mặt Marion.

Cuối cùng cô hỏi:

“Ông ấy có đây chứ?”

Grégoire vẫn không biểu hiện gì. Rốt cuộc cậu lùi lại, nhường lối cho cô.

Khi cô đã vào phòng chính của ngôi nhà, Grégoire trả lời:

“Joe không có đây. Ông ấy ở trên kia, tại tu viện.”

Giọng cậu ung dung, Marion không thấy có gì là lo lắng hay sợ sệt cả.

“Cô đọc xong nó rồi,” cô vừa nhẹ nhàng nói vừa chìa cuốn nhật ký ra.

“Ông và cháu cũng nghĩ vậy. Hẹn là ngày hôm nay mà.”

Marion dò xét phòng khách như thể đây là lần đầu tiên cô bước vào. Tìm một chi tiết, một dấu hiệu để hiểu thêm về con người ông già, về con người mà Jeremy Matheson đã trở thành sau tất cả những năm tháng đó.

“Ông ấy gần như không còn nói giọng nước ngoài,” cô bình luận.

“Ông sống ở Pháp từ lâu lắm rồi...”

“Và ông ấy trông không đúng tuổi.”

Grégoire nhướn mày rồi nhếch miệng cười.

“Cô ạ...,” Cậu bắt đầu. “Chuyện chiều nay, cháu muốn xin lỗi cô... Cháu không muốn chúng ta làm hại lẫn nhau. Chuyện đó không được dự

tính trước, cháu chỉ muốn lấy lại cuốn sách, thế thôi. Cháu không muốn ta phải tranh giành nhau và...”

“Thôi bỏ qua đi, Grégoire. Theo thời gian, cháu sẽ hiểu được là chúng ta phải chịu trách nhiệm với mọi hành động của mình, dù hậu quả là thế nào. Đôi khi nên, không... đôi khi phải mới đúng, phải đặt câu hỏi trước đã.”

Cậu thanh niên, không ngờ lúc thú tội lại bị giáo huấn, nổi giận. Cậu khoanh tay trước ngực.

Marion kiềm chế để không nói thêm rằng rốt cuộc chính cậu mới là người chịu đau đớn nhiều hơn sau vụ va chạm giữa họ.

“Nếu cháu không phiền, cô sẽ ở lại và đợi đến khi ông ấy đi nghe hòa nhạc về,” cô nói tiếp.

“Thật ra là, ông đã nghĩ cô sẽ đến nói chuyện với ông, tối nay hoặc ngày mai. Ông không ở phòng hòa nhạc đâu, ông ở trên mái. Cháu sẽ chỉ cô cách lên gặp ông.”

Grégoire tả cho cô đường đi và tiễn cô ra tận cửa.

“Một việc cuối cùng,” Marion nói. “Tại sao Jeremy lại bỏ cuốn nhật ký trong đồng sách ở thư viện Avranches?”

Grégoire nhăn mặt cau có.

“Jeremy ấy ạ?” Cậu nhắc lại. “Jeremy Matheson ư? Không, ông ta không bao giờ bỏ cuốn nhật ký của mình tại Avranches cả...”

“Chính ông ta là...”

“Matheson đã mất tích năm 1928.”

Marion lắc đầu.

“Không, Matheson là... Đợi chút. Joe là Jeremy, ông ấy không nói cho cháu biết ư?”

Grégoire nhìn cô chăm chăm như thể cô vừa thốt ra lời chửi rủa thậm tệ.

“Cô nói gì vậy? Cô không tìm hiểu sao? Jeremy Matheson đã mất tích năm 1928, người ta chưa bao giờ tìm thấy xác ông ta. Joe không phải là Jeremy!”

Cậu tự đắm vào đầu.

“Cô không biết phải không?”

“Biết gì cơ?”

“Biết thật ra ông là ai.”

Grégoire tựa người vào cửa.

“Cô đã không tìm kiếm gì, phải không? Cô không biết đêm hôm đó đã xảy ra chuyện gì sao?” Cậu nhấn mạnh.

Tim Marion đập nhanh hơn, làm cả lồng ngực cô phập phồng. Cô sống trong câu chuyện, nhập vào đó mà không thể kiểm soát. Với cô, đó không còn là đọc một cuốn nhật ký đơn thuần, mà là chia sẻ một cuộc đời có thật.

Grégoire nói tiếp: “Cái đêm Jeremy Matheson biến mất, cảnh sát nhận được điện thoại của viên thám tử đó, chỉ chỗ chứa xác con trai Keoraz và con *ghûl*. Cảnh sát đổ đẽ, và thấy mọi thứ như trong cuốn nhật ký mà cô đã đọc mô tả. Trừ việc cậu bé không chết. Cậu bé ngồi trong một xó. Không được khỏe lắm, nhưng còn sống. Matheson, trong cơn bối rối, đã phạm một sai lầm. Ông ta định ninh rằng con *ghûl* đã giết đứa bé nên chỉ kiểm tra qua loa. Thật ra, cậu bé bất tỉnh lúc ông ta đến, nhưng không chết, cậu hồi tỉnh lại một lúc trước khi cảnh sát có mặt ở hiện trường.”

Marion siết cuốn nhật ký vào ngực.

“Georges Keoraz đã được chăm sóc, cậu thanh niên tiếp tục lớn lên, và đi học tại Anh, sau đó đến Pháp, nơi cậu yêu thích tới nỗi quyết định ở lại sinh sống. Chính lúc đó cậu vào dòng tu. Cậu sống tại Mont-Saint-Michel với các thành viên khác. Sau vài thập kỷ, những căng thẳng nội bộ khiến các bề trên quyết định chuyển cậu đi nơi khác. Cậu đã từ chối. Cậu gắn bó với Đỉnh hơn bất kỳ điều gì trên đời. Sau một năm, cậu bỏ dòng tu đến ở trong ngôi nhà này. Cậu không lui tới tu viện nữa mà chuyển tới một nhà thờ nhỏ của giáo khu. Và cậu già đi.”

“Joe là Georges,” Marion thì thầm. “Georges Keoraz.”

“Vâng. Một cựu thành viên dòng tu.”

“Chính vì vậy ông ấy có chìa khóa. Ông ấy vẫn giữ chùm chìa khóa của mình từ hồi đó.”

“Các chìa đúp,” Grégoire công nhận. “Để có thể vào bất cứ nơi nào trong tu viện, ngay cả nhà cô.”

“Điều này giải thích sự căng thẳng giữa thầy Gilles và ông ấy.”

Grégoire ngập ngừng trước khi trả lời.

“Cháu nghĩ là do xơ Luce... Cả hai đều rất gần gũi bà ấy và điều đó làm nảy sinh vấn đề,” cậu công nhận, không hề ngại ngần chút nào, chứng tỏ vẫn còn khá thiếu chín chắn.

Đột nhiên, các yếu tố ăn khớp với nhau trong suy luận của Marion. Cô mở miệng nhưng không nói câu nào.

Jeremy Matheson biến mất đêm hôm đó, chắc chắn anh đã chết. Cô hiểu điều gì thôi thúc Joe lấy lại cuốn nhật ký. Nó chứa đựng toàn bộ sự thật về cha ông. Một sự thật chưa từng được phơi bày. Điều khiến Jeremy Matheson phải trả giá bằng cả mạng sống.

Joe ra sức tìm cách lấy lại cuốn nhật ký để không làm vấy bẩn ký ức về cha ông trong trường hợp sự thật lộ ra.

Francis Keoraz đã giết Jeremy ngay đêm đó, khi viên thám tử đến nhà tìm cách khiến ông ta thú tội, tay triệu phú đã ra tay phủ đầu, và đã thủ tiêu cái xác.

Cuộc điều tra về kẻ giết trẻ con cuối cùng cũng khép lại. Con *ghûl* là một thủ phạm lý tưởng. Một kẻ tâm thần ác quỷ. Hoàn hảo đối với dư luận đương thời. Và Francis Keoraz không bị vấy bẩn vì vụ tai tiếng. Hẳn không có gì phải lo ngại.

Bằng cách nào đó, cuốn nhật ký của Matheson lại ở trong tay Keoraz.

“Cô phải đi gặp ông ấy,” Marion tuyên bố.

Grégoire đi ra đường và ngược mắt nhìn lên gác chuông huyền ảo của nhà thờ tu viện.

Từ sân hiên phía Tây, Marion ngắm nhìn quang cảnh lộng lẫy của vùng đất được phủ tấm màn sao đêm. Sau lưng cô, từ những cánh cửa cao của nhà thờ tu viện để lọt ra giai điệu du dương của Vivaldi và bản *Bốn mùa*. Mùa đông *allegro non molto** bắt đầu.

Cô hít hơi rồi cố đẩy cửa thật nhẹ để vào sảnh chính. Chừng trăm người dự buổi hòa nhạc, ngồi trên các hàng ghế băng, vẻ chăm chú. Marion đi vòng qua bên dưới về phía cánh ngang phía Nam và cố gắng không gây chú ý. Ở đó cô thấy cánh cửa mà Grégoire đã miêu tả. Nó để ngỏ.

Marion đi qua cửa và bước lên một cầu thang xoắn ốc rất hẹp. Hai đầu cô chẳng mấy chốc đã thể hiện sự bất bình bằng cách trở nên nặng trĩu. Tiếng nhạc say lòng vang vọng tới tận cái giếng âm u này. Marion đến chiếu nghỉ đầu tiên, cô dừng lại một phút trước khi đi tiếp. Grégoire đã nói với cô là phải trèo tới lên cao.

Bậc thang cuối cùng dừng dưới chân một cánh cửa, Marion đẩy hé ra để bước sang phía bên kia. Gió chộp lấy cô ngay lập tức. Nó nhảy xổ vào cô hít người thô bạo hơn cả một con thú hoang. Nó bấu lấy quần áo cô, làm tóc tai cô rối bời, rồi đẩy cô ra không thương tiếc để tiếp tục uốn lượn quanh các đầu hồi, dưới tháp chuông, như một tay gác cổng vô hình rất khó ưa thừa lệnh Thượng đế. Marion làm quen với sự hiện diện cuộn xoáy đó.

Cô quan sát chi tiết xung quanh và nhận ra mình đang lạc giữa một rừng các nóc đèn, vòm chõng và gác chuông nhỏ trời ra khỏi mái nhà để khi thì hòa quyện vào nhau, khi thì tung tóe ra cạnh nhau tạo thành một bó khoáng vật hùng hực. Những ngọn đèn chiếu công suất lớn chĩa vào các bức tường

được trau chuốt nhất, phóng ra những lớp màn vàng giữa ô kính cao màu đen và những khuôn miệng sứt mẻ của các ống máng.

Một cây cầu bằng đá hoa cương chạm trổ vươn ra giữa khoảng không để nối với cái tháp nhỏ nơi Marion đang đứng trên mái điện thờ. Các bậc thang dốc đứng trải trên cầu như một cây đàn phong cầm. Marion vừa mạo hiểm đi ra đó vừa dùng hết sức bám vào thành lan can. Thành lan can được chạm trổ nhiều đến mức toàn bộ cấu trúc của nó trở nên khá yếu, cô đoán vậy. Bị xô đẩy bởi hơi thở mạnh mẽ của thiên nhiên, cô lão đảo thấy rõ trước khi tập trung nhìn vào đôi chân để thoát cơn chóng mặt. Cô đi lên cao một chút nữa rồi dừng lại trước hai bậc cuối cùng dẫn lên đỉnh.

Một bóng người sừng sững đứng chờ cô.

“Cầu thang diềm ren, chúng ta gọi nó như vậy,” Georges Keoraz nói thay lời chào.

Ông chìa tay cho cô.

“Cô cho phép chứ?”

Cô không biết nên làm gì, cuối cùng đành chìa tay lại. Ông cầm lấy rồi giúp cô leo lên.

“Tôi thích đến chỗ cao thế này, thật tuyệt cho các giác quan, và giúp khơi gợi tư duy. Tôi không biết cô sẽ đọc xong cuốn nhật ký đó vào tối nay hay ngày mai, vì không chắc nên tôi lên đây suy ngẫm.”

Ông buộc phải hét lên để cô có thể nghe được qua tiếng gió thổi đang vây quanh họ. Vẫn không rời tay cô, ông kéo Marion đi dọc một lan can không an toàn lắm vì chiều cao của nó, cho đến tận sườn phía Bắc nơi gió ít quấy rầy họ hơn.

Ở đây vịnh không có biên giới. Những ngôi sao phản chiếu xuống mặt biển lặng, tạo ra một khung cảnh không có đường chân trời. Đỉnh bồng bênh giữa vũ trụ.

“Tôi phải thú thực với cô rằng cô là một kẻ nói dối tồi,” ông nói. “Thứ Năm vừa rồi, khi chúng ta gặp nhau, cô đã hỏi tôi xem có người Anh nào sống trên Đỉnh không, lấy lý do là trên phố người ta kể cho cô. Điều đó thật

buồn cười, nhưng cũng thú vị. Hơn nữa, lúc ấy, tôi cho rằng cô đã nhầm lẫn về tôi.”

“Lôi kéo Grégoire vào cuộc tìm kiếm cá nhân của ông không phải là một ý tưởng lành mạnh,” Marion tấn công.

Georges trả lời trước tiên bằng một cái nhếch mép.

“Ngược lại. Ngược lại...”

Rồi ông giải thích thêm: “Điều đó khiến cậu bé cảm thấy quan trọng. Chia sẻ bí mật, trò chuyện với một người lớn tuổi, cậu ta sẽ học được rất nhiều điều. Đó là một anh chàng ranh ma đấy. Và cậu ta hẳn sẽ giận nếu không được tôi lôi vào chuyện này. Tôi chỉ lấy làm tiếc về cuộc va chạm hôm nay giữa hai người. Điều đó đáng lẽ không được xảy ra. Cậu ta chỉ được lấy lại cuốn nhật ký từ tay cô khi biết chắc có thể hành động mà cô không nhận ra. Nhưng sau đó cậu ta đã hoảng sợ.”

Ông chấp hai tay ra sau lưng.

“Không ai bị thương, đó mới là điều quan trọng,” ông kết luận.

“Cậu ấy nói cho tôi biết ông là ai. Tôi thú thật là lúc đầu tôi cứ nghĩ ông chính là Jeremy.”

“Matheson ư?” Ông bất bình. “Tôi có vẻ già đến thế ư? Cô đừng nhầm nhé!”

“Ông từng tham gia dòng tu. Tại sao lại giấu tôi điều đó?”

Joe ném cho cô cái nhìn thích thú.

“Cô có hỏi gì đâu. Dù sao thì sớm muộn cô cũng sẽ biết. Không có gì quan trọng cả.”

Những cái đèn chiếu thu hút một đám mây côn trùng, rồi chính đám mây côn trùng lại khiến lũ dơi bay lượn thềm thường.

“Tại sao lại có câu đố ngay tối đầu tiên?” Marion hỏi.

“À, điều đó... Vì tôi thích chơi đùa. Để chạy trốn sự nhàm chán. Tôi biết, cũng như mọi người ở đây, rằng dòng tu sẽ đón một người đi ở ẩn mùa đông. Tôi muốn đánh dấu sự kiện này, chào mừng cô bằng cách hơi... độc đáo một chút. Tính tôi vốn hay đùa, đó là tất cả những gì còn lại trong tôi,

cứ nhìn thẳng vào sự thật mà nói vậy. Và tin tôi đi, trong trò chơi đó, tôi có thể tỏ ra đáng gờm, với sự thích thú quý quái, tôi phải thừa nhận vậy. Lẽ ra tôi phải đùa giỡn cô đến khi già néo đứt dây, đó là lỗi của tôi. Thích thú với các mưu mô, luôn đi quá xa. Tôi còn có ý định liên lạc với cô theo cách đó thêm một thời gian nữa.”

“Cho đến khi tôi tìm thấy cuốn nhật ký...”

“Phải, điều đó thì trái lại... Tôi phải thú nhận là điều đó có hơi làm tôi xáo trộn. Chính Grégoire đã nói với tôi. Tối hôm tìm thấy cuốn sách cô có qua nhà cô bạn Béatrice, cô đã cho cô ấy xem, kể cho cô ấy nghe. Lúc đó con trai cô ấy ở bên cạnh. Mọi việc bắt đầu như thế đấy. Chuyện này đáng lẽ không được xảy ra. Nếu có thể, tôi sẽ lấy hết câu chuyện này ra khỏi tâm trí cô.”

“Đáng lẽ ông không nên để cuốn sách trong tầm tay tất cả mọi người như thế.”

“Tầng áp mái của kho sách cũ ở Avranches không mở cho công chúng, và ít khả năng có người đến tìm một quyển sách tiếng Anh ở đó... Cuốn nhật ký này là một câu chuyện cá nhân. Đó là sự riêng tư của gia đình tôi, của chính tôi. Đáng lẽ cô không nên đọc. Đổi lại, tôi tự cho phép mình vào nhà cô khi cô vắng mặt, để lục tìm và lấy lại nó, tiếc thay cô lại luôn mang nó bên mình.”

Tranh thủ dòng tâm tình của ông cụ, Marion thả tự do cho tính tò mò của mình: “Tại sao cuốn nhật ký lại ở Avranches?”

Georges bĩu môi: “Vì hèn nhát, tôi cho là vậy. Chừng sáu chục năm trước, khi đến đây, tôi không muốn cuốn nhật ký này trong phòng mình, lỡ có người bắt gặp. Tôi đã giấu nó giữa những cuốn sách khác của thư viện ở ngay tu viện này, cùng các sách tiếng Anh. Rồi kho sách đó nhanh chóng chuyển về Avranches. Tôi đã thu xếp để cuốn sách của mình chắc chắn nằm lẫn trong số đó, trên tầng áp mái. Và tôi đã để nó lại đó. Không thể hủy bỏ nó, cũng không đủ can đảm để mang nó theo.”

Marion thè lưỡi liếm môi, cô hơi căng thẳng.

“Tôi không hiểu tại sao ông lại giữ nó. Nó là một bằng chứng nguy hiểm đối với ký ức về cha ông.”

Georges chiêm ngưỡng khoảng mênh mông bình lặng trải rộng dưới chân Đỉnh.

“Cô đã tìm ra tôi bằng những suy luận khôn khéo,” ông nói. “Tuy nhiên có một sai lầm trong logic của cô. Và là một sai lầm khủng khiếp, chính tôi thậm chí cũng ngạc nhiên khi cô phạm phải.”

Ông quay người đối diện cô.

“Cha tôi không phải là thủ phạm của bất kỳ tội ác nào cả. Không phải ông ấy.”

Một con dơi bay sượt qua tóc Marion.

“Thế là thế nào?” Cô hỏi mà không để ý đến con vật có vú nhỏ bé.

“Marion... Đêm đầu tiên, cô đã làm tôi ngạc nhiên khi chơi trò chơi vì đã nhanh chóng đoán ra hình vuông Polybe* của tôi. Tôi từng nghĩ rằng sự thật sẽ không qua được mắt cô khi cô đọc cuốn nhật ký. Hãy nghĩ đi. Có nhiều dấu vết quan trọng trong những gì cô đọc. Ai là thủ phạm thực sự?”

Marion không hề có ý tưởng gì. Mọi thứ trong cuốn nhật ký có vẻ quá rõ ràng, tại sao lại nghĩ đến việc nghi ngờ? Georges đang tìm cách đánh lạc hướng chú ý để cứu vãn ký ức về người cha của ông chẳng? Marion không thể tin điều đó, điều đó quá trẻ con đối với người đối thoại của cô; cô đánh giá ông quá cao nên không thể nghĩ vậy.

“Tôi không biết,” cô thú nhận. “Francis Keoraz, dù ông muốn hay không, hiển nhiên là thủ phạm.”

“Đó là những gì được nói ra. Tôi hỏi cô những điểm tinh tế hơn, tuy nhiên vẫn phải chặt chẽ. Cha tôi ư? Không, điều đó không có ý nghĩa gì cả. Trừ với thói ghen tuông bệnh hoạn của Jeremy Matheson. Nào, hãy cố thử đi.”

Marion không nắm được ý ông muốn nói. Không thể có một thủ phạm khác, cuộc điều tra được tiến hành rất khéo léo, mọi sự đều được giải thích hợp lý. Chỉ có thể là Francis Keoraz.

“Hãy quên những gì viết về cha tôi, được không? Và bây giờ, nếu phải buộc tội một trong số các nhân vật được miêu tả trong cuốn nhật ký, thì ai sẽ là người bị cô nghi ngờ nhiều nhất?”

Marion thở dài.

Cơn gió, dù yếu hơn ở phía sườn Bắc, vẫn hú lên điên dại qua các vòng cung của tháp chuông. Đột nhiên nó im bật. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi những cơn gió rời bỏ Đỉnh, Marion nghe tiếng đàn sầu muộn vang lên từ phía trong nhà thờ.

“Jezabel.”

Cô nói không suy nghĩ, chỉ bởi vì ông khăng khăng muốn có một cái tên. Georges có vẻ bực bội.

“Không, tất nhiên là không. Không bao giờ bà ấy có thể làm một việc như vậy... Cô tìm kỹ hơn đi.”

Chán trò chơi, Marion chọn hú họa một cái tên khác trong cuốn nhật ký.

“Ông thầy thuốc... bác sĩ Cork?”

Georges khẽ phì ra để thể hiện sự thất vọng rồi khoanh tay trước ngực.

“Không. Tuy vậy cô luôn thấy hấn trong suốt cả cuốn nhật ký,” ông nói thêm.

“Azim ư? Không, anh ta chết giữa chừng cuộc điều tra...”

Cô tìm một câu trả lời giữa các vì sao. Rồi cô đột ngột nhìn chăm chăm vào hai bàn tay. Cô do dự.

Georges nghiêng người về phía cô.

“Có ý gì không?” Ông thì thầm sát mặt cô.

“Tôi... Tôi không nghĩ là có thể như thế...”

Trước đám đèn chiếu nóng bỏng, lũ côn trùng bay đến thiêu thân nhiều đến mức chúng phả ra một mùi như mùi khét.

“Nhưng...,” Ông giục cô tiếp tục.

“... Jeremy?”

“Sao cô lại nói vậy?”

“Tôi không biết.”

Ông đứng thẳng người lên.

“Tôi sẽ nói cho cô biết: bởi vì đôi khi hấn làm cô sợ. Hấn làm cô tò mò, cái tên *thợ săn da trắng* cao lớn đó.”

Ông nhấn thật rõ ở cụm từ *thợ săn da trắng*.

“Và tôi sẽ nói cho cô biết,” ông tiếp tục. “Cô hoàn toàn có lý.”

Marion ngửa một bàn tay trước mặt, tỏ ý không hiểu.

“Ông nói linh tinh! Jeremy là tác giả cuốn nhật ký. Chính ông ta đã tiến hành toàn bộ cuộc điều tra, ông ta không liên quan gì đến các vụ giết người đó, mà là...”

“Jeremy Matheson,” ông vừa nói vừa nhấn mạnh từng âm tiết, ánh nhìn tan loãng vào vô cùng. “Hắn đã lừa tất cả chúng ta.”

Marion cầm cuốn nhật ký cô mang theo trong túi áo khoác. Bìa cuốn sách kêu xào xạo dưới các đốt ngón tay cô.

“Hắn lừa tất cả chúng ta,” Georges tiếc nuối. “Và cuốn nhật ký này là thành công lớn nhất của hắn.”

“Không,” Marion phản đối. “ông ta đã điều tra các vụ giết người, ông ta đã...”

“Hắn tự tìm cách có cuộc điều tra đó. Để đảm bảo không ai lần ra dấu vết hắn được. Dù có thể sẽ làm cô ngạc nhiên, nhưng tôi khẳng định rằng tất cả những gì ghi trong cuốn nhật ký này là có thật, các sự việc và cảm xúc. Jeremy chỉ thay đổi vài sự kiện, và bỏ qua một số sự kiện khác. Như ta có thể cảm thấy ngạc nhiên khi đọc, hắn hết sức quan tâm đến vụ việc này. Và hắn làm thế là có lý do...”

“Ông đang nói gì vậy?”

“Sau khi đọc xong các ghi chép của hắn, ta trở nên gần gũi với hắn hơn, ta gần như có thể nói ta hiểu hắn một chút. Hắn có cho cô cảm giác hắn là một người đầy lòng nhân ái, nhất là đối với dân bản địa không? Và hào phóng? Có phải bản chất hắn là vậy không? Cô nghĩ thế nào?”

Marion lặng người, nhìn Georges chăm chăm, tìm kiếm xem ông muốn chứng tỏ điều gì.

“Tôi thì tôi cho là không,” ông tiếp tục. “Điều đó hình như không nằm sẵn trong bản chất của hắn. Ấy vậy mà, ngay lần đầu tiên đến thăm nhuộm màu thủ đoạn, hắn đã đưa tiền cho tất cả các gia đình có con bị giết, những

gia đình hẳn đi gặp cùng Azim. Đó là một hành động thú vị vì lòng tốt và tình thương. Tuy nhiên, điều đó không giống với người thợ săn trong hẳn. Liệu có không trong hành động đó một cách để trả nợ, để xin lỗi về các vụ giết trẻ con?”

“Joe... Ông...”

Ông giờ ngón trở buộc cô im lặng.

“Cô vui lòng đợi đến khi tôi trình bày hết. Cô hãy nhớ đến ngày hẳn và Azim ở bên cạnh xác của đứa bé bị giết, Jeremy tự kiềm chế rất khó khăn, hẳn không có vẻ đang ở trạng thái bình thường. Không phải bản thân sự dã man khiến hẳn khó chịu, mà thật ra hẳn đang bị cơn kích thích bệnh hoạn ngự trị, kích thích vì nhớ lại những gì mình đã làm. Cũng như vậy, vài phút sau đó, hẳn buộc phải xua đuổi khỏi tâm trí những ‘hình ảnh điên rồ’ không hề liên quan gì đến lòng trắc ẩn tưởng tượng hay một khả năng đồng cảm khó hiểu, mà chỉ đơn giản là những ký ức đang tràn về, những việc tàn bạo hẳn đã làm.”

Georges lấy hơi một chút rồi tiếp tục:

“Và khi Azim đến thông báo với hẳn rằng tất cả những đứa trẻ bị giết đều thuộc cùng một quỹ, cô có nhớ hẳn đã tự thú là cảm thấy khó ở, mặt mũi tái mét không? Có thể tưởng đó là vì hẳn cảm thấy bị tên giết trẻ con nhắm vào, do bản thân hẳn cũng hay lui tới cái quỹ ấy, nhưng thực ra lại là vì hẳn hiểu rằng cuộc điều tra vừa bước một bước khổng lồ về phía hẳn.”

“Điều đó không có nghĩa gì cả! Nếu vậy tại sao hẳn lại thú nhận là cảm thấy khó ở?”

“Chính đó mới là điểm mạnh của Matheson. Hẳn càng giấu giếm được bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Hẳn không mạo hiểm gì hết. Nếu bản thân Azim cũng viết một cuốn nhật ký hoặc kể với ai đó về câu chuyện giữa hai người họ, kể ra sự khó ở của Jeremy, thì có lẽ Matheson sẽ bị phiền phức.”

Marion phản công:

“Không, chuyện này không hợp lý. Ngay từ đầu Jeremy đã tỏ ra có tài trong việc điều tra, ông ta phát hiện ra nhiều chi tiết trên hiện trường, cùng các suy luận chính xác, nếu là thủ phạm thì ông ta phải im lặng chứ!”

“Matheson thì không. Ngược lại, hắn củng cố uy quyền của hắn với Azim. Trong khi viên thám tử Ai Cập không tìm ra gì suốt nhiều tuần lễ, thì hắn làm mọi việc tiến triển nhanh gấp mười lần. Điều này cho phép hắn dễ dàng nắm vị trí chỉ huy trong bộ đôi đó. Và tất cả những gì hắn nói đều không làm hại hắn trong bất kỳ tình huống nào. Bởi hắn biết mình sẽ chụp mũ cho đối thủ lớn nhất là cha tôi. Hắn sẽ thu thập các bằng chứng buộc tội Francis Keoraz, làm lệch hướng cuộc điều tra về phía ông ấy, dù có phải tạo bằng chứng giả.”

Ông già ngấm nghĩa tháp chuông.

“Có điều còn kỳ lạ hơn nữa,” ông thông báo. “Cô có nhớ khi hắn nói chuyện với Azim về vụ giết người đầu tiên, vụ giết kẻ vô gia cư tại khu phố Shubra không? Hắn giải thích là đã hỏi tất cả mọi người, tìm kiếm các nhân chứng có thể, và hắn cũng đã nói rằng đó là một ngày không có nhiều người trực, rằng hắn đã phải làm mọi việc một mình. Tuy nhiên, trong cuốn nhật ký nhiều lần hắn thú nhận hắn không nói tiếng Ả Rập. Vậy thì hắn làm thế nào? Liệu tôi có cần phải nhắc cô nhớ rằng, như chính hắn đã khẳng định, đó là một khu cực kỳ nghèo, và người dân dĩ nhiên không nói được tiếng Anh?”

“Có thể ông ta đã quên nói rõ việc mình có thuê drogman đi theo...,” Marion lúng búng, chột kém hùng hồn hơn.

Georges nhún vai.

“Jeremy Matheson,” ông tiếp tục, “hắn không phải là nạn nhân của một kẻ giết trẻ con đôi bại và hắn thù ghét bản thân đủ mạnh để có thể sắp xếp mọi việc sao cho các tội ác đều ít nhiều có liên hệ với mình, đó là một ý tưởng nực cười. Matheson có quan hệ tới từng chi tiết của cuộc điều tra vì chính hắn là kẻ giết người! Này nhé: hắn từng theo Jezabel đến quỹ để làm bà ấy vui lòng, chính ở đó hắn gặp lũ trẻ, những mục tiêu tiềm năng. Chính hắn là người điều tra về vụ giết người đầu tiên ở Shubra, hắn đã nhanh chóng tìm ra thủ phạm, một tên khổng lồ da đen bị bệnh cam tẩu mã - đó rất có thể là tên của căn bệnh đã biến tên này thành... con *ghûl* - không phải để bắt tên này, mà là để bắt tên này tuân theo ý muốn của hắn. Hắn

biết một nhà khảo cổ và thường xuyên tán gẫu với ông ta như hãn đã thú nhận, ông ta hãn đã trót nói cho hãn biết về phát hiện mới nhất của mình, thậm chí có thể còn dẫn hãn đến đó trước khi bị hãn giết chết. Vậy là Matheson có một chỗ cất giấu con ‘quái vật tay sai’, kẻ hãn sẽ ra lệnh lặp lại trên đám trẻ hãn mang về những gì tên đó đã làm với người vô gia cư, đổi lại là một mái nhà và thức ăn dạng lỏng. Tiếp đó hãn đến tìm những đứa trẻ tại quỹ mà hãn có nhiều thông tin nhất nhờ những hồ sơ hãn đọc khi phá cửa vào phòng lưu trữ. Có được những thông tin quý báu đó, hãn thao túng đám trẻ khi chúng ra khỏi quỹ, xa những người có thể làm nhân chứng, hứa cho chúng tiền, những kiến thức kỳ diệu - về các truyền thuyết - hoặc bất kỳ thứ gì hấp dẫn một đứa trẻ của những khu phố đó. Đừng quên rằng bọn trẻ con biết hãn, hãn từng đọc sách cho chúng nghe tại quỹ! Hãn cho chúng một cuộc hẹn bí mật, vào ban đêm nếu được, nếu chúng có thể ra khỏi nhà mà không bị phát hiện. Ta đã biết chuyện gì xảy ra sau đó.”

Cơn gió, vốn tỏ ra ngập ngừng phía sườn Bắc, chợt nổi lên, thốc vào Georges Keoraz, quất vào má ông.

“Thật ra, hãn nói được tiếng Ả Rập, tôi chắc chắn là như thế,” ông hét lên để cô nghe được. “Hãn ở Cairo đã chín năm, khó mà làm thám tử gần một thập kỷ trong một thành phố như Cairo mà không học được một ít ngôn ngữ tối thiểu. Vấn đề logic thôi. Và hãn đã đọc *Nghìn lẻ một đêm* như phần cuối có nói đến, khi Jezabel đến nhà hãn và nhìn thấy quyển sách. Hãn trả lời rằng đồng nghiệp Azim của hãn nghĩ tên giết người đã sử dụng quyển sách, vì không đủ can đảm thừa nhận mình vừa mua và đọc hết trong vòng chỉ vài ngày. Tôi thì nghĩ hãn đã có quyển sách từ lâu. Qua sách vở và ‘ông bạn’ khảo cổ, hãn có đủ thông tin để lôi ra từ lịch sử hình thức tra tấn đối với Azim, không kể đến việc hãn thường xuyên lui tới các quán *qahwa* nơi người ta nói tiếng Ả Rập và những người kể chuyện rong thay nhau kể lại những truyền thuyết cổ xưa. Jeremy chìm trong nền văn hóa huyền thoại đó, và khi nhìn thấy tên đen khổng lồ dị dạng, hãn nhớ đến các truyền thuyết về con *ghûl*. Phải chăng chính lúc đó toàn bộ kịch bản đã nảy sinh trong hãn? Phải chăng hãn nhớ lại chuyện Francis Keoraz đã quyến rũ

Jezabel bằng cách kể cho bà nghe *Nghìn lẻ một đêm*, và quyết định thả tự do cho các ham muốn rồ dại, nguy trang chúng để buộc tội đối thủ lớn kia vào một lúc nào đó? Hoặc cũng có thể sau khi nghe những câu chuyện ngồi lê đôi mách đáng ngại, hẳn đã dàn dựng mọi thứ? Rồi quy cho cha tôi những chuyện điên rồ đó với lý do cha tôi say mê lịch sử?”

Marion nắm lấy cổ tay ông.

“Hãy nói cho tôi biết, Joe, ông mổ xẻ toàn bộ cuốn nhật ký như vậy, trong vòng bảy mươi năm ư?”

Ông nhìn cô và lộ vẻ buồn rầu.

“Tôi không cần đọc kỹ đến thế, tôi biết điều tôi tìm.”

“Nhưng tại sao ông lại chắc chắn về việc làm của mình?”

Ông trả lời cô, với một chút hoài nghi:

“Cô quên rồi ư? Tôi là Georges Keoraz. Tôi là đứa trẻ bị bắt cóc... Và theo cô, ai là người lên tàu điện hôm đó, để đưa tôi đi?”

Georges đưa bàn tay rộng xoa cằm và môi.

“Chính là hăn, Marion ạ. Chính vì thế mà tôi chắc chắn. Tôi không gọi ý cho cô. Tôi khẳng định. Jeremy Matheson đã lên tàu điện. Tối hôm trước, cha tôi đã giới thiệu hăn với tôi, và hăn là cảnh sát, điều đó đủ để tôi chấp nhận xuống tàu điện với hăn khi hăn nói rằng cha tôi phái hăn đến tìm tôi và dẫn tôi đến một nơi không phải nơi dự kiến.”

Họng Marion nghẹn lại khi cô thấy nước mắt trong mắt ông già.

“Hăn đã bỏ tôi vào tay sinh vật của hăn, để nó cảm thấy bớt cô độc, để nó có thể... chơi. Và hăn chỉ quay lại vào buổi tối, trong một lát, để hành hạ tôi. Hơn nữa, trong cuốn nhật ký, hăn không nói rõ thời gian biểu của hăn ngày hôm đó. Nếu đọc kỹ, cô sẽ nhận ra là hăn kể rằng buổi sáng hăn điều tra về sự biến mất của Azim, hăn về nhà rồi đi tắm vào đầu buổi chiều. Tiếp đó hăn kể lại phần cuối ngày ở phòng làm việc và việc tìm ra xác người đồng nghiệp. Những gì hăn làm giữa lúc đi tắm và đến phòng làm việc, vài giờ sau đó, thì không có bất kỳ dấu vết gì. Là vì thế này. Hăn còn bận đi theo tôi khi tôi lên tàu điện và lôi tôi vào chỗ ẩn náu như nhớp đó. Tối hôm trước hăn có nghe cha tôi nói về giờ học piano, về tàu điện...”

Ông im lặng không nói gì thêm trong một phút, dưới những vì sao. Marion không biết ông đang cố gắng kìm nén nỗi xúc động hay đang tìm điều gì đó để nói thêm.

“Tối đó, hăn viết rằng hăn nói chuyện với Humphreys vào đầu buổi tối,” cuộc nói chuyện chỉ kéo dài mười lăm phút. “tiếp theo là với bác sĩ Cork vào gần nửa đêm. Giữa hai cuộc nói chuyện đó, ta không biết gì cả.”

Đầu ông già quay trên vai như đầu một con cú, để rình phản ứng của Marion.

“Hắn ở cùng tôi vào quãng thời gian đó.”

Marion siết cuốn sách cho đến khi lớp bìa da ép chặt vào da cô.

“Nhiều giờ trôi qua, và sự đối xử khủng khiếp tôi phải chịu đựng khiến tôi càng ngày càng xa rời thực tế. Ngày hôm sau tôi hoàn toàn bất tỉnh. Rồi chỉ thức dậy khi tiếp xúc với nước trong cái thùng đổ ra. Trời tối đen như mực, tôi toát mồ hôi lạnh, sốt và đau đớn không thể chịu nổi. Tôi nằm im không động đậy một lúc lâu. Họng tôi thất lại, tôi thở rất khó khăn. Rồi, mò mẫm, tôi tìm thấy diêm, và một cây nến. Có xác con quái vật. Tôi không biết điều gì thực sự đã xảy ra giữa ‘hai người’ đó, tôi nghĩ Jeremy đến để chắc chắn rằng tôi đã chết, như hắn vẫn chờ đợi từ con *ghûl* của hắn. Và hắn đã giết tên nô lệ để tên này không thể phản bội hắn bằng bất cứ cách nào. Có một cuốn sổ trên bàn. Tôi mở cuốn sổ, tôi thấy đó là lời của hắn. Tôi không biết điều gì đã xảy ra với tôi, tôi đã lấy cắp nó. Tôi giấu nó trong mớ quần áo rách của mình rồi không lâu sau thì cảnh sát đến.”

Một tràng vỗ tay vang lên dưới chân họ. Buổi hòa nhạc đã kết thúc.

“Tôi không mở miệng suốt năm tuần sau đó. Tôi cũng không nói gì về cuốn sổ, tôi giữ nó như một chiến lợi phẩm, một cách bí mật. Và tôi đã đọc nó. Thỉnh thoảng đọc một trang, khi chỉ có một mình. Khi đọc xong thì tôi nói được. Tôi đi tìm cha tôi, tôi hỏi ông có thực sự là kẻ giết người không. Vậy là hai chúng tôi đã có một cuộc nói chuyện dài, tôi chỉ biết được kết cục của cuộc nói chuyện đó mười năm sau, khi ông từ giã chúng tôi. Jezabel đã thú nhận những gì xảy ra đêm hôm đó, giữa họ và Jeremy. Bởi vì đúng là hắn đã đến tận khu biệt thự. Hắn trèo qua hàng rào vào nhà, chĩa súng vào cha tôi. Hắn hành hạ ông để buộc ông thú nhận đã giết những đứa trẻ. Hắn vừa gào thét vừa cầm trong tay một hộp thuốc lá, nói rằng đó là bằng chứng tìm thấy trong hang ổ của con quái vật. Một bằng chứng hắn có thể mua được ở Groppi’s vì cha tôi đã nói đến cửa hiệu này trong buổi tối họ ăn cùng nhau. Hắn trở nên điên loạn, đánh cha tôi, đánh mãi, đánh mãi. Hắn muốn bắt ông thú tội trước Jezabel bằng mọi giá. Để bà hiểu ra. Cuối

cùng Jezabel lấy khẩu súng lục chúng tôi vẫn cất giữ trong trường hợp cần phòng vệ, và bắn tên thám tử.”

Marion không rời mắt khỏi ông nữa. Georges Keoraz kể câu chuyện của mình một cách rất khó nhọc, giọng ông không tự tin như lúc thường nữa và hai tay ông run rẩy.

“Jeremy Matheson chết ngay lập tức, một viên đạn xuyên giữa sọ. Jezabel và cha tôi không biết phải làm gì. Họ hoảng sợ. Họ vừa giết một cảnh sát. Hơn nữa còn là tay cảnh sát đang buộc tội cha tôi, đó có thể là động cơ giết người dưới mắt một viên quan tòa đần độn. Vậy là họ lèn đây đồ vào người hấn và đẩy hấn xuống một bể thủy ngân trong vườn, trong lúc chờ tìm ra giải pháp tốt hơn. Cả một đội sĩ quan cảnh sát đã đổ tới nhà sau đó một lúc, không phải để bắt họ, mà để đưa tôi về. Vài ngày sau, cha tôi chôn Matheson trong hoang mạc. Một cuộc điều tra được mở ra sau vụ mất tích của hấn nhưng không mang lại kết quả gì. Theo lời những người biết hấn rõ nhất, hấn trở nên ngày càng bốc đồng trong những tháng gần đây, đôi khi nóng nảy. Tính tình hấn thay đổi, con vật trong hấn nổi lên. Bản năng bắt đầu áp đảo người đi săn trong hấn. Về phần tôi, tôi nói mình không nhớ gì cả, tôi đã nói dối vì không biết phải nói gì nữa. Họ kết luận rằng kẻ giết trẻ con là tên da đen khổng lồ, và ai cũng hài lòng. Sau đó khá lâu tôi biết rằng Jezabel đã tìm kiếm cuốn nhật ký của Matheson mà không thấy, hấn từng kể với bà về cuốn nhật ký đó, và bà lo lắng muốn biết hấn đã thật sự viết những gì. Tôi chưa bao giờ đủ can đảm nói với bà rằng chính tôi là người giữ nó.”

Georges nuốt nước bọt liên tục rồi cất vấn Marion:

“Giờ thì cô còn nghi ngờ gì về danh tính của kẻ thực sự giết đám trẻ nữa không?”

Cô những muốn bày tỏ, tuy nhiên sức mạnh cần thiết để thốt ra lời bốc hơi ngay lập tức.

“Cô tự hỏi tại sao, có phải không?” Georges đoán. “Tại sao hấn lại làm tất cả những việc đó? Đó là một tâm hồn bị giày vò. Một sinh vật đã mất đi toàn bộ khái niệm về cảm xúc. Như Jezabel đã nói với hấn vào buổi tối

đáng nhớ nọ khi bà đến tìm hăn trong toa tàu. Bà không thể nắm bắt được hăn. Vì hăn không phải một con người giống như những người khác. Hăn không thật sự còn tính người nữa. Nói cách khác, hăn là kẻ mất thăng bằng trong đầu óc, nhưng là kẻ bệnh hoạn ý thức được sự bệnh hoạn của mình, và hăn đau khổ vì điều đó. Tôi nghĩ rằng sở dĩ Jezabel quan trọng với hăn nhường ấy, là bởi tính cách mạnh mẽ và khác người của bà đã khiến hăn cảm nhận được những tình cảm hăn không thể cảm nhận được lúc bình thường. Và những tội ác bỉ ổi đó, với tính chất cực đoan của chúng, mang lại cho hăn cảm xúc. Hăn chỉ là một cái vỏ rỗng, khóc than trên sự hư vô mà hăn chỉ có thể lấp đầy bằng những cảm xúc rối loạn, thái quá.”

Một bầy dơi hợp lại lướt qua hai bóng người trên đỉnh nhà thờ tu viện, ở độ cao hơn một trăm mét so với mực nước biển.

“Để nắm bắt được hăn, cần phải nói với cô rằng phần lớn những hoang tưởng trong hăn về tính cách đồi bại của cha tôi chỉ là một chuyển đổi của tính cách hăn. Những trang phân tích tâm lý của hăn không gì khác ngoài sự chuyển đổi những gì thuộc tính cách hăn vào kẻ gánh tội hăn tự tạo ra. Hăn khừ kẻ tình địch và cũng nhân dịp đó biện bạch cho chính mình. Tuy vậy, khi đọc cuốn nhật ký của hăn, ta thấy quá trình phạm tội mà hăn áp đặt lên tâm trí cha tôi có vẻ rất thô thiển; ngược lại, quá trình đó trở nên hợp lý hơn nhiều khi ta đặt nó lên chính Jeremy. Chỉ cần thay cơn say quyền lực mà hăn coi là điểm gãy,” điểm khởi đầu. “của cha tôi bằng những hậu quả khủng khiếp của chiến tranh đã biến hăn thành một sinh vật khinh thường thể xác, là ta có thể hiểu được hăn.”

Joe vỗ đống hai tay trước mặt ông.

“Xét cho cùng đó là một sinh vật bị đày đọa. Chiến tranh đã làm mất tính người trong đứa trẻ từng là hăn.”

Marion giật nảy mình. Chiến tranh. Những vụ hành hạ Jeremy từng thấy người lính tội nghiệp đó phải gánh chịu.

Georges chỉ cuốn nhật ký.

“Cô giở trang đầu tiên ra, và xé cái bìa đi. Cô giở ra đi, đừng sợ, hồi đó chính tôi đã làm bìa cho nó, để ngụy trang.”

Marion nghe lời và kéo lớp da ra. Nó vừa rách vừa kêu rẹt rẹt.

“Được rồi,” Georges ra lệnh.

Ông cúi xuống và đưa ngón tay lục tìm dưới lớp da rách.

“Đây rồi...”

Ông già lôi ra một bức ảnh cũ màu nâu xám.

“Đây, cô xem đi. Đây là Jeremy Matheson.”

Marion cầm lấy bức ảnh và khám phá các đường nét của tác giả với đôi chút e sợ. Ông ta có vẻ ngoài như ông ta tự tả, điển trai, tuy nhiên sắc mặt làm tối khuôn mặt. Thật ra, còn có thể nói đó là những đường nét gây lo ngại. Một tia sáng không thể nắm bắt lộ ra trên đôi mắt, vừa mơ hồ vừa bất ổn như trong các bức ảnh toàn ký, nét biểu cảm của khuôn mặt thay đổi khi ta thay đổi góc nhìn. Một cơn giận lạnh lòng, thường trực, Marion nhận định mà không lấy làm chắc chắn. *Hoặc là nỗi đau khổ còn sót lại, thứ đang gặm mòn ông ta.*

Một linh tính khác chợt nảy ra trong cô. Xáo trộn hơn. Ánh mắt đó là ánh mắt của một cơ thể không hồn đang trôi nổi trong sâu thẳm con người ông ta. Ánh mắt của tâm hồn ông ta. Trong mắt ông ta có một quầng sáng đáng sợ, quầng sáng của một lương tâm đã chết từ lâu, bỏ mặc cho thể xác trôi nổi. Ông ta ngụ trong xác của chính mình. Bên cạnh Jeremy là một phụ nữ tuyệt đẹp. Marion nhận ra bà không khó khăn gì. vẻ lịch lãm và dữ dội in đậm trên các đường nét của bà. Jezabel.

Bức ảnh được chụp trên một bãi biển. Jeremy mặc quần bơi, là một cái quần soóc dài, hợp với thời trang bấy giờ, lộ ra một bộ ngực vắn vện những vết phỏng rộp kéo dài.

Marion lật xem phía sau bức ảnh.

‘Alexandria, tháng Chín năm 1926.’

“Khi tôi tìm thấy nó, bức ảnh được dùng để đánh dấu trang trong cuốn sổ,” Georges bình luận. “Một sai lầm của Jeremy, phạm phải do tình cảm hãn dành cho Jezabel.”

Georges hé lộ ra khớp nối cuối cùng của cỗ máy điên loạn đã tạo nên Jeremy Matheson:

“Khi đã hơi say, hẳn tâm sự một chuyện với cha tôi và Jezabel vào buổi tối họ ăn tối cùng nhau. Cô chắc cũng đã đoán ra, hẳn nói dối cả về điều này. Hẳn đã không nhìn thấy người lính trẻ đó bị đánh đến què cụt và bị những tay hạ sĩ quan bỉ ổi cưỡng bức suốt một thời gian dài. Hẳn không nhìn thấy, mà đã trải qua. Hẳn là người lính trẻ đó.”

Marion lần ngón trỏ theo đường cong mảnh mai của những vết sẹo trên ngực viên thám tử. Bức ảnh run rẩy trong gió.

“Chính vì vậy mà tối đó Jezabel đã khóc,” Georges nhấn mạnh. “Bà đã hiểu ra. Khi hẳn kể về cảnh cắt xẻo bằng lưỡi lê, và về vết rạch dài ở ngực, bà đã nhớ ra vết sẹo khủng khiếp trên ngực hẳn. Bà đã cảm nhận được những đau đớn hẳn phải chịu đựng trong chiến tranh. Sau mỗi cuộc tàn sát, khi phải đi tấn công quân Đức, hẳn trở về, ngạc nhiên vì vẫn còn sống, người phủ đầy thịt nát của đồng đội, và lại đương đầu với một địa ngục khác, chờ đợi một đợt tấn công khác làm nổ tung da thịt hẳn.”

Marion chăm chú nhìn kỹ bức ảnh và người đàn ông đã chia sẻ cuộc đời ông ta, những gì cô từng nghĩ là cuộc điều tra của ông ta, những đau đớn của ông ta. Cô tưởng tượng hình ảnh ông ta dật dờ trên các con phố như nhớp của Shubra, để xua tên khổng lồ da đen ra, tiếp cận hẳn, nói vài lời bằng tiếng Ả Rập với hẳn. Rồi cô hình dung ra ông ta đang dẫn kẻ ‘thuộc hạ’ xuống các đường hầm, cho hẳn ở đó. Hứa hẹn cho hẳn thức ăn. Rồi kích động hẳn giải tỏa cơn cuồng nộ lên những đứa trẻ ông ta mang đến. Jeremy thường thức cảnh tượng. Ông ta cũng giết cả bạn mình, nhà khảo cổ đã cho ông ta biết về phát hiện của mình, một nơi ẩn náu lý tưởng. Ông ta đã tàn sát Azim vì anh sắp làm vỡ lở mọi việc. Chính ông ta đã phá khóa quỹ Keoraz để xem hồ sơ đám trẻ, biết làm thế nào để tiếp cận và cho chúng tiền một cách hiệu quả nhất. Marion nhắm mắt lại khi nghĩ rằng ông ta có thể đã cố tình chọn đứa trẻ bị bệnh máu không đông, để thỏa thích ngắm nhìn dòng máu không ngừng chảy.

Toàn bộ cuốn nhật ký liên kết lại trong cô, các nhân vật, ngày tháng, cái nóng, kiến trúc Cairo, cô sống lại trong một đoạn phim tua nhanh toàn bộ những gì cô đã hình dung ra trong lúc đọc.

Đột nhiên, hình ảnh chững lại trong im lặng.

Và một cảnh tượng mới thêm vào tất cả những cảnh tượng đã có. Cảnh tượng đó không nằm trong cuốn nhật ký, mà trong ký ức một ông già bị tổn thương.

* * *

Đó là một buổi chiều tháng Ba năm 1928.

Phố Maspero chật cứng người qua lại. Các quý bà người Pháp vừa làm duyên dưới những chiếc ô nhỏ vừa cười đùa, các bảo mẫu người Cairo đẩy xe nô đi dạo dưới bóng những cây cọ hợp thành một dải xanh giữa con phố và sông Nile oai vệ. Các quý ông đóng bộ vừa xô đẩy nhau vừa lịch sự xin lỗi trên vỉa hè, dưới chân các tòa nhà hiện đại, cao sáu tầng, hoàn toàn bằng đá và thép, trên đỉnh, các cửa kính để mở được che rèm tránh ánh mặt trời chói chang.

Những chiếc ô tô đời mới phì phò dưới lòng đường, thúc giục đám người dật lạc đà và xe la kéo nhường chỗ bằng những hồi còi lanh lảnh. Và giữa con phố đó, mọi người tránh lối cho đoàn tàu điện đang lại gần phát ra tiếng lách cách của sắt cũ và bắn ra những tia lửa trên bộ tóc bằng dây cáp.

Một phụ nữ nói giọng Ý cúi xuống một cậu bé đi dép xăng đan bằng da mang tất trắng, mặc quần soóc và áo sơ mi đầy vết kẹo hồ. Một người bán cam rong dừng lại chỗ họ để mời mua. Người phụ nữ đuổi ông ta đi bằng lời từ chối dứt khoát, thể hiện sự quen thuộc với những kiểu mời mọc thế này.

“Đừng quên tập gam nhé,” bà nhắc đứa bé. “Ngày nào cũng tập đấy.”

Đoàn tàu điện kêu rin rít dừng lại trước mặt họ.

Các cánh cửa mở ra và cậu bé vừa trèo lên vừa chào bà người Ý.

“Hẹn tuần sau,” bà ta kêu lên át tiếng cánh cửa đang đóng lại.

Đoàn tàu rùng mình rồi tăng tốc. Những tủ kính màu sắc rực rỡ nối tiếp nhau khi đoàn tàu điện đi qua các khu phố giàu có.

Tàu điện chật cứng, các chỗ ngồi đều đã có người và cậu bé do dự định đi về phía cuối, khoang dành cho phụ nữ vẫn còn ghế trống. Nhưng cậu không làm thế: ‘Không ai làm thế’, người ta luôn nói với cậu như vậy.

Cậu bé bấu vào tay vịn và chuẩn bị ngắm những chiếc ô tô đẹp đẽ thì nhận ra một khuôn mặt trong đám hành khách. Một người đàn ông khá cao lớn đang nhìn cậu chăm chăm, môi nở nụ cười, vẻ mặt ông ta dần ra biểu lộ niềm vui thực sự.

“Xin chào, Georges!” Ông ta nói.

Georges nhận ra ông ta, đó là vị khách ở nhà cậu tối qua. Một viên cảnh sát, cha cậu nói vậy.

“Cháu nhận ra ta chứ?”

Cậu bé gật đầu.

“Xin chào ông.”

Người đàn ông không nói to, chỉ vừa đủ để cậu bé nghe thấy.

“May quá gặp cháu ở đây,” ông ta trả lời. “Ta cứ sợ sẽ không gặp cháu. Ta phải chạy mới kịp tàu điện đấy, cháu biết không.”

Georges gật đầu vì lịch sự. Ánh mắt cậu lập tức bị tiếng gầm của một cái xe chạy qua thu hút.

“Cháu thích ô tô chứ?” Viên cảnh sát hỏi.

“Vâng, cháu thích lắm. Cha cháu có một cái Bentley. Ông có biết Bentley nghĩa là thế nào không, thưa ông? Đó là chiếc xe chạy rất nhanh, nhanh nhất!”

Quanh họ, hai người đàn ông đọc báo, vẻ nghiêm nghị, xa hơn một chút, một người đang vừa ngoáy mũi vừa nhìn khung cảnh bên ngoài.

“À phải rồi, ta biết xe Bentley là thế nào rồi. Thế cháu có muốn biết không? Xe của ta còn nhanh hơn cả Bentley đấy!”

Georges nhú mảy, như thế điều đó đối với cậu là không thể chấp nhận được.

“Thật mà, ta đảm bảo với cháu. Nào, nếu cháu muốn ta có thể dẫn cháu đi một vòng.”

Georges có vẻ mặt của một đứa trẻ hoài nghi nhưng lại bị thu hút.

“Được rồi, nhưng trước đó,” viên cảnh sát nói tiếp, “ta phải nói với cháu là chính cha cháu đã cử ta đến. Vì thế mà ta biết là cháu ở trên tàu điện này. Ông ấy bảo ta đến tìm cháu và dẫn cháu đến chỗ ông ấy, ở sân chơi polo. Cháu đã bao giờ xem một trận polo chưa?”

“Chưa ạ,” đứa bé nói ngay, đầy phấn khích.

“Vậy thì ta tin rằng chính vì thế mà cha cháu muốn làm cháu bất ngờ. Cháu phải đi theo ta, để ta dẫn cháu đến chỗ cha cháu.”

Georges đánh bạo rụt rè gật đầu. Cậu không hoàn toàn tin tưởng, nhưng cũng không dám không vâng lời một người lớn.

“Ta sẽ đến đó bằng xe của ông chứ?” Cậu hỏi.

Viên cảnh sát cười nhẹ.

“Ừ, cháu sẽ thấy nó. Và thậm chí còn được ngồi vào trong.”

Đứa bé có vẻ yên tâm.

Viên cảnh sát đứng dậy.

“Nào, ta xuống ở đây. Lại đây nào.”

Ông ta chìa tay ra cho Georges. Georges dúi tay mình vào tay ông ta và họ đi ra khỏi tàu điện dưới ánh nắng hầm hập.

“Nó ở đây ư, chiếc xe của ông ấy?” Đứa bé hỏi.

“Chúng ta đi về nhà ta trước đã, để lấy nó.”

Từ bên trong tàu điện, có thể nhìn thấy họ đi xa dần trong lúc cửa tàu đóng lại.

Giọng viên cảnh sát giờ bị át đi vì khoảng cách và các vật cản. Ông ta nói:

“Khi về đến nhà, ta sẽ giới thiệu cháu với một người bạn của ta. Cháu sẽ thấy, cháu và người bạn đó có thể chơi đùa với nhau.”

Rồi họ mất hút trong mênh mông Cairo và đám đông đang tỏa ra tứ phía.

* * *

Marion nghiêng rằng để bóp nghẹt cơn đau đang có nguy cơ dâng lên trong lòng. Cô dùng đầu ngón tay ve vuốt môi, như để làm quen với khuôn mặt này, tự tái tạo mình, sau khi lạc lối giữa từng ấy cuộc đời.

Cô nhìn thấy luồng sáng lướt qua của ngọn hải đăng ở đằng xa phía bên phải mình. Và tất cả những ngôi sao đó, nhân chứng câm lặng duy nhất của mọi bi kịch nhân loại từ thuở hồng hoang.

Bằng một cử động rất chậm, cô đặt lại bức ảnh vào trong cuốn nhật ký và giữ nó trước mặt trước khi đưa cho ông già.

“Nó thuộc về ông, tôi tin là vậy.”

Ông già cầm lấy cuốn sách và cất vào túi.

“Giờ thì cô biết hết rồi,” ông kết luận.

“Trừ lý do tại sao ông lại giữ cuốn nhật ký sau chừng đó thời gian,” cô nói, trong giọng nói thể hiện sự kính trọng tột bậc.

Ông già tặng cô một nụ cười mệt mỏi.

“Nó giúp tôi hiểu vụ việc đó. Về phần còn lại... Tôi từng là một đứa trẻ. Không phải lúc nào ta cũng biết điều gì khiến một đứa trẻ hành động. Giờ đây tôi là một ông già. Cũng gần giống nhau.”

“Thế thời gian giữa hai độ tuổi đó thì sao?” Cô nhẹ nhàng hỏi.

“Tôi đã tìm cách hiểu Jeremy Matheson.”

Marion nuốt nước bọt, cô không dám đặt câu hỏi đang lửng lơ trên môi. Georges hất cằm khuyến khích cô nói.

“Và... ông có làm được điều đó không? Ý tôi muốn nói là, vượt qua hận thù?”

Ông vỗ nhẹ cái túi đựng cuốn nhật ký.

“Có lúc tôi khóc vì sự tồn tại của nó.”

Marion kéo áo khoác để che gió.

“Vào lúc này, cô gái thân mến ạ, tôi muốn cô có thể tự nhủ rằng đó chỉ là một câu chuyện. Một câu chuyện dài và kỳ lạ, từ rất lâu rồi, và cùng với thời gian, nó chỉ còn là một kỷ niệm mơ hồ, và vì tôn trọng tôi, cuối cùng cô hãy quên nó đi. Nếu tôi là phù thủy, tôi sẽ lấy lại nó từ trong đầu cô.”

Ông đặt một bàn tay lên vai cô và chỉ về hướng cái cầu thang viền ren.

Khi cất bước, cô nghĩ rằng qua khóe mắt, cô đã thấy một hành động. Georges đang lau má.

PHẦN KẾT

Marion ôm chặt Béatrice rồi đi xuống Phố Lớn.

Hai người chào tạm biệt nhau.

Mới chỉ có hai ngày trôi qua sau những lời tâm sự của Georges Keoraz, và một chiếc sedan đang đợi cô ở chân Mont-Saint-Michel.

Cô ở đó có hai tuần.

Xơ Anne đến báo cho cô hôm qua, có người đến tìm cô. Cô quay về Paris. Marion cũng nhận được một cú điện thoại tối hôm đó. Có tin mới, một viên thẩm phán rất quan tâm đến vụ này, cô được triệu tập ngay lập tức. Còn phần sau đó... Họ không biết trả lời cô thế nào. Cô sẽ ở khách sạn vài ngày, rồi tính sau. Chưa có gì được giải quyết cả. Việc trôi dạt của cô sẽ còn kéo dài.

Cô rời nơi đây sớm hơn dự kiến, trong một hoàn cảnh đặc biệt, gần như chua chát.

Marion đến trước cửa nhà Georges lúc sáng sớm để đưa ông một bức thư. Bức thư mà cô đã dành cả buổi tối để soạn rồi cuối cùng chỉ viết: *‘Cảm ơn đã chia sẻ với tôi sự thật của ông. Marion.’*

Điều đó không nói lên được những gì chất chứa trong tim cô, tuy nhiên thế vẫn hơn là không viết gì, cô nghĩ vậy.

Đến tận hôm nay, cô vẫn luôn tự vấn với cảm giác nghi ngờ tội lỗi. Cô không thể kìm nén nỗi đau đớn sâu sắc mỗi khi nghĩ đến Georges Keoraz và câu chuyện của ông. Ấy vậy nhưng, vẫn còn một phần của chính cô tiếp tục gắn bó với Jeremy. Với những gì ông ta đã giúp cô cảm nhận được. Liệu ông ta có thể là con quái vật mà Joe đã miêu tả không? Đôi lúc,

Marion tự hỏi không biết ông già có đào xới từng lỗ hổng trong cuốn nhật ký của viên thám tử để tìm ra một cách giải thích khác, để biến cha mình thành người vô tội? Một quá trình đã bắt đầu từ rất lâu, từ khi ông còn là một đứa trẻ. Xóa bỏ sự hiện diện của cha ông trong tàu điện để thay vào đó hình ảnh của Jeremy. Về phần mình, viên thám tử người Anh cũng không hẳn là đã phạm sai lầm trong cuốn nhật ký, chỉ bỏ qua vài đoạn do vụng về hoặc mắc vài lỗi do mệt mỏi mà thôi.

Vừa nghĩ đến khả năng này Marion đã vội gạt đi ngay, tự trách mình dám nghi ngờ lời nói và những nỗi đau của ông già.

Marion tới quảng hường phía dưới làng. Xơ Anne và thầy Serge đã đợi sẵn ở đó. Họ chào nhau rồi bà xơ đưa cho cô một túi đựng các đặc sản của vùng.

Marion ngồi lên ghế sau xe, va li của cô được xếp trong cốp. Họ đang chuẩn bị nổ máy thì cô thấy Grégoire hiện ra từ cổng thành và chạy vội về phía cô.

“Đợi đã,” Marion hét lên với người lái xe.

Grégoire đứng lại trước cửa kính xe hạ xuống.

“Mẹ cháu gửi cho cô cái này,” cậu vừa nói vừa thở hổn hển.

Marion nhận túi quà được làm ngẫu hứng bằng một tờ giấy cũ dùng rồi và mở ra. Đó là một quyển sách quăn góc và nhàu nát.

“*Làm thế nào để trở nên cởi mở và kết bạn,*,” cô đọc to.

Trong đó có gài một tờ giấy nhắn.

‘Thôi, chẳng tìm thấy gì hơn, đây là một món quà nhỏ của chị. Cho cuộc sống mới của em, nơi em sẽ đến. Cố lên nhé, em của chị. Chị sẽ nghĩ đến em và sẽ để ý báo chí trong lúc chờ em quay lại cửa hàng gặp chị, một ngày nào đó. Béa.’

Marion nở nụ cười đầy xúc động.

“Cháu cảm ơn mẹ hộ cô nhé.”

“Chưa hết đâu ạ,” Grégoire ngắt lời cô. “Cháu... cháu phải nói với cô một điều. Chuyện đó... theo một cách nào đó, thì là chuyện quan trọng.”

Marion phác một cử chỉ ra hiệu bảo cậu nói tiếp.

“Cuốn nhật ký mà cô đọc ấy.”

Marion thoáng nhìn những người đàn ông ngồi phía trước xe.

“Ừ, thì sao?”

“Cháu tin rằng cô sẽ muốn biết. Đó là một cuốn nhật ký giả.”

“Gì cơ?”

“Vâng, đó là một cuốn nhật ký giả. Cháu phải nói cho cô, để cô biết trước khi đi.”

“Cháu đang nói cái gì vậy?”

“Họ đã bịa ra tất cả. Để cô có cái giết thời gian. Người ta nói rằng, ở đây, đối với những người không quen, điều tồi tệ nhất là sự buồn chán. Vậy là các thầy tu đã bịa ra cuốn nhật ký giả đó. Họ có xưởng phục chế các bản viết tay cổ ở trên tu viện, họ lấy loại giấy đó, rồi viết ra câu chuyện và mong rằng sẽ giúp cô giải khuây, làm cô bận bịu. Như vậy cô sẽ không cảm thấy bế tắc.”

“Grégoire, cháu đùa với cô phải không?”

“Cháu thề là không ạ.”

Vẻ mặt cậu vô cùng nghiêm túc, gần như tuyệt vọng vì phải thú nhận với cô.

“Họ tìm thấy một mẫu tin vặt trong báo chí thời đó và đã thêm dệt thêm những gì họ muốn xung quanh câu chuyện. Rồi họ xếp chúng cùng nhau, ở Avranches, và đã dẫn cô đến đó với ý định đưa cho cô cuốn nhật ký để đọc, lấy lý do là nội dung của nó không tương ứng với bìa, mà không ai trong số họ đọc được tiếng Anh. May sao, cô tự tìm thấy nó.”

Marion thấy hai chân hẫng đi, hai tay nhớp nháp.

“Ngay cả bức ảnh cũng rất vớ vẩn. Đó là một bức ảnh cũ họ có và họ đã dùng nó để sáng tác ra câu chuyện. Joe cũng cùng hội với họ, vì ông từng thuộc dòng tu, điều đó thì đúng, và vì trong mắt cô ông là người ngoài tu viện, ông có thể khiến cô tin tưởng hơn.”

Marion bối rối. Cô không biết nên nghĩ gì nữa.

“Cháu rất tiếc phải nói chuyện này. Nhưng cô nên biết thì hơn.”

Cô muốn trả lời cậu rằng cô hoàn toàn không quan tâm, rằng những điều đó không có ý nghĩa gì với cô nữa, tuy nhiên cô chỉ im lặng.

Cô phải tin gì đây? Tiết lộ bất ngờ này hay tiết lộ kịch tính hơn của Georges? Còn một tiết lộ thứ ba nữa, của... Jeremy, những gì ông ấy viết trong cuốn nhật ký của mình.

Không mấy thoải mái, Grégoire lùi lại và nói nhỏ ‘tạm biệt cô’, lòng bàn tay xòe ra.

Chiếc sedan nổ máy trong khi kính xe tự động nâng lên.

Tóc Marion quất vào mặt rồi xoa xuống. Cô rời Đình với những câu hỏi đọng đầy trong mắt, lục tìm trong kiến trúc cầu kỳ của Đình với hy vọng tìm thấy câu trả lời.

Cô đang đi về một thế giới khác, mang theo câu chuyện mà cô không biết bắt đầu từ đâu cũng như kết thúc ở chỗ nào. Một câu chuyện đang ngoạm lấy cô.

Câu chuyện của cô.

Đình vẫn xuất hiện trong ô kính hậu một lúc lâu, hùng vĩ và đồ sộ. Nó canh giữ vịnh. Nó canh giữ các bí mật của nó. Cũng như các cư dân của nó.

Những lời Béatrice nói vọng lại trong tâm trí cô: ‘Ta giúp đỡ lẫn nhau, hứng chịu đau đớn, và nếu cần, ta biết giữ bí mật, một bí mật không được phép thoát ra khỏi Đình.’

Mặt trời mạo hiểm ló ra khỏi đám mây.

Và Mont-Saint-Michel biến mất sau một khúc ngoặt.

* * *

Cuốn sách bìa đen được đặt trên một cái ghế băng, chút ánh nắng đến đậu trên mặt bìa da của nó. Người ta đã cẩn thận khâu lại phần bị xé từng che giấu bức ảnh.

Dòng chữ mạ vàng tên sách thoáng lấp lánh dưới tia sáng hiem hoi đó.

Chuyện kể về Arthur Gordon Pym.

Nhan đề một cuốn tiểu thuyết dài dùng để che giấu một cuốn nhật ký.

Grégoire lại gần, cậu ngồi xuống ghế băng.

Một bàn tay với lớp da nhăn nhúm, mạch máu nổi rõ, rất nhiều vết đồi mồi, đặt lên cuốn sách.

“Cháu nói với cô ấy chưa?” Giọng nói dịu dàng hỏi, có chút âm sắc nước ngoài.

Grégoire quay sang ông già.

“Rồi ạ.”

Joe gật đầu. Ông đợi một lúc lâu, để mặt trời sưởi ấm mình một chút.

“Ông nghĩ việc đó là hữu ích ư?” Cuối cùng Grégoire hỏi. “Việc nói như thế với cô Marion ấy.”

“Phải. Việc đó là hữu ích.”

“Tại sao? Cháu không chắc lắm... Sự thật không có...”

“Sự thật ư? Rốt cuộc thì sự thật là gì? Cháu nói cho ta xem nào?”

Bằng giọng uyên bác và ung dung, ông già nhắc lại điều ông vẫn chiêm nghiệm bấy lâu:

“Một câu chuyện hư cấu, chỉ cần ta tin vào nó chút ít, sẽ biến thành sự thật. Sự thật của một người. Nhưng chỉ là một sự thật trong mắt người đó, chắc chắn rồi. Cũng chắc chắn như một người chứng kiến một phép lạ, nhìn thấy hiện thân của Đức Mẹ Đồng Trinh, sẽ thực sự tin vào những gì người đó đã thấy, không coi trọng những ý kiến khác, tất cả nằm ở sự tập trung. Vượt khỏi các nguyên tắc lớn lao của thế giới chúng ta, không chỉ có một sự thật chung cho tất cả, mà có những sự thật của riêng mỗi người. Và mỗi cá thể trên hành tinh này có một sự thật cho riêng mình...”

Joe thường thức ánh nắng thêm một lát nữa.

“Hãy để cô ấy lựa chọn sự thật của mình,” ông nói thêm. “Đôi khi chỉ cần tìm ra ý nghĩa ẩn sau các dòng chữ. Hãy chú tâm, và cô ấy sẽ biết mình phải tin vào điều gì.”

Bàn tay ông vuốt ve thêm lần nữa bìa cuốn nhật ký.

“Xét cho cùng, sự thật của chúng ta chỉ liên quan đến chúng ta mà thôi.”

HẾT

• Chú thích •

must nghĩa là sự việc, sự vật cần phải có.

loggia là ban công có mái che.

[3] Nền chính trị đương thời của Pháp.

[4] Khu trung tâm công nghiệp mới thuộc ngoại ô phía Tây Paris.

[5] Nguyên văn: Mont, tức Mont-Saint-Michel.

[6] Nguyên văn: ‘*Mourra probablement d’une fausse route*’, nghĩa là “rất có thể sẽ chết vì bị hóc”. ‘*Une Fausse route*’ ý nói thức ăn đi sai (fausse) đường (route), không xuống họng mà vào đường hô hấp. Ở phía dưới Marion sử dụng cách hiểu này để nghĩ về Damien.

[7] Tiếng Anh trong nguyên bản, nghĩa là: nơi bỏ hoang.

[8] Quần thể pháo đài của Mont-Saint-Michel.

[9] Từ trong pháp truyền Kinh Thánh của người Do Thái, chỉ mười điều hoàn hảo của bản thể thần thánh, mà tri thức về những điều này là mức độ cao nhất của đời sống tư duy: đó là vương miện, đạo lý, trí tuệ, sức mạnh, lòng khoan dung, cái đẹp, thẳng lợi, vinh quang, những nguyên tắc cơ bản và vương quyền.

[10] Đồ uống nóng làm từ sữa.

[11] Một loại thuốc giảm đau.

[12] Tiếng Ba Tư chỉ tiền phong bao.

[13] Quán trà.

[14] Thầy tu Hồi giáo.

[15] Thần mặt trời của người Ai Cập.

[16] Mũ đỏ bằng nỉ, hình nón cụt, kèm đuôi ngắn màu đen ngắn nổi từ đỉnh mũ xuống. Loại mũ này bắt nguồn từ Fez, một vùng đất ở Morocco. Đàn ông Hồi giáo ở một số nước đội mũ fez như một vật bất ly thân.

[17] Một kiểu hướng dẫn viên du lịch (và thông ngôn) bản địa với những hiểu biết chủ yếu nằm trong các mối quan hệ hơn là về các kiến thức lịch sử (chú thích của tác giả).

[18] Áo choàng dài của người châu Phi.

[19] Áo khoác dài của người Bắc Phi.

[20] Erysipelas.

[21] Một trò chơi ô ăn quan của người Ả Rập.

[22] Giống với thuốc lào.

[23] Thời kỳ này, nước Sudan chưa độc lập và bị phụ thuộc trực tiếp vào Ai Cập, do đó có những mối liên hệ chặt chẽ và rất nhiều dân nhập cư (một phần bị ép vì chế độ nô lệ, vẫn còn rất phổ biến vào cuối thế kỷ 19) (chú thích của tác giả).

[24] Sinh vật siêu nhiên trong tín ngưỡng Ả Rập.

[25] Dân tộc du mục ở hoang mạc Sahara.

[26] Quán hút thuốc haschisch.

[27] Một tỉnh phía Đông Bắc nước Pháp, giáp ranh với Đức.

[28] Một tỉnh phía Tây Bắc nước Pháp, nơi có kiểu tủ quần áo rất đồ sộ.

[29] Tiếng Pháp trong nguyên bản: ami: bạn, danh từ giống đực.

[30] Tiếng Pháp trong nguyên bản: amie: bạn, danh từ giống cái.

[31] Giờ cầu nguyện, ngay trước khi hoàng hôn xuống - ngày Ả Rập bắt đầu lúc mặt trời lặn chứ không phải lúc mặt trời lên (chú thích của tác giả).

[32] Khu chợ rất lớn, nổi tiếng tại Cairo (chú thích của tác giả).

[33] Quỹ tôn giáo còn được biết đến tại Bắc Phi dưới tên habous.

[34] Giếng nổi tiếng ở thủ đô Cairo.

[35] Thành phố cổ, cùng với Fustat, tạo nên thủ đô Cairo hiện nay (chú thích của tác giả).

[36] Tiếng Latin trong nguyên bản, nghĩa là: sau khi chết.

[37] Dinh tổng thống Pháp.

[38] Lời bài hát *Noir c'est noir* của Johnny Hallyday.

[39] Thầy (tiếng Thổ Nhĩ Kỳ).

[phần não bò sát](#) là lớp trong cùng và cổ xưa nhất của não người (theo lý thuyết Não 3 trong 1). Não bò sát điều khiển các chức năng sống còn của cơ thể như nhịp tim, thở, nhiệt độ cơ thể, thăng bằng và những quyết định mang tính bản năng, phản xạ không điều kiện.

[allegro non molto](#) là một thuật ngữ âm nhạc, nghĩa là chơi với tốc độ không nhanh quá.

[hình vuông Polybe](#) là mật mã dạng hình vuông có các ô chữ cái như Marion đã giải lúc trước.

Table of Contents

Lời ngỏ

Mở đầu

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

22

23

24

25

26

27

[28](#)

[29](#)

[30](#)

[31](#)

[32](#)

[33](#)

[34](#)

[35](#)

[36](#)

[37](#)

[38](#)

[39](#)

[40](#)

[41](#)

[42](#)

[43](#)

[44](#)

[45](#)

[46](#)

[47](#)

[48](#)

[49](#)

[50](#)

[51](#)

[52](#)

[53](#)

[54](#)

[55](#)

[Phần Kết](#)